



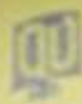
Lương y HOÀNG DUY TÂN

TUYÊN TẬP Y ÁN HAY

CỔ KIM y ÁN



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

LỜI NÓI ĐẦU

Trong cuộc đời hành nghề, các thầy thuốc đều nhận thấy rõ: có một khoảng cách khá lớn giữa lý thuyết (được học ở nhà trường, qua sách vở...) và thực tiễn lâm sàng (trực tiếp khi khám bệnh...). Đặc biệt đối với Đông Y, trường học chính quy không nhiều, tài liệu sách vở cũng không có bao nhiêu so với cả một rừng y môn mê. Vì vậy đa số các thầy thuốc ngày xưa đều cố gắng bám sát lấy các thầy có tay nghề cao (các danh y, các y sư), thậm chí còn ăn ngủ lại nhà thầy... để có dịp học tập trực tiếp các kinh nghiệm quý báu cũng như học hỏi thêm về y lý và biện chứng đối với trường hợp mình chưa hiểu. Và quý nhất cũng chính là diễn biến bệnh phù hợp với nhận định của thầy chẩn đoán, thuốc đúng bệnh và người bệnh được khỏi bệnh. Nhờ đó, đã có khá nhiều thầy thuốc ngày xưa đã để lại cho hậu thế những thầy thuốc giỏi, những y án hay, có trình độ cao và lý luận rất sắc bén.

Ngày nay, trừ những bệnh viện Đông y lớn hoặc các viện Đông y danh tiếng, mới có điều kiện tập trung các lương y có tay nghề cao, có điều kiện truyền thụ sâu sát các kinh nghiệm quý báu của họ. Bên cạnh đó, theo thiếu nghĩ của chúng tôi, dù không được trực tiếp học hỏi qua các danh y nhưng chúng ta có một phương tiện khác để học hỏi đó là qua sách vở. Hiện nay, với đà phát triển mạnh của phương tiện truyền thông, chúng ta sẽ có điều

kiện học tập biết bao điều quý báu qua sách vở, đĩa CD, Internet...

Mỗi cơ thể, dưới góc độ như một sinh vật, đều có thể có nhiều biểu hiện bệnh lý khác nhau. Trong tài liệu này, chỉ với một chứng tiêu chảy (tiết tả) mà hơn 20 trường hợp là 20 biểu hiện bệnh chứng khác nhau và cách xử phương chữa trị của các danh y cũng khác nhau nhưng cái chính là đều mang lại hiệu quả. Đây là điều mà những người thừa kế cần quan tâm.

Nhiều khi, trong một bài thuốc, lại phải chế biến hoặc dùng theo cách thức riêng. Dưới con mắt của người thường, đó có thể là điều cầu kỳ, lòe bịp... nhưng thực tế cho thấy, đó lại là kinh nghiệm sắc sảo về y lý mà chỉ có những bậc thầy giỏi mới thực hiện được (Y án 106).

Các y án về hàn nhiệt giúp thấy rõ những tai hại của việc chẩn đoán và điều trị sai. Bệnh nhiệt dùng thuốc nhiệt vừa uống khởi cổ đã chết ngay, hoặc bệnh hàn, dùng lầm thuốc hàn gây bạo tả rồi chết... là những y án đáng cho các thầy thuốc suy nghĩ (Y án 03, Y án 05...).

Người xưa thường nói: 'Y giả, ý dã' và phương là phỏng theo. Tuy bài thuốc trong các y án này đã được sử dụng có hiệu quả tốt, nhưng có thể vào thời đó, hoàn cảnh địa lý đó, đối với cơ thể người bệnh lúc đó, dùng như vậy có hiệu quả, còn đối với chúng ta, ở vào thời điểm khác hẳn về cả không lẫn thời gian, nhiều khi liều lượng thuốc cần phải xét lại cho phù hợp. **Điều cần là phải lưu ý về**

mặt biện chứng, lập luận... và đây cũng chính là điều cần thừa kế và phát huy.

Trong lần tái bản này, chúng tôi có sửa đổi và thêm một số bệnh án hay nữa cho phù hợp với nội dung của tuyển tập. Đồng thời trích thêm một số y án chữa bệnh không dùng thuốc, giúp mọi người đều có thể theo dõi, áp dụng. Với 300 y án, cũng là 300 tình huống khác nhau được các thầy thuốc giỏi lý luận, xử lý với những kết quả rất đáng khâm phục và học tập.

Vì nhằm khía cạnh trình bày những y án hay nên chúng tôi không thể đáp ứng được mọi mặt, mọi loại bệnh... và do kiến thức có hạn, kính mong quý bậc cao minh, quý đồng nghiệp, quý đọc giả góp ý xây dựng để ngành Đông y của Việt Nam ngày càng phát triển hơn.

Vì tinh thần học hỏi, nghiên cứu và thừa kế, chúng tôi xin phép được trích dịch một số y án hay của các danh y, cũng còn rất nhiều vị khác mà chúng tôi chưa biết đến... Hy vọng trong tương lai chúng tôi sẽ thu thập thêm được nhiều y án hay hơn.

Đầu tháng 9 năm 2006.

Hoàng Duy Tân.

Y ÁN HÀN NHIỆT

Một trong số những bệnh án mà các thầy thuốc thường gặp là các chứng bệnh về hàn và nhiệt. Tuy nhiên, cái khó nhất lại là sự lẫn lộn giữa hàn và nhiệt. Có những trường hợp thấy có đủ các chứng trạng của nhiệt nhưng lại do hàn gây ra (tiêu chảy nhiều mất nước, gây ra sốt cao, khát nước...). Hoặc thấy chứng trạng của hàn nhưng lại do nhiệt gây ra (sốt cao do nhiễm độc gây trụy mạch, lạnh chân tay...).

Chẩn đoán đã khó, điều trị lại càng khó, vì bệnh chứng là hàn, lầm là nhiệt, cho dùng thuốc hàn, gây biến chứng rất nguy hiểm, có khi chết người như chơi (Hàn ngộ hàn tắc tử...). Vì vậy trong phần này, chúng tôi chọn lọc giới thiệu một số bệnh án hay để thừa kế, học hỏi thêm các kinh nghiệm chẩn trị của các danh y đi trước và phát huy các kinh nghiệm đó trong cuộc đời hành nghề của chúng ta.

Vì vậy chúng tôi xếp những bệnh án này lên trước hết, hy vọng các thầy thuốc sẽ chú ý nhiều hơn khi gặp các loại bệnh này trên lâm sàng.

01- NHIỆT CỰC HOÁ HÀN

(Trích trong ‘Đắc tâm tập y án’ của Tạ Ương Lô đời nhà Thanh, Trung quốc).

Con trai ông Hùng Thanh Bình, 20 tuổi, cảm bệnh ôn nhiệt, tự ý uống thuốc loại trị cảm mạo, không những không khỏi mà khi mời thầy thuốc đến, vị này lại cho là chứng âm hư, cho dùng ‘Lục vị địa hoàng thang’ (*Hoài sơn, Đơn bì, Sơn thù, Phục linh, Thục địa, Trạch tả*) lại càng lầm hơn. Uống như thế suốt cả tuần đến nổi ngực bụng đều no đầy, hơi để tay vào đã thấy đau, tê, chứng sốt về chiều

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

(triều nhiệt) tuy hơi thoái lui nhưng tay chân lại lạnh toát, móng tay chân đều thâm đen, lưỡi khô, miệng vẫn không khát nhưng đổ nước cho thì cũng nuốt, đại tiện thì 5 ngày vẫn chưa đi được một lần, nước tiểu vàng và ít, họng sưng nghệt, miệng không nói được, tai điếc, hỏi chẳng hề nghe, ở cả 6 bộ mạch, cất tay lên cũng như ấn xuống đều không thấy nảy.

Vậy mà thầy thuốc không xét đến chỗ ‘*nhiệt thâm quyết diệt thâm*’ (nóng càng vào sâu, chứng quyết càng thịnh) và ‘*uất nhiệt súc thịnh, mạch phản trệ sắc*’ (ông Lưu Hà Gian nói rằng: "Uất nhiệt đến khi quá độ, thần thức hôn mê và phát sinh quyết nghịch, nhưng mạch lại trệ sắc và có vẻ Vi, Tế, muốn tuyệt, nếu thấy thế, tưởng là hư hàn mà dùng ôn bổ thì không thể cứu được nữa). Cũng như vì ‘quá nóng cho nên thần trí hôn mê, miệng không còn biết khát nữa’. Ngoài ra, thầy thuốc đó không chịu đem những điều đã xem xét (vọng), nghe (văn) và hỏi (vấn) được, cùng với mạch (thiết), so sánh và suy luận, mà chỉ căn cứ vào giả tượng là phát quyết và mạch Phục rồi cho rằng bụng no đầy là vì âm hàn nghịch lên trên, không quan tâm đến việc ấn vào thấy dễ chịu hoặc khó chịu. Cho rằng họng sưng nghệt là do dương hư phù lên trên mà không để ý đến sắc đỏ hoặc trắng và hơi thở là vì âm hàn không hoá mà không để ý gì đến các chứng bĩ, mãn, đầy, cứng, đều kiêm đủ cả rồi, bỏ qua tất cả những bằng chứng nội nhiệt, vội cho là giả nhiệt rồi cho dùng bài ‘*Tứ nghịch thang*’ (*Phụ tử, Can khương, Chích thảo*) mà lại cho Phụ tử đến 40g. Vợ chồng ông Bình, vì còn nghi ngờ chưa dám cho

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

uống nên đến hỏi ý kiến tôi. Tôi xem xét cả bên ngoài lẫn bên trong, biết đó là *ôn nhiệt trọng bệnh* (bệnh ôn nhiệt nặng), dương tà đã đến lúc cùng cực nên trở lại kiêm hoá hàn, khác nào như vì trời quá khô hạn, nên phát sinh mưa đá. Bệnh thế đến đây kể cũng đã nguy.

Hỏi han và xem đi xét lại tỉ mỉ tôi mới rõ là vì lúc bệnh còn ở ngoài, không được giải biểu đã đành, đến lúc vào trong (lý) cũng không được công hạ, do đó hiện nay mới nuôi dưỡng thành nhiệt chứng, cực kỳ khó, nặng đến như vậy. Lại xem mạch thì ấn tay xuống và nhấc tay lên, tuy không thấy, nhưng đè mạnh đến xương thì nghe mạch nhảy rất cứng. Thế là gốc mạch vẫn còn chứ chưa tuyệt. Tôi mừng là còn có thể trị được, liền nói: "Đây chính là chứng đại nhiệt", sau đó, ghi toa thuốc 'Hoàng liên giải độc thang' (*Hoàng liên, Hoàng cầm, Hoàng bá, Chi tử*) hợp với 'Phổ tế tiêu độc ẩm' (*Hoàng cầm, Hoàng liên, Cam thảo, Huyền sâm, Liên kiều, Bản lam căn, Mã bột, Ngưu bàng tử, Bạc hà, Cương tằm, Thăng ma, Sài hồ, Cát cánh, Trần bì*), thêm nhiều *Đại hoàng*, dặn uống luôn ngày 1 thang, đêm 1 thang, cốt làm cho đại tiện thông thì hoả mới khỏi phục vào trong, tay chân mới hết lạnh và mạch mới hiện rõ được. Trong khi ông Bình đang còn phân vân vì hai thầy thuốc, thì một thầy cho dùng Phụ tử, một thầy dùng Hoàng liên. Thật là băng và lửa hai đàng, chưa biết nên theo bên nào thì vợ anh ta nóng nảy muốn cầm đơn của tôi đi để lấy thuốc.

Ông Bình vì chưa dám quyết đoán nên mời thêm một thầy thuốc nữa. Ông này xem qua loa rồi bảo là chứng âm

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

độc. Nhưng vợ anh ta nói: “Sống hoặc chết đều có số, tuy vậy uống thuốc của Tạ tiên sinh thì dù có chết tôi cũng không ân hận. Thấy vợ có ý kiên quyết nên ông Bình đành phải theo, chứ khi thuốc sắc xong rồi, ông ta vẫn không khỏi còn rụt rè, lo nghĩ. Thấy chồng như vậy, chị vợ bèn giành lấy thuốc, rồi mạnh dạn cho con uống, uống từ từ ít một, mãi đến 2 giờ sau mới hết. Sau đó anh ta đi tiểu tiện được khá nhiều và dài, lập tức kêu khát và đòi uống. Ông Bình thấy con mình tinh thần đã tỉnh táo, thì sắc tiếp 1 thang nữa, đến đêm lại đại tiện đi được rất nhiều, rồi chân tay hết lạnh, đồng thời mạch cũng thấy rõ hơn.

Sáng hôm sau, tôi xem lại, cho uống thêm bài ‘Lương cách tán’ (*Liên kiều, Cam thảo, Đại hoàng, Mật ong*), thiên về phép lương Vị (làm cho Vị được mát).

Sau đó, nhân bưng lễ ra để tạ ơn, ông Bình nói rằng: Các thầy khác đều bảo là âm hàn, duy chỉ mình thầy lại quả quyết là dương nhiệt, nhờ đó, tính mạng mỏng manh của con tôi mới còn. Thật chúng tôi đã mang nặng công ơn của thầy, coi như thầy đã để con tôi lần thứ hai nữa đó. Tuy nhiên phương thuốc của thầy dù có hay nhưng nếu không có sự kiên quyết của vợ tôi thì con tôi cũng không khỏi chết vì ôn dược.

Tôi đang ngạc nhiên không hiểu vì sao vợ ông Bình này lại chỉ tin có một mình tôi như thế, thì lúc đó, chị ấy ở trong phòng bước ra đến trước mặt tôi để tỏ lời cảm ơn. Chị ấy nói: “Lúc thầy mới xem qua con tôi, nét mặt thầy có vẻ lo, đó là lo về việc khó trị. Đến khi xem xét xong, thầy có vẻ trừ trừ suy nghĩ, đó là suy nghĩ về việc có thể trị

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

được. Sau đó, xem xét lại lần nữa, trên khuôn mặt thầy bỗng hiện ra một vẻ vui mừng, đó là mừng về việc đã nghĩ ra phương pháp thích hợp vậy. Hơn nữa, xét bệnh thì cần thận chu đáo mà kê đơn hạ bút xuống thì thoản thoắt, chỉ trong nháy mắt là xong, chứng tỏ thầy không còn nghi ngờ một chút nào nữa. Đấy, thầy thận trọng, tự tin đến như thế thì bảo tôi còn nghi ngờ gì nữa”.

Tôi nghe xong, rất lấy làm cảm phục. *Ôi, trong 4 phép (tứ chẩn): Vọng, Vãn, Vấn, Thiết thì phép vọng (xem xét) là đúng đầu, thế mà có nhiều thầy thuốc lại coi thường. Nay vợ ông Bình này, nhờ ở chỗ xem xét thần sắc mà biết được ý tứ của thầy thuốc. Vậy chúng ta (các thầy thuốc) nếu lơ là không chú trọng đến thần sắc, không sợ hổ thẹn với đàn bà lắm sao?*

02- ÂM HÀN CỰC ĐỘ SINH TRIỀU NHIỆT

(Trích trong ‘Y nghiệm lục’ của Diệp Thiên Sĩ, Trung quốc).

Hoàng Lãng, vào tháng 5, 6 trời nóng nực mà vẫn sợ rét, phải mặc 2 lần áo bông, đầu đội mũ lông. Trong bữa ăn, phải để chảo than ở gần chỗ ngồi. Cơm xới ra bát, khói lên nghi ngút, người ngoài sợ phỏng mà anh ta vẫn kêu là nguội. Mạch Phù, Đại, Trì, Nhuyễn, ấn nặng tay, chỉ nhỏ như sợi tơ. Hợp với chứng mạch thì càng là chứng ‘*chân hoả không còn, dương khí sắp hết*’. Không hiểu tại sao anh ta đang tuổi tráng niên mà sao lại bị bệnh đến như vậy? Hỏi kỹ mới biết là do ông bố nghe người bạn nói là ‘*Nhi đồng cao*’ (*tức Thiên môn và Mạch môn*) cho người ít tuổi

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

uống rất hay. Ông liền nấu một nồi cho con uống. Uống liên tục suốt 3 năm không hề ngừng... Vì trong bài thuốc này, một vị làm lạnh Phế, một vị làm lạnh Thận, lâu dần, khí hàn tràn khắp nội tạng, làm cho dương khí bị suy yếu dần. Cuối xuân năm ấy, phát sinh chứng triều nhiệt. Thầy thuốc cho uống thuốc phát tán, nóng không bớt mà mồ hôi ra không ngừng dần dần gây ra sợ lạnh, thầy thuốc lại cho uống các vị như Hoàng liên, Thiên hoa phấn, Đơn bì, Địa cốt bì, Bách hợp, Biển đậu, Bối mẫu, Miết giáp, Uy nhụy... để hạ sốt. Vì vậy mới gây ra các chứng trạng trên.

Diệp Thiên Sĩ cho toa như sau: *Nhân sâm 24g, Xuyên tiêu 1.5g, Bạch truật 6g, Phục linh 3g, Nhục quế 6g, Đường quy 4.5g, Bào khương 6g, Hoàng kỳ 9g, Xuyên khung 2.1g.* Uống liên tiếp 8 thang, Hoàng Lăng đã bỏ được áo bông, nhưng ăn vào vẫn còn thấy ngượng. Liền cho uống bài 'Bát vị gia giảm', lại dùng 'Lưu hoàng chế kim dịch đơn' (dùng Lưu hoàng để trong lọ sành, nung lửa nhỏ 5 ngày đêm. Lấy ra tán bột, luyện hồ làm viên, uống với nước Gừng). Uống đến 100 ngày mới khỏi hẳn.

03- ÂM KIẾT BIẾN THÀNH DƯƠNG

(Trích trong 'Cuộc đời và kinh nghiệm của người thợ già trị bệnh' của Lê Đức Thiếp, Việt Nam).

Sách y ngày xưa ghi: "Nhiệt ngộ nhiệt tắc cuồng, hàn ngộ hàn tắc tử" (nhiệt bệnh mà gặp thuốc nhiệt sẽ phát cuồng, hàn chứng mà gặp thuốc hàn sẽ chết), để lưu ý các thầy thuốc trong việc chẩn đoán và điều trị, phải hết sức cẩn thận để tránh lầm lẫn gây biến chứng tai

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

hại. Thế nhưng cũng có nhiều trường hợp nhiệt ngộ nhiệt mà tắc tử, lại chết ngay khi thuốc vừa qua khỏi cổ (hạ hầu tức tử) như bệnh án dưới đây.

Cụ già 70 tuổi, vẫn ăn uống điều hoà, đi lại nhanh nhẹn, khoẻ mạnh bình thường, không có bệnh gì gọi là cổ tật. Một hôm, cụ kêu nóng nẩy trong người, bứt rứt khó chịu rồi vài hôm sau nóng, không ói mửa, không khát nước, không nóng lạnh từng cơn như ngoại cảm thương hàn, không nhức đầu, đau mình, đại tiểu tiện vẫn bình thường. Cụ chỉ kêu mệt, nằm dài lãn lộn từng cơn, tự cầm quạt luôn tay phe phẩy, con cháu cũng hai quạt ngồi hầu. Cụ lang Sách cho uống chỉ một mình Dã sơn sâm đã 6 ngày nay, không bớt. Khi tôi tới xem mạch (có thầy lang Sách ở đấy), thấy cả hai tay cùng Trầm, Vi, Tế, Tiểu, lúc đến thì nhanh, lúc về thì chậm. Tôi nói với cụ lang Sách đây là trường hợp ‘*mạch bất hợp chứng*’ (mạch hàn mà bệnh nhiệt), ‘*mạch bất hợp lực*’ (mạch yếu mà người mạnh). Cụ Sách nhận định là tôi nói đúng. Cụ hỏi ý kiến tôi về việc cho thuốc uống. Tôi chưa kịp nói, bà cụ già nói ngay: “Thưa thầy và cụ lang, ý kiến tôi muốn dùng thang thuốc do cụ cắt hôm qua và đã sắc rồi, bao nhiêu Sâm cứ để cho cụ ông tôi uống thử xem sao? Tôi đáp: Dạ, việc đó là quyền nơi cụ và cụ lang, nhưng xin cụ lang có thể cho biết thuốc hôm qua đã cắt những gì? Cụ Sách bảo: ‘Tôi cắt bài ‘*Lý trung thang*’ đấy thầy ạ (*Nhân sâm 15g, Bạch truật 9g, Sinh khương 3g, Chích thảo 0.9g, Phụ tử 3g*), thêm Ngũ vị tử 1.5g. Cụ giải thích: “Sâm làm quân dược, còn mấy vị tá sứ

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

kia mỗi thứ chút ít mà. Mạch nhỏ là nội hàn mà nóng ngoài là dương phù việt, tôi cho uống như thế là bổ dương để ôn hàn mà liễm dương lại, ý kiến thầy thế nào. Ngay lúc đó, người nhà đã bưng chén thuốc lên. Ông cụ già ngồi dậy, tay phe phẩy quạt, thấy chén thuốc, cụ vợ lấy uống luôn. Cụ vừa nuốt xuống khỏi cổ, ngắc ngắc vài tiếng. Người nhà vội đỡ cụ, cụ chết ngay đang khi đỡ cụ. Thế là hai thầy thuốc trâng hăng nhìn nhau như muốn hỏi nhau mà chưa ai trả lời. Tôi suy nghĩ : Tại sao bệnh này, uống bài ‘Lý trung thang’ vào khỏi cổ mà chết ngay? Vậy thì tại bệnh đến giờ chết hay tại thuốc? Tôi dám quả quyết rằng tại thuốc. Vì âm đến độ suy cực thì biến thành khô ráo (dương). Dương đó hợp với dương bên ngoài là *dương thịnh cực, vì vậy phát nóng, phát phiền, bắt quạt*. Vậy bệnh này là *‘dương thịnh cực mà âm khô kiệt’*. Chính ra phải cho uống thuốc dưỡng âm thì còn may ra kéo dài ngày sống. Nếu lầm tưởng mạch Trầm, Vi, Tế, Tiểu này là dương suy rồi đem nhiệt dược để bổ dương thì nhiệt ngộ nhiệt, chết ngay. Đó là chết tại thuốc. *Nên biết rằng mạch Trầm, Vi, Tế, Tiểu và tay chân mát thì mới uống ‘Lý trung thang’*. Bệnh này, mạch Trầm, Vi, Tế, Tiểu nhưng mình nóng ẩm, bắt quạt, mà lại cho uống ‘Lý trung thang’ là nhiệt dược, tức nhiệt ngộ nhiệt mà chết ngay.

04- DƯƠNG CHỨNG GIỐNG ÂM

(Trích trong “Đắc tâm tập y án” của Tạ Ương Lô, đời nhà Thanh, Trung quốc).

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

Vợ của Ngô Long Song, bị bệnh thương hàn nhưng vì tin theo đồng bóng, không lo chữa trị thuốc men gì cả. Sau đó mấy ngày, bệnh tăng dần, gây ra chứng triệu nhiệt, ngực sườn đầy cứng, miệng tuy nói sàm nhưng tai lại điếc, đã mấy ngày không ăn được gì, vậy mà cũng vẫn chưa chịu tìm thầy uống thuốc đến nỗi thần trí hôn mê, mắt ngó ngược lên, hàm răng ngậm chặt làm cho cả nhà hoảng sợ mời tôi đến. Tôi xem mạch thấy Tế, Sác, 10 ngón tay hơi lạnh sắc mặt trắng, hơi vàng. Hỏi ra thì người bệnh cũng chẳng hề đòi uống nước, còn triệu nhiệt thì lúc có lúc không, *chắc chắn là do quá hư*. Nhưng xét kỹ thì hàn tà hoá nhiệt thành ra dương chứng là lẽ đương nhiên. Trái lại, nếu có biểu hiện ra ngoài với một giả tượng xem như là âm chứng thì người xưa thường bảo là "*đại thực hữu nuy trạng*" tức là những triệu chứng giống như ở đây. Ông Lưu Hà Gian cũng từng nói: "Uất nhiệt đến khi quá độ thần trí hôn mê và phát sinh lạnh người (quyết nghịch) nhưng mạch lại trệ sắc và có dạng *Vi Tế* muốn tuyệt. Nếu thấy thế, tưởng lầm là hư hàn mà dùng ôn bổ thì ắt là không thể cứu được nữa". Vì người bệnh này trước đây vốn đã bị thương hàn thất biểu (sinh biến chứng) vì vậy, *hàn tà nhập vào lý, hàn uất thành nhiệt nhưng nhiệt cực lại biến thành hàn*.

Thành thử phép chữa (ở đây) phải cùng lúc giải cả biểu lẫn lý. Tôi cho dùng: *Bạc hà, Cam thảo, Chỉ thực, Đại hoàng*. Cho uống ngay 2 thang liên tiếp, thì hạ được 3 lần, triệu nhiệt đã hiện rõ. Trước đây miệng không khát, bây giờ đòi uống nước luôn. Tôi biết thế là bên trong được thoải mái,

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

vì vậy, nhiệt khí mới hiện ra, mà nhiệt khí của tam tiêu kinh lạc thì phải dùng phép thanh giải, tôi cho dùng tiếp bài ‘Trúc điệp thạch cao thang’ (*Bán hạ, Cam thảo, Mạch môn, Ngạnh mễ, Nhân sâm, Sinh khương, Thạch cao, Trúc điệp*). Người bệnh chỉ uống 4 thang là khoẻ như thường.

05- DÙNG LẦM THUỐC HÀN

Sách xưa từng ghi: “Hàn ngộ hàn tắc tử” (chứng hàn mà dùng thuốc hàn thì chết), cái chết đến không kịp trở tay và đem lại nhiều hối tiếc cho các thầy thuốc không suy xét kỹ lưỡng.

(Trích trong ‘Đắc tâm tập y án’ của Tạ Ương Lô, Trung quốc).

Người học trò của tôi hỏi tôi: “Hôm qua con có gặp trường hợp một em bé bị thổ tả, thầy thuốc cho là hoả, dùng lầm loại thuốc hàn lương như Hoàng cầm, Hoàng liên, Chi tử. Uống xong 2 thang liên tiếp, chứng tả (ỉa) tuy có bớt nhưng lại gây ra chứng quyết (lạnh chân tay) rồi hôn mê. Mạch chuyển sang Trầm Sắc, môi và mặt đều trắng bệch, rõ ràng là chứng *hư hàn không có hoả*. Thầy thuốc đó tỉnh ngộ dùng ‘Phụ quế lý trung’ (tức là bài ‘Lý trung thang’ - *Nhân sâm 20g, Bạch truật 12g, Sinh khương 4g, Chích thảo 1g, thêm Phụ tử 4g, Quế chi 4g*) nhưng thuốc qua khỏi cổ thì chứng tả lại tháo ra như trút, tả luôn một lúc rồi chết. Như vậy thì các khiếu và mạch lại không đủ để làm bằng chứng hay sao? Tôi trả lời i: Uống dồn tiếp loại thuốc hàn lương chứng tả tuy có giảm, nhưng nếu

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

đúng là chứng nhiệt thì thần trí đáng lẽ phải thanh thản chứ có bao giờ lại sinh ra quyết nghịch rồi hôn mê đi như vậy. Đó chính là do dương khí suy kiệt, lại cũng nhờ đó, ta mới chứng minh được rằng dùng thuốc hàn lương nhiều quá (vào lúc đáng lẽ cần phải ôn bổ) làm ngưng bít Trung tiêu làm cho không thể chuyển đi được, giống như khi trời lạnh quá, nước đông lại thành băng nên không chảy nữa. Sau đó, vì dùng thuốc nóng, cho uống gấp vào nên dương khí thông hành, và cũng giống như khi băng tan ra, tuyết chảy ra, nước ở sông ngòi tranh nhau đổ ra biển gây ra ỉa nhiều, chỉ tiếc là dương khí đã suy kiệt không còn đủ sức hút lên, vì thế, bảo sao mà không vừa tả vừa hạ thoát.

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

06- CHÂN NHIỆT GIẢ HÀN

(Trích trong "Dương án" (Hải thượng y tông tâm lĩnh) của Lê Hữu Trác, Việt Nam).

Một người đàn bà, vợ ông Đài cùng xóm với tôi, sáng dậy, chưa ăn uống gì, vội ra đồng làm, gặp hôm đó trời nắng gắt. Khi về nhà, bỗng phát sốt, rét, tay chân lạnh, bụng dưới đau thắt, tiêu chảy. Lúc đó là mùa hè mà phải đắp mấy lần chăn, gấm giường lại hơi than lửa, mà vẫn cứ rét, không thể chịu được. Bệnh tình rất nguy, cái chết gần kề rồi. Người nhà đến xin tôi thuốc cho uống. Sau khi nghe kể về bệnh tình như trên, tôi liền tự nghĩ : Về mùa hè, khí âm phục ở bên trong, bụng lại đói, vì vậy, tà khí mới có thể nhân lúc cơ thể hư yếu mà xâm nhập vào được. Liền cắt cho một thang ‘Phụ tử lý trung’ (Nhân sâm 4g, Bạch truật 4g, Can khương 4g, Cam thảo 6g, Phỉ tử 2g), bảo đem về sắc cho uống. Cách chừng vài giờ, người nhà lại đến nói rằng: “Thuốc vừa uống vào khỏi miệng, lại nôn ra ngay...”. Tôi nghĩ là bị hàn tà ngăn trở, cần phải dùng hàn để dẫn thuốc nhiệt mới được. Liền bảo hãy sắc thang trên, lấy nước thứ hai, ngâm vào nước lạnh cho thật nguội, rồi cho uống... Vài giờ sau, người nhà lại đến, nói rằng lần này tuy không nôn ra nữa nhưng bụng vẫn đau và đại tiện bắn ra tung toé, bệnh tình rất nguy cấp..., mời tôi đến tận nhà coi bệnh đã rồi sẽ cắt thuốc. Khi tôi đến thăm, thấy sắc mặt tuy tái xanh mà hai mắt đỏ ngầu, khát, uống nước rất nhiều. Chẩn mạch thấy *Trầm Sác có lực*. Bấy giờ tôi mới nhận rõ đây là chứng ‘*ôhoảực tựa thủy*’. Liền bảo lấy một chén

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

nước giếng cho uống thì người bệnh uống xong rất lấy làm khoan khoái dễ chịu và đòi uống nữa. Tôi liền lấy 8g ‘Lục nhất tán’ (*Hoạt thạch 6 phần, Cam thảo 1 phần*) hoà vào nước nóng, để nguội cho uống. Uống xong, các chứng rét, ỉa đều bớt, chỉ còn bụng vẫn đau. Tôi liền cắt ‘Bạch hồ thang’ (*Tri mẫu 24g, Cam thảo 8g, Ngạnh mễ 20g, riêng Thạch cao 20g, để sống, tán bột, hoà vào nước thuốc*), cho uống. Uống hết 2 nước, chứng đau bụng và ỉa khỏi hẳn, mồ hôi ra dầm dấp từ đầu đến chân, chỉ còn chứng nóng sốt cao, vứt áo, đòi quạt mát. Tôi cho uống thêm một thang ‘Thanh thử ích khí’ (*Hoàng kỳ, Hoàng bá, Thần khúc, Trạch tả, Trần bì, Cát căn, Thanh bì, Chích thảo, Nhân sâm, mỗi vị 4g, Mạch môn 8g, Bạch truật, Thương truật, mỗi vị 6g, Đương quy, Ngũ vị mỗi thứ 2, 8g, Thăng ma 2g, Sinh khương 3 lát, Đại táo 2 quả*), bệnh khỏi hẳn.

Xét về bệnh này, lúc đầu, tôi chỉ dựa vào *văn (nghe)* và *vấn (hỏi)*, lầm cho là hàn, đến sau thêm cả *vọng* và *thiết (mạch)* mới biết được đó là *nhiệt*...

07- CHÂN NHIỆT GIẢ HÀN

(*Y án của Trần Vụ Trai. Trích trong ‘Toàn quốc danh y nghiệm án’, Trung quốc*).

Hà Trọng Tây, 30 tuổi. Không biết giữ gìn, ăn uống quá no say, lại ăn quả sống, dẫn đến tiêu hoá kém thức ăn ứ đọng ở trường vị, uất lại thành nhiệt, lại nhân tẩm lạnh, hàn tà bó bên ngoài, hoả nhiệt uất bên trong, chính khí không thông, huyết ngưng trệ... Sợ lạnh rét run, tay chân

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

quyết lạnh, bụng đầy trướng, đại tiện bí kết, gây ra hôn mê bất tỉnh, mặt xanh, môi trắng, mắt trợn ngược, miệng há, mạch quyết khí vi, toàn thân đều lạnh, móng tay xanh trắng, lưỡi trắng hơi dính. Thăm không thấy mạch, chân tay lạnh, cơ thể lạnh ngắt, chỉ ấm một chút ở ngực, hơi thở xem như muốn tuyệt, lấy tay đặt lên miệng mũi, không thấy hơi thở, chỉ khi lấy lông ngỗng để trước mũi mới thấy có động đập một ít. Nhận định đây là chứng chết giả. Lấy tay sờ lưỡi thấy hơi dính rít, đúng là chứng chân nhiệt giả hàn. Do no say thái quá, chính khí không thông, tiêu hoá không tốt, Tỳ Vị uất kết, đại tiểu tiện không thông, uất tụ xông lên tâm, bỗng gặp tẩm lạnh, lạnh bó bên ngoài, huyết khí bị đình lại không vận hành, gây ra bất tỉnh hôn mê. Thầy thuốc chữa trước đây lại cho là chứng trúng hàn, dùng bài ‘Phụ quý lý trung thang’, thành ra càng giúp cho nhiệt tà công vào Tâm, các khiếu bế tắc, anh linh của Tâm bị tán tận, vì vậy bị hôn mê, tay chân đều lạnh, khí mạch đều tuyệt. Bên ngoài thấy lạnh mà bên trong thuộc nhiệt. Phải cứu gấp, nếu chậm không thể chữa được.

Cho dùng bài ‘Liên giác linh phách thang’ (*Linh dương giác, Liên tâm, Trúc lịch*) để thanh Tâm, ninh thần, công nhiệt tà, thông khiếu, hoá đàm, làm chủ (quân) dược, Đại hoàng, Mộc thông, Nguyên minh phấn để thông đại trường, thông tiểu tiện, làm thần dược; Bạch thược, Hoàng cầm, Thạch học để tả hoả, bình Can, nhuận Vị, sinh tân, làm tá dược; Phục thần, Hồ phách để trấn Tâm, ninh thần, đưa anh linh trở về, làm sứ. Bài thuốc như sau: *Linh dương giác 6g, Hoàng cầm nhục 12g, Mộc thông 8g, Sừng tê giác*

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

12g, Vân phục thân 16g, Hồ phách 4g, Đại hoàng (sống) 16g, Liên tử tâm 4g, Nguyên minh phấn 16g, Thạch học 4g, Bạch thực (sống) 8g. Sắc xong, thêm Trúc lịch khoảng 200 – 300ml, hoà vào, cho uống từ từ.

Được vài giờ sau khi uống thuốc, chân tay bắt đầu mềm, mạch bắt đầu có rất nhỏ. Cho uống tiếp một thang nữa, qua ngày hôm sau, mạch hiện lên Huyền Sác, môi mặt đỏ nhuận, mắt thấy tròng đen đã chuyển động, hết quyết nghịch, đi tiểu được mấy giờ, nói năng được một ít.

Cho dùng bài ‘Đại thừa khí thang’, thêm *Tê giác*, *Liên tâm*, *Trúc lịch*, *Phục thân* để thanh Tâm, ninh thần, thông quan, hoá đàm, thông trường vị, tiết uất nhiệt. Cho dùng *Đại hoàng (sống) 20g*, *Phục thân 20g*, *Nguyên minh phấn 16g*, *Chỉ thực 12g*, *Hậu phác 8g*, *Liên tâm 32g*, *Sừng tê giác 12g*.

Uống xong tinh thần tỉnh táo, chỉ còn táo, khát, mạch vẫn còn Sác. Dùng ‘Bình vị nhuận táo thang’ để sinh tân, thanh nhiệt, giáng hoả, lợi thủy: *Xoa thạch học 12g*, *Phì tri mẫu 12g*, *Đạm trúc điệp 6g*, *Vân phục linh 16g*, *Sinh địa hoàng 12g*, *Phá mạch đông 16g*, *Thiên hoa phấn 12g*, *Xuyên hậu phác 8g*.

Hiệu quả: Sau 3 ngày, hết quyết nghịch, mạch phục hồi, nói năng bình thường. Sau 5 ngày, đại tiểu tiện bình thường, ăn uống được. Sau 10 ngày, nguyên khí phục hồi hoàn toàn...

Nhận xét: Bệnh này thành chân nhiệt, do thầy thuốc trước cho uống *Phụ quý lý trung thang* gây nên. Vì vậy,

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

dùng Tê giác liên phách thang thấy công hiệu. Hai bài thuốc sau cũng dùng đúng phép.

08- NHIỆT BỆNH GÂY VONG DƯƠNG

(Trích trong "Hồi Khê y án" của Từ Đại Xuân, Trung quốc).

Con của Mao Lý Hoà là Giới Đường, bị cảm thử, sốt cao, mồ hôi ra như tắm, mạch Vi, tay chân lạnh, mặt đỏ, hơi thở ngắn. Các thầy thuốc trước vẫn điều trị theo chứng *nhiệt*. Tôi đến thăm, sau khi qua tứ chẩn, tôi nói với ông Lý Hoà rằng, bệnh này *sắp vong dương* rồi. Phải mau dùng Sâm, Phụ, may ra mới hồi dương kịp. Lý Hoà có vẻ do dự. Tôi nói: “Vì là chỗ quen thân, tôi không nỡ thấy người bệnh chết mà không nói. Hơn nữa, tôi có khám bệnh, biết đích xác rồi mới dám định phương thuốc. Ông thử nghĩ xem, từ trước đến nay, tôi có phải là người nói mò đâu. Nếu chữa sai, tôi xin đền mạng”. Lý Hoà thấy tôi cương quyết, đành phải nghe theo. Uống một thang, mồ hôi cầm lại (không ra), cơ thể ấm, ngủ được. Tiếp đó, gia giảm thêm, chỉ một tuần là khỏi hẳn. Theo tôi, các biến chứng trước là của *nhiệt bệnh*, vì nhiệt quá độ nên mồ hôi toát ra mà vong dương. Nhưng nếu không có các biểu hiện như mạch Vi, chân tay lạnh, mồ hôi đầm đìa, lưỡi nhuận... Thì vẫn hoàn toàn là *nhiệt chứng*, lỡ dùng Sâm, Phụ, sẽ chết ngay. Vậy đối với loại bệnh trên, nếu không nhận định được chính xác, không nên chữa mò.

09- THƯỢNG NHIỆT HẠ HÀN (Trên Nóng Dưới Lạnh)

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

(Bệnh án của Tiêu Trác Như - Trích trong ‘Danh y nghiệm án loại biên’, Trung quốc, Trung quốc)

Ninh Hương Vương, 20 tuổi, học sinh. Bị ngoại cảm đã vài tháng nay, bệnh ngày càng nặng lên chứ không khỏi. Đã được dùng các loại thuốc thanh lợi mua ở ngoài chợ. Hiện nay ngực đầy trướng, phía trên cơ thể nóng, đổ mồ hôi, từ thất lưng trở xuống sợ gió, đắp chăn kín dù đang ở vào thời tiết nóng tháng 6 – mùa hè. Mạch Huyền, rêu lưỡi vàng nhạt.

Đây là chứng trên nóng dưới lạnh.

Cho dùng bài ‘Phụ tử tả tâm thang’ để thanh thượng, ôn hạ. Dùng *Hắc phụ tử* 3g (nấu lấy nước), *Đại hoàng* (sống) 3g, *Tiểu xuyên liên* 1.8g, *Hoàng cầm* 1.8g. Lấy nước đang sôi đổ vào tẩm 3 vị thuốc (tam hoàng), để một lúc, lọc bỏ bã, rồi đổ nước Phụ tử vào, hoà chung, uống lúc âm ấm.

Sau 2 ngày khám lại, người bệnh cho biết đã uống 2 thang, hiện nay hầu như không còn bệnh gì.

Nhận xét: Sách ‘Thương hàn luận’ cuối thiên Thái dương có viết: “Dưới ngực đầy mà lại sợ lạnh, đổ mồ hôi, trị bằng *Phụ tử tả tâm thang*”. Bệnh án này, triệu chứng giống như sách ‘Thương hàn luận’ tuy có hơi khác một ít, nhưng trên nóng dưới lạnh cũng cùng một loại, vì vậy, dùng ‘Phụ tử tả tâm thang’ rất thích hợp, cái hay ở đây là việc sắc riêng Phụ tử, có tính phù dương hoãn hạ, cần nấu chín để đi xuống, còn 3 vị thuốc mang tên hoàng (Hoàng cầm, Hoàng liên và Đại hoàng) có tác dụng làm hết tức

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

trưởng, muốn dẫn thuốc đi lên cho nên dùng sống (chỉ tằm nước sôi chứ không sắc kỹ) để phát huy tác dụng khinh thanh (nhẹ) của thuốc.

10- PHONG HOÀ NỘI PHỤC

(Trích trong "Đắc tâm tập y án" của Tạ Ương Lô, Trung quốc).

Người bệnh là Trần Nguyên Đông, đã mấy ngày trong người thấy hơi ớn lạnh, đầu đau, từ tai thẳng vào đến não, nhưng ăn uống bình thường. Đến nhờ thầy thuốc họ Ngô chữa, ông này cho dùng ‘Xuyên khung trà điều tán’ (Bạc hà 8g, Xuyên khung 4g, Kinh giới 4g, Bạch chỉ 2g, Chích thảo 2g, Khương hoạt 2g, Phòng phong 2g, Tế tân 1g). Tán bột, uống ngày 2 lần, mỗi lần 8g). Thuốc uống vừa khỏi cổ thì cả người đều nóng hực, mặt phùng nóng, mắt đỏ, hàm răng ngậm chặt, môi sưng lên, trong cổ nghe như muốn tắc, còn ngoài cổ thì nổi đầy những nốt đỏ nhỏ. Thấy thế, cả nhà đều hoảng sợ, cho mời ông thầy Ngô đến để xem lại thì đứng trước tình trạng đó, ông cũng đành chịu bó tay. Người nhà bàn tán với nhau, cho là ông thầy họ Ngô đã dùng sai thuốc, một mặt giữ ông ấy lại, một mặt cho đi mời các thầy thuốc khác. Lúc tôi đến nơi thì các thầy thuốc khác đã tới và đã ngồi sẵn tại phòng khách, vẫn chưa ai dám dùng thang gì cả. Một vài thầy trong đó bảo chứng này nếu không có Quế, Phụ, ắt là không thể trị được. Tôi nghe thấy liền hỏi: “Thế chẳng hay các thầy chẩn đoán đó là chứng gì?”. Một thầy trong đó trả lời: Vì

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

không đáng phát tán mà phát tán làm cho dương khí phù việt, âm ban phát ra ở bì phu, vì thế, phải có Quế, Phụ mới mong thu liễm hư dương đó lại". Tôi cười và nói: "Chẳng hay thầy có nhận chữa chứng này được không? Ông ấy đáp: "Đã thành hoại chứng như vậy, ai còn muốn lãnh để chữa". Tôi nói: "Tôi có thể lãnh". Rồi tôi lấy nguyên phương của ông thầy họ Ngô, cho thêm 20g Cam thảo, rồi nói: "Công hiệu sẽ có thể thấy trong giây lát". Người nhà nghe lời nói của tôi có vẻ thẳng thắn, quả quyết, vội vã sắc thuốc cho người bệnh có thể có thuốc uống ngay. Quả nhiên thuốc qua khỏi họng là mồ hôi rịn ra làm cho bớt nóng, đồng thời những nốt đỏ cũng tiêu đi, đầu và mắt đều nhẹ, chỉ sau một thời gian ngắn mà tinh thần đã thơ thới và thanh sảng. Các thầy thuốc khác thấy tôi nói đúng, đều ra về cả, chỉ còn mình ông thầy họ Ngô ở lại. Ông ấy hỏi: "Tăng thêm bệnh cũng vì thang thuốc đó mà hết bệnh cũng một thang thuốc đó. Hơn nữa, bệnh tăng rất mau mà hết bệnh cũng trong giây lát, lối chữa bệnh lạ lùng như vậy thật khó hiểu nổi, chẳng hay thầy có thể vui lòng chỉ giáo cái nghĩa lý huyền diệu trong đó cho tôi hiểu với không?". Tôi đáp: "Trong cả 5 hành, không có gì chạy mau bằng phong và hoả, ông chỉ vì không nắm kỹ chỗ phong hoả đang ẩn chưa phát ra được đó thôi. Thang đầu nó thẳng phát để đưa ra, vốn vẫn đúng phép, nhưng vì một thang chỉ vừa đuổi phục tà ra thấu cơ biểu, vì thế mới bức chứng phát nhiệt, làm cho đầu mắt ửng đỏ, trên da nổi độc, đó là phát mà chưa thấu vậy. Tôi thừa cơ làm tiếp thêm một thang để giải cơ, bài độc, có làm cho tháo mồ hôi thì tà khí

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

mới ra hết. Thế là tự nhiên phong lặng, hoả yên, đúng theo cái nghĩa hoả uất thì phát nó ra vậy, chỉ hiểm vì phong và hoả đều quá thịnh, bệnh thế quá cấp bách, thành thử tôi phải dùng nhiều lượng Cam thảo để làm cho thế của hoả dịu bớt đi, đó là ‘*dùng vị ngọt để làm cho êm dịu*’ (cam nhi hoãn chi). Đó, phép tắc đều tuân theo Nội Kinh, nào có gì lạ đâu. Ông thầy họ Ngô chấp tay vái tôi và nói: "Học thức của thầy thật là cao diệu hơn bọn chúng tôi xa".

11- ÂM PHỤC VÀO TRONG THÀNH QUYẾT LÃNH

(Trích trong ‘*Phùng thị cầm nang*’ của Phùng Sở Chiêm, Tnmq quốc)

☞ Thôi Thục Trì, mạch ở cả 6 bộ đều Trầm Vi, mình nóng nhưng tay chân lại lạnh (nghịch lãnh), phát cuồng nói bậy, suốt đêm không ngủ, miệng khát và uống nước rất nhiều nhưng đại và tiểu tiện đều bí. Tôi xem xong, cho là vì *âm phục vào trong, đẩy dương ra ngoài*, vì vậy, tân dịch không thông hành, làm cho tiểu tiện bí, miệng khô và khát nước chứ không phải là thực nhiệt. Lại do Tỳ Vị suy, ăn uống không được, lâu ngày làm cho đại tiện hư bí chứ không phải là táo kết. Nếu không kịp dùng loại thuốc có tác dụng liễm nạp thì cả *chân âm lẫn chân dương sẽ suy kiệt*. Tôi liền dùng *Thục địa* và *Mạch môn* (sao) để tráng thủy; *Bạch truật* (sao) để giữ trung khí; *Ngưu tất*, *Ngũ vị* có tính đi xuống để tâng liễm; *Phụ tử* (chế) để dẫn hoả về nguồn; Lại dùng *Nhân sâm* sắc riêng, đợi lúc thuốc

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

được, sẽ hoà vào cho uống thì chỉ có 3 thang là hết chứng cuồng, tinh thần thanh thản trở lại, ăn được và hết bệnh.

☞ Người bệnh họ Vương, chứng trạng và mạch khí cũng như trên nhưng lại thêm chứng tiêu chảy không cầm. Tôi xem bệnh chẩn đoán là *Tỳ Thận đều hư*, hoả không còn nơi nương tựa, vì hoả thường lấy thổ và thuỷ làm chỗ nương náu. Tôi chủ trương là phải gấp rút ôn bổ trung tiêu để cho long lôi hoả có chỗ ấm áp mà nương náu. Tôi liền dùng vị *Bạch truật* làm quân để cố thủ trung khí; *Nhân sâm* để bảo trợ và tăng nguyên khí, làm thần; *Bào khương* để làm ấm trung cung (Tỳ Vị), và giúp đỡ trung khí vận hành được; *Ngũ vị tử* chất chua, tính hay thu liễm để giúp việc bế tàng, hai vị này làm tá; *Phụ tử* có tính chạy xuống, lại làm ấm được trung cung, làm vị sứ được. Nhưng ngại là *Phụ tử* khí vị quá hung mãnh, sợ nó chạy xuống quá mau, *Tỳ Vị* chưa kịp thu được ích lợi, thành ra phải thêm *Chích thảo* để làm chậm tác dụng đi xuống đó vài phần. Uống như vậy chỉ 3 thang, các chứng hết dần, rồi thần khí cũng thanh sáng.

Về việc dùng thuốc, sở dĩ không dùng *Thục địa*, *Mạch môn* vì người bệnh vốn bị tiêu chảy, đã làm cho dương khí bớt đi rồi, nay nếu dùng loại thuốc âm hàn, dù chỉ chút ít, sức bổ dương của *Bạch truật* và *Phụ tử* cũng không khỏi bị giảm.

Còn như trường hợp phương thuốc trước, sở dĩ không dùng *Chích thảo*, *Bào khương* là vì muốn để cho *Thục địa* và *Mạch môn* bổ thuỷ cho đặc lực. Nếu dùng *Bào*

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

khương, Chích thảo thì Thục địa và Mạch môn sẽ bị giữ lại ở trung tiêu mà không đạt thấu hạ tiêu, vì Bào khương và Chích thảo vốn là thuốc của trung cung. Hơn nữa, bản tính cam, ôn, nhu nhuận, nếu tạp nhập thức cay nóng như Bào khương, ôn trung như Chích thảo thì Thục địa không những mất hết tính nhu nhuận cần thiết để bổ thận mà rồi nó cũng không biết gia nhập vào đâu.

Chính vì vậy, *Địa hoàng hoàn* từ xưa đến nay, không hề dùng Xuyên khung, Đương quy, Chích thảo và Bào khương vậy.

12- ÂM HƯ HOẢ VƯỢNG

(Trích trong "Phùng thị cảm nang" của Phùng Sở Chiêm", Trung quốc).

Người bệnh họ Triệu... Khi tôi đến thăm khám thì mặt đỏ như son, bất tỉnh, miệng nói xàm, tay chân cứ quậy liên tục không ngừng, mạch ở cả 6 bộ đều *Hồng Đại* đập mạnh dưới ngón tay. Vì trước đó, người bệnh có quen với mấy thầy thuốc chuyên bốc thuốc cho các gia đình khá giả, vì vậy, gia đình cũng dùng thuốc của các thầy thuốc đó. Xem lại các thang thuốc họ đã cho uống, tôi thấy có các vị như Bán hạ, Hoàng cầm, Sài hồ, Trần bì, cũng may là liều lượng ít, vì vậy, chưa đến nổi nào. Thì ra họ (các thầy thuốc trước) không hiểu rằng đó là do *chân âm quá hư suy, hư dương phù lên trên, thần và khí đều muốn thoát*. Sở dĩ chân tay ngo ngoe quờ quạng là do thần trí rối loạn nên mới sinh ra ăn nói bậy bạ, chẳng biết gì. Bệnh tình như vậy

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

lo bổ còn không kịp, lại còn dám dùng thuốc thanh lợi như trên để làm cho người bệnh mau tiến đến côi chết hay sao?

Tôi ngỡ ý là phải trọng dụng Nhân sâm mới lập phương thuốc được thì các thầy khác đều nửa tin nửa ngờ, cứ phân vân mà không dám quyết định, làm cho bệnh tình mỗi lúc một nặng hơn. May sao lúc đó có bạn tôi là Trương Tử Thiên, ông này vốn là bạn thân của gia đình họ Triệu, ông Thiên học vấn đã uyên thâm lại kiêm thông y lý. Nhận thấy lập luận của tôi rất đúng, ông ta cực lực khuyên nhủ thân nhân người bệnh hãy vững tâm tin dùng. Mỗi thang thuốc của tôi, ngoài Nhân sâm 32g các vị phụ kia là Đan sâm, Khương thán, Mạch môn, Ngưu tất, Phục thân, Thục địa, Thược dược và Viễn chí. Tuy vậy cả nhà vẫn còn bàng hoàng và tỏ vẻ lo ngại nhưng cũng cứ cho uống 2 thang/ngày. Chỉ có mấy hôm, người bệnh quả nhiên bớt dần rồi khoẻ mạnh như cũ.

13- NÓNG LẠNH (HÀN NHIỆT DO ÂM HƯ)

(Trích trong 'Dịch thị y án', Trung quốc).

Một người đàn ông bị nóng lạnh, mọi thầy thuốc đều cho là chứng ngược (sốt rét), đã chữa hơn một năm mà không khỏi, lại cho là chứng lao ngược, hư lao... rồi dùng cả những phương như 'Miết giáp tán' và 'Bổ trung ích khí thang' cũng đều không có kết quả. Sau đó đến tôi xin chữa trị. Chẩn mạch thấy 3 bộ đều Phù, Đại nhưng không có lực. Hình thể gầy yếu, sắc đen, ăn uống không ngon. Xem vậy, tôi còn chưa dám quyết định, chờ đến ngày hôm sau

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

khám lại lần nữa thì thấy trước sau như một, tôi biết chắc đó là *âm hư phát nhiệt*.

Liên cho: Buổi sáng uống bài 'Lục vị địa hoàng' (*Đơn bì, Hoài sơn, Phục linh, Sơn thù, Trạch tả, Thục địa*); Buổi tối uống 'Bổ âm hoàn' (*Hoàng bá (tắm nước muối, sao) 160g, Tri mẫu (tắm nước muối sao) 80g, Trần bì 80g, Ngưu tất (tắm rượu, phơi khô) 80g, Xương ống chân cọp (tắm sữa, nướng vàng) 60g, Toả dương (tắm rượu, sữa rồi nướng) 60g, Dương quy (rửa rượu) 60g*). Tán nhỏ các vị, lấy rượu nấu với thịt dê thối, luyện với thuốc bột, viên bằng hạt bắp, uống với nước muối nhạt. Bảy ngày sau, ăn uống thấy ngon dần, nóng rét giảm phân nửa. Cho uống tiếp một cân (640g) thuốc nữa, chưa đầy một tháng, bệnh khỏi hẳn. Người bệnh hỏi rằng: "Tôi vì bệnh, uống thuốc đã lâu rồi mà không khỏi, để tâm tra cứu theo cách chuyên chữa chứng ngược thì ngay ở các sách cũng chưa thấy chỗ nào dùng bài 'Lục vị hoàn' với 'Bổ âm hoàn' như vậy, thế mà nay thầy chỉ dùng 2 phương thuốc đó mà bệnh tôi khỏi được! là nghĩa làm sao?".

Tôi trả lời: "Chữa bệnh chỉ cốt trước hết biết rõ bệnh tình. Đúng bệnh nào thì nó hiện chứng đó, nhưng có khi hiện chứng tương tự mà lại là bệnh khác, nếu không xét kỹ thì rất dễ lầm. Thí dụ: Bệnh thương hàn lại có loại thương hàn, bệnh trúng phong lại có loại trúng phong, bệnh ngược lại có loại ngược... còn bệnh của ông đây, giống chứng ngược nhưng không phải là chứng ngược, đó chỉ là do *âm hư phát nhiệt* đó thôi. Vì chứng trạng của chứng ngược thì khi nóng khi rét, lúc cơn rét đến, tay chân phải

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

lạnh toát, sau khi hết nóng thì phải đổ mồ hôi ra mới yên. Ở đây, nóng rét tuy có tái đi tái lại hoặc mỗi ngày 1 - 2 lần nhưng lạnh mà không lạnh đến tay chân, mình lại nóng như lửa, khi bớt nóng, mình mát mà lại không ra mồ hôi, lại kèm hình thể gầy, sắc da đen, trong lòng run sợ, nằm ngủ không yên, miệng khát, đại tiện táo, ăn uống không biết ngon, như vậy mà lại cho là chứng ngược sao ? Hơn nữa, mạch của chứng ngược phải Huyền, khi cơn rét đến thì phải Huyền mà Đại, khi cơn đã lui thì mạch tĩnh mà Huyền, Tiểu, mạch ở đây rõ ràng là Phù Đại không lực chứ chẳng thấy Huyền tí nào. Sáng chiều cũng như nhau chứ không phải trước là mạch Đại sau đó là mạch Tiểu. Như vậy rõ ràng là âm huyết suy kém, dương hoả mạnh, vì thế, khi hoả phát ra ngoài thì sinh nóng, khi hoả uất vào trong thì gây ra lạnh. Còn hình thể gầy là do hoả thiêu đốt mãi, sắc da đen là do hoả cực tựa thủy, ngủ không yên là do Tâm huyết suy yếu, ăn uống không biết ngon, miệng khát, đại tiện táo là do bị nung đốt từ trên lẫn dưới. So mạch với chứng đã hợp nhau, đúng là âm hư hoả vượng, do đó, tôi dùng ‘Lục vị địa hoàng hoàn’ để sinh Thận thủy mà tả Tâm hoả, dùng ‘Bổ âm hoàn’ để dưỡng huyết, tư âm. Khi âm huyết đầy đủ thì hoả tà tức khắc phải hạ xuống, nóng rét sẽ lui, các bệnh đều khỏi, đó là dụng ý của tôi về 2 bài thuốc này”.

14- NHIỆT BỆNH KÈM HÀN

(Bệnh án của Trương Tích Thuần, trích trong ‘Danh y nghiệm án loại biên’, Trung quốc).

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

Vu, nam, hơn 40 tuổi. Mới bị phục nhiệt, phong hàn bó lại, không ra mồ hôi được. Thầy thuốc dùng bài ‘Tô tử giáng khí thang’ kèm các loại tán phong, thanh hoá, uống 2 thang, bệnh nặng thêm, đến nhờ tôi chẩn trị.

Khám thấy sốt cao, không mồ hôi, trong ngực phiền nhiệt, lại thêm hen suyễn, khát nước muốn uống, đầu đau, thân mình như có cái gì buộc lại. Mạch Hồng Hoạt mà Phù, rêu lưỡi trắng, ướt và hơi vàng, có hiện tượng hàn ở bên ngoài bó lấy nhiệt ở bên trong. Chẩn đoán là *hiệt bệnh kèm hàn*.

Tôi suy nghĩ phải dùng bài thuốc giải hàn, nhưng thử hỏi ngược lại là bài này là bài phát tà ra ngoài biểu, phải dùng Thạch cao, Tri mẫu lượng lớn, ngoài ra, chỉ có một ít Liên kiều, Thuyền thoái, làm sao đủ sức để phát hãn (làm cho ra mồ hôi). Rồi tôi tự nghĩ, dùng bài này chỉ sợ mạch và chứng không chính xác, nếu thấy đã chính xác rồi thì uống xong, vừa úp chén thuốc xuống thì mồ hôi ra ngay, nếu nghi ngờ thì không có kết quả.

Cho dùng Thạch cao (sống) 30g, Tri mẫu 24g, Liên kiều 4.5g, Thuyền thoái (nhặt sạch đất và bỏ chân) 4.5g. sau khi uống liên tiếp 2 thang, giây lát sau nửa người phía trên ra mồ hôi. Một lúc sau, cảm thấy thuốc đã chạy xuống dưới thì nửa người phía dưới và đùi, chân đều ra mồ hôi. Bệnh gần như khỏi hẳn.

Nhận xét: Bệnh nhiệt tà còn ẩn náu, gặp tà khí của thời tiết mà phát bệnh, phải xem gồm hợp tà gì, nặng nhẹ ra sao, nếu nhẹ thì kiên trì, nếu nặng thì trước hết phải

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

triệt tà mới, đợi khi tà mới đã giải thì tính đến tà phục bên trong, không cần e ngại gì. Phải xem nặng nhẹ, hoãn cấp mà đưa ra phép trị chứ không nên có định kiến.

Trường hợp này là nhiệt bệnh kiêm hàn. Dùng Thạch cao, Tri mẫu lượng lớn để thanh nhiệt ở trong Vị, lại dùng một ít Liên kiều, Thuyền thoái là loại có tài dẫn ra biểu, như vậy là đưa nhiệt ở trong Vị trở lại kinh Thái dương tiết ra thành mồ hôi mà giải. Cơ chế làm ra mồ hôi là do sự điều tiết của âm dương, không phải ép cho ra mồ hôi mà được. Trong bệnh án này, tuy không ép cho ra mồ hôi mà chỉ trong khoảnh khắc sau khi uống thuốc, mồ hôi tự ra mà khỏi bệnh. Xét ra trong bài thuốc giải hàn này không chỉ đúng với bệnh nhiệt mà gặp bệnh xuân ôn, nếu mạch và chứng đúng như thế, thì dùng bài thuốc này nhất định sẽ thành công.

15- PHONG SINH NHIỆT, NHIỆT SINH PHONG

(Trích trong ‘Hạnh hiên y án’ của Trịnh Quang Tuyên, Trung quốc).

Một cháu bé ba tuổi, cơ thể nóng, mắt đỏ. Một thầy thuốc được mời đến cho là do phong sinh ra nhiệt, dùng thuốc Khương hoạt, Phòng phong... không ngờ uống vào mắt sưng húp lên như quả mận, ghèn chảy ra như mủ, nhiệt độ tăng lên gây nên co giật chân tay. Ông nội cháu là Quân Dương thấy thế, mới cầu đến tôi chữa trị.

Tôi nhận ngay là vì *nhiệt sinh phong* và xác định là nếu không dùng phép thanh giải thì không thể khỏi được. Tôi

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

liền lập phương: *Sinh địa, Đơn bì, Sơn chi, Cam thảo (sống), Cúc hoa, Tang diệp, Thạch quyết minh, Linh dương giác.* Cháu bé uống thang đó vào quả nhiên hết nóng, tay chân yên, mắt hết sưng. Ông Quân lấy làm lạ liền hỏi: “Bệnh của cháu tôi thầy trước bảo do phong sinh nhiệt thầy lại bảo do nhiệt sinh ra phong, tựu trung cũng chỉ là phong, mà đã là phong lẽ tất nhiên phải phát tán, cứ sao dùng thuốc phát tán bệnh lại càng nặng hơn mà dùng thuốc thanh lương bệnh lại chuyển khỏi như vậy?”.

Tôi đáp: Phong và nhiệt hai thứ đó không thể nói chung lộn một cách hàm hồ như thế được, trái lại, cần phải hiểu rõ trong với ngoài cũng như gốc với ngọn đều khác nhau. Nhân phong mà sinh ra nhiệt đó là phong tà ở ngoài xâm nhập vào cơ thể. Nếu phong tà mạnh hơn vệ khí thì nhiệt khí ở cơ phủ bị trở uất mà tăng lên, vì thế, hễ phát tán phong tà đó đi thì nhiệt khí kia sẽ tự giải. Người xưa từng dạy: “Hoả uất phát chi” là như thế đó. Về trường hợp này, phong là gốc mà nhiệt là ngọn vậy. Do nhiệt mà sinh ra phong là phong ở trong ra, nhiệt khí vượng thì phong khí quay cuồng chuyển động, vì thế, nên thanh giải nhiệt khí đó đi thì phong khí sẽ tự diệt. Người xưa từng dạy: “Nhiệt giả hàn chi” là như thế, ở đây nhiệt là gốc mà phong là ngọn vậy.

Các y gia chưa rõ nghĩa của hai chữ Phong và Nhiệt, lúc lâm sàng chỉ bắt bóng dè chừng nên mới hay bị lỗi lầm.

Ông Quân thở dài nói: “*Làm thuốc chỉ lo không minh lý, nếu minh lý thì trị bệnh có khác gì như thấy giữa bàn tay*”.

16- ÂM DƯƠNG ĐỀU VONG*(Trích trong ‘Biện chứng lục’ của Trần Sĩ Đạc)*

Một bệnh nhân bị cảm hàn vào mùa đông, mồ hôi ra rất nhiều nhưng không bớt sốt, kèm thêm đau bụng, ấn vào đau. Qua chẩn đoán, một số thầy thuốc cho là tà độc ở ngoài chưa giải lại tập trung vào ở vùng bụng, cho nên các thầy đều cho rằng dương chứng đã biến thành âm chứng. Trần Sĩ Đạc cho là *âm dương đều vong*, cho dùng bài ‘Cứu âm dương thang’: *Nhân sâm, Hoàng kỳ, Bạch truật, Dương quy, Thục địa, Cam thảo*. Chỉ uống một thang, bụng hết đau, hết sốt, mồ hôi không ra nữa. Ông giải thích: Bệnh thương hàn khi mồ hôi đã ra nhiều thì tà độc cũng theo mồ hôi mà ra hết. Bệnh nhân này mồ hôi đã ra nhiều, như vậy trong cơ thể không còn tà độc, bụng không đau nữa mới đúng. Ngược lại, vẫn bị sốt, bụng vẫn đau, đó là dương khí bị vong quá, âm khí tiết ra quá, cho nên bệnh này là âm dương đều vong, nếu chữa không đúng, bệnh sẽ nguy hiểm ngay. Dùng Sâm, Kỳ để bổ khí, làm cho trong âm sinh dương; Thục địa, Dương quy để bổ huyết, làm cho trong dương sinh âm; Bạch truật, Cam thảo để điều hoà trường vị, thông đạt các cơ năng ở vùng lưng, rốn, đưa khí âm dương về những nơi khí hải, đờn điền. Nếu cho là dương chứng biến thành âm mà dùng toàn thuốc ôn nhiệt như Nhục quế, Phụ tử, Can khương thì tuy có công năng phục hồi dương được trong chốc lát nhưng âm khí đã thiếu hẳn ở

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

trong cơ thể, dương dù được phục hồi đi nữa, âm không nhiếp được, cũng chẳng có ích gì.

Cũng có thể dùng bài ‘Cứu vong tán’ để chữa: *Nhân sâm, Dương quy, Thục địa, Cam thảo, Phụ tử* (chỉ một miếng mỏng thôi).

Y ÁN ÔN BỆNH

17- XUÂN ÔN

(Trích trong ‘Ôn bệnh’ của Phong Thiếu Dật, Trung quốc).

Tại Tam Tương, có con trai ông Lưu, bỗng nhiên bị chứng xuân ôn, nóng khát dữ dội đến 20 ngày, nhờ Phong Thiếu Dật đến trị. Khám mạch thấy Hồng, Đại, nổi cộm ngón tay, gợn lưỡi khô ráo, sạm lại. Phong Thiếu Dật cho dùng phép lương giải lý nhiệt: *Lô căn 15g, Đại đậu quyển 9g, Thiên hoa phấn 6g, Thạch cao (sống) 12g, Cam thảo (sống) 1.5g.*

Sáng hôm sau, người nhà bệnh nhân đến mời Phong tiên sinh đến xem lại. Ông vào nhà thấy trên bàn có 2 toa thuốc, 1 cái là bài ‘Bổ chính hồi dương’, một cái nữa là bài ‘Bảo nguyên liễm hãn’. Gia đình nói với ông rằng: “Tối hôm qua bệnh của cháu trở chứng nên tôi mời 2 thầy thuốc khác đến để điều trị dùm cho nên có 2 toa thuốc đó nhưng chưa biết cái nào dùng được, vậy nhờ ông chỉ bảo cho”.

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

Phong tiên sinh nói: “Để tôi xem mạch trước rồi sẽ nói chuyện”. Người nhà dẫn ông vào giường bệnh, ông thấy bệnh nhân nằm đắp chăn, thấy tinh thần, khí sắc hầy còn tươi tỉnh, mồ hôi ra dầm dề, toàn thân mát lạnh, 6 bộ mạch đi yên tĩnh, hơi thở điều hoà. Ông liền nói: “Đừng sợ, đây không phải là mồ hôi ra đến nổi hư thoát đâu, đó là mồ hôi ra để giải tiết bệnh độc đó vậy”. Chủ nhà hỏi: “Làm sao ông biết như vậy?”. Ông đáp : “Tôi xem thấy mạch đi yên tĩnh và toàn thân mát mẻ mà đoán biết được như vậy. Nếu bây giờ thấy mồ hôi ra nhiều quá mà lo sợ hư thoát, dùng thuốc ôn bổ thì tất nhiên làm nghẽn lối ra của bệnh độc, lúc đó mới biến thêm nhiều chứng khác nữa, tất nhiên sẽ khó trị”.

Chủ nhà vẫn tin tưởng lời Phong tiên sinh nên xin ông cho toa để giải trừ bệnh độc. Lúc đó, ông mới nghĩ là bệnh rất khó trị. Các phép bổ dưỡng vào, phát tán ra, cho ấm nóng lên, làm mát đi đều không thể dùng được rồi. Vậy phải dùng Qua lâu bì để thông phần khí, giúp cho bệnh độc còn dư lại một ít được thoát tiết ra, dùng Lỗ đậu y dựa theo ý là vỗ chạy ở lớp da bên ngoài để làm cho bệnh độc thấu suốt ra ngoài lớp da. Mồ hôi là một thể dịch loại ra do sự tuần hoàn của các mạch máu, mà các mạch máu do tim làm chủ, nay mồ hôi ra nhiều quá thì có hại cho sự tuần hoàn của mạch máu, làm liên hệ đến nhịp đập của tim, vì thế tim phải yếu, do đó, phải dùng Bá tử nhân, Phục thần để bổ dưỡng và an Tâm, thêm Sa sâm, Địa hoàng để tư nhuận chất mâu mỡ lại; Ý dĩ nhân, Cam thảo để điều dưỡng hệ tiêu hoá, lại thêm Phù tiểu mạch để bổ Tâm và

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

thu liễm mồ hôi. Cho uống như vậy 2 thang, toàn thân và tay chân đều ấm lại, mồ hôi cũng hết ra. Điều trị thêm khoảng nửa tháng thì bình phục như xưa.

Có người hỏi Phong Thiếu Dật rằng: “Ông thường bảo, muốn học trị thời bệnh thì trước hết phải đọc sách của Trương Trọng Cảnh, tôi thường xem thấy trong sách ‘Thương hàn luận’ có ghi là mồ hôi ra nhiều quá không dứt thì phải dùng Phụ tử, nay thấy mồ hôi ra dầm dề, toàn thân mát lạnh mà lại dùng Sa sâm, Địa hoàng, có phải là làm cho người ta thêm sợ không, xin ông giải thích cho”. Ông đáp: “Dùng Phụ tử là căn bệnh phải lạnh, phần dương phải thiếu. Nay tôi dùng Sâm, Địa là vì căn bệnh nó nóng, phần âm thiếu. Một bệnh do lạnh, một bệnh do nóng có khác nhau, cần phải phân biệt mới được”. Lại có người hỏi: “Bệnh của xuân ôn, nguyên nhân do lạnh kích thích gây ra, hoá chẳng phải là có lạnh đó sao?”. Ông đáp: “Sao ngờ ngẩn quá vậy, cần phải hiểu rằng bệnh đó trong nóng, ngoài lạnh, nay thấy mồ hôi ra dầm dề, tức là lạnh ở ngoài cũng cần phải giải tán cho nó thấu suốt ra, vì vậy, không dùng Phụ tử để hãm phần dương lại làm cho bệnh nóng độc không có đường tiết ra được, còn dùng Sâm, Địa là để tư nhuận phần tân dịch, để giữ bộ máy hô hấp và sinh thực đã bị khô, nếu dùng phép cố hãm phần dương tức là làm cho bệnh độc muốn phát tiết ra mà bị hãm trở lại, anh đã hiểu chưa?”.

18- XUÂN ÔN

(Trích trong ‘Ôn bệnh’ của Phong Thiếu Dật, Trung quốc).

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

Mé thành phía đông, có người tên Chương bị chứng xuân ôn. Một thầy thuốc được mời chữa, ông này không hiểu bệnh, tưởng lầm là thương hàn (theo Đông y), vì thế, thầy này dùng những thuốc như Kinh giới, Phòng phong, Khương hoạt, Độc hoạt cho uống. Uống thang thứ nhất, đổ nhiều mồ hôi, hết nóng. cho uống một thang nữa, nóng lại phát dữ hơn, khát đòi uống nước lạnh, hốt hoảng như điên. Người nhà liền đổi thầy khác. Thầy này lại cho là chứng Hoả, vì vậy, dùng bài ‘Tam hoàng giải độc thang’ làm gốc. Thang thuốc này chẳng những không làm cho bớt nóng mà lại còn làm cho mê man, tay chân quờ quạng nữa. Lúc đó người nhà mới đến mời Phong Thiệu Dật.

Cụ đến chẩn mạch thấy mạch Huyền, Hoạt, có lực, xem lưỡi thấy vàng khô không có nhớt, cụ cho là chứng xuân ôn. Lúc đầu dùng thuốc phát hãn để đuổi hàn tà ra ngoài da là rất đúng, nhưng kế đó lại cho uống tiếp thang cũ, vì vậy mồ hôi ra nhiều quá biến thành tảo chứng, sau đó lại dùng thuốc khô (đắng) hàn để đè bẹp tà nhiệt gây ra biến chứng khác. Bây giờ phải nên nhân lúc tà vào Tâm bào, phong khí trong Can vừa phát động mà trị nó, phải dùng ngay cách ‘khiếp nhiệt tuyên khiếu’ (cứp nhiệt làm thông khiếu): *Liên kiều 9g, Tê giác 3g, Thạch xương bồ 3g, Xuyên bối mẫu 9g, Ngưu hoàng chí bảo đơn 1 viên*, thêm *Linh dương giác, Câu đằng* cho uống. Uống được 1 thang, tinh thần thanh sảng, không còn quờ quạng nữa, nhưng tân dịch chưa phục hồi, môi lưỡi còn khô, vì vậy, theo phương

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

pháp cũ, bỏ Chí bảo đơn, Xương bồ, thêm Sa sâm, Tiên địa hoàng, uống luôn 2 thang thì khoẻ mạnh.

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

19- XUÂN ÔN

(Bệnh án của Trương Tích Thuần – Trích trong ‘Danh y nghiệm án loại biên’, Trung quốc)

Con gái ông Vương Nghĩa Nguyên 14 tuổi. Trung tuần tháng 2, bị cảm bệnh xuân ôn. Thầy thuốc trị bệnh không đúng, dằng dai 10 ngày sau, bệnh càng nặng hơn, thầy cho là bệnh không thể trị được. Hiện nay dưới ngực rất đầy trướng, suyễn không nằm được. Bệnh nhân nói cảm thấy trong ngực khô ráo không chịu được, rêu lưỡi trắng, hơi vàng, tiểu ít, nước tiểu đỏ, đại tiện trước đây phân lỏng, hiện nay tuy không lỏng nhưng mỗi ngày vẫn đi một lần. Mạch đập 5 nhịp một hơi thở, mạch bên trái giống như Huyền và có lực, bên phải giống như mạch Đại và cũng có lực, tuy nhiên, khi ấn mạnh vào thì không còn lực mạnh như trước. Như vậy biết là nhiệt tà của ôn bệnh không phải là nặng lắm. Vì bệnh đã nhiều ngày, chân âm suy tổn vì vậy mà tiểu không thông. Nước uống vào thì lưu đọng ở trường vị gây nên trướng đầy và suyễn. Trong ngực thấy khô ráo cũng là dấu hiệu của chân âm suy tổn.

Điều trị, phải bồi bổ chân âm, lợi tiểu. Chân âm đầy đủ thì ngực không còn bị khô nóng, đi tiểu thông thì hết đầy trướng mà suyễn cũng dứt luôn, còn phần dư nhiệt của ôn bệnh, tuy không trị nhưng cũng theo đó mà hết.

Cho dùng *rễ cỏ Tranh (Bạch mao căn)*, lột sạch vỏ và bỏ các rễ phụ, giã nát, 180g. Cho vào 3 chén nước (600ml), nấu sôi khoảng nửa giờ. Nếu thấy rễ tranh còn nổi lên chứ chưa chìm hết thì nấu thêm cho đến khi tất cả đều chìm

CỎ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

xuống đáy nồi, lấy ra, cho uống lúc ấm, thay nước trà trong vài lần.

Uống rễ Tranh được 2 ngày, các triệu chứng bỗng nhiên đều khỏi cả. Rễ Tranh có tính mát, nhuận, tư âm, lại giải trị nhiệt tà phạm vào Thận âm, tiểu không thông, lại còn có khả năng đưa nhiệt tà của ôn bệnh xuất ra phần biểu (ngoài da). Một vị thuốc mà có 3 chức năng, vì vậy, chỉ dùng một vị mà lập được kỳ công. Tuy nhiên, phải lấy được rễ cỏ Tranh còn tươi và sắc đúng như trên mới có công hiệu.

Nhận xét: Phát minh ra công dụng của cỏ Tranh so với Từ Hồi Khê có rõ ràng hơn. Phương thuốc tuy đơn giản mà chu đáo, có thể xem là một phương đơn giản mà công hiệu. Tuy nhiên, bệnh nhân bị khó thở (suyễn) không nằm được, có thể dựa theo phương pháp điều trị của sách ‘Ngoại đài bí yếu’ thêm 60g lá Tỳ bà tươi để kéo Phế khí đi xuống, có nên hay không?.

20- XUÂN ÔN

(Y án của Nghiêm Chấp Trung – Trích trong ‘Danh y nghiệm án loại biên’, Trung quốc).

Em gái Trương Đông Lâu, 19 tuổi. Cuối năm trước bị cảm lạnh, hàn uất hoá nhiệt. Sang mùa xuân này, lại bị cảm phong hàn thành phát bệnh. Đã mời thầy thuốc cắt mấy thang giải biểu, mồ hôi ra nhưng không hết nóng. Lúc mới phát bệnh thì đau đầu, toàn thân đau nhức, ngực bứt rứt, ăn ít, khát, buổi chiều sốt càng cao, có lúc nói lảm

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

nhảm. Được 1 tuần thì hành kinh, bỗng nhiên kinh ngừng, vì vậy mà đau bụng dưới, suốt đêm nói mê, ho khạc đờm dẻo nhưng rất khó khạc ra, răng sạm đen, lưỡi nổi gai, đòi uống nước trà nhưng uống không nhiều, bệnh tính ra đã 27 ngày. Khám thấy 6 bộ mạch đều Huyền Sác, bộ xích xem kỹ thấy có mạch Xúc. Như vậy rõ ràng là chứng xuân ôn mà tà đã vào phần âm, súc huyết ở bào cung, may nhờ ở tuổi 19, chân âm chưa bị nung đốt, nếu cấp cứu đúng phương pháp có thể chuyển nguy thành yên.

Trị bệnh này phải truy ở gốc, vì vậy, cho dùng Hắc nguyên sâm, Nguyên mạch đông, Sinh địa tươi, Tri mẫu, Đơn bì để tư âm, thanh nhiệt làm thuốc chủ lực; Dùng Xuyên bối mẫu, Ngưu bàng tử, Trần bì để lý khí, khoát đờm, làm thuốc hỗ trợ. Lại nghĩ rằng súc huyết ở hạ tiêu, đại tiện táo kết, muốn nước hết sôi, không cách nào bằng rút bỏ củi đang cháy. Vì vậy, dùng Đào nhân, Đại hoàng để cùng hợp trước sau; Đơn bì hỗ trợ cho Đào nhân, Cam thảo trợ lực cho Đại hoàng, có ý vừa tránh sự chậm trễ vừa phụng sự cấp bách. Ngoài ra còn dùng Lô căn, Mao căn, Ngân hoa, Liên kiều và Xuyên bối mẫu, Ngưu bàng, chẳng qua vì tà từ ngoài vào nên phải dùng các vị này để đuổi tà ra. Các thầy thuốc như Ngô Cúc Thông, Diệp Thiên Sĩ, Trần Bình Bá, Vương Mạnh Anh đều cùng dạy rằng đó là những vị thuốc chủ yếu để trục ôn tà ra phần biểu vậy.

Cho dùng: *Tri mẫu 9g, Đào nhân 9g, Cam thảo (sống) 1.5g, Liên kiều 9g, Huyền sâm 15g, Đơn bì 9g, Đại hoàng 9g, Kim ngân hoa 9g, Trần bì 3g, Tiên sinh địa 15g, Nguyên*

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

mạch dodong 9g, Ngũ bàng tử 6g. Dùng Lô căn (tươi) 9g, Mao căn (tươi) 30g nấu trước, lấy nước sắc thuốc.

Tôi vừa đưa bài thuốc ra, các thầy thuốc lúc đó bàn luận nhốn nháo cho rằng bệnh sắp chết đến nơi mà lại dùng Đại hoàng đến 9g... Hội xúi người nhà bệnh nhân đừng cho uống. Tôi thấy họ phản đối như thế liền nói to rằng: “Nếu bệnh nhân uống bài này của tôi mà chết, tôi xin đưa một trăm bạc lớn để lo việc an táng. Lúc đó người nhà mới cho bệnh nhân uống liền 2 nước thuốc. Quả nhiên uống xong kinh huyết lại ra, tanh hôi không chịu nổi, đêm hết mê sảng, ban ngày hết mê, thân nhiệt cũng giảm, bắt đầu đòi ăn. Mời tôi đến khám lại, thấy rêu lưỡi trước đây vàng nay đã bớt, mạch Huyền Sắc đã hoà hoãn, chỉ còn ho đờm đặc lại nặng hơn. Tôi liền cho dùng bài trên, bỏ Đại hoàng, Đào nhân, thêm *Hạnh nhân* (giã nát), *Toàn qua lâu*, uống liên tiếp 4 thang, khỏi bệnh.

Nhận xét: Bệnh phục nhiệt ở mạch Xung Nhâm, dùng bài ‘Đào nhân thừa khí thang’ gia giảm rất thích hợp. Tuy nhiên, nếu không có kiến thức vững thì đâu dám gánh lấy trách nhiệm.

21- XUÂN ÔN BỊ CHỮA SAI

(Y án của Trần Tác Nhân – Trích trong ‘Danh y nghiệm án loại biên’, Trung quốc)

Dương Xuân Phương, 48 tuổi, người Nam Xương. Chưa có con, mới cưới vợ bé, vì vậy rất yêu quý vợ, khó tránh phòng sự quá độ. Thời tiết mùa xuân, thiếu dinh dưỡng

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

đúng phép nên bị ôn bệnh rất nặng. Lại bị uống mấy thang thuốc loại tân ôn giải biểu cho nên bệnh càng nặng thêm, kéo dài đã một tuần.

Hiện nay sốt cao không giảm, mồ hôi nhiều, khát nước, đại tiện cả tuần nay chưa đi được, rêu lưỡi đen, nổi gai, thế bệnh rất nguy hiểm. Mạch 2 tay đều Hồng Sác đập mạnh vào ngón tay thầy thuốc. Kết hợp mạch và chứng và xem xét các bài thuốc đã dùng, nhận thấy đây là bệnh *xuân ôn*, do chữa trị sai mà đến nông nỗi này. Bây giờ, nếu không dùng đại tể loại tư âm kèm dịch trường (rửa ruột) thì không cứu vãn kịp.

Dùng phép tăng dịch thừa khí, dùng liều cao Nguyên sâm, Sinh địa, Mạch môn làm quân để tư thủy, dưỡng âm; Hợp với bài ‘Đại thừa khí thang’ để hạ (xổ) gấp nhằm bảo tồn tân dịch. Phải quyết định dũng cảm như thế mới được.

Cho dùng *Nguyên sâm 18g, Sinh địa (tươi) 18g, Mạch môn (bỏ lõi) 15g, Đại hoàng (sống) 9g, Hậu phác 6g, Chỉ thực 6g, Huyền minh phấn (cho vào thuốc uống) 6g.*

Sau khi uống 1 thang, đại tiện đã thông, nóng và khát đều giảm, triệu chứng nguy hiểm đã loại trừ. Đổi sang cho uống bài ‘Phục mạch thang’, bỏ Khương, Quế như sau: *Sinh địa 16g, Mạch môn 15g, Bạch thực 9g, A giao châu 9g, Cam thảo (sống) 6g, Hoả ma nhân (bỏ vỏ, giã dập) 9g.* Uống 2 thang, các triệu chứng đều hết chỉ còn phần âm của Vị chưa vững, chính khí còn suy, cho uống bài ‘Ích vị thang’ gia giảm để điều lý. Bài thuốc như sau: *Bắc sa sâm 12g, Ngọc trúc 9g, Sinh địa 12g, Mạch môn 9g, Phục thân 9g, Cam thảo 6g, Thanh quả (tươi) 4 trái (nếu không có cũng*

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

được), sắc xong, lọc bỏ bã, cho thêm 15g đường phèn vào hâm cho tan ra rồi uống dần. Uống hết 4 thang, hoàn toàn khỏi bệnh.

Nhận xét: Bệnh xuân ôn uống sai thuốc dẫn đến lưỡi đen nổi gai là tình trạng nguy hiểm. Dùng phương pháp tăng dịch thừa khí để cứu chữa và thành công lớn. Tuy nhiên, cho uống tiếp ngay bài ‘Phục mạch thang’ thì sợ rằng có hơi vội quá. Chính ra, cho uống bài ‘Ích vị thang’ đợi cho phần âm của Vị hồi phục, Vị khí mạnh lên, sau đó dùng phép phục mạch tư bổ để thu được kết quả thì có phần thoả đáng hơn.

22- XUÂN ÔN PHÁT PHIÊN MUỘN

(Y án của Lý Trúc Khê – Trích trong ‘Danh y nghiệm án loại biên’, Trung quốc).

Trương Duy Hàn, 37 tuổi. Bị nhiễm hàn tà mùa đông, hàn tà ẩn náu ở phần vinh, bỗng gặp cảm nhiễm mà phát bệnh. Bệnh nhân kể lại là lúc đầu thì sốt và lạnh, không mồ hôi, đau đầu, thầy thuốc cho uống Ma hoàng, Hạnh nhân để khai tiết, uống vào thì ra mồ hôi nhưng vẫn chóng mặt, lưỡi khô, ăn 1 trái lê thấy dễ chịu, lại uống tiếp mấy bài ‘Quế chi ôn đởm thang’ nhưng vẫn không có kết quả.

Hiện nay mồ hôi cứ chảy ra không dứt mà nhiệt vẫn không giảm, đứng ngồi thì thấy ớn lạnh, nằm thì mồ hôi ra, tinh thần mệt mỏi, thở khó, 2 gò má đỏ, biếng nói, lưỡi khô sậm, rêu lưỡi mỏng mà đen, răng khô, mắt nhắm, ngủ thì nói mê sảng, tay mân mê giường chiếu, hơi lay động thì

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

tỉnh nhưng rồi lại mê man như trước, ho khạc đờm đỏ hồng, mỗi ngày khạc đờm đến 3 chén chung nhỏ, sườn bên trái đau, có dấu hiệu âm dịch sắp cạn, chính khí sắp tàn lụi. Mạch bên trái Tế Sác, bên phải không có lực. Tra cứu bệnh này, lúc mới bị, đang lúc tiết Cốc vũ, đang là lúc của Thiếu âm quân hoả chi phối, là lúc dương khí bốc mạnh. Tuy lúc đó bệnh tà mới cảm nhiễm gây sốt và lạnh, không mồ hôi, đau nhức, đúng ra chỉ nên dùng phép thanh giải cho mồ hôi rịn ra một ít mà thôi. Thầy thuốc lại dùng Ma hoàng, tuy liều lượng còn nhẹ nhưng lại dùng quá nhiều vì có tác dụng thanh tiết làm cho thoát vinh khí, sức không chịu nổi cho nên các chứng bùng lên, các hiện tượng xấu đều rõ, vì vậy đứng ngồi thì sợ lạnh, nằm thì mồ hôi tiết ra. Tình thế lúc đó phải dùng bài ‘Bạch thực cam thảo thang’ nhưng thầy thuốc lại sai lầm một lần nữa bằng mấy bài ‘Quế chi ôn đởm thang’. Kết quả là cơ phụ không giải mà đờm lại nhiều lên, vinh lạc bốc sôi, đờm màu đỏ, hông sườn đau, mạch hiện như trên, nguy cơ đã rõ, vì vậy, trước hết phải kéo dài cuộc sống, việc chữa bệnh sẽ tính sau.

Các bậc tiền nhân đã dạy: Giữ gìn được một phần âm, đẩy lùi được một phần nhiệt, lúc đó có mở hết các cửa, triệt bỏ rào dậu cũng không có gì đáng ngại. Vì thế, trước hết phải dưỡng âm làm gốc, theo phương pháp của bài ‘Tập linh cao’ để vun chồi, tưới gốc; thêm Mẫu lệ để tôn âm, chỉ hãn; A giao bổ Khôn trấn Ly (bổ Thuỷ trấn Hoả) và Thạch học tưới vì nó hấp thụ khí tinh thanh của đá và nước, để tưới nhuận Vị và Thận mà bổ cho Tỳ âm; Dùng nước lê, nước mía là cây trái theo theo phương pháp thiên

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

nhiên để thêm dịch, sinh tân, giáng hoả. Lại mượn sữa người là chất từ huyết dịch mà ra, để nuôi dưỡng vinh lạc, ngày đêm đều cố dùng, đừng để thiếu.

Cho dùng *Biệt trực sâm 3g, Sinh địa 12g, Thục địa 12g, Thiên môn 9g, Nữ trinh tử 6g, Hạn liên thảo 9g, Thạch斛 (tươi) 9g, Mẫu lệ 12g, A giao (cùng sắc với thuốc) 9g, sắc, hoà chung với nước mía 1 chén, nước ép tuyết lê 1 chén, sữa người 1 chén, uống.*

Khám lần 2: Về đêm có tỉnh, bớt mê, nói sáng cũng giảm nhưng mồ hôi chưa dứt, tân dịch vẫn chưa phục hồi, râu lưỡi có bớt đen, chất lưỡi vẫn còn sạm, đờm đỏ giảm một nửa, cạnh sườn vẫn đau. Thuốc tuy có kết quả nhưng cứu âm bao giờ cũng khó hơn bổ dương, phải nắm vững phương pháp không được thay đổi. Dùng bài này, thêm *Miết giáp (sống) 9g, Quy bản (sống) 9g, Ngũ vị tử 1.5g* để dùng đặc tính của *Miết giáp* và *Quy bản* mà tươi bổ cho *Can Thận*, hiệu lực gấp 2 lần thảo mộc; *Ngũ vị* cũng tư *Can Thận*, lại thêm có công liễm *Phế* chỉ hãn. Đây là dùng thuốc theo nguyên tắc ‘*Tinh bất túc bổ chi dĩ Vị*’ (Phần tinh khí bị bất túc, nên bồi bổ ở Vị).

Khám lần thứ 3: Cố sức xoay chuyển tình thế nguy nan đã thành công, các chứng nguy hiểm đều đã dẹp yên, không còn sợ mối lo nào khác. Tuy nhiên, thể chất của người bệnh cực hư, hoả tà chưa dễ tắt hết. Dùng bài trên, bỏ *Miết giáp*, chuyên chú vào dưỡng chính dịch tà, chuyển nguy thành an.

Khoảng 10 ngày, hết sốt hoàn toàn, mồ hôi không ra nữa nhưng tinh thần còn mệt, đứng ngồi khó khăn, vận

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

động thì xoay xẩm, chóng mặt, liền tăng Sâm lên 9g, Mẫu lệ, Quy bản dùng đến 30g. May mà bệnh nhân ăn được cho nên dặn sáng chiều cứ lấy đường phèn với ngó sen hầm, điểm tâm bằng quả lê chín, ăn uống như vậy gần một tháng mới đứng dậy được. Người bệnh nằm lâu ngày thì chân yếu, không thể đứng, đi ngay được, phải dặn lúc đầu ngồi ghé dựa bỏ chân xuống đưa tới lui, tập dần dần cho có sức rồi mới tập đi.

Nhận xét: Phục khí xuân ôn, mãi sau bị cảm hàn mà phát, trong sách ‘Thương hàn luận’ có bài ‘Ma hạnh thạch cam thang’ là bài thuốc chính. Tuy nhiên theo kinh nghiệm của tôi, nếu không đúng thời tiết, tà phạm đúng kinh lạc và thể chất người bệnh, mà cứ dùng bài này thì hại không ít, vì vậy, không nên câu nệ đó là cổ phương rồi cứ dùng bừa. Tôi đã từng thấy bệnh ôn nhiệt uống lầm Ma hoàng rồi hoặc mồ hôi toát ra mãi không dứt mà chết hoặc ho ra máu mãi rồi chết hoặc mắt đỏ, môi như cháy đen, xé bỏ quần áo rồi chết, hoặc 2 bên mép sưng, lở loét chảy nước rồi chết, chuyển thành hoại chứng không trị được xảy ra rất nhiều.

Trong y án này, tôi dùng bài ‘Tập linh cao’ gia vị để giải cứu, may mà sống được, thật là đáng mừng, chứ không phải trường hợp nào cũng chắc chắn cứu được đâu.

23- ÔN BỆNH THẬN HƯ

(Bệnh án của Trương Tích Thuần – Trích trong ‘Danh y nghiệm án loại biên’, Trung quốc).

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

Cao, 25 tuổi, làm ruộng. Tuần đầu tháng 5, sắp đến mùa gặt lúa. Anh ta có việc phải đi xa lại muốn mau về để gặt lúa. Đường xa, trời nắng thật gian khổ, vì vậy bị ôn bệnh, được chú và chú họ đều là thầy thuốc chữa trị cho, nhưng 10 ngày qua không có kết quả. Vì lao lực quá sức lại suy yếu, bệnh tà không giải ra được.

Tôi khám thấy 2 mắt trong, trắng nhưng không nhìn thấy, hai tay mân mê giường chiếu, động đậy không ngừng, nói sảng, không tỉnh táo, đại tiện lúc đầu đi lỏng, hiện nay không đi lỏng nhiều nhưng mỗi ngày vẫn đi lỏng một vài lần. Mạch Phù không có lực, mạch bộ thốn bên phải Phù hơn bên trái, mạch bộ xích cả 2 bên ấn mạnh thì mất, mạch đập 120 nhịp một phút, rêu lưỡi vàng mỏng, giữa lưỡi khô và hơi sạm đen. Suy xét về chứng này thì mắt trong trắng mà không nhìn thấy là dấu hiệu Thận âm sắp kiệt; Hai tay động đậy không ngừng là Can phong đã động. Bệnh đến tình trạng này là rất nguy hiểm, may mà mạch Phù là bệnh còn ở thái dương; Mạch bên phải Phù, mạnh hơn bên trái là triệu chứng sắp đổ mồ hôi. Tuy nhiên, mạch bộ xích quá yếu là dương thăng mà âm không đáp ứng, vì vậy mồ hôi không thoát ra được (Mồ hôi thoát ra cũng như trời đất có mưa, âm dương trong trời đất có hoà mới có mưa, trong người cũng vậy, âm dương có hoà mới đổ mồ hôi được).

Điều trị chứng này, muốn phát hãn thì không được dùng thuốc phát hãn, dù chỉ là lượng nhỏ mà phải dùng đại tễ (thang thuốc lớn) để tư nhuận, tuấn bổ chân âm, giúp

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

cho phần âm đủ sức ứng với dương thì mồ hôi thoát ra mà khỏi bệnh.

Cho dùng *Thục địa 60g, Hoài sơn 9g, Huyền sâm 30g, A giao loại tốt 12g, Cam thảo 9g*. Sắc, cho A giao vào nấu còn 1 chén lớn, cho uống từ từ vài lần khi thuốc còn nóng. Sau khi sắc và uống đúng như hướng dẫn mỗi ngày 2 thang, mồ hôi ra khắp toàn thân và khỏi bệnh.

Nhận xét: Theo sách ‘*Nội kinh*’ ôn bệnh đã cực hư thì chết. Đây là trường hợp cực hư vì vậy phải dùng đại tễ tư bổ, một ngày uống 2 thang, mồ hôi ra khắp toàn thân mà khỏi, may thay và cũng lạ thay.

Trường hợp bệnh âm kiệt thì động phong và sẽ bị quyết (lạnh ngắt cả người) mà chết, không cứu kịp. Nếu bệnh đã hư, mà hư thì biến chuyển rất nhanh, thuốc tuy đúng bệnh nhưng khó có thể khỏi ngay được. bài thuốc trên đây rất hay, vì vậy, chúng tôi chọn y án này ghi lại để những người đi sau thực nghiệm.

24- ÔN BỆNH KÈM XUNG KHÍ BỐC LÊN TRÊN

(Bệnh án của Trương Tích Thuần – Trích trong ‘Danh y nghiệm án loại biên’, Trung quốc).

Trịnh Bá Thứ, 52 tuổi, chủ hiệu sách. Người bệnh vốn có đờm ả, bỗng gặp việc trái ý, can hoả nội động, xung khí kẹt với đờm ả bốc lên làm cho nôn ra đờm dãi liên tục. Lúc đó vào tiết cuối xuân, vì bị cảm mạo mà thành ôn bệnh, ôn nhiệt bên trong truyền động làm cho xung khí càng bốc lên nhiều hơn.

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

Khám thấy cả phần biểu lẫn lý đều nóng nhiều, khát muốn uống nước, đờm dãi trào lên, ho từng cơn, khạc, nấc, ợ liên tục, cạnh sườn đầy tức, đại tiện 3 ngày nay chưa đi được. Mạch bên trái Huyền Trường, mạch bên phải Hồng Hoạt mà Trường, ấn mạnh tay đều thấy mạch rất mạnh, rêu lưỡi trắng dày, giữa lưỡi hơi vàng. Như vậy là nhiệt tà của ôn bệnh đã vào Dương minh phủ, lại kèm có Can hoá hợp thành xung khí bốc lên trên gây nên.

Điều trị phải dùng bài ‘Bạch hổ thang’ để thanh nhiệt của Dương minh, hạ xung khí xuống, kèm dùng thuốc trấn Can để giúp sức.

Cho dùng Thạch cao (sống, nghiền nát) 90g, Đại giả thạch (sống, nghiền nát) 30g, Long cốt (sống) 24g, Mẫu lệ (sống) 24g, Tri mẫu 24g, Bạch thực 18g, Bán hạ 9g, Hậu phác 4.5g, Cam thảo 6g. Đổ ngập nước, sắc còn 3 chén nhỏ, uống nóng làm 3 lần.

Sau khi uống hết 3 chén thuốc thì hết nóng, hết bị xung khí, mạch so với trước cũng bình thường, chỉ còn đại tiện chưa thông. Dùng nguyên bài trên, giảm bớt Thạch cao, Long cốt, Mẫu lệ đều còn một nửa, cho uống tiếp. Đại tiện được và các chứng đều hết.

Thuyết minh: Thấy thuốc dùng Thạch cao, chưa từng dùng chung với Đại giả thạch, ngay tôi (Trương Tích Thuần) cũng vậy, vì sợ tính hàn lương (lạnh, mát) xâm nhập làm hại hạ tiêu. Tuy nhiên gặp bệnh phải dùng vì vậy đã dùng và người bệnh được khỏi. Gặp chứng này, nếu không trọng dụng Thạch cao thì nhiệt đang nhiều như vậy ở Dương minh không trừ được. Nếu không dùng liều cao

Đại giả thạch thì cái xung khí bốc lên không thể chế ngự nổi, do đó dùng chung 2 vị trên không gây tổn thương gì cả.

Nhận xét: Xung khí thuộc về Vị, lại lệ thuộc ở Can. Nếu có đờm ẩm mà lại kèm Can uất thì Can hoá nội động kẹt với xung khí bốc lên, sẽ làm cho nôn ra đờm dãi, nặng thì gây ra nấc và ợ hơi. Nếu lại cảm phải ôn bệnh thì càng nặng thêm. Trong y án này, dùng phương pháp thanh lương, tiềm trấn, rõ ràng là dùng thuốc đối chứng, lời thuyết minh trên đây cũng đủ giải thích rõ.

25- PHONG ÔN

(Trích trong ‘Ôn bệnh’ của Phong Thiếu Dật, Trung quốc).

Tại Văn Trục, có người họ Tôn, là người nghiện thuốc lá, thể chất anh ta vốn ốm yếu, bỗng nhiên bị ho, khó thở, nóng khát đến nửa tháng. Các thầy thuốc đều cho là thuộc âm hư, Phế tổn, dùng thuốc nếu không là Địa hoàng, Ngũ vị tử, A giao thì cũng là Sa sâm, (Khoản) Đông hoa, Mạch môn... vì vậy, càng uống bệnh càng tăng. Người nhà đến mời Phong Thiếu Dật đến chữa. Ông xem mạch thấy mạch động to lớn, có sức căng, ấn tay xuống thấy đi Hoạt, Sác, lưỡi đỏ gợn vàng, nóng khát, ho suyễn, như vậy rõ ràng là độc của bệnh phong ôn xâm nhập vào Phế và Vị mà gây ra. Cứ xem thuốc đã uống trước đây toàn là những vị tư nhuận, càng làm cho Phế khí thêm bị bế tắc lại đến nỗi độc của bệnh không đường thông tiết ra ngoài được. Bây giờ phải làm cho Phế tuyên thông, làm cho Vị được mát, vì thế, dùng phép tân lương giải biểu: *Bạc hà 4.5g, Thuyền thoái 3g, Tiền hồ 4.5g, Đạm đậu xị 12g, Qua lâu xác 6g, Ngưu bàng tử 4.5g*, thêm *Lô căn* và *Thiên hoa phấn*, sắc uống. Uống được 2 thang, thấy lồng ngực hơi nhẹ nhàng, ho cũng đỡ, phần khí hình như được khoan khoái. Xem mạch thấy mạch đi hoà hoãn nhưng ấn nặng xuống thấy mạch động vẫn như trước, bọt lưỡi đã khô và sạm lại, thân mình nóng như lửa, miệng khát, không ngủ được, như vậy là nóng độc chưa giảm cho nên mâu mỗ trong người bị khô đi. Bây giờ cũng phải dùng theo phương pháp trước, bỏ Bạc hà, thêm Thạch cao, Tri mẫu cho uống. Uống như vậy

được 3 thang, thấy da ra mồ hôi xấp, thân mình mát mẻ, lưỡi đã tươi nhuận, mạch đi thông thả, hoà hoãn lại. Sau đó bổ dưỡng dần cho đến khi khoẻ lại.

26- THU ÔN HIỆP THẤP

(Bệnh án của Quá Doãn Văn – Trích trong ‘Danh y nghiệm án loại biên’, Trung quốc).

Con trai ông Tưởng Nhất Thanh, 32 tuổi. Bệnh nhân vốn có đờm thấp, lại cảm nhiễm khí mát mùa thu, uất phục lại hoá thành nhiệt gây nên bệnh.

Khám thấy sốt, nói xàm, tức ngực, đại tiện lỏng, rêu lưỡi vàng dày, hơi ứốt, khát nhưng uống ít. Mạch không tuyên dương do thấp tà ngăn chặn, nhiệt bị uất. Đúng ra nên dùng vị cay để khai mở, vị đắng để thấu tiết, tiếc rằng đã dùng lầm vị hương (thơm) táo (khô ráo) lại dùng lầm vị lương (mát) làm ngăn trở. Vị hương táo thì nung đốt, vị lương át (làm ngăn trở) thì bó lại cho nên cứ sốt dằng dai đến 3 tháng thì hôn mê, mê sảng. Vì cố chấp không hiểu, dùng sai thuốc mà gây nên tình cảnh này. Điều trị cần dùng vị cay để tuyên thông, dùng vị có hương thơm để mở, vị đắng để khai tiết.

Dùng Thạch xương bồ 3g, Tiên hồ 6g, Bạc hà (sắc thuốc gân được mới cho vào) 4.5g, Trần đờm tinh 4.5g, Quảng uất kim 4.5g, Bối mẫu 9g, Chỉ xác 3g, Tỳ bà diệp (chùi sạch lông) 5 lá tươi, Bạch khấu nhân (cho vào sau) 1.5g, Qua lâu bì 6g, ‘Ngọc khu đơn’ (cho vào nước thuốc uống) 1.5g.

Uống 2 thang, thấp được khai, nhiệt giảm, tinh thần tỉnh táo. Tiếp theo dùng vị thuốc khinh thanh, đạm thấu mà thành công.

Nhận xét: Trường hợp thấp tà bó uất nhiệt thì trước hết phải dùng vị khổ (đắng) tân (cay) để khai tiết. Trong bài đã có ‘Ngọc khu đơn’ có tài thấu suốt, Đạm khấu nhân không cần dùng cũng được.

27- ĐÔNG ÔN RA MỒ HÔI DÂM DỀ

(Bệnh án của Trương Tế Xuân – Trích trong ‘Danh y nghiệm án loại biên’, Trung quốc).

Từ Thiên Hoa, 26 tuổi. Mùa đông bị hạn khí ôn, lao động nặng nhọc nhiễm phải khí đó làm cho bệnh phát ra. Gần 10 ngày nay, toàn thân nóng không bớt, chóng mặt, ban đêm thì bứt rứt không yên, đại tiện táo, nước tiểu vàng, ho có ít đờm, mồ hôi ra dâm dề, hình sắc có dấu hiệu thoát chứng. Buổi sáng khám thấy rêu lưỡi vàng, ở giữa đỏ sẫm, mạch đi Hoạt Sác. Đó là do ôn tà mùa đông truyền từ mũi, miệng vào Phế không giải được vì thế truyền tiếp theo chiều thuận vào phần lý, xâm phạm vào Vị. Phế là tạng mỏng manh, Vị là dương thổ, vì vậy phải dùng phép thanh, phép giáng. Ai ngờ, uống thuốc vào mà hoá ra chảy mồ hôi dâm dề, trở thành bệnh nặng cấp tính, không thể trì hoãn được, người nhà bệnh nhân nghi do ra quá nhiều mồ hôi mà thành chứng thoát cho nên mời tôi lại khám bệnh. Tôi xem thấy mạch bên trái hoà, mạch bên phải thì mạnh, đây là do tà phạm vào phần khí từ lâu nay được

thanh giải, sau khi đi đại tiện thì tà và chính khí giao tranh làm cho mồ hôi ra nhiều, không phải là trường hợp mồ hôi thoát ra do âm dương ly quyết. Một lần ra mồ hôi dầm dề mà không dứt, có thể dẫn đến mồ hôi ra dầm dề nữa. Hiện giờ chính khí chưa hư lắm, tà khí chưa được thanh giải, theo Ngô Cúc Thông thì cứ để tự nhiên, không nên gây rối thêm.

Dùng Tang diệp, Hạnh nhân, Liên kiều, Chi bì (vỏ trái Chi tử), Bạc hà để thanh Phế; Dùng Chỉ xác, Qua lâu bì để giáng Vị; Bối mẫu, Phục linh, Ý dĩ, Cam thảo để thanh nhiệt ở Phế Vị, hoá đờm; Lại thêm Tỳ bà diệp là thuốc thanh giáng làm tá sứ. Qua ngày hôm sau thăm lại, mồ hôi ra mà nhiệt không hết, ho khạc ra đờm dẻo, liền lấy lá Sâm để dưỡng âm làm chủ; Phục linh, Cam thảo, Ý dĩ để hoà Vị khí; Bối mẫu, Qua lâu bì để thanh đờm; Lại dùng một ít Liên kiều, Chi bì, Đơn bì, Hà diệp lạc (gân lá sen) để quét sạch nhiệt còn tồn đọng. Tuân theo lời dạy của các vị tiên hiền, nếu sau khi mồ hôi ra dầm dề mà toàn thân lại nóng thì không được vội dùng thuốc bổ, sợ rằng dư tà còn sót nhen nhúm lại thành nhiệt bốc lên gây hại.

Cho dùng *Đông tang diệp 3g, Liên kiều 6g, Hạnh nhân 6g, Chi bì 4.5g, Chỉ xác (sống) 4.5g, Bạc hà 3g, Bối mẫu 9g, Qua lâu bì 9g, Vân phục linh 9g, Ý dĩ 9g, Cam thảo (sống) 2.4g, Tỳ bà diệp (rửa sạch) 2 lá.*

Bài thứ 2: *Lá sâm 6g, Phục linh 9g, Cam thảo 1.5g, Ý dĩ 3g, Qua lâu bì 4.5g, Xuyên bối mẫu 3g, Liên kiều 3g, Sơn chi bì 3g, Đơn bì 3g, Gân lá sen 6g.*

Kết quả: Qua ngày sau nữa thăm lại, mồ hôi ra, hết sốt, ho giảm, ăn được khoảng 1 chén cháo. Sau đó có lại thăm vài lần, bệnh nhân cơ thể mát, hết ho và khỏi hoàn toàn.

Nhận xét: Do tà khí và chính khí đấu tranh với nhau mà gây ra mồ hôi dầm dề. Nếu mồ hôi ra được rồi thì bệnh khỏi. Nhưng nếu người ớn lạnh mà mồ hôi vẫn không ra thì bệnh lại tăng, đó là lẽ bình thường. Trường hợp bệnh này, đại tiện rồi mồ hôi ra dầm dề, đó là nhiệt bên trong bị tống ra vậy, đó là triệu chứng tốt. Như vậy đâu phải là thoát hãn cho nên không được dùng thuốc bổ. Phép trị dùng các vị để thanh túc dư tà là thích hợp vậy.

Y ÁN HỆ TIÊU HOÁ

Bệnh về hệ tiêu hoá là bệnh thường hay gặp nhất, vì khó tránh khỏi việc ăn uống thường ngày.

Những bệnh như Tiêu chảy, Kiết lỵ, Đau dạ dày, Loét dạ dày... là những bệnh rất thường gặp trong lâm sàng. Gần đây những bệnh về gan (viêm gan siêu vi, xơ gan, viêm gan mạn...) lại là những đề tài nóng bỏng được các thầy thuốc nêu lên... chúng tôi trình bày các bệnh án này dưới nhiều góc độ, nhiều trường hợp khác nhau, mong rằng đó là những tư liệu giúp các thầy thuốc vững tin hơn khi điều trị cho bệnh nhân.

28- TIÊU CHẢY DO ÂM HƯ

(Trích trong ‘Chẩn dư cử ngẫu lục’ của Trần Đình Nho, Trung quốc).

Mùa đông năm Bính Thân, tôi tính rời Kinh đô thì vợ họ Trần bị tiêu chảy đã mấy tháng nay, mỗi ngày ỉa 5-6 lần. Thầy thuốc đến trước cho là do Tỳ thổ hư hàn, dùng Bạch truật để bổ thổ, Phụ tử để hồi dương, Mộc hương để cầm ỉa. Tuy nhiên, bệnh đã không khỏi mà mặt lại nóng bừng, miệng khô, chân lạnh, ăn uống kém dần, đêm ngủ không yên. Mới xem qua, thấy giống chứng thượng nhiệt (trên nóng) mà hạ hàn (dưới lạnh), dương hư trọng chứng (chứng dương hư thể nặng). Xem mạch thấy ở 2 bộ thốn, mạch nhỏ gần như không có ở bộ quan và xích bên trái, mạch Nhu Trì, không có thần (thiếu thần), mạch ở bên phải lại Hoạt Sác có lực. Nhờ xem mạch tôi mới biết đó là chứng âm hư chứ không phải dương chứng. Tôi liền dùng Sinh địa thán (Sinh địa đốt thành tro) 40g, Hoài sơn (sao), Toan táo nhân, Đan bì, Bạch thược, Ngũ tât, mỗi vị khoảng 12g, Chích thảo, Sa nhân, Hoàng bá, mỗi vị 1 – 2 g, Nhân sâm, Ôi cát căn (Cát căn nướng) mỗi vị 4g.

Uống 1 thang, chứng ỉa bớt được 2/3, mạch tượng cũng đã hoà. Uống thêm 1 thang nữa, đêm đã ngủ được, miệng cũng hết khô. Uống tiếp 2 thang nữa thì ăn biết ngon, mặt hết phừng và chân ấm lại.

Có người hỏi tôi tại sao có những chứng giả làm cho người ta có thể lầm như vậy ? Tôi đáp : Chứng này có thể ví như cây đèn dầu : Dương tức là ngọn đèn, âm là chất dầu để đốt. Mạch bộ quan xích ở bên phải là ngọn đèn,

mạch bộ quan xích bên trái là chất dầu. Mạch phía bên phải có lực tức là ngọn đèn còn mạnh, mạch bên trái không có thần tức là chất dầu không đủ. Trước đây, vì dùng lầm những loại như Bạch truật, Phụ tử, có khác gì dầu sắp hết mà cứ khêu cho tim đèn lên, ngọn đèn ở trên càng cháy to thì dầu ở dưới càng cạn. Chỉ vì thấy giả tượng (phần biểu hiện ra bên ngoài) ở trên nhiệt (nóng) dưới hàn (lạnh) mà dùng các vị thuốc táo Tỳ (làm cho tỳ khô ráo), Bồ Hoả, làm cho dầu khô cạn đi và đèn tắt, cả âm lẫn dương đều tiêu mất. Tôi dùng thuốc bổ Âm là để cho hợp với phần dương. Âm mà phục hồi thì dương có nơi nương tựa, do đó, các chứng đều hết, biểu hiện của mạch (mạch tượng) cũng điều hoà. Thế mới rõ là dầu đầy đủ thì ngọn đèn sẽ tự cháy sáng.

Lại hỏi về cách dùng thuốc, tôi đáp : “Dùng thuốc không có thành pháp, phải tùy thời mà luận chứng, tùy chứng mà luận trị, thế thôi. Nếu noi theo cổ pháp (phương pháp của người xưa) thì đó không phải là dụng ý hợp thang ‘Lục vị địa hoàng’ với thang ‘Bổ trung ích khí ‘đó sao ? Lấy ý ‘Lục vị ích âm’ làm chủ (vi quân), do đó, trọng dụng Địa hoàng; ‘Bổ trung ích khí ‘là vị tá, do đó, phải bỏ Hoàng kỳ, vì trong thang thuốc có dùng vị Nhân sâm nên trong phương ‘Lục vị ‘ phải bỏ Sơn thù; trong đơn có Địa hoàng nên trong phương ‘Bổ trung ích khí’ phải bỏ vị Dương quy. Sợ rằng chân âm không giữ lại được nên phải thêm chút ít vị Hoàng bá để giúp cho phần âm được mạnh (kiên cố). Sợ rằng thanh dương bị dồn xuống (hạ hãm) nên phải thêm vị Cát căn để thăng đề (nâng) nó lên, vì vị Cát

căn vốn là một thánh dược chữa chứng tiết lý (tiêu chảy, kiết lý).

Ngày xưa, ông Trương Thạch Ngoan trị các chứng hư tổn bằng bài ‘Bổ trung ích khí’ thường hay dùng vị Cát căn thay cho vị Thăng ma vì Thăng ma cũng như vị Sài hồ thường làm tổn đến chân âm, do đó, khi chân âm bị hư tổn không được dùng vị ấy (Thăng ma). Đó gọi là chút linh hoạt trong cách tạo ra phương thang vậy.

29- TIÊU CHẢY DO KHÍ HUYẾT ĐỀU HƯ

(Trích trong “Chẩn dư cử ngẫu lục” của Trần Đình Nho, Trung quốc).

Qua đầu mùa thu năm Bính Thân, con trai ông Đào Đoan Dực, 12 tuổi, đại tiện hơi lỏng, bị bệnh đã mấy tháng rồi, ăn ít, khí yếu, bệnh trạng có vẻ nguy kịch mới mời tôi tới chữa. Xem thấy mạch Nhu Hoãn, biết là khí huyết đều hư rồi biến sinh hàn chứng. Cho dùng bài ‘Bổ trung ích khí thang’ (Bạch truật 4g, Chích thảo 4g, Dương quy 4g, Hoàng kỳ 6g, Nhân sâm 4g, Sài hồ 1,2g, Thăng ma 1,2g, Trần bì 2g, Đại táo 2 trái, Sinh khương 1 lát), thêm Can khương 2g, Ngưu tất 4g, Phụ tử 2g, Thục địa 6g. Uống đến mấy chục thang mới khỏi hẳn”.

30- TIÊU CHẢY DO NỘI THƯƠNG HÀN THẤP

(Trích trong ‘Chẩn dư cử ngẫu lục’ của Trần Đình Nho, Trung quốc).

Mùa hè năm Tân Mão, tôi làm thuốc ở Tế Nam, có Thái thú họ Kỳ bị chứng mình nóng, sợ lạnh, cả người đều đau, bụng đầy, tiêu chảy. Đau như vậy đã một tuần mới mời tôi đến chữa. Tôi xem thấy mạch Đại mà Hoãn, lưỡi có tưa trắng, ướt. Tôi cho là nội thương hàn thấp chứ không phải là ngoại cảm phong hàn.

Cho dùng: ‘Lý trung thang’ (Bạch truật 12g, Chích thảo 12g, Can khương 12g), thêm Thương truật 12g, Phụ tử 4g), uống chỉ mấy thang là khỏi.

31- TIÊU CHẢY DO HÀN THẤP

(Trích trong ‘Chẩn dư cử ngẫu lục’ của Trần Đình Nho, Trung quốc).

Mùa hè năm Bính Thân, tôi trở về Kinh đô, có người bệnh là Dương Nghệ Phương, bị chứng *tiêu chảy* hơn 10 lần một ngày, ăn uống bị giảm sút, trong người nóng nẩy không yên. Tôi khám thấy mạch sắc, nhất là ở bộ *xích lại mạnh* (kiên cường), có lực. Tôi cho là do Thử thấp gây nên. Tuy nhiên, người bệnh đã hơn 60 tuổi, điều cốt yếu là phải lo giữ chính khí. Vì vậy, trước hết, cho uống ‘Tam hoàng thang’ (Hoàng bá 4g, Hoàng liên 4g, Chi tử 4g) hợp với ‘Lục nhất tán’ (Hoạt thạch 24g, Cam thảo 4g) thêm Bạch truật 4g, Trần bì 4g, và Sa nhân 4g.

Uống liên tục 2 thang, hết tiêu chảy, sau đó cho dùng thuốc bổ, chẳng bao lâu sức khoẻ phục hồi như cũ.

Nhận xét : Trong 4 bệnh án của Trần Đình Nho điều trị tiêu chảy (tiết tả) kể trên, một chứng do hàn, một chứng thuộc nhiệt, một chứng do Tỳ bị suy yếu dẫn đến Thận hư gây ra dương hư, còn trường hợp cuối do âm hư.

Theo phương pháp điều trị thì : Hàn phải ôn, nhiệt phải thanh (làm cho mát) dương hư thì phải bổ dương (Hư tắc bổ). Đó là những phương pháp trị tiêu chảy thông thường, thầy thuốc nào cũng đã biết và đã từng có kinh nghiệm điều trị. Tuy nhiên, bệnh án thứ tư có nét rất độc đáo là chữa tiêu chảy bằng cách dưỡng âm, đây là điều mà ít người để ý đến.

32- TIÊU CHẢY DO ÂM DƯƠNG ĐỀU HƯ

(Trích trong ‘Hạnh hiên y án’ của Trịnh Quang Tuyên - Trung quốc).

Vào giữa mùa Hè, cháu bé con ông Dương Điện Thành bị chứng phát sốt, tiêu chảy và tuy đã được điều trị gần 2 tuần nhưng bệnh vẫn không bớt mà hơi thở lại ngắn, tinh thần mê mệt. Tuy thân thể nóng nhưng ban ngày thì nhẹ còn đêm lại nặng hơn, còn tiêu chảy thì ban đêm đi tiêu ít, ban ngày đi tiêu nhiều, tóc khô, xương đầu ở mỏ ác cũng như phía sau chẩm đều lõm xuống, môi và lưỡi cũng đều khô. Tôi nói: “Chứng này là âm dương đều hư”. Dương Điện Thành nói rằng cháu bé đã từng được uống các vị thuốc Thạch học, Mạch môn (các vị thuốc có tính mát) thì ỉa lại càng nhiều mà ăn cũng không được. Nhưng uống các vị thuốc như Sâm, Bạch truật (ôn Tỳ) thì lại càng nóng nẩy, trần trọc, miệng cũng khô thêm. Tôi nói: "Dùng như vậy đều không đúng vì bệnh mà cả âm và dương đều hư như vậy thì dùng những vị thuốc phải có tính cương và nhu chung một lúc mới được. Vị Mạch môn có vị ngọt, lạnh (cam hàn) không phải là vị thuốc có thể dùng trong trường hợp dương hư do tiêu chảy lâu ngày gây ra. Vị Bạch truật, đắng, khô ráo (khô táo) làm sao có thể dùng vào chứng âm hư khát nước từ lâu nay”. Tôi bèn linh hoạt lập ra phương (bài) thuốc sau: *Thục địa 2g, Phụ tử 0,4g, Câu kỷ 2g, Hoài sơn 2g, Biển đậu 2g, Sơn thù 1g, Thạch chi 1g, Cam thảo 1g, Long nhãn 2g*. Sắc uống. Cháu bé uống liên tiếp vài thang thì khỏi .

33- TIÊU CHẢY DO TỖ VỊ ÂM HƯ

(Trích trong ‘Đắc tâm tập y án’ của Tạ Ương Lô, đời nhà Thanh, Trung quốc).

Con ông Vương Khải Nguyên, vào giữa mùa hè, bị chứng phiền khát, trên nôn (mửa), dưới ỉa (thổ tả), lưỡi đỏ, môi hồng, nước tiểu ngắn, ít, phiền táo (nóng nảy bực bội), không yên. Ông Khải Nguyên, biết ít nhiều về y lí, tự ý kê đơn thuốc, dùng các vị Biển đậu, Hương nhu, Xa tiền tử, Hoạt thạch, Hoàng liên, nhưng ông còn e dè, chưa dám cho con uống, ông tìm đến thảo luận với tôi. Tôi xem thấy cháu bé sắc mặt trắng, tinh thần lơ đãng, hơi thở gấp, đờm nhiều, mạch thì *Vi Tế*. Tôi cho là Tỳ hư chứ không phải chứng táo thuộc về thử nhiệt (như ông Vương Khải Nguyên đã nhận định). Tôi nói : “Dùng phép phân lợi (lợi tiểu tiện) để cầm tiêu chảy, giải thử nhiệt để trừ nóng khát, đó là phương pháp của người làm thuốc (y môn), tuy nhiên, còn phải tùy người, tùy chứng mà áp dụng thì mới có kết quả. Cứ theo mạch, sắc và các biểu hiện lâm sàng thì cháu đây mắc chứng *Tỳ bị hư quá* (đại hư), thành thử, phương pháp nói trên (phân lợi) chắc chắn không thể dùng được. Xét về điểm môi hồng, lưỡi đỏ, đó là vì do nôn mửa mà tân dịch ở trên bị suy, hao đi, nước tiểu ngắn, ít và nóng khát là vì tiêu chảy nên tân dịch ở dưới phải kiệt”. Tôi dùng bài ‘Thất vị bạch truật tán’ (*Nhân sâm, Bạch truật, Phục linh, Mộc hương, Hoắc hương, Cát căn, Cam thảo*), sắc lên cho uống. Cháu uống xong 2 thang thì chứng

phiền khát đã bớt, tôi cho uống tiếp bài ‘Lục nhất tán’ (*Hoạt thạch, Cam thảo*) thêm *Câu kỷ* thì hơn 10 thang, cháu mới thật lành mạnh.

Hễ chứng tiêu chảy thuộc về mặt Tỳ âm suy tổn thì phải dựa theo cách trên đây. Nếu do Tỳ dương suy tổn, phải dùng ‘Lục thần hoàn’ (Nhân sâm, Bạch truật, Phục linh, Hoài sơn, Viễn đạu, Cam thảo) thêm Can khương mới hợp.

34- TIÊU CHẢY DO THẬN HƯ

(*Của Cảnh Mỹ Trung - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc.*)

Trần XX, nam, 70 tuổi. Bệnh đã hơn 3 năm, sáng sớm dậy đều tiêu chảy, thức ăn không tiêu. Đã được điều trị nhiều thứ thuốc mà không khỏi. Đã uống các bài ‘Lý trung thang’, ‘Tứ thần hoàn’, ‘Phụ tử lý trung hoàn’, Uống vào chỉ đỡ khoảng 3 -5 ngày rồi lại tiêu chảy, đến khi nhập viện vẫn chưa khỏi. Khám thấy 2 mạch đều nhược. Chẩn đoán là tiêu chảy do Thận hư.

Cách chữa là bổ Thận ích khí. Cho dùng bài ‘Lý trung thang gia giảm’ (*Đảng sâm 9g, Bạch truật 9g, Can khương (nướng) 6g, Tế tân 1,5g, Ngô thù 6g, Sinh khương 9g*). Sắc uống ngày một thang: uống liền 3 thang thì khỏi bệnh. Theo dõi 3 tháng, không thấy tái phát. Bệnh ở người này đã kéo dài đến 3 năm, đã dùng các bài ‘Lý trung thang’, ‘Tứ thần hoàn’... mà chỉ có tác dụng tạm thời, lý do là vì bài ‘Lý trung thang’ có Cam thảo là thuốc của trung tiêu, có tác dụng ngăn không cho Phụ tử đi xuống để ôn Thận.

Bài thuốc ‘Lý trung’ nghĩa là “lý” vào trung tiêu, còn trường hợp này là tiêu chảy ở hạ tiêu, do đó, vẫn dùng bài ‘Lý trung thang’ nhưng bỏ vị Cam thảo, thêm Tế tân, Ngô thù gọi là bài ‘Lý trung thang gia giảm’. Chỉ cần 3 thang là khỏi. Xin nhấn mạnh, dứt khoát *phải bỏ Cam thảo để vị này không làm cho thuốc vào kinh Thận bị giữ lại ở trung tiêu, làm yếu sức ấm ở dưới đi. Thêm vị Tế tân không phải chỉ để dẫn thuốc vào Thận mà bản thân vị thuốc này cũng có tác dụng kích thích Thận dương do đó có lợi là đẩy âm tà ra. Dương hư, âm thủy không hoá được gây ra tiêu chảy, tức là thủy không giữ ở vị trí của nó mà lại bỏ đi đường khác. Nay thủy được chính khí, khí hồi phục tức là có thể tiêu thức ăn, tiêu chảy cầm ngay. Thêm vị Ngô thù là thứ ôn (làm ấm) Can, Can Thận cùng ở hạ tiêu, ôn Can thì có thể ấm Thận. Vì vậy, ông Lý Đông Viên nói: “Trọc âm mà không giáng đi thì gây ra tả lý, nên chữa bằng Ngô thù... công dụng như thần, các vị thuốc khác không vị nào thay thế được”. Dương Thời Thác (đời nhà Thanh) giải thích thêm về việc dùng Ngô thù để trị tiêu chảy như sau: “Ngô thù làm ấm bàng quang, thủy vận thì nước tiểu trong, đại trường sẽ tự củng cố... thông thoát sự che lấp dương ở trong thủy, làm giáng sự ngưng trệ âm ở trong thổ, do vậy mà có thể cầm tiêu chảy” .*

35- TIÊU CHẢY DO HƯ LÃN THỰC

(*Y án của Phong Thiếu Dật – Trích trong ‘Tục danh y loại án’*).

Tại Nhược Gia, có ông họ Nghệ bị tiêu chảy không cầm, mời Phong Thiếu Dật đến chữa. Ông xem thấy toa của thầy thuốc trước còn đó, liền lấy coi và bảo rằng: “Bạo chú hạ bách, giai thuộc ư nhiệt (tiêu nhiều, nặng trĩu, tất cả đều do nhiệt), dùng Can khương, Hoàng liên, Tông lư, Cát căn... chưa được đúng vào gốc bệnh. Xem mạch thấy mạch *Thần môn* đi yếu và nhược, các mạch khác đều *Huyền Hoãn*, lưỡi thì sáng trơn, có bọt trắng mà mỏng, bứt rứt không yên, lưng đau và nước tiểu vàng. Căn cứ vào chứng trạng tiêu, tiểu mà nói thì trường hợp này hình như thuộc chứng nhiệt tả (tiêu chảy do nhiệt). Nếu dựa theo mạch và lưỡi thì lại không thể chẩn đoán là nhiệt được. Phong Thiếu Dật lập luận: Trong sách ‘*Nội kinh*’ có ghi: ‘Thận mạch đi quá nhỏ là chứng đông tiết, rõ ràng là tiên thiên vốn hư yếu vì vậy tà khí phục sâu vào bên trong. Các bộ mạch khác *Huyền Hoãn*, thường đau bụng là do Can mộc thừa cơ xâm nhập vị trí của Tỳ thổ. Nước tiểu vàng là có thêm chứng thấp. Vậy chứng này do hư mà lại có thực. Vì thế, phải bổ tiên thiên và hậu thiên, lại vừa làm cho Can yên lại và tiêu nước đi. Dùng *Bạch truật, Đảng sâm, Thỏ ty tử, Phá cố chỉ, Phòng phong, Bạch thược, Trạch tả, Phục linh, Cát căn, Mộc hương* và *Hà diệp* để dẫn thuốc.

Mỗi ngày uống một thang, uống liên tục 5 ngày, chứng đau bụng và tiêu chảy đều hết.

36- TIÊU CHẢY LÂU NGÀY

(Trích trong “*Y quyền sơ biên*” của Vương Tam Tôn, Trung quốc).

Đông Thiên Lập, 12 tuổi, bị tiêu chảy đã lâu ngày không khỏi, nhưng mạch lại Phù, vì vậy, nếu căn cứ trên mạch thì không có lý gì dùng phép ôn bổ được. Tôi liền dùng ‘Lục vị địa hoàng thang’ (Thục địa 16g, Hoài sơn 8g, Phục linh 6g, Đan bì 6g, Trạch tả 6g). Uống liên tục 4 thang thì khỏi.

Đó là vì tiêu chảy lâu ngày, chân âm bị tổn thương mà trẻ nhỏ lại bẩm sinh là thuần dương nên không cần dùng đến Quế chi, Phụ tử (tức là bài ‘Bát vị’) mà cũng vẫn có công hiệu".

Nhận xét : Dùng ‘Bát vị địa hoàng thang’ (‘Lục vị’ cộng thêm Quế, Phụ tử) để trị chứng tiêu chảy lâu ngày không khỏi, đã được người xưa nói và dùng. Có thể biện chứng là tiêu chảy lâu ngày chắc chắn sẽ làm vong âm (mất nước, mất tân dịch) và trong thuốc bổ âm (bài Lục vị), thêm Quế, Phụ tử (bài Bát vị) là để bổ hỏa trong thủy, giúp hỏa có đủ sức mà sinh thổ. Ngoài ra, vị Phục linh, Trạch tả có tác dụng lợi tiểu; Phục linh hợp với Hoài sơn lại bổ Tỳ; Sơn thù vị chua, có tác dụng thu liễm, để trị tiêu chảy, nhưng nó lại có tính ấm, hợp với Đan bì và Địa hoàng là thuốc có vị ngọt mà lạnh, làm thành thuốc bổ tỳ âm rất hay.

Thực tế lâm sàng mà dùng bài ‘Lục vị địa hoàng thang’ để chữa chứng tiêu chảy, chưa thấy ai đề cập đến.

37- TIÊU CHẢY LÂU NGÀY THÀNH HOẠT THOÁT

(Trích trong Hạnh hiên y án của Trịnh Quang Tuyên - Trung quốc).

Ông Đào Phong, 70 tuổi, bị chứng tiêu chảy. Con của ông là Mai Luân, vốn giỏi về thuốc và dù đã cho ông ta uống nhiều thuốc ôn bổ Tỳ Thận mà bệnh cứ kéo dài, chứng tiêu chảy sau cùng vẫn không sao cầm lại được. Bệnh tình đến lúc này mới mời tôi đến chữa. Khám bệnh xong, tôi nói với anh Luân rằng bệnh của ông cụ là do *tiêu chảy lâu ngày, trường vị đã đến lúc bị chứng hoạt thoát*. Chương bàn về *Thập tế* trong sách ‘Nội kinh’ dạy rằng: “Bổ khả khứ nhược, sáp khả khứ thoát” (dùng phép bổ có thể trừ được chứng suy nhược, dùng phép sáp, có thể trị được chứng thoát). Vì tiêu chảy đã lâu nên nguyên khí phải hư. Thuốc bổ thì may ra cứu vẫn được cái hư đó phần nào thôi chứ làm sao cầm giữ cho khỏi hoạt thoát được. Trương Trọng Cảnh từng dạy rằng: Bài ‘Lý trung thang’ điều chỉnh được bệnh (tiêu chảy) ở trung tiêu, nhưng đây lại là bệnh ở hạ tiêu, phải lấy *Xích thạch chi, Vũ dư lương* hoàn làm thuốc chính để trị. Ông Lý Tiện Tri nói rằng: “*Hạ tiêu hữu bệnh nhân nan hội, tu dụng Dư lương, Xích thạch chi*”, hơn nữa, trường vị đang trống rỗng, trừ thuốc này ra, có gì mà làm điều hoà trường vị lại được, những cặn bã ở ruột bị tống ra hết, trừ thuốc này, có gì làm cho nó phục hồi được tính chất dẻo dính của trường vị như trước được. Ngày xưa ông Dụ Gia Xương chữa cho Trần Ngạn Chúc và Bồ Quân Nghệ bị tiêu chảy lâu ngày không khỏi, cũng đã dùng bài thuốc này mà thành công. Tôi liền dùng nguyên phương ‘Xích thạch chi vũ dư lương hoàn’, chỉ

2 vị đó, tán thành bột, luyện với hồ (nếp) làm thành viên cho uống. Ông cụ uống vào quả nhiên hiệu nghiệm.

38- TIÊU CHẢY DO PHỤC TÀ

(Trích trong ‘Ôn bệnh’ của Phong Thiếu Dật, Trung quốc).

Ở thành Nam, có người họ Trần, sau ngày lập Hạ. Một bữa kia ông bị đau bụng, tiêu chảy, ăn cơm vào ỉa ra y nguyên (phân sống) không tiêu. Vì cho là do hôm trước ăn lầm phải bánh nên cứ chữa chứng tiêu chảy và thông tiểu tiện. Ông ta dùng ‘Ngũ linh thang’ (Bạch truật, Phục linh, Trư linh, Trạch tả, Quế chi), thêm các vị thuốc tiêu thực để uống nhưng không có kết quả. Người nhà mời Phong Thiếu Dật đến xem bệnh. Khám thấy 2 mạch bộ quan, *một bên đi mạnh , một bên yếu*, mạch ở khí khẩu không đi khẩn. Phong Thiếu Dật chẩn đoán chắc chắn không phải là chứng thương thực (bệnh do ăn uống gây nên) mà là chứng Sơn (Xan) tiết (tiêu chảy ra như nước, phân sống), chứng này do tà phục bên trong, như sách ‘Nội kinh’ đã ghi: " Mùa xuân cảm nhiễm thương phong, đến mùa hè mới sinh ra chứng sơn tiết. Do đó, nếu dùng loại thuốc tiêu thực, lợi thấp càng làm cho trung khí hư yếu. Bây giờ, phải trợ giúp cho Tỳ thổ mà tả bớt Can mộc mới xong (theo ngũ hành, *Can mộc khắc Tỳ thổ*). Dùng bài ‘Lý trung thang’ (*Nhân sâm, Bạch truật, Chích thảo, Can khương* đều 12g) thêm *Hoàng cầm, Bạch thực, Cát căn* (nướng), *Phòng phong*, uống liên tiếp 3 thang thì khỏi.

39- TIÊU CHẢY DO CAN PHONG TRUYỀN SANG TỖ

(*Y án của Phong Thiếu Dật - Trích trong 'Tục danh y loại án'*).

Bên Dương Thành, có người họ Lô, bị chứng tiêu chảy không cầm, da thịt hao sút đi, mạch 2 bộ quan đều Huyền. Phong Thiếu Dật nhận định: Trước khi ỉa, bụng đã sôi đau, hễ đau thì muốn đi tiêu, và tiêu ra nguyên thức ăn. Người bệnh nhận là Phong Thiếu Dật nói đúng, nhưng không hiểu bệnh do đâu gây nên. Phong Thiếu Dật giải thích: Đây là do Can phong truyền sang Tỳ. Tỳ bị ức chế không thể tiêu hoá được. Sách 'Nội kinh' gọi là chứng sơn (xan) tiết, các bậc y sư (nguyên bản ghi là Hậu thánh), đó là chứng Vị phong. Người bệnh thấy Phong Thiếu Dật lập luận chính xác về bệnh chứng nên xin ông cho toa chữa trị. Phong Thiếu Dật dùng bài 'Thống tả yếu phương' (*Bạch truật 12g, Bạch thực 12g, Trần bì 8g, Phòng phong 8g*) của Lưu Hà Gian, thêm Ích trí nhân, Cát căn (nướng), Mộc hương, Tả diệp để dẫn thuốc. Uống một thang chưa thấy công hiệu, liền thêm vào Nhân sâm, Hoàng kỳ, Can khương, Phụ tử. Mới uống một thang sau này liền thấy hơi bớt. Cho uống tiếp 2 - 3 thang thì dứt hẳn bệnh.

40- TIÊU CHẢY DO THẤP

(*Y án của Phong Thiếu Dật - Trích trong 'Tục danh y loại án'*).

Ở núi Vân Trục, có con gái ông họ Diệp, vào cuối hè, bỗng nhiên phát sốt và tiêu chảy. Thầy thuốc được mời đến trước, dùng bài ‘Ngũ linh tán’ (Phục linh, Trư linh, Trạch tả, Quế chi, Bạch truật) cho uống, thấy đúng bệnh. Thành linh kỳ kinh nguyệt của cô ta đến, thầy mới thêm Đương quy, Bạch thược, không ngờ chứng tiêu chảy lại tăng thêm mà còn đau bụng dữ dội hơn nữa. Phong Thiếu Dật được mời đến khám bệnh. Khám thấy *mạch bên phải mạnh hơn bên trái, đó rõ là thủ thấp truyền vào phân khí, vì vậy phân khí bị ngăn nghẹn, tà độc không có lối thoát ra mà kinh nguyệt nhân đó bị ứ trệ.* Phong Thiếu Dật liền dùng cách *ôn hoá thấp tà, thêm vị Mộc hương, Hương phụ, Tô canh, Diên hồ sách.*

Uống liên tiếp 3 thang, kinh kỳ ra tốt mà chứng tiêu chảy dứt, nhiệt độ của cô cũng giảm. Ông Trình Nghị nói rằng: *Thấp tại phân khí lẽ thường phải làm cho thông khí để thấm thấp và kinh kỳ đang có, muốn cho tốt, phải làm cho khí chạy đều thì kinh được đều. Như vậy dùng thuốc lý khí để thấm thấp và hành kinh là cách hay nhất.*

41- TIÊU CHẢY DO THỦ THẤP

(Của Vương Vị Xuyên - Trích trong ‘ Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Lý X... nam, 30 tuổi. Một hôm bị cảm nắng, bỗng nhiên ói và tiêu chảy, đã đến bệnh viện điều trị, cho dùng lắm mấy thang Đại hoàng làm cho chứng ói và ỉa không cầm được, bụng tức, khó chịu. Một ngày đêm ỉa và nôn hơn 60

lần, tinh thần mỗi mệt, hai tay tê dại không cầm được ly nước đưa lên miệng. Mạch Trầm, Tế mà Trì, lưỡi đỏ tía, đầu lưỡi đỏ, rêu lưỡi trắng bản như có bột. Sau khi khám, cho dùng bài ‘Thanh thử hoá thấp thang’ (*Thanh hao tuệ 9g, Bán hạ 9g, Đạm đậu xị 9g, Bội lan 12g, Nhân trần 12g, Sinh địa tươi 12g, Trần bì 3g, Xuyên liên 3g, Khẩu nhân 3g, Thương truật 6g, Quảng mộc hương 6g, Hoắc hương tươi 6g, Hà diệp tươi 1 mảnh*). Sắc uống với 9g ‘Cam lộ tiêu độc đơn’ (Hoàng cầm, Liên kiều, Nhân trần, Hoắc hương, Bạc hà, Bạch khấu, Xạ can, Xương bồ). Uống hai thang đã cầm ỏi, giảm hẳn ỉa chảy, hai tay hết tê, lưỡi chuyển sang màu hồng, rêu lưỡi tốt hơn. Cho dùng tiếp bài thuốc trên, bỏ vị *Trần bì, Thương truật, Đậu xị, Xuyên liên, ‘Tiêu độc đơn’, Hà diệp, Hoắc hương, Sinh địa, thêm Sơn chi 9g, Thạch xương bồ 9g, Hậu phác 3g, ‘Lục nhất tán’* (Hoạt thạch, Cam thảo). Uống tiếp 4 thang thì bệnh khỏi.

Tiêu chảy vào mùa hè, phần nhiều do thử thấp phục áp, không tống ra ngoài được. Phép chữa: chỉ cần thanh thử hoá thấp là có thể dựa vào thế mà lợi đạo. *Các vị thuốc có tính khổ hàn (đắng lạnh) chẳng những không có tác dụng gì, mà còn làm cho thử thấp bế tắc ở bên trong, đặc biệt lại càng làm cho trên ỏi dưới ỉa nhiều hơn.* Trường hợp này, dùng bài thuốc chú trọng táo lợi thấp tà, giúp cho phương hướng hoá trọc làm cho thử được thanh, thấp bị hoá đi, tự nhiên sẽ khỏi ỏi, ỉa.

42- TIÊU CHẢY DO TỶ HƯ - THỬ THẤP

(Của Tôn Duãn Trung - Trích trong ‘ Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Tô X, 45 tuổi. Thành linh bị tiêu chảy, phân ra như nước, một ngày hơn 20 lần. Đã được cho uống rượu thuốc Opii (loại ‘Lục thân thủy’), và dùng các vị thuốc như Ô mai, Ngũ bội tử, Sinh mẫu lệ để thu sáp, bên ngoài dùng ‘Cao khổ sâm’ dán lên rốn để cầm ỉa.

Sau khi dùng thuốc, số lần đi lỏng giảm bớt, chỉ còn 6 - 7 lần, nhưng vẫn thấy có một vùng lạnh băng khoảng bàn tay ở vùng rốn, bụng vẫn trướng, rốn vẫn đau. Khám thấy mạch Nhu, Hoãn, rêu lưỡi trắng bẩn, chất lưỡi nhạt. Tổng hợp tứ chẩn, thấy đây là trường hợp bệnh phát sinh vào giữa mùa hè, *thử thấp làm hại đến Tỳ Vị*. Tỳ bị *thấp tà bao vây* làm cho chức năng vận hoá của nó rối loạn. Thử thấp chạy xuống dưới gây ra bụng trướng, rốn đau, kém ăn và ngực tức. Tỳ chủ tứ chi vì vậy thấy chân tay mỗi mệt. Rêu lưỡi trắng bẩn, mạch Nhu Hoãn là triệu chứng *thấp nặng*. Lưỡi nhạt mà mạch Hư là biểu hiện của *Tỳ Hư*. Tất cả các chứng trạng trên đều cho thấy *Tỳ hư, bị thấp tà bao vây*, tương ứng chứng viêm ruột cấp tính.

Cách trị là Vận Tỳ, hoá thấp. Dùng bài ‘Vị linh thang’ và ‘Tam nhân thang’ gia giảm (Phục linh 15g, Trư linh 9g, Thương truật 9g, Hậu phác 9g, Trạch tả 9g, Quế chi 3g, Cam thảo 6g, Dĩ mễ 9g, Hạnh nhân 9g, Thông thảo 3g, Bạch khấu nhân 6g, Hoạt thạch 9g, Sinh khương 6g). Sắc uống ngày 1 thang. Uống 9 thang, thấy giảm hẳn đau trướng bụng, chỉ còn ỉa 1 -2 lần/ ngày, ăn uống khá hơn nhưng phân chưa

thành khuôn. Khám thấy mạch Trầm, Tế không có lực, chất lưỡi nhạt, rêu mỏng trắng, qua đó có thể thấy rằng *thủ thấp* đã bớt khá nhiều, cần trợ giúp cho Tỳ dương đang bị giam hãm bởi thấp tà).

Cách trị là kiện Tỳ, khu thấp, tiêu trướng. Dùng bài thuốc trên có gia giảm như sau: *Bạch sâm 9g, Tiêu truật 9g, Phục linh 9g, Cam thảo 6g, Quảng mộc hương 6g, Trần bì 9g, Dĩ mễ 15g, Quế chi 3g, Tam tiên tán* (tức Sơn tra, Mạch nha, Thần khúc) 15g, *Hậu phác 6g*. Uống 2 thang đã thấy bệnh yên, tinh thần tỉnh táo, ăn uống tốt, chỉ còn mệt mỏi, biểu hư, mồ hôi tự ra, cho uống tiếp 3 thang nữa, bệnh khỏi hẳn.

Trường hợp viêm ruột cấp tính này chủ yếu biểu hiện ở việc tiêu lỏng như nước. Đông y cho là *Thủ thấp bạo tả*, vừa là thực, vừa là nhiệt, nên xử lý bằng cách sơ lợi. Tiêu lỏng lâu ngày thiên về hư, hàn, thì lại phải cố sáp. Trường hợp này là bạo tả rõ ràng, dùng lầm thuốc cố sáp, càng uống, bệnh càng nặng. Cần phải thận trọng biện chứng cho đúng thì luận trị mới được.

43- TIÊU CHẢY DO VỊ KHÍ CỤC HƯ, TỖ THẬN DƯƠNG HƯ

(Của Chu Thọ Khang - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Chu X, nam, 30 tuổi, công nhân xưởng. Cách đây hơn 3 năm, bụng đau âm ngấm ngày đêm, tiêu chảy mỗi ngày 5 -6 lần, đã được điều trị nhiều mà không khỏi. Uống 'Tứ

thần hoàn', hơn 100 thang 'Lý trung', nhưng bệnh lúc thì đỡ lúc thì nặng mãi không khỏi. Cơ thể gầy còm, sợ lạnh, tay chân lạnh, không muốn ăn uống, ăn xong là tiêu lỏng, chất lưỡi non, rêu trắng dày, mạch *Trầm, Trì, Tế, Nhược*. Thuộc chứng *Tỳ Thận dương hư*, không có sức vận hoá. *Tỳ Vị* hư thì không tiêu hoá thức ăn, vận hoá tinh vi được. *Tỳ Thận* dương hư thì âm thuỷ không hoá, lâu dần thành ra chứng tiêu lúc gần sáng (canh năm - Ngũ canh tiết tả), bệnh không dứt sẽ tiến đến hoạt thoát. Trường hợp bệnh này chứng tỏ khí của *Tỳ Vị* vận hoá bất thường, *Vị* khí cực hư. Thuộc chứng viêm ruột mạn tính.

Điều trị: Nên bổ hư, ôn trung, sáp trường, cố thoát.

Dùng bài 'Chân nhân dưỡng tạng thang' (*Đảng sâm 12g, Bạch truật 10g, Chích thảo 3g, Dương quy 6g, Bạch thược 12g, Nhục quế 6g, Nhục đậu khấu 10g, Mộc hương 6g, Kha tử 12g, Túc xác 6g, Can khương 6g*). Sắc uống ngày 1 thang, uống 5 thang, chứng đau bụng và tiêu lúc gần sáng có biến chuyển tốt nhưng ngày vẫn tiêu 1 - 3 lần. Bài thuốc đã có công hiệu. Sau đó, dùng nguyên phương, thêm *Phụ phiến 6g, Bồ cốt chỉ 10g*, để ôn bổ *Thận* dương, ích *Tỳ*, cố thoát. Uống liên tục 10 thang, tay chân trở nên ấm áp, hết tiêu lỏng, đại tiện bình thường, ăn uống tăng lên. Vì vậy, bỏ *Vị Can khương*, cho uống tiếp 10 thang nữa để củng cố hiệu quả. Hai tháng sau, thăm lại, mọi thứ đều tốt.

44- TIÊU CHẢY DO THẤP NHIỆT

(Trích trong ' *Tử Siêu y thoại* ' của Nguyễn Tử Siêu - Việt Nam).

Cháu bé Nguyễn Tấn, 1 tuổi, bị ói mửa, tiêu lỏng, miệng khát, nước tiểu đỏ và ít, lúc khóc, lúc nín không nhất định. Lúc đầu một thầy thuốc dùng thuốc tiêu đạo và lợi thủy, uống liền 2 thang, không kết quả. Ông ta lại cắt bài 'Vị linh tán' gia giảm cho uống. Uống bài thuốc đó, em bé tiêu toàn nước trong mà sắc xanh, không có mùi phân, cháu bé càng bức dộc, khát nước, nôn mửa. Từ lúc bị bệnh đến hôm đó đã qua 5 ngày mà ngày thứ 4, thứ 5 lại nặng hơn trước nhiều, trằn trọc suốt đêm, không lúc nào yên. Bố mẹ cháu mời tôi đến chữa. Qua nhận xét về hình sắc và hỏi người nhà về quá trình bệnh, tôi nhận thấy: Bấy giờ đang mùa nóng nực, hai khí thấp nhiệt đang cùng tranh giành. Trong trường vị của cháu bé vốn có tích nhiệt, lại kết hợp với thức ăn ứ đọng chưa tiêu, vì vậy tiêu ra toàn nước trong mà không có mùi thối, trằn trọc vật vã không yên... lại cho uống bài 'Vị linh tán' gia giảm làm cho trường vị càng thêm khô ráo, có chút nước nào bài tiết ra hết mà cặn bã thì vẫn ứ đọng, muốn ra mà không ra được, vì vậy mới quặn ruột mà khóc.

Sau khi nhận xét kỹ, tôi liền dùng phương pháp 'Thông nhân thông dụng' để công kích khứ trệ: *Đại hoàng (tấm rượu) 4g, Chỉ thực (sao) 4g, La bặc tử (sao) 8g, Mạch nha 6g, Hoạt thạch 24g*. Sắc 300 ml nước, còn 100ml, chia làm 3 lần uống, cách 2 giờ uống 1 lần. Sau khi uống lần thứ nhất, cách chừng nửa giờ, cháu bé đánh rắm (trung tiện) đã có mùi phân. Uống lần thứ 2, cách hơn 1 giờ sau, cháu tiêu ra không phải là nước trong nữa, toàn là những chất

lầy nhầy, lẫn cả những chất như thức ăn chưa tiêu. Tiêu xong, em bé nằm im lìm không nhúc nhích. Cả nhà hoảng sợ báo với tôi. Tôi nghe nói cũng ngạc nhiên vội đến thăm, thấy cháu nằm thiếp trong lòng mẹ, hơi thở đều đặn, tuy ngủ mà thỉnh thoảng vẫn mút vú, nuốt sữa ừng ực. Bấy giờ tôi mới nhận ra đó không phải là biến chứng mà chỉ là bệnh lâu gây ra mệt mỏi thôi. Sau đó một giờ, cháu đại ra một bãi rất dài rồi tỉnh, tôi cho uống thêm một thang ‘ởHoàrungh thanh nhiệt’ nữa, hoàn toàn bình phục.

45- TIÊU CHẢY DO TỖ THỔ BỊ TỔN THƯƠNG

(Trích trong ‘*Tử Siêu y thoại*’ của Nguyễn Tử Siêu, Việt Nam).

Năm 1951, khoảng tháng 6, một thanh niên ở làng Châu Lỗ, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (Hà Bắc) đến mời tôi chữa bệnh cho ông bố anh ta. Ông ta bị tiêu chảy đã hơn 1 tháng. Lúc bắt đầu bị sốt, kém ăn, ngày đêm tiêu chảy 6 - 7 lần. Đã lấy thuốc ở một thầy thuốc cùng làng, uống đến 12 thang, sốt nóng tuy đã bớt nhưng ăn càng kém, *tiêu ra phân không tiêu, còn nguyên cả thức ăn, ngày đêm tiêu đến 10 lần*, có lần lẫn cả máu, có lần chỉ như nước vo gạo... lại thay một thầy thuốc khác, tưởng là bớt không ngờ lại thêm chứng đau bụng, người gầy trơ xương, không ngồi dậy được nữa. Rồi thầy ấy bỏ không chữa... Khi tôi đến khám, coi tình hình đúng như lời người con nói. Nhưng nhận định về tinh thần, tuy bị bệnh đã lâu mà tinh thần vẫn còn vượng, mạch Phù, Huyền mà Tiểu. Nhân nhớ lại

trong thiên ‘Mạch yếu tinh vi luận’ (*Tố vấn*) có ghi : "Bệnh đã thành mà chuyển biến, nếu do phong sẽ biến thành hàn nhiệt". Lại ghi: " Bị phong lâu sẽ là chứng tiêu chảy". Vì phong do mộc hoá, phong bị quá lâu thì Tỳ thổ bị thương mà tiêu ra nước và phân không tiêu, tức là chứng ‘sôn tiết’. Trong thiên ‘Âm dương ứng tượng đại luận’ (*Tố vấn*) cũng ghi: " Mùa xuân bị thương về phong, sang mùa hè sẽ mắc bệnh sôn tiết "... cũng thuộc về loại bệnh này. Và địa thế làng này rất trũng, khí ẩm thấp quá nhiều, phải dựa vào hoàn cảnh để điều trị, tôi liền cắt bài *Nhân sâm, Khương hoạt, Độc hoạt, Sài hồ, Tiên hồ, Xuyên khung, Chỉ xác, Cát cánh, Phục linh, Cam thảo*, thêm *Trần bì, Sinh khương* và *gạo (sao vàng)*...

Mỗi thang 140g (35 chỉ), sắc cho uống. Uống liên tiếp 3 thang trong 3 ngày, các chứng hậu khởi đến 6 - 7 phần mười. Liền đổi đơn cho uống bài ‘Thanh thử ích khí thang gia giảm’ (*Hoàng kỳ, Thương truật, Nhân sâm, Trạch tả, Thân khúc, Quất bì, Bạch truật, Mạch môn, Đường quy, Chích thảo, Thanh bì, Hoàng bá, Cát căn, Ngũ vị, Sinh khương, Đại táo*), mỗi thang đều thêm 1 nhúm gạo sao vàng. Uống thêm 5 thang nữa, bình phục như thường.

46- TIÊU CHẢY PHÂN TRẮNG DO PHẾ NHIỆT (Tả Bạch)

(Trích trong ‘Cuộc đời và kinh nghiệm người thợ già trị bệnh’ của Lê Đức Thiếp, Việt Nam).

Khoảng năm 1934, một em bé trai ngoài 2 tuổi, bị chứng tiêu chảy, đại ít, khát nước. Người nhà cho uống nước, em uống ừng ực, hai tay choàng ra vớ cả bát (chén) vào miệng nhai, nhai không có nước, trỗi người lên dẫy dựa la khóc, khó mà bế được em khi đang khát. Cho uống vào thì muốn ói mà không ói được (ói khan). Một lát lại tiêu chảy ra phân trắng như sữa, như nước vo gạo mà vọt vòng cầu chảy ra như dội, tiêu xong xỉu đi vài phút, lại trỗi lên đòi nước, lại ỉa, liên tiếp như vậy. Bệnh đã hơn một ngày. Khi tôi bước vào phòng thấy quây kín, lại đốt một lò sưởi lớn giữa phòng, khói mù, nóng nực. Ấn tay vào bụng em thấy không đầy, không cứng, biết là không phải bụng đau. Liên đó, em tiêu vọt ra phân trắng. Sờ vào mình em, thấy nóng hâm hấp, tay chân cũng ấm. Xem qua chỉ tay, thấy màu đỏ, đi cong queo qua ‘phong quan’ và đã thò đầu lên vùng ‘khí quan’. Xem xong, tôi quay qua nói với ông bố rằng : "Bệnh của cháu nặng lắm, nếu chữa thuốc mà lầm một ly sẽ nguy. Ông bà có bằng lòng để... ". Tôi chưa nói dứt câu, bà mẹ đã nói ngay: “Chúng tôi biết bệnh cháu nặng lắm rồi, từ hôm qua đến nay, đã uống mấy thứ thuốc mà không bớt chút nào, bệnh còn nặng hơn, giờ có thầy, xin thầy chữa cho cháu “. Tôi nói: " Nếu vậy, xin ông bà cho bỏ ngay bếp sưởi, mở cửa cho thoáng và bảo người vo ngay nước gạo tẻ để cho em uống mấy miếng. Rồi bảo người đi đào rễ cây Dâu tằm ăn (Tang căn bạch bì), vì quanh nhà có sẵn. Trong lúc người nhà đi đào rễ dâu, tôi cầm đèn lại bàn tìm nước để mài thuốc cho cháu uống. Nước chưa thấy, lại thấy ngay vài ba cái bát còn dính

thuốc, toàn mùi Mộc hương và gừng với mấy chai dầu nóng. Tôi nói với ông bố : “Những loại thuốc chữa bệnh này đều là giết người”. Sau đó có nước, tôi liền mài *Hoạt thạch*, *Cam thảo* cho uống. *Rễ Dâu* đem về, rửa sạch đất, cạo vỏ vàng ở ngoài, bóc bỏ lõi, chỉ lấy vỏ rễ, cắt nát, chùng một nắm tay nhỏ (10g). *Gạo tẻ* 1 muống (5 - 6g), *Cam thảo* vài miếng. Cho tất cả vào siêu, đổ vài chén nước, đun mau cho chín, rót ra, để nguội. Em đang khát đó, cho em uống, cứ cho uống đến thích. Nếu hai tay nó cầm lấy chén thì khi nào nó bỏ chén ra sẽ thôi. Em uống xong chén nước thuốc đó, nằm ngay trong lòng mẹ rồi ngủ một giấc ngon, khi thức dậy, mở hai mắt sáng tỉnh táo nhưng coi có vẻ mệt mà không đòi nước, không tiêu nữa, lại đái nhiều. Tuy vậy vẫn rót thuốc cho em uống. *Bệnh như bão táp, chỉ một thang thuốc đó mà khỏi hoàn toàn.*

Kể từ lúc tôi tới khám và có thuốc cho em bé uống, rồi em uống được khỏi bệnh, chỉ trong vòng 1 giờ, đã đem lại không khí vui mừng cho toàn thể gia đình. Sau đó, cho cháu uống thêm ‘Sâm mạch thang’ (*Nhân sâm 4g, Mạch môn 4g, Ngũ vị tử 4g, Cam thảo 4g*), dùng 3 thang để lấy lại sức.

Về bệnh này, tôi suy xét như sau : Trong chứng tả bạch (tiêu chảy phân trắng), màu trắng là sắc của Phế, thuộc kim, do đó, chứng này gọi là ‘tả bạch’ hoặc ‘Phế tả’ cũng là một.

Tại sao Phế lại tả ? Vì trẻ nhỏ hít thở phải khí nắng hoặc cho chơi ngoài trời nắng vào lại tắm ngay nước lạnh, khí nóng chạy vào (cảm thử), lại cho ăn thức ăn nóng hoặc

sữa mẹ nóng làm cho Phế nhiệt gây ra tiêu chảy. Tại sao Phế nhiệt lại gây ra tiêu chảy? Vì nóng của Phế chảy nhựa trắng (kim) ra cũng như kim khí bỏ vào lò lửa, kim khí chảy ra. Tại sao Phế tả mà lại tiêu nhiều như vậy ? Vì Phế và Đại trường cùng đồng khí (kim khí), Phế tả thì Đại trường cũng tả. Hai tạng phủ hợp nhau thì tiêu nhiều vậy? Tại sao phát khát ? Vì khi ấy Tỳ thổ khô nóng không đủ sức để sinh kim. Nay lại thủy tả ra nhiều thì Phế kim cũng khô cạn nên phải đòi nước. Nếu lúc đó không xét kỹ, cứ thấy tiêu chảy là bảo Tỳ tả rồi cho uống thuốc loại ôn Tỳ, lợi thủy vào thì càng khô cạn hơn, làm cho lưỡi khô, môi héo đen. Ngoài ra kim không sinh thủy thì Thận hoá ở dưới cũng xung lên. Tại sao tiếng khóc khan? Vì Phế thuộc kim, kim chủ âm thanh. Khi đã tiêu ra nhiều thì thủy khô cạn, thủy khô cạn thì Phế hết dầu nên tiếng khóc phải khan. Tại sao lại tiểu ít ? Vì Phế kim đã tả ra nhiều thì Phế khí suy, không lưu hành mạnh mẽ, vì vậy tiểu ít (chư bệnh tiêu thủy bất đa, giai do Phế khí bất hành - tất cả các bệnh tiểu ít (bài tiết nước ít) hết thảy đều do Phế khí không thông). Hơn nữa, đã tiêu ra nhiều thì còn nước đâu mà tiểu, điều đó dễ hiểu thôi.

Tôi cho uống Hoạt thạch, Cam thảo là lấy ý nghĩa 'thiên nhất sinh thủy' để tả tử khí, tả Phế nhiệt và sinh thủy cho Phế hết khát. Tiếp đó cho uống Tang bạch bì, Ngạnh mẽ, Cam thảo (thiếu vị Địa cốt bì so với nguyên phương trong sách 'Y học nhập môn', quyển 7, mục Phương thư), vì trong đêm khuya thiếu thuốc. Bắt mở cửa

phòng, bỏ lò sưởi để khử uẩn nhiệt cho nhẹ thở. Cho uống nước vo gạo để giải những chất ôn nhiệt đã uống trước.

Đã giải độc, sinh thủy, tả hoả và bổ Phế khí thì Phế nhuận mát, hết khát, Phế khí lưu hành điều hoà thì đái nhiều và tất nhiên không tiêu chảy nữa.

47- TIÊU CHẢY DO THẬN VÀ TỖ

(Trích trong "Lý luận 32 bệnh án của Lê Đức Thiếp, Việt Nam).

Người bệnh nữ, 25 tuổi. Bệnh gần một tháng, ngày đi tiêu 3 - 4 lần, phân lỏng, khi ỉa, bụng đau, khát nước, cứ sáng sớm đi tiêu phân lỏng, khó thở, kinh nguyệt không đến. Mạch tay phải Trầm, Tiểu (Tỳ khí hàn), mạch tay trái Trầm, không lực (Thận khí suy). Chẩn đoán là Thận tả, liên hệ Tỳ tả một nửa.

Biện chứng: Bệnh nhân này tiêu lỏng ngày 3 - 4 lần, có đau bụng, khát nước mà mạch Trầm Tiểu và Khẩn ở Tỳ là bệnh tả thuộc Tỳ. Nhưng bệnh kéo dài hàng vài tháng là gốc bởi Thận vì mạch Thận Trầm không lực. Đau bụng là Tỳ hàn, khát nước không phải là nhiệt khát mà vì tiêu nhiều và lâu ngày làm cho tân dịch khô cạn, phải uống để bù. Nếu chỉ có Tỳ tả mà không gốc bởi Thận thì bệnh tả này lâu ngày sẽ phát bệnh như lạnh chân tay, bụng đầy, không muốn ăn, suy yếu dần đi. Tuy nhiên, bệnh lại không tiến triển như vậy mà lại chuyển sang đi tiêu mỗi ngày một lần vào lúc sáng sớm, gọi là 'Ngũ canh tiết tả', 'Ngũ canh Thận tả', mỗi ngày cứ đầu canh năm lại đi tiêu là bệnh

thuộc Thận, nhưng thật ra Thận tả đã hư hàn từ trước rồi mới biến chứng ra Tỳ tả rồi lại quy vào Thận tả. Khi đã chuyển sang Thận tả thì Tỳ khí lại có phần thắng thế nên mới ăn ngủ bình thường. Vậy bệnh này là Thận tả liên hệ Tỳ tả nửa phần.

Cho dùng *Đậu đen* (sao tồn tính) 16g, *Biển đậu* (sao bỏ vỏ) 12g, *Phá cố chỉ* 12g, *Sa nhân* 12g, *Hắc khương* 12g, *Cám thuốc* 12g. Sắc uống. Cho uống 3 thang 1 tuần. Khám lại thấy bệnh đã đỡ, phân đi bình thường, hơi rần, bụng còn hơi đau, mạch đã bình. Cho uống tiếp như đơn cũ, bỏ *Biển đậu*, thêm *Tiểu hồi* 8g, để ôn thông *Thận khí*. Uống 4 thang /tuần.

Khám lại thấy bệnh đỡ nhiều, cho uống giống đợt hai , bỏ vị *Sa nhân*. Uống 4 thang /tuần. Bệnh khỏi hẳn, hết đau bụng đi ngoài lúc sáng sớm, chỉ còn đau lưng (mới bị từ hôm qua). Theo thang thuốc trên, bỏ *Biển đậu*, *Cám thuốc*, *Sa nhân*, thêm *Hương phụ* 8g, *Củ riềng* 4g. Uống 3 thang/ tuần. Khám lần sau, bệnh khỏi hẳn.

Bài thuốc này ý nghĩa giống như bài Tứ thân hoàn trị Thận tả nhưng thêm phần bổ ôn Tỳ.

48- TIÊU CHẢY DO THẬN VÀ TỖ

(Trích trong "Lý luận 32 bệnh án" của Lê Đức Thiệp, Việt Nam).

Người bệnh nam, 45 tuổi, trước đây gần 10 năm bị chứng viêm đại trường, rối loạn tiêu hoá, nay ăn thức ăn lạ thì hay đau bụng, đi cầu lỏng, khó ngủ.

Khám thấy: Mắt trong sáng, lưỡi bình thường nhưng giữa lưỡi phía trong hơi thâm, môi lưỡi lở thường xuyên, nhìn ra như có vân có khói, mạch *tay trái Trầm bình, tay phải Phù có lực và đi chậm*. Chẩn đoán là Tiêu chảy do Tỳ.

Cho dùng: *Thương truật 12g, Trần bì 12g, Mộc hương 8g, Riềng 4g, Lá tía tô 4g, Hậu phác 12g, Trạch tả 12g, Bình lang 12g, Bạch chỉ 8g, Lá hoắc hương 4g, Gừng 2 lát, Mía 2 khẩu (đốt - dóng)*. Sắc uống 10 thang/ 2 tuần lễ.

Tái khám : Ở *tay phải, mạch Trầm Trì, tay trái, bộ xích không có lực*. Người bệnh khai: " Cứ ăn thức ăn lạ thì tiêu chảy mà đi về đêm, bất cứ lúc nào hễ quặn bụng là đi, phần nhiều là từ một giờ đến sáng sớm, không đi tiêu ban ngày, đã 10 năm nay". Vậy *bệnh rối loạn tiêu hoá làm đi tiêu chảy này là Thận tả, chỉ liên hệ với Tỳ (30%)*.

Cho dùng: *Xuyên tiêu 12g, Can khương 4g, Trần bì 12g, Nhục quế 4g, Phá cố chỉ 12g, Thương truật 12g, Hậu phác 12g, Trạch tả 12g*. Uống 5 thang/tuần.

Khám lại: Kỳ lạ, người bệnh nay đã thấy mạch nổi lên có lực, thấy mạch mà mừng. Cho uống *Xuyên tiêu 14g, Phá cố chỉ 16g, Nhục quế 4g, Trạch tả 16g*. Uống 5 thang /tuần. Sau 9 tuần, bệnh tiêu đêm hết hẳn mà lại còn sáng mắt ra.

Lúc đầu, dựa vào mạch *tay trái Trầm, bình, tay phải Trầm có lực, thấy không có gì trầm trọng, tại sao tiêu chảy kéo dài 10 năm ? Cứ trị Tỳ tả đã*. Cho dùng bài 'Bình vị tán' và 'Hoắc hương chính khí thang gia vị', uống trong 2 tuần lễ không thấy biến chuyển. Tuần thứ 3, trị Tỳ tả kiêm Thận tả, dùng bài Bình vị tán (trị Tỳ tả) hợp với

Xuyên tiêu, Phá cố chỉ, Nhục quế, Tiểu hồi (trị Thận tả), người bệnh uống bài này 1 tuần mà mạch nổi lên có lực rất mau, vậy đúng là Thận tả. Từ tuần thứ 4 đến lần cuối cùng, chỉ dùng những vị chuyên trị Thận tả (phỏng theo bài ‘Tứ thần hoàn’ của cổ phương), bệnh nhân khỏi. Như vậy, trường hợp này là Thận tả kiêm Tỳ tả theo tỉ lệ 10/3.

49- TIÊU CHẢY CẤP

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Lý, nam, 41 tuổi, cán bộ: nhập điều trị ngoại trú ngày 6/5/1979. Bệnh nhân bị chướng bụng và tiêu chảy đã ba ngày, đi tiêu 5 - 6 lần trong một ngày, phân lỏng và nhầy nhớt, kèm có mủ và máu, ăn kém, trước đó không có tiền sử tiêu chảy. Cấy phân âm tính.

Điều trị: Châm Thiên khu, Trung quản, Khí hải, Túc tam lý và Công tôn, 10 phút vê kim một lần, lưu kim 30 phút. Sau khi rút kim: cứu Thần khuyết 20 phút.

Ngày hôm sau, tiêu chảy hết hẳn, số lượng đi cầu giảm, Châm như cũ.

Ngày 8/5/1979: khám lần thứ ba thấy không chướng bụng, số lần đi cầu còn hai lần một ngày, phân hơi lỏng.

Châm lần nữa bệnh nhân khỏi hẳn.

50- TIÊU CHẢY CẤP

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Bệnh nhân Giang, nam, 50 tuổi, nhân viên y tế, nhập điều trị ngoại trú ngày 14/07/1978.

Đau bụng và tiêu chảy đã hơn 20 ngày, một ngày 5 - 6 lần. Điều trị bằng thuốc Syntomycin, Terramycin và Belladonna thì đau bụng giảm nhưng tiêu chảy vẫn còn như trước và đi cầu phân lỏng kèm theo mót nhẹ.

Bệnh nhân nằm sấp để cho hông hơi nhô lên rồi đốt một kim nhỏ bằng lửa và châm nhanh vào huyết *Trường cường* bằng kim nóng, sâu 1 thốn, xoay nhanh kim rồi rút ra. Chỉ một lần, các triệu chứng khỏi hẳn.

51- TIÊU RA MỦ MÁU

(Trích trong ‘Châm cứu bách bệnh thực dụng nghiệm phương’ của Thẩm Tá Đình – Trung quốc).

Phương Hoà Thanh, 34 tuổi. Đại tiện ra mủ, máu lâu ngày. Bệnh viện chuyên khoa trĩ trị nhưng không khỏi. Mỗi ngày đi tiêu 5 – 6 lần, ban đêm 2 – 3 lần. Tiêu xong hơi có máu, hậu môn tức, bụng đau. Đã trị nhiều nơi, các chứng khác có bớt nhưng chứng đi tiêu không giảm chút nào. Dựa vào ý ‘Thận chủ nhị tiện’, nhị tiện không nhiếp được, đồng thời *Thận hư yếu nên gây ra bệnh*.

Điều trị: Châm bổ huyết *Phục lưu*, *Phi dương*, *Túc tam lý*, *Tam âm giao*, bổ 4 lần.

Kết quả: Tối hôm đó đi tiêu giảm một lần. Ngày hôm sau lại giảm thêm một lần nữa. Tiếp tục bổ cho đến khi đi tiêu trở lại bình thường.

Giải thích: Bệnh này cho thấy Thận chủ nhị tiện, không cần trị ở đại trường mà vẫn khỏi bệnh.

52- TẢ LY

(*Của Dụ Gia Xương, Trích trong ‘Cổ kim y án án’ của Du Chấn Toản, Trung quốc.*).

Một hôm, Hồ thái thái bỗng nhiên thấy đau bụng, khó chịu, mời các thầy thuốc lại chữa. Thầy thuốc cho là chứng lý, rồi cứ theo lý mà chữa, nhưng lại càng đau thêm. Bèn dùng đến phép thông, cho rằng: ‘Thông nhân thông dụng’. Khi đó cho uống 12g Cửu Chứng Đại Hoàng Hoàn, để hạ, làm cho nhiều động Vị khí, bụng liền phát đầy và không ăn được. Người bệnh sinh ra giống như cấm khẩu.

Sau đó mời Dụ Gia Xương đến thăm mạch, thấy mạch đều Trầm, Phục, mơ hồ ở dưới tay. Cụ bảo rằng: “Đây không phải là bệnh tả lý, chính vì chữa lầm mà sinh ra lý, nay nên làm cho Vị yên, không cần trị mà lý tự hết”. Rồi cụ dùng bài ‘Tứ quân tử thang’ (Sâm, Linh, Truật, Thảo) làm chủ, thêm Can khương và Đậu khấu để hoà hoãn Vị khí. Mới uống được 2 thang, chứng lý quả nhiên cầm hẳn. Chỉ còn chứng đau dưới dạ dày, đầy hơi khó chịu chưa hết. Người bệnh muốn thêm thuốc hành khí cho hết đầy, hết đau và mau ăn uống lại được. Cụ lại bảo rằng: “Thà chậm ăn chứ không nên tăng thêm thuốc hành khí, vì thêm

thuốc hành khí vào lại sinh đầy và đau hơn nữa”. Cụ liền dùng Quất bì để hoà trung tiêu nhưng lại sao cho thật kỹ để khí khởi dẫn động.

Người bệnh đã năm ngày không đại tiện được mà nay đi được, bụng cũng thấy hết đau, chứng đầy cũng giảm, ăn cũng được. Cả thầy chỉ có bảy ngày mà bệnh được hoàn toàn lành mạnh.

53- KIẾT LY

(*Y án của Lý Sĩ Tài, Trích trong ‘Cổ kim y án án’ của Du Chân Toàn, Trung quốc*).

Bà Tôn Tiêu Tương đau chứng ly đã 40 ngày. Cơ thể phát sốt, khô khan, ăn uống không được, bụng thấy đầy, khó chịu. Khi đi tiêu thì thức ăn không tiêu, cho là tà nhiệt không hoá được thức ăn. Dùng Mộc hương, Hoàng liên, Chỉ xác, Đậu khấu, Hậu phác làm thang thuốc, uống đến 30 thang. Năm ngày gần đây không thể ăn được cơm cháo nữa. Bệnh nguy kịch gần chết. Cụ Lý Sĩ Tài thăm mạch, thấy mạch Đới và Sác, đề mạnh thấy vô lực. Trong bụng thì đau mà đề vào lại dễ chịu, tiểu thông mà trong. Cụ bảo: “Đây là Hoả suy không sinh thổ được, ở trong chân hàn mà ở ngoài giả nhiệt”. Cụ cắt thang ‘Phụ tử lý trung thang’, sắc rồi để nguội mới cho người bệnh uống. Uống một thang đầu thì bụng hết đau, uống liền sáu thang, chứng nóng hết, rồi bắt đầu từ đó ăn được. Sau dùng ‘Bát vị hoàn’ cho uống luôn 20 ngày, người bệnh lành mạnh như thường.

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

54- BỤNG ĐAU

(Trích trong ‘*Khiếm trai y học giảng cỏ*’ của Tân Bá Vị, Trung quốc).

Một người đứng tuổi. *Bụng đau* lúc dịu, lúc dữ dội, cảm thấy trong người nóng nhiều nhưng không khát, táo bón, cách ngày mới đi tiêu một lần, *mạch Hoạt, có lực*. Nhân nhớ đến Chu Đan Khê từng nói: “Trong bụng thường có cảm giác nhiệt và đau, đó là tích nhiệt nên dùng bài ‘*Điều vị thừa khí thang*’”. Vì vậy tôi cho dùng: *Đại hoàng* (sao) 6g, *Cam thảo* (sống) 4g, *Huyền minh phấn* 4g (hoà với nước thuốc uống). Thêm *Mộc hương* 3g, *Hoàng liên* 2g để điều khí, thanh nhiệt. Uống liền ba thang, đại tiện dễ dàng, cơn đau cũng biến mất.

Chứng đau bụng này, thực tế là do đại tiện khó gây nên, không thể coi là Nhiệt thống (đau do nhiệt gây nên).

55- DẠ DÂY LOÉT

(Trích trong ‘*L’Acupuncture en medecinepsycho – somatique*’ – *Nouvelle revue internationale d’acupuncture* 13 (25 – 34), 1969 của Rabary).

Năm 1959, một nhà thơ, 35 tuổi. Sau một buổi cùng vợ con đi chơi xa về, chợt thấy nhà cửa bị tan hoang vì lụt. Một thời gian sau, ông bị loét dạ dày, được điều trị theo phép đối chứng liệu pháp (Allopathie) suốt 8 tháng mà không có kết quả. Định mổ nhưng rồi lại không mổ.

Lần thứ nhất: châm tả huyết *Thân mạch*, *Khố phòng* (bên phải), *Tiểu hải*, châm bổ *Bá hội*, *Thiếu hải*.

Khi châm đến huyết *Khố phòng*, bệnh nhân rất đau, toàn thân run lên cầm cập, mồ hôi toát ra như tắm. Tuy nhiên, các triệu chứng đó nhẹ dần, rồi lại tái phát hai ba lần và hết hẳn.

Sau đó còn tiếp tục châm ba lần nữa với khoảng cách 8 hoặc mười lăm ngày.

Ngay từ lần châm thứ nhất, triệu chứng dạ dày đau đã hết hẳn.

Sáu tháng sau, kiểm tra X. quang cho thấy âm tính (hết loét).

Bảy năm sau (tức năm 1966), gặp lại bệnh nhân, kết quả vẫn ổn định.

56- DẠ DÀY LOÉT

(Trích trong sách ‘*Châm cứu lâm chứng thực nghiệm*’ của *Tôn Học Quyền*, Trung quốc).

Bành, nam, 30 tuổi, công nhân, nhập điều trị ngoại trú ngày 10/09/1966.

Đau kịch phát vùng bụng trên khoảng 6 năm và trở nên trầm trọng hơn khoảng hai năm gần đây. Cơn đau bụng thường xuyên xảy ra do lạnh hoặc bất xúc tinh thần. Cơn đau dữ dội thường xuất hiện ở bụng trên và lan ra sau lưng, kèm theo nôn mửa, ợ hơi, ợ chua...

Khám lâm sàng nhận thấy: bệnh nhân có vẻ mặt khổ sở vì đau, gập hai đầu gối và ôm bụng, rêu lưỡi trắng

mỏng, mạch hơi Huyền, tim và phổi bình thường. Gan có sờ thấy, nhưng lách thì không. X. quang cho thấy phần trên của tá tràng không được đầy đặn và có một vài hốc lõm.

Chẩn đoán là loét tá tràng.

Ấn đau trên các đốt sống ngực III, IV, V, VII, IX.

Châm các huyết trên đốt sống ngực II (*Phong môn*), V (*Tâm du*) và IX (*Đởm du*), sâu 1,2 thốn, nâng, đẩy và xoay kim.

Sau 10 phút thao tác, đau bụng giảm và sau 30 phút, cơn đau biến mất. Lưu kim thêm 30 phút nữa.

Ngày hôm sau, chỉ có cảm giác đầy tức trong dạ dày.

Các huyết ở trên được châm xen kẽ. Sau khi châm 4 lần, tất cả các triệu chứng biến mất. Hai năm sau, bệnh nhân bị bảy cơn đau bụng và mỗi cơn đau được điều trị bằng phương pháp này. Trong 12 năm sau đó, không thấy cơn đau xuất hiện trở lại.

57- DẠ DÀY LOÉT

(Trích trong sách '*Châm cứu lâm chứng thực nghiệm*' của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Chu, nam, 45 tuổi, nông dân, nhập điều trị ngoại trú ngày 20/06/1978. Bị loét dạ dày khoảng gần 10 năm, có một cơn đau kịch phát kèm theo ợ chua, ợ hơi và có cảm giác nóng rát.

Ngày 17/4/1963 bệnh nhân bị một cơn đau đột ngột ở dạ dày, sau đó đau dữ dội toàn bụng kèm theo nôn mửa.

Khám lâm sàng biểu hiện ấn đau toàn bụng, bụng căng chướng, co cứng cơ thành bụng, mất âm ruột và âm đục vùng gan, vẻ mặt đau đớn và xanh tái.

Chẩn đoán là thủng ổ loét dạ dày.

Châm vào các huyệt A thị hoặc vùng có phản ứng đau, ở quanh huyệt *Can du*, *Vị du* và *Vị thương*, mũi kim xiên xuống góc 30^0 sâu 0,5 - 1 thốn, nâng đẩy và xoay kim mỗi 10 - 15 phút, lưu kim 30 - 60 phút. Sau khi rút kim, giác các huyệt đã châm 10 - 15 phút. Ngày châm một lần, và cách ngày giác một lần.

Sau 2 giờ điều trị, đau bụng giảm một cách đáng kể, âm ruột và trung tiện đã có thể nghe được, ấn đau khu trú lại ở vùng bụng trên. Bệnh nhân đã ngủ được. Mỗi ngày châm một lần. Tổng cộng năm lần trị liệu các triệu chứng biến mất.

58- VIÊM HANG VỊ

(Của Hoàng Văn Đông - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Phù XX, nam 37 tuổi, công nhân, sơ chẩn ngày 20-3-1975. Bệnh nhân đau vùng dạ dày, nửa năm gần đây càng nặng, đã từng dùng nhiều thuốc tây chưa có kết quả. Uống Bari sulfat kiểm tra X quang thấy viêm hang vị. Đau vùng thượng vị bên phải, vùng dạ dày cảm thấy như có vật gì dội lên, đại tiện khô táo, không ợ hơi, ợ chua. Chất lưỡi đỏ, mạch Tế Huyền. Sau khi khám, cho 'Lý khí hoá ứ phương' (*Quảng mộc hương 6g, Chế hương phụ 10g, Diên hồ sách*

10g, Đương quy 10g, Xích bạch thược mỗi thứ 10g, Chích cam thảo 4,5g, Kim linh tử 10g, Thanh bì, Trần bì mỗi thứ 6g). Uống được 7 thang, đau vùng dạ dày giảm, nhưng vẫn còn cảm thấy vật dội lên, đại tiện đã nhuận, chất lưỡi đỏ, mạch Tế Huyền. Vẫn dùng bài trên thêm Hồng hoa 4,5g, dặn uống thêm 7 thang. Sau khi uống cảm thấy vật dội lên giảm đi, trung tiện tăng lên dễ chịu hơn trước, đại tiện bình thường, ngủ tốt. Lưỡi đỏ, mạch Tế còn Huyền. Dùng bài trên thêm Đan sâm 12g, uống tiếp 7 thang nữa, về cơ bản bệnh khỏi, người bệnh rất mừng. Vì sắp về quê, lại xin bài trên gia giảm ít nhiều, mang về 7 thang tiếp tục uống để củng cố kết quả điều trị. Bài thuốc đó là: Mộc hương 6g, Chế hương phụ 10g, Tuyên phúc ngạnh 10g, Đương quy 10g, Xích thược, Bạch thược mỗi thứ 10g, Chích cam thảo 4,5g.

Nhận xét: Viêm hang vị là thuộc phạm trù ‘Vị quản thống’ của Đông y, mấu chốt biện chứng của nó là đau ở dạ dày lâu ngày, đau khu trú ở chỗ nhất định. Chứng này chẳng những là khí trệ thành đau, mà đã phát triển thành ứ tắc lạc của Vị. Sách ‘Lâm chứng chỉ nam y án’ đã viết: ‘Lúc đầu bệnh ở kinh, sau bệnh lâu sẽ nhập lạc, vì kinh thì chủ khí, lạc thì chủ huyết, ắt hiểu được rằng dĩ nhiên phải trị huyết... mà theo phép thì tân hương lý khí, tân nhu hoà huyết, nên xử lý như thế là lẽ đương nhiên’. Trong bài dùng Mộc hương, Hương phụ, Trần bì là các vị cay thơm để lý khí; Đương quy, Hồng hoa là thứ cay nhu, hoà huyết, làm cho khí cơ thông suốt, ứ huyết tiêu trừ, giảm nhẹ các chứng, hết đau.

59- VIÊM TEO DẠ DÀY CÓ SA NIÊM MẠC DẠ DÀY

(Của Ân Hiến Minh - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Hà XX, 43 tuổi, công nhân, đến khám ngày 3/5/1978. Bị bệnh từ 10 năm trước, có lúc đau bụng trên, thường đau sau khi ăn uống, mỗi năm trung bình lên cơn 1 - 2 lần, mỗi lần kéo dài 10-20 ngày. Sau tháng 12/1977 dạ dày đau trướng mỗi ngày nặng, thường ợ hơi, đã dùng nhiều thuốc tây giảm đau chống co thắt nhưng không giảm. Tháng 1/1978 vào bệnh viện điều trị. Soi dạ dày thấy: niêm mạc ở đường cong lớn và đường cong nhỏ trắng đỏ xen kẽ, chủ yếu là trắng, miệng đường cong nhỏ niêm mạc hang vị có điểm xuất huyết, xung huyết, nhu động tăng, khi nhu động niêm mạc có hiện tượng lật ra, chẩn đoán là viêm teo dạ dày mạn có sa niêm mạc dạ dày. Phân tích dịch vị và chụp X quang với bari sunfat đều phù hợp với chẩn đoán trên. Hai tháng nằm bệnh viện đã trị bằng đông, tây y vẫn không giảm được đau, phải xuất viện, tìm chỗ chữa. Khám thấy dạ dày đau trướng, ăn xong càng đau trướng nhiều, sợ ấn, không muốn ăn uống, tay chân uể oải. Đó là *Tỳ khí bất túc, Vị trệ, huyết ứ*. Điều trị bằng kiện Tỳ, ích khí, hoá ứ thông trệ. Dùng bài 'Sâm linh tán' (Đảng sâm 40g, Ngũ linh chi 15g). Uống được 5 thang, dạ dày hơi giảm đau. Thấy thuốc công hiệu, tiếp tục uống 18 thang nữa, dạ dày cơ bản hết đau, miệng hết khô, tinh thần và ăn uống đều cải thiện nhiều. Cứ dùng bài này, kiên trì uống thêm 48 thang nữa, hoàn toàn hết đau dạ dày, mỗi bữa ăn được

trên dưới 200g cơm, không còn cảm giác khó chịu gì khác. Sau đó căn dặn chú ý việc ăn uống, tránh các thức ăn xào, nướng, dùng xen kẽ bài ‘Sâm linh tán’ cho đến tháng 8 năm 1978, kiểm tra lại: soi dạ dày thấy niêm mạc hết các biến đổi bệnh lý, phân tích dịch vị thấy acid bình thường, X quang với bari sunfat dạ dày và tá tràng đều không thấy gì khác thường. Sau khi khỏi bệnh gần 2 năm, hỏi lại chưa thấy tái phát.

Nhận xét: Người xưa từng nói: Nhân sâm rất sợ Ngũ linh chi, đem hai vị thuốc này mà phối ngũ là tương úy. Đảng sâm có tác dụng giống Nhân sâm, trên thực tiễn lâm sàng cho thấy, Đảng sâm và Ngũ linh chi dùng chung, chữa nhiều ca viêm dạ dày, loét dạ dày ở thể Tỳ hư huyết ứ, đều có tác dụng rất tốt, cần nghiên cứu thêm.

60- SA DẠ DÀY

(Của Liêu Gia Hưng - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Lại XX, nữ, 42 tuổi, giáo viên. Bị sa dạ dày đã nhiều năm, sơ chẩn ngày 10-9-1975. Bệnh nhân bụng đầy trướng, xệ xuống, ợ hơi luôn, ăn kém, đại tiện không lợi, lưỡi hồng nhạt, rêu trắng bản, mạch Trầm Huyền Hoãn. Tỳ hư khí trệ, thăng giáng không đều. Dùng ‘Tứ kỳ thang’ (Hoàng kỳ 20g, Bạch truật 15g, Chỉ xác 15g, Phòng phong 10g) thêm Mộc hương, Sa nhân mỗi thứ 5g, uống 3 thang thì đỡ trướng bụng, thêm 3 thang nữa thì hết trướng. Sau đó

dùng ‘Bổ trung ích khí hoàn’ để điều lý, hai năm sau hỏi lại, chưa tái phát, người mập ra.

Nhận xét: ‘Tứ kỳ thang’ là bài ‘Ngọc bình phong tán’ thêm Chỉ xác, dùng thay ‘Bổ trung ích khí thang’, dược lực lớn hơn so với ‘Bổ trung ích khí thang’. Ngoài công hiệu chữa dạ dày còn có tác dụng chữa dẫn dạ dày, sa ruột, thoát vị ruột non, lòi dom, sa tử cung.

61- SA DẠ DÀY

(Của Lưu Sĩ Tuấn - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Dương X, nam. Năm 1954 đã nằm viện, chiếu X quang barit sulfat thấy *dạ dày sa xuống 14cm*. Vì không muốn mổ nên xin điều trị Đông y. Đã dùng ‘Bổ nguyên phục vị thang’ (*Đảng sâm, Kê nội kim đều 12g, Bạch truật, Vân linh đều 10g, Sa nhân, Khẩu nhân, Trần bì, Chỉ xác, Hậu phác, Mạch nha, Cốc nha, Thần khúc, Sơn tra, Cam thảo đều 6g, Mộc hương 3g, Sơn dược 15g, Đại táo 6 trái*), uống thuốc nửa năm thì mọi chứng đều hết. Kiểm tra X quang dạ dày thấy dạ dày bình thường, bệnh khỏi, lại làm việc được.

Nhận xét: Bài này dựa vào nguyên tắc trong sách ‘Nội kinh’ là ‘Hình nhi bất túc giả, ôn chi dĩ khí’ (Nếu hình thể suy yếu, dùng phép ôn khí). Phép trị là hoá Vị, thông giáng để bổ. Bài này có cái hay là ‘Bổ mà không trệ’, ‘thông mà không tổn thương’, đây là bài thuốc có ích, không có hại

62- RỐI LOẠN THẦN KINH DẠ DÀY

(Của Hà Viêm vinh - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Trần XX, nữ, 35 tuổi, viên chức, đến khám ngày 21/12/1976. Mấy năm nay, bệnh nhân có tiền sử đau dạ dày, đã nhiều lần kiểm tra X quang nhưng không thấy vết loét. Chẩn đoán là rối loạn thần kinh dạ dày. Lúc lên cơn đau thì như dao cắt, mặt xanh nhạt, hai tay ôm bụng, rên rĩ không thôi, mạch Huyền mà Tế, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, trắng bẩn. Đã dùng các phép trị âm bất túc, Can Vị bất hoà, không có hiệu quả. Vẫn kêu đau chạy lên xuống ở dạ dày. Đã uống thuốc giảm đau cũng không hết. Cho ăn một ít cháo thấy đau dần giảm, nhưng sau đó nửa giờ lại đau như trước. Sau khi chẩn đoán, cho dùng ‘Gia giảm tam giáp phục mạch thang’ (Quy bản 25g, Miết giáp 25g, Mẫu lệ 25g, Sinh địa 20g, A giao 15g, Mạch đông 15g, Bắc sa sâm 15g, Cam thảo 5g, Bạch thược 20g, Trúc nhự 25g, Hải đế bá 25g, Phật thủ 5g). Uống hết 3 thang thì chứng đau giảm nhiều, chứng đau chạy lên xuống đã hết, nhịp mạch hoà hoãn, rêu lưỡi bẩn cũng đỡ dần. Lại dùng bài ‘Lục quân’ bỏ Truật phối hợp với bài ‘Mạch môn đông thang’ bỏ Táo điều trị hơn 10 ngày nữa, mọi chứng đều hết. Nửa năm sau, hỏi lại thì bệnh đã chuyển biến tốt hơn rất nhiều so với trước, tuy thỉnh thoảng có tái phát, nhưng nhẹ, mau khỏi.

Nhận xét: Chứng rối loạn thần kinh dạ dày nêu trên, gây nên đau quặn, chạy lên chạy xuống, ăn vào thì đỡ đau, chứng tỏ rằng về cơ bản là khí âm đều hư, Can dương hoá phong, phạm vào Vị gây nên. Nhìn thấy là chứng cấp, mà

cấp thì dùng ‘Gia giảm tam giáp phục mạch thang’ để dục âm, tiềm dương, bình Can, tức phong, uống 3 thang là có kết quả. ‘Mạch môn đông thang’ để dưỡng âm, hoãn giải, bình loạn, chỉ thống. Vì thổ hư mà mộc gây bệnh, vì vậy, sau khi dùng bài ‘Lục quân tử thang’, ‘Mạch môn đông thang’, cần bổ cả khí và âm, ích cho Tỳ Vị không cho mộc hoả thừa cơ tấn công, vì vậy các chứng sau đó đều hết, bệnh khỏi nhanh.

63- LOÉT DẠ DÀY TÁ TRÀNG

(Của Hồ Quốc Đống - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Lý XX, nam, 42 tuổi. Đau vùng vị quản gần 3 năm. Mỗi khi ăn uống hoặc tinh thần không thư thái thì phát đau, có khi đau không chịu nổi. Ban đêm khi phát, thường muốn nôn, không ợ chua. Bệnh viện kiểm tra chẩn đoán là *loét dạ dày tá tràng*. Trước tiên, dùng phép ích khí, thư Can, hợp với giáng nghịch để ức chế tình trạng cấp tính, sau đó cho dùng ‘Hội dương tán’ (Ô tặc cốt 60g, Bôi mẫu 30g, Bạch cập 60g, Sinh cam thảo 30g, Nguyên hồ 30g, Đản hoàng phấn 100g. Tán mịn, khi uống đem trộn với đường trắng, lúc đầu uống ngày 3 lần, mỗi lần 3g). Uống khoảng 1 đấu, các triệu chứng tiêu hết, cơ thể hồi phục. Kiểm tra lại thấy chỗ loét đã lành, theo dõi gần 4 năm, chưa thấy tái phát.

Nhận xét: ‘Hội dương tán’ là bài thuốc phát triển từ bài ‘Ô bồi tán’, dựa trên cơ sở hơn 10 năm theo dõi trên

lâm sàng thấy kết quả rất tốt, cũng đã trao đổi với khá nhiều thầy thuốc, đem dùng trên lâm sàng, được khá nhiều bệnh nhân hoan nghênh, tin dùng.

64- RỐI LOẠN CHỨC NĂNG RUỘT

(Của Lưu Vân Long - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Lý XX, nam, 50 tuổi, nông dân. Đến khám 30-9-1977. Người bệnh khoảng tuần trước vào rừng chặt củi, ngã từ trên cao xuống. Buổi tối trở về thấy vùng quanh rốn đau âm ỉ, dai dẳng, thích ấn, kèm theo đau lưng, đại tiện phân nát, mỗi ngày 2-3 lần, lưỡi nhạt, rêu trắng mỏng, mạch Trầm Tế. Chẩn đoán lâm sàng là rối loạn chức năng ruột. Cho uống 'Tứ vị thang gia vị' (Đảng sâm 30g, Phục linh 15g, Bạch truật (sao) 15g, Chích cam thảo 6g, Kê huyết đằng 30g, Tiên hạc thảo 30g, Tiểu hồi (sao) 30g, Hồng táo 10 quả), uống 3 thang, các chứng đều khỏi hết.

Nhận xét: Đông y cho rằng chứng rối loạn chức năng ruột phần lớn là do té ngã, vác nặng hoặc quá lao lực gây ra. Trường hợp này là do khí vốn yếu lại té ngã mạnh làm cho Tỳ Thận khí bị tổn thương. Tỳ mà vận chuyển không khoẻ, thăng giáng thất thường, khí cơ không điều hoà, không thông thì đau, vì thế mà đau bụng, phân nát. Thận chủ về đại tiểu tiện, lưng thuộc Thận, Thận suy thì lưng đau, tiểu tiện vì thế mà thay đổi. Đau bụng thích ấn, lưỡi nhạt, rêu trắng, mạch Trầm Tế đều là biểu hiện của hư. Trong bài thuốc dùng 'Tứ quân' để kiến trung, ích khí, phụ

thêm có Kê huyết đằng, Tiên hạc thảo bổ Thận, cầm ỉa (Theo báo cáo, Tiên hạc thảo có tác dụng ức chế sự phát triển của vi khuẩn gây bệnh đường ruột); Tiểu hồi tán hàn giảm đau; Đại táo nâng Tỳ bổ trung. Các vị thuốc cùng có tác dụng kiện Tỳ bổ Thận, hành khí trấn thống, vì thế, chỉ cần uống 3 thang là bệnh khỏi.

65- MIỆNG CHUA

(Trích trong ‘Châm cứu bách bệnh thực dụng nghiệm phương’ của Thẩm Tá Đình – Trung quốc).

Đường Ba Tiết Tú, 31 tuổi, quê ở Trùng Khánh. Bất cứ ăn đường, muối, cơm, uống nước trà đều cảm thấy miệng chua. Tây y cho là do bao tử dư acid (chất chua), đã dùng thuốc Đông và Tây y nhưng không khỏi.

Điều trị: Dựa vào chứng miệng chua, cho rằng bệnh thuộc tạng Can (vì theo sách ‘Nội kinh’ vị của Can là vị chua). Châm tả huyết Thái xung, lưu kim 5 phút.

Kết quả: Châm xong, bảo người bệnh uống nước thì không còn cảm giác chua, dần dần miệng hết hẳn vị chua.

Giải thích: Chứng miệng chua này, nếu cứ cho rằng do bao tử dư chất chua, điều trị không khỏi, nhưng dựa theo lý luận của cổ nhân cho là do Can bệnh lại có kết quả.

66- MIỆNG HÔI

(Trích trong ‘Châm cứu bách bệnh thực dụng nghiệm phương’ của Thẩm Tá Đình – Trung quốc).

Từ Căn Vinh, 28 tuổi, ngụ tại Tứ Minh, Trùng Khánh. Ăn bất cứ thức ăn gì cũng cảm thấy đắng miệng, cổ khô, *miệng hôi*.

Điều trị: châm huyết *Thần môn*, vê bổ (theo chiều kim đồng hồ) 3 lần rồi tả (vê ngược chiều kim đồng hồ) 3 lần, bổ huyết *Chi chánh*.

Kết quả: Sau khi châm huyết *Thần môn*, người bệnh có cảm giác tai nóng và lưng bùng rồi hết. Kế tiếp châm thêm huyết *Chi chánh*. Ngày hôm sau bệnh nhân hết đắng miệng, tinh thần khoẻ hơn.

Giải thích: Chứng *miệng hôi, cổ khô* không phải chỉ do *Tâm* mà *Vị* cũng bị *nhiệt*. Theo bệnh lý, miệng đắng thuộc *Tâm* (vị đắng là vị của *Tâm*), châm tả huyết *Nguyên* của kinh *Tâm* là *Thần môn*, phối hợp với huyết lạc của kinh *Tiểu trường* là *Chi chánh* (theo nguyên tắc *Nguyên - Lạc, Chủ - Khách* phối hợp) bệnh khỏi, điều này cho thấy vị đắng thuộc *Tâm* mà chứng *Vị nhiệt* cũng do *Tâm* gây ra (theo nguyên tắc tương sinh của Ngũ hành : *Hoả sinh Thổ*), vì vậy trường hợp này, nên tả *Tâm* là trị gốc lẫn ngọn, do đó có công hiệu tốt.

67- MIỆNG HÔI

(Của Vương Kiến Quốc - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Tào X X, nữ, 69 tuổi, sơ chẩn ngày 15 tháng 7 năm 1979. Sốt đã hơn một tuần lễ, đã khám ở bệnh viện, cho là ‘cảm do vi rút mùa hè’. Nhiệt độ kéo dài không giảm, đầu

váng như thắt lại, miệng bần nhớt và hôi, khát không muốn uống, ăn ít, trong ngực bứt rứt, lợm giọng muốn nôn mửa, bụng trướng, đại tiện lỏng, rêu lưỡi vàng bẩn, đục, dầy, mạch Nhu Sác. Chẩn đoán là Thấp nhiệt uẩn phục. Điều trị cần thanh hoá thấp nhiệt. Uống 3 thang ‘Cam lộ tiêu độc đơn gia giảm’ (*Hoắc hương 10g, Bạch khấu nhân 6g (cho vào sau), Thạch xương bồ 10g, Liên kiều 10g, Sao hoàng cầm 10g, Xuyên liên 3g, Bán hạ 10, Xuyên phác 6g, Bạc hà 6g (cho vào sau), Hoạt thạch 20g (gói lại), Mộc thông 6g, Sinh cam thảo 3g*), thân nhiệt giảm, miệng hết hôi.

68- HOÀNG ĐẢN

(Trích trong ‘Châm cứu bách bệnh thực dụng nghiệm phương’ của Thẩm Tá Đình – Trung quốc).

Bồ Hanh Lộc, 28 tuổi. Một năm về trước, một hôm ăn cháo rất nóng rồi lại uống nước lạnh nhiều làm cho hàn khí tích ở Tỳ Vị (gọi là Thủy tích), vì cơ thể suy yếu nên sau đó phát ra chứng hoàng đản, môi và móng tay trắng nhạt, tim đập mạnh, tai ù, ngày càng nặng thêm.

Điều trị: Vào giờ Ngọ (11 – 13g), châm bổ huyết Thái bạch, Phong long.

Kết quả: Tai hết ù, tim bớt đập mạnh, mặt và mắt bớt vàng, trở lại tươi nhuận, chỉ khi làm quá sức thì còn hơi mệt.

Giải thích: Bệnh này là chứng hoàng đản vì vậy mặt mầu vàng. Chứng hoàng đản thuộc Tỳ bệnh. Theo sách xưa, bổ Tỳ vào đúng thời đúng lúc thì công hiệu, do đó, khi trị,

chọn vào giờ Ngọ để châm bổ huyết Thái bạch và Phong long do đó có kết quả ngay.

69- SỎI MẬT

(Trích trong ‘Helping yourself with foot reflexology’ của Mildred Carter).

Bà Owel, bị sỏi mật. Sức khoẻ bà giảm sút nhanh chóng nên bác sĩ khuyên bà nên giải phẫu. Tuy nhiên, khi xét nghiệm thấy chắc chắn là bà có sỏi ở túi mật bác sĩ lại không muốn mổ ngay vì sức khoẻ của bà quá yếu mà việc giải phẫu lại đòi hỏi bà phải chịu đựng gây mê hơi lâu. Cuối cùng phải hoãn giải phẫu cho đến khi sức khoẻ của bà khá lên sẽ mổ. Trong thời gian chờ đợi, bà Owel đến phòng khám của tôi. Bà cho biết, nhiều khi cơn bệnh hành bà, làm cho bà đau đến nỗi không tự nâng nổi cánh tay, cũng không thể cúi xuống được. Trong khi dò bệnh của bà bằng cách xoa bấm gan bàn chân bên phải, tôi thấy vùng cảm ứng với gan và mật không mềm như những chỗ khác. Do đó, tôi cứ tập trung vào vùng này để xoa, bấm và an ủi bà rằng nếu chỗ này hết đau thì bà cũng hết bệnh. Sau mấy lần chữa trị, bà Owel đã giơ được cánh tay lên và có thể cúi nhặt các vật ở dưới đất. Một thời gian sau, khi đến bác sĩ khám nghiệm lại, bác sĩ cho biết bà không cần phải giải phẫu nữa, vì đã có dấu hiệu là mật đã lưu thông dễ dàng vào ruột rồi.

CỔ KIM Y ÁN

(Vị trí huyết Mật, Gan: chia lòng bàn chân làm ba phần, huyết ở cuối phần một, giáp phần hai, thẳng từ khe ngón chân thứ hai và ba xuống. Huyết chỉ ở phía chân bên phải).



70- SỎI MẬT

(Của Ông Tây Cung - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Dương XX, nam, 54 tuổi, công nhân, đến khám ngày 8-10-1974. Bệnh nhân đau tức bụng trên đã hơn một năm, có lúc đau dữ dội. Thường hay đau sau lúc ăn cơm trưa, bắt đầu đau âm ỉ liên tục, rồi dần dần đau nặng thêm, xuyên lên bả vai đến mức toát mồ hôi, không chịu nổi. Sau điều trị xuất viện vẫn đau lại, thường miệng khô, buồn nôn, nôn mửa, ăn uống không ngon, vùng bụng đầy hơi, tiểu ít, nước tiểu đỏ. Lúc đau thì bụng cự án, không vàng da, chất lưỡi đỏ, rêu vàng dày, mạch tả quan Huyền cấp, hữu quan Huyền Sác. Đó là Can khí uất kết, mộc uất hoá hoả. Điều trị bằng phép sơ Can lý khí, thanh nhiệt hoá trệ, lợi Đởm bài thạch. Uống 'Thanh đởm hoá thạch thang' (Sài hồ 6g, Nga bất thực thảo 15g, Diên hồ 6g, Kim tiền thảo 15g, Kim linh tử 10g, Hoàng cầm 9g, Uất kim 6g, Thông thảo 3g, Bồ công anh 12g, Bắc nhân trần 15g), uống 6 thang, giảm hẳn đau sườn, cũng chưa thấy lên cơn đau dữ dội. Mạch bên trái Huyền Sác, bên phải Huyền Tế, lưỡi đỏ, rêu mỏng vàng, tiểu tiện khá nhiều, Can khí đã sơ thông, hoả có biểu hiện đi xuống. Vẫn dùng bài thuốc trên uống thêm 4

thang nữa, hết hẳn đau. Nhưng dạ dày vẫn còn đầy tức, ăn ít, mạch bên trái Huyền, bên phải Tế, lưỡi đỏ, rêu trắng, đó là Tỳ gặp mộc quá phá, do đó phải kiện Tỳ hoá thấp, lại dùng thêm bài thuốc lý Can khí (*Xuyên phác 9g, Phục linh 9g, Kim linh tử 9g, Bạch thực 9g, Mạch nha 9g, Mộc hương 6g, Long đởm thảo 6g, Đảng sâm 12*). Sau khi uống 5 thang thì ăn được, hết tức trong dạ dày. Sau 1 tháng lại đến bệnh viện kiểm tra, chụp X quang không còn thấy sỏi mật trên phim nữa.

Bàn luận: Bài ‘Thanh đởm hoá thạch thang’ dùng khi lên cơn sỏi mật cấp, bao giờ cũng có hiệu quả. Trong bài có vị Nga bất thực thảo là kinh nghiệm dân gian được thực tiễn xác minh, thuốc này có tác dụng mạnh lợi đởm bài thạch.

70- SỎI TÚI MẬT

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Chu, nữ, 65 tuổi, nhập điều trị ngoại trú ngày 27/1/1996. Đau dạ dày đã hơn 20 năm và hiện chẩn đoán là sỏi túi mật.

Thăm khám thấy đau dữ dội ở vùng bụng trên bên phải khiến cho bệnh nhân đau co gập đầu gối, thân nhiệt 39⁰5C, cơ căng và ấn đau nơi bụng trên bên phải, dấu hiệu Murphy dương tính và vàng da rõ. Chẩn đoán là sỏi túi mật.

Châm huyết *Nhật nguyệt*, các điểm ấn đau ở bụng trên bên phải, *Dương lãng tuyến* và *Hợp cốc*, châm ra máu 12 huyết Tĩnh (ở đầu các ngón tay). Sau khi kích thích liên tục được 15 phút, đau bụng trở nên dữ dội, nhưng sau 15 phút, đau giảm dần; được 30 phút thì hết đau, lưu kim 1 giờ, không thấy đau tái lại.

Ngày hôm sau, không thấy đau tái phát, các triệu chứng khác cũng giảm, viên sỏi có kích thước 1,5 x 2 x 2 cm³ và nặng 15g đã được tống xuất ra ngoài.

Châm như cũ, lưu kim 30 phút, 10 phút vê kim một lần.

Bệnh nhân hồi phục hoàn toàn.

72- BỆNH TRƯỚNG DO UỐNG THUỐC TRIỆT NGƯỢC GÂY NÊN

(Trích trong ‘Cổ kim y án án’ của Du Chấn Toản, Trung quốc).

Lưu Phụng Lai, 32 tuổi. Người to cao, da trắng, về mùa hạ thường tắm gội nước lạnh và ngồi hóng mát những nơi có nhiều gió thổi.

Đến mùa thu sinh ra chứng sốt rét (ngược), uống thuốc triệt ngược thấy khỏi được cơn sốt nhưng bụng lại đầy trướng. Được hơn một tuần, bụng phình lên, thở suyễn, tiểu bí, táo bón, không muốn ăn uống, chỉ ngồi cúi xuống mà không nằm ngửa lên được. Thấy bệnh quá nguy, người nhà liền mời Dụ Gia Xương.

Khi Dụ Gia Xương đến, bệnh nhân còn đang uống thuốc của thầy thuốc trước. Thấy thầy thuốc đó thấy đại

tiểu tiện không thông liền cho thuốc hạ, thuốc uống rồi mà vẫn không hạ được, lại bàn với người nhà của bệnh nhân dùng thêm Đại hoàng để hạ gấp. Bệnh nhân bằng lòng và bảo có như thế mới cấp cứu nổi. Dụ Gia Xương đến nơi liền cản lại và bảo thầy thuốc trước: Ông bảo bệnh này là bệnh gì mà dám dùng thuốc như thế? Thầy thuốc kia trả lời: “Bệnh này chính là bệnh thương hàn trường kết, dùng phép hạ rồi mà chứ thông thì chỉ có cách dùng phép hạ cho mạnh là được”. Dụ Gia Xương liền đáp: “Tôi chưa bao giờ thấy có bệnh thương hàn trường kết mà không có sốt. Vì có sốt thì tân dịch mới khô kiệt nên trường vị bị táo kết và trị mới dùng thuốc hạ. Sách có câu: không bị khí kết không được dùng phép hạ, chính là sợ người ta chữa lầm chứng bụng trướng thuộc Thái âm kinh. bệnh này cũng vì khí ở Thái âm kinh tán loạn, tân dịch theo khí chạy đồn ra bốn phương mà thành ra chứng trướng. Một đàng khí tán, một đàng khí kết khác nhau xa. Nếu bây giờ lại cho uống nhiều Đại hoàng để khí thoát đi nữa thì dù không chết cũng đến vỡ bụng.

Thầy thuốc kia nói với chủ nhà: “Tôi kiến thức hẹp hòi, không nghĩ đến nơi, nếu là thuốc sai xin đừng uống nữa, ông này sách vở nhiều mà miệng lưỡi lại giỏi, tôi không thể cãi nổi, thôi xin nhường để ông ấy điều trị”, rồi ông ấy bỏ ra về. Người nhà bệnh nhân thấy thế cho là Dụ Gia Xương làm mất lòng vị thầy thuốc trước, tỏ ý không bằng lòng mà nói riêng với nhau: “Thầy tuy về nhưng thuốc vẫn còn đó, ta cứ sắc lên cho uống xem sao, nếu thấy đỡ thì mời thầy đó trở lại cũng được”. Họ liền sắc

thuốc đưa cho bệnh nhân uống. Dụ Gia Xương thấy đưa thuốc lên liền đổ ngay đi nhất định không cho bệnh nhân uống.

Bệnh nhân ngạc nhiên hỏi: “Nếu thuốc này không nên uống thì thầy có bài thuốc nào cứu được tôi chẳng?”. Dụ Gia Xương lập tức lấy giấy bút ra y án và kê theo một bài ‘Lý trung thang’. Bệnh nhân xem y án rồi nói: “Thầy giải bệnh rất phân minh nhưng tôi sợ Sâm, Truật uống vào lại trướng thêm. Hơn nữa tôi đã uống hai thang Đại hoàng rồi mà vẫn chứ thông hoạt, bây giờ hãy xin nghỉ thuốc, đợi sáng mai xem bệnh tình ra sao rồi hãy uống”. Dụ Gia Xương bảo: “Phải đợi gì đến mai, đêm hôm nay, vào khoảng giờ Tý là lúc âm dương giao hoà, nếu không có thuốc mà đề phòng, thế nào cũng đổ mồ hôi rồi ngậy ngất đi, lúc đó làm sao cứu chữa kịp”. Bệnh nhân lại nói: “Bây giờ hãy sắc sẵn một thang ‘Lý trung’, đợi đến lúc nửa đêm, nếu đúng như vậy sẽ uống, thầy thấy như vậy có được không?”. Dụ Gia Xương trả lời: “Sắc sẵn thuốc để đến đêm uống cũng được, nhưng sao lại sợ thuốc tôi như sợ cọp vậy?”. Nói rồi ông ra nhà khách nằm để đợi xem sao. Sáng dậy quả nhiên người con ra thưa: “Tối hôm qua, đến lúc nửa đêm, cha của cháu đổ mồ hôi và người ngậy ngất, liền uống thuốc của thầy vào thì bệnh êm và ngủ được nhưng chứng trướng vẫn như cũ, xin mời thầy vào xem lại”.

Dụ Gia Xương vào xem mạch lại, bệnh nhân nói: “Thưa thầy, sau khi uống thuốc có phần hơi đỡ, giờ uống thêm một thang nữa hay sao?”. Dụ Gia Xương liền lấy ba thang ‘Lý trung’ nhập làm một, thêm Nhân sâm 12g, sắc

đặc cho uống, rồi lại cho uống tiếp một thang như thế nhưng thêm vào một ít Xuyên Hoàng liên, bệnh nhân uống hết thuốc, thấy chứng trướng đở hẳn. Bệnh nhân nói: “Hôm nay đã đở nhiều nhưng mấy ngày chưa ăn gì, xị thầy cho một ít Đại hoàng để cho thông đại tiện thì tôi mới dám ăn”. Dụ Gia Xương bảo: “Tôi đã giải bệnh nguyên cho hiểu, sao hãy còn nhận lầm là chứng thương hàn mà không dám ăn, bây giờ ông muốn ăn cá, thịt gì cũng được”. Nhưng bệnh nhân vẫn sợ chỉ sai nấu cháo lấy nước uống chứ không dám ăn cơm. Dụ Gia Xương liền hứa đến ngày mai sẽ cho một thang thuốc đặc biệt làm đại tiện thông ngay, bệnh nhân nghe nói lấy làm vui sướng chắc thế nào cũng cho Đại hoàng.

Hôm sau bà con đến thăm rất đông, bệnh nhân trong lúc tiếp khách, hỏi trực tiếp sự chữa trị. Dụ Gia Xương đáp: “Trong bụng ông nguyên trước đây đã uống Đại hoàng nhiều mà đại tiện không đi được là vì bàng quang trướng lên to quá, đã ép ruột già lại, cho nên muốn đại tiện hết sức mà không đi được, nay tôi dùng thuốc lợi tiểu, thông bàng quang, không cần chữa đến đại tiện mà tự khắc đại tiện thông ngay”. Sau đó, ông kê cho bài ‘Ngũ linh thang’, bệnh nhân uống vào một lúc thì đi tiểu và cũng đi đại tiện luôn. Ai cũng phục là Hoa Đà tái thế. Điều trị gần một tuần bệnh nhân bình phục hoàn toàn.

73- VIÊM GAN DO VIRUS

(Của Thẩm Cẩm Ba - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Vương, nam, 31 tuổi, công nhân. Đến chẩn trị từ 25-1-1980. Bệnh nhân kém ăn, mệt mỏi, mặt đen sạm, vùng gan đau, nước tiểu hơi đỏ, mạch Tế Sáp, rêu lưỡi mỏng trắng, bần. Chức năng gan: TTT 8,5 đơn vị, ZnTT trên 20 đơn vị, transaminase 139 đơn vị (bình thường 40 đơn vị), A/G = 2.6/3.8, bờ gan trên ở gian sườn số 6, trên trung tuyến xương đòn phải dưới mũi ức 3,5cm, dưới bờ sườn 1cm, mềm vừa phải. Sau khi chẩn đoán, cho uống 'Duyệt Can thang' thêm Tam lăng, Nga truật, trọng dụng Bạch hoa xà thiệt thảo. Kiên trì uống hơn 2 tháng. Đến 29-3-1980 xuất viện, lúc đó bệnh nhân có cảm giác dễ chịu, dạ dày dung nạp tốt, ăn được mỗi bữa 90 - 120g, vùng gan không còn đau, sắc mặt bớt sạm. TTT 7,5 đơn vị, ZnTT 12,5 đơn vị, transaminase dưới 40 đơn vị, A/G 3,7/3,5. Xuất viện rồi tiếp tục uống 'Duyệt can thang', ngày 14-4 kiểm tra lại chức năng gan: TTT 7,0 đơn vị, transaminase dưới 40 đơn vị, A/G 3,6/2,85. Vẫn tiếp tục kiên trì dùng 'Duyệt can thang' (*Tử đàn sâm 10-20g, Toàn dương quy 15g, Đỗ hồng hoa 2-5g, Xuyên quế chi 2-3g, Sài hồ 10-15g, Diên hồ sách 10g, Lục ngọc mai 5g, Bình địa mộc 15-30g, Lục nguyệt tuyết 15-30g, Bạch hoa xà thiệt thảo 15-30g, Hoàng kỳ 10-20g, Ngư tinh thảo 20-30g*), bỏ Xuyên quế chi. Đến 14-5 kiểm tra lại, tất cả đều hồi phục như thường: TTT 6 đơn vị, ZnTT 9 đơn vị, transaminase dưới 40 đơn vị, A/G 3,7/2,6.

74- VIÊM GAN DO VIRUS

(*Của Trần Ứng Khảo - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc*).

Mạnh XX, nữ, 8 tuổi, ngày 14-4-1978 sơ chẩn, bệnh nhân gần đây mệt mỏi, buồn ngủ, lưỡi nói, tinh thần ủ rũ, miệng họng khô, ngực sườn đầy trướng, nôn mửa kém ăn, tiểu tiện ít, nước tiểu vàng. Xét nghiệm thấy chỉ số hoàng đản bình thường, phản ứng Maclagan 10 đơn vị, phản ứng Hanger +++, Transaminase glutamic trên 480 đơn vị. Chẩn đoán lâm sàng là viêm gan truyền nhiễm cấp, thể không vàng da. Em gái bệnh nhân cũng mắc bệnh này mà phải vào viện, người nhà thấy sẵn sóc khó khăn, không đồng ý cho cô ta vào viện nữa, xin cho uống thuốc ở nhà. Khám thấy sắc mặt không tươi. Rêu lưỡi vàng mỏng, mạch Huyền Sác. Căn cứ mạch, chứng thì đây là bệnh thấp nhiệt ngăn trở trung tiêu, Tỳ Vị không hoà, thăng giáng thất thường, nung nấu Can Đởm, cần dùng phép thanh nhiệt hoá thấp, hoà Vị giáng nghịch, sơ Can lợi Đởm, cho dùng bài 'Nhân bồ thanh can ẩm' (*Nhân trần 30-60g, Bồ công anh 30-60g, Sinh sơn chi 10g, Sài hồ 10g, Ngân hoa 12g, Bạch thược 10g, Bản lam căn 15g, Uất kim 10g, Chỉ xác 10g, Đại hoàng 6g, Vân linh 16g, Sơn tra 10g, Cam thảo 10g*). Biện chứng, gia giảm dùng 27 thang, không đầy 1 tháng, tất cả các chứng đều hết. Kiểm tra lại chức năng gan thì thấy transaminase glutamic hơi cao hơn bình thường, các chỉ tiêu khác đều giảm đến mức bình thường, khỏi bệnh về mặt lâm sàng, chỉ điều dưỡng để chóng hồi phục.

75- VIÊM GAN TRUYỀN NHIỄM CẤP THỂ VÀNG DA

(Của Tôn Tùng Tiêu - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Trần, nam, 21 tuổi, học nghề. Tháng 3-76 sơ chẩn. Bệnh nhân mấy tháng nay yếu mệt, ăn không ngon, vùng gan khó chịu, củng mạc vàng, nước tiểu đỏ, đầu vầng, mạch Huyền, rêu lưỡi trắng, chẩn đoán là viêm gan, xét nghiệm phản ứng Hanger +++, transaminase 270 đơn vị. Cho uống 'Gia giảm nhân trần thang' (Nhân trần cao 30g, Sinh chi tử 15g, Bản lam căn 15g, Bồ công anh 15g, Nhân đông hoa 15g, Đại chỉ xác 6g, 'Bích ngọc tán' 15g). Uống được 7 thang vùng gan không thấy đau nữa, ăn dần thấy ngon. Vẫn dùng bài thuốc này bỏ Tam lăng, Nga truật, thêm Trần bì. Uống tiếp 7 thang. Nước tiểu trong, đã ăn ngon. Kiểm tra chức năng gan, phản ứng hanger +, transaminase 145 đơn vị,

Uống thêm 10 thang nữa, kiểm tra lại chức năng gan thấy hồi phục hoàn toàn, cảm giác về bệnh đều hết. Lại dùng 'Đơn chi tiêu dao thang' 7 thang nữa để củng cố. Ngưng uống thuốc, theo dõi 5 năm chưa thấy gì khác thường.

Nhận xét: Lúc dùng 'Gia giảm nhân trần cao thang' để điều trị chứng viêm gan truyền nhiễm thể không vàng da nói chung người lớn phải uống 1 tháng mới gọi là khỏi, trẻ nhỏ tương đối nhanh hơn, hơn nửa tháng là khỏi, hiệu quả lâm sàng cao.

76- VIÊM GAN TRUYỀN NHIỄM KHÔNG VÀNG DA

(Của Lý Thính Phủ - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Ngô X, nữ 50 tuổi, ngực nặng tức, đầu mỗi, bụng đầy, đầu vầng, mắt hoa, tay chân yếu, lúc đói thì tay run, tim hồi hộp, ăn vào thì tim đập nhanh thêm, khó chịu, ợ ra mùi hôi, đi ngoài mỗi ngày nhiều lần. Kiểm tra: gan to 2 ngón, phản ứng Maclagan 9 đơn vị, phản ứng Hanger (+++), Transaminase 400 đơn vị. Bệnh nhân Tỳ Vị vốn bị hư yếu, thường bị mờ mắt, bụng trướng, phân lỏng. Viêm gan tái phát, gan to, sườn bên phải đau trướng, mạch Hư Huyền Hoãn, chất lưỡi nhạt, dày. Nguyên nhân bệnh là Tỳ hư thấp khốn, Can mộc không phát huy được uất, 'Can có tà, khí của nó chạy ở 2 bên sườn', 'gan to, sẽ ép vào Vị, dồn lên họng, gây nên khô ở giữa hoành cách mô, làm cho sườn đau'. Tà chính tương bác, Can Tỳ thương tổn, vì vậy, dùng phép sơ Can thực Tỳ, vận hoá khí cơ. Cho uống 'Gia vị thư can ẩm' (Tử đan sâm 10g (sao rượu), Hàng bạch thược 10g (sao rượu), Phiêu bạch truật 9g (sao đất), Tây chỉ xác 6g (sao cám), Xuyên uất kim 6g, Thanh bì 5g (sao dấm), Bắc sài hồ 5g, Chích cam thảo 6g, Mạch nha (sao) 9g, Sinh bắc tra 6g, Kê nội kim 5g). Uống hơn 50 thang, các chứng đều hết. Kiểm tra lại chức năng gan đều bình thường.

Nhận xét: Bài 'Gia vị thư can ẩm' là bài thuốc bổ mà không cần kíp, sơ mà không kích, đã dùng nhiều đều có công hiệu. Sau khi dùng thuốc 'Gia vị thư can ẩm' mấy ngày, nếu như đau ở vùng sườn phải vẫn lan ra phía lưng,

tay chân mỗi, đêm ngủ nóng hầm hập, ra mồ hôi, đó là Can âm bất túc, Can khí tán mà không liễm lại, hư dương tản ra mà không thu lại, có thể dùng tiếp ‘Dưỡng can âm’ (*Tử đan sâm 10g (sao rượu), Hàng bạch thực 10g, Sơn thù du 6g (bỏ hạt), Thanh bì 5g (sao dấm), Xuyên uất kim 5g, Mẫu lệ 12g (sắc trước), Mạch nha (sao), Chích cam thảo 5g*). Bài này theo ý tán thì thu, kìm lại để dưỡng, tức là theo ý ‘cấp thì phải hoãn, tán thì phải thu, tổn thì phải ích’. Đối với bệnh nhân Can uất Tỳ hư, tinh thần ngưng uất mà có các triệu chứng kiểu viêm gan không vàng da như trên thì phải nghĩ đến Sài hồ ‘đạt uất cánh viêt hư dương’, lại nghĩ đến Bạch truật ‘vận Tỳ hữu thương Can âm, cam toan liễm âm’ (làm mạnh Tỳ thì hại đến Can âm, vị ngọt, chua thì làm liễm âm), bài này như thế là được.

77- VIÊM GAN SIÊU VI B TRUYỀN NHIỄM

(*Của Nhan Đức Hình - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc*).

Từ, nữ, 26 tuổi, viêm gan B truyền nhiễm thể không vàng da đã hơn 4 tháng. Kiểm tra transaminase glutamic 200 đơn vị, HAA dương tính, cảm thấy vùng gan đau, kinh nguyệt đến trễ, lưỡi tím, rêu mỏng bản. Đó là ứ nhiệt của Can bị dính lại không hoá được. Cho uống ‘Tê trạch thang gia giảm’ (*Quảng tê giác 3g (tán bột mà nuốt), Trạch lan 15g, Bại tương thảo 15g, Thổ phục linh 30g, Đối toạ thảo 30g, Bình địa mộc 30g*). Sau khi điều trị, các xét nghiệm chức năng gan đều hồi phục như thường, transaminase cũng

giảm xuống như thường, HAA âm tính, kinh nguyệt bình thường, theo dõi 3 năm, mọi thứ đều tốt.

Nhận xét: Tê trạch thang có hiệu quả tốt khi dùng cho viêm gan mạn tính thời kỳ hoạt động, có tác dụng làm giảm men transaminase và phản ứng Hanger tốt. Theo dõi lâm sàng thì thấy riêng bột Quảng tê giác, đối với viêm gan trường diễn mà transaminase không giảm rất có tác dụng, đồng thời làm cho HAA chuyển thành âm tính.

78- VIÊM GAN MẠN

(Của Đặng Thiết Đào - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Hoa, nữ 40 tuổi, cán bộ. Đã hơn 1 năm bị viêm gan thể không vàng da, không công tác đã mấy tháng. Người mệt mỏi, kém ăn, sườn đau, sắc mặt vàng bủng, môi nhợt, lưỡi non nhạt, rêu trắng dày, mạch Huyền, gan to 2,5cm, Transaminase 500 đơn vị. Cho uống 'Mạn can lục vị ẩm' (Thái tử sâm 15g, Phục linh 15g, Bạch truật 12g, Xuyên tỳ giải 10g, Hoàng bì thụ diệp 15g, Cam thảo 5g) thêm Biển đậu 12g. Sau khi uống thuốc nửa tháng, giảm đau sườn, tinh thần tốt hơn, ăn ngon hơn nhưng vẫn còn mệt. Bỏ Hoàng bì thụ diệp, lại uống nửa tháng nữa, transaminase giảm còn 200 đơn vị. Cứ theo bài trên gia giảm mà uống ba tháng, kiểm tra thấy đều bình thường, kiên trì dùng thuốc nửa năm để củng cố tác dụng. Theo dõi 5 năm nữa chưa thấy bệnh tái phát.

Nhận xét: Viêm gan mạn là bệnh của Can Tỳ, nhưng chủ yếu là ở Tỳ, Tỳ hư là cộng tính của gốc bệnh, vì vậy, nguyên tắc chung để trị bệnh viêm gan mạn là kiện Tỳ, bổ khí, phù thổ ức mộc, còn các chứng viêm gan mạn khác đều có thể trị bằng ‘Mạn can lục vị ẩm’ gia giảm, đạt được kết quả tốt.

79- VIÊM GAN MẠN TỒN TẠI

(Của Trần Khánh Toàn Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Trịnh XX, nam, 45 tuổi. Viêm gan mạn tính đã quá 7 năm. 3 năm trước kiểm tra đã từng phát hiện thấy HAA dương tính, 1 năm nay chuyển âm tính. Người bệnh chóng mặt, vùng gan có lúc đau, mỏi mệt, béo phì, miệng khô, đắng, bứt rứt không ngủ, lưỡi đỏ, rêu mỏng vàng, hơi bản, mạch Huyền Tế Sác. Gan dưới bờ sườn 1cm, độ cứng I-II, không sờ thấy lách, Transaminase trên 500 đơn vị, phản ứng Hanger (+++), HAA (-), AFP (-), chẩn đoán là *viêm gan mạn tính tồn tại*. Đây là thuộc bệnh Can Thận âm hư cộng thêm thấp, điều trị bằng phép dưỡng âm, bổ Can Thận, lợi thấp. Dùng ‘Tam ô nhân trần thang gia vị’ (Thủ ô 15g, Ô đầu y 9g, Miên nhân trần 15g, Đơn bì 9g, Thuyền y 4g, Sinh địa 12g, Dương quy 4g, Cam thảo 6g), uống được 1 tháng thì Transaminase còn 210 đơn vị, các chứng nói trên đều chuyển biến tốt. Lại dùng bài trên gia giảm thêm 1 tháng nữa, toàn bộ chức năng gan trở lại bình thường.

80- XƠ GAN

(Của Lý Chính Minh - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Hoạn XX, nam, 42 tuổi, cán bộ. Bệnh nhân kể đã 6 năm có gan to, vùng gan đau với bệnh viêm gan không rõ rệt. Có bộ mặt đau gan mạn tính, trên mặt có các u mạch hình sao, củng mạc không nhiễm vàng, vùng lá gan và bụng mềm, bờ gan ở dưới bờ sườn 2 khoát ngón tay, thể chất trung bình, mặt gan nhẵn không gồ ghề, chưa sờ thấy lách, chưa có cổ trướng. Xét nghiệm chức năng gan chưa thấy biến đổi rõ rệt, tỉ số albumin, globulin là 1,3/1. Chẩn đoán lâm sàng là *xơ gan giai đoạn sớm*.

Hội chẩn Đông y: thấy vùng gan đau, ăn không ngon, bụng đầy, miệng khô, buồn nôn, trong lòng bứt rứt không yên, chân phù nhẹ, nước tiểu vàng đỏ, rêu lưỡi vàng, chất lưỡi đỏ, ít tân dịch, mạch Tế Huyền hơi Sác. Trị bằng phép dưỡng âm nhu Can, sơ Can hoạt lạc. Cho dùng bài 'Nhất quán tiên gia vị' (Sinh địa hoàng 15g, (Nam) Sa sâm 12g, (Thôn) mạch đông 9g, Quy thân 9g, Cam kỷ tử 9g, Xuyên luyện tử 6g, Tử đàn sâm 6g, Quảng uất kim 9g, Sinh mạch nha 12g, Sinh miết giáp 12g, Phấn trư linh 12g, Xuyên liên 3g). Tuỳ bệnh chứng mà gia giảm, trước sau dùng tất cả 35 thang, đồng thời dùng phối hợp các thuốc tây bảo vệ gan, sau khi dùng thuốc thì cảm thấy các chứng cơ bản đều hết, sắc mặt từ chỗ xám trở thành có thần sắc, gan mềm đi, điện di protein bình thường. Sau khi ra viện 2 năm, hỏi lại

tình trạng cơ thể vẫn giữ được ổn định, bệnh chưa phát triển lại.

81- XƠ GAN SAU HOẠI TỬ

(Của Vạn Phương Mạc - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Tăng X, nam, 45 tuổi, công nhân. Năm 1962, từng bị viêm gan cấp thể vàng da, sau đó lại bị vàng da nhiều lần, xét nghiệm chức năng gan không bình thường. Ngày 9-1-1976, vì hội chứng bụng cấp nên nhập viện. Mổ thăm dò thấy túi mật bình thường, gan nhỏ, cứng, trên mặt có kết những cục nhỏ như hạt cát màu đỏ sẫm, là dấu hiệu bị viêm. Kiểm tra ống mật chủ và tuyến tụy thấy đều bình thường. Làm sinh thiết lá gan bên trái để kiểm tra bệnh lý giải phẫu. Chẩn đoán lâm sàng sau mổ là *xơ gan* và viêm phúc mạc thấm. Báo cáo của giải phẫu bệnh lý là *xơ gan sau hoại tử*. Kiểm tra trước khi mổ chức năng gan: chỉ số hoàng đản 30 đơn vị, Transaminase glutamic 340 đơn vị, tỉ lệ Albumin và Globulin là 0,8/1. Kiểm tra bằng siêu âm, bờ trên gan ở gian sườn 6, bờ dưới ở dưới bờ sườn 1cm, ở dưới mũi ức 3,5cm, bề dày gan 9cm, mặt mắt và toàn thân đều vàng, nước tiểu vàng, đỏ, vùng gan đau, miệng đắng mà dính, phân nát, tiêu không thoải mái. Rêu lưỡi vàng bẩn, lưỡi tím đỏ, mạch Huyền. Biện chứng là thấp nhiệt tích uất, Can huyết ứ đọng. Điều trị: thanh lợi thấp nhiệt, hoạt huyết hoá ứ. Cho uống 'Hổ xà liệu can thang gia giảm' (*Hổ trượng, Bạch hoa xà thiệt thảo, Nhân trần, Hy thiêm thảo,*

Đan sâm, Hồng táo, Bán chi niên, Kim tiền thảo đều 30g, Hoạt thạch, Phục linh đều 15g, Hoắc hương, Uất kim, Cam thảo đều 9g, Đại hoàng 6g), mỗi ngày một thang. Phối hợp với các liệu pháp nâng sức, tiêu viêm. Đến ngày 21-6 thì hết vàng da, kiểm tra chức năng gan thấy bình thường, bệnh nhân xuất viện. Vẫn tiếp tục điều trị bằng bài thuốc trên ở phòng khám một thời gian và có thể tham gia một số công việc lao động sản xuất. Theo dõi trong hơn 4 năm không thấy tái phát.

82- XƠ GAN DO Ứ MẬT

(Của Đinh Văn Chính - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Vương X X, nữ, 31 tuổi, nhân viên phục vụ. Đến khám lần đầu ngày 27-6/-975. Bệnh nhân từ tháng giêng năm 1974 bắt đầu thấy nước tiểu vàng, củng mạc vàng, toàn thân sợ lạnh, sốt, ăn ít, sợ mỡ, đã nằm viện 3 tháng mà không có hiệu quả. Sau khi kiểm tra siêu âm, chức năng gan, xác định là bệnh *xơ gan do ứ mật*, uống nhiều loại thuốc lợi mật tây y cũng như Đông y, nhưng chứng vàng da lúc giảm lúc tăng.

Bệnh nhân kể hơn một tháng nay vùng gan trướng đau, tức ngực, đầy bụng, ăn uống không tốt, ăn mỗi bữa 2 lạng, sợ dầu mỡ, nước tiểu vàng sẫm, phân vàng nhạt, kém nhuận, mạch tế, lòng bàn tay ra ít mồ hôi và dính. Kiểm tra tim phổi bình thường. Bụng mềm, ấn không đau, gõ vùng gan thấy đau, gan dưới bờ sườn 3cm, cứng vừa, cạnh

sắc nhọn, mặt nhẵn, ấn không đau. Lách dưới sườn 1cm, ấn không đau. Chức năng gan : chỉ số hoàng đản 30 đơn vị, định lượng bilirubin 3mg% Maclagan 10 đơn vị, transaminase glutamic 160 đơn vị, phosphatase kiềm 85 đơn vị. Kiểm tra bằng siêu âm : bờ trên của gan ở gian sườn 5, bờ dưới của gan ở dưới sườn 3,5cm, bờ dưới của lách ở dưới sườn 1,5cm, vùng gan tập trung sóng viba, ở đoạn trước vùng tập trung, có thể thấy nhiều đoạn ngang ống mật nhỏ, chẩn đoán là xơ gan do mật. Bilirubin niệu (+), urobilin (+), urobilinogen (+) nhẹ. Chứng tỏ Can Đởm thấp nhiệt, cần chữa trị bằng cách thanh thấp nhiệt, lợi Can Đởm, kèm theo hoá ứ. Cho dùng ‘Sơ can lợi đởm thang’, bài 1 (*Nhân trần 30g, Thanh cao 15g, Hoàng cầm 12g, Sài hồ 10g, Khương hoàng 12g, Đan sâm 15g, Bản lam căn 15g, Thanh bì 12g, Dĩ nhân 30g, Thông thảo 6g*), uống trong 3 tháng, bệnh tình trở nên ổn định, nhưng có khi vẫn phát sốt sợ lạnh, sốt vài giờ thì lui cơn, chất lưỡi hồng nhạt, rêu trắng, mạch Tế Sác. Khám lại, cho uống ‘Sơ can lợi đởm thang’ bài 2 (*Đương quy 15g, Xích thược 12g, Uất kim 12g, Hương phụ 12g, Nhân trần 30g, Nhị hoa 15g, Liên kiều 12g, Bại tường thảo 12g, Bản lam căn 15g, Phục linh 15g, Dĩ nhân 30g, Quất diệp 12g*). Uống thuốc 2 tuần, vàng da dần lui, không còn ớn lạnh sốt nữa, ăn được nhiều hơn. Nhưng lại mau mệt, buồn ngủ, mộng nhiều, rêu lưỡi cũng như mạch bình thường. Cho uống ‘Sơ can lợi đởm thang’ bài 3 (*các vị trong 2 bài trên, thêm Đảng sâm 12g, Bạch truật 12g, để kiện Tỳ ích khí*). Sau khi uống thuốc 1 tháng, các chứng cơ bản tiêu tan, kiểm tra lại chức năng gan : chỉ số hoàng

đản 2 đơn vị, photphatase kiềm 30 đơn vị. Kiểm tra siêu âm : gan ở dưới sườn 1,5cm, lách dưới sườn không sờ thấy, vùng gan tập trung sóng vi ba, không thấy có đoạn ngang ống mật nhỏ nữa.

Nhận xét: Xơ gan do ứ mật phần lớn là do ống mật ngoài gan bị tắc hoặc ứ đọng mật trong gan lâu ngày gây ra, thường là chữa triệu chứng. Trường hợp trên chữa theo biện chứng Đông y, dùng ‘Sơ can lợi đởm thang bài 1, 2, 3’, trong 3 tháng đầu chú trọng thanh thấp nhiệt, lợi Can Đởm, kèm theo hoá ứ, làm cho bệnh tình ổn định. Hai tháng sau vẫn dùng bài thuốc này, kèm thêm bồi bổ, nhờ vậy đạt kết quả tương đối lý tưởng.

83- XƠ GAN CỔ TRƯỞNG

(Của Phan Mai Nguyệt - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Phan XX, nữ, 40 tuổi, nông dân. Tháng 10-1962 đến khám lần đầu. Người bệnh bụng trướng to như cái trống, gân xanh nổi hẳn, vòng bụng đo 86 cm, gõ đục, di chuyển rõ, dạ dày căng đầy, sườn trướng, khó thở, ăn không tiêu, miệng khát thích uống nước, da thịt nóng hầm hập, miệng đắng, khó thở, ăn không tiêu, đầu vàng, ít ngủ, yếu ớt. Mất hơi vàng, nước tiểu vàng, ít, táo bón, chân phù ấn vào lõm, mạch Trầm Huyền, rêu lưỡi trắng, rìa lưỡi có vết tím. Đây là do Can mất chức năng điều đạt, khí huyết uất trệ, kinh lạc ứ tắc, thủy khí ứ đọng. Chữa trị phải hoá ứ, lợi thủy, thanh nhiệt, thông phủ. Cho dùng bài ‘Lý khí hoá ứ tiêu

thũng thang' (Cù mạch 30g, Phòng kỳ 9g, Tiêu mục 5g, Đình lịch tử 5g, Chế quân 9g, Nga truật 6g, Chỉ xác 5g, 'Thất tiểu tán' 15g, Đào nhân 5g, Đan sâm 15g, Xuyên phác 6g). Uống 5 thang, phù thũng giảm đi, nước tiểu nhiều lên. Lại dùng bài thuốc ấy hơi gia giảm một chút, cho uống tiếp 5 thang. Sau khi uống xong, bụng hết trướng, gân xanh trên bụng bớt đi, ăn tăng lên, thế bệnh có nhiều chuyển biến khác. Lại dùng 'Lục quân thang' thêm Đan sâm, Mạch nha, Sơn tra, Dương quy để điều lý, uống xen kẽ 'Vị linh thang gia vị'. Cứ như thế liên tục hơn một tháng, cổ trướng rút hết, tinh thần chuyển tốt. Khuyến bệnh nhân kiêng ăn muối 4 tháng. Sau đó đã có thể làm được một số việc trong nhà. Theo dõi hơn 10 năm, tình hình vẫn tốt, bệnh không tái phát

84- XƠ GAN CỔ TRƯỚNG

(Của Vương Tú Chi - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Khương XX, nam, 47 tuổi, nông dân. Người bệnh tiêu hoá không tốt, bụng trướng, nặng nhất là về ban đêm, đã 7-8 năm, khám ở một bệnh viện chẩn đoán là viêm gan mạn tính, xơ gan giai đoạn đầu. 3 tháng gần đây bệnh nặng lên, ăn uống giảm sút, tiêu hoá kém, bụng trướng tăng, toàn thân yếu sức, gầy ốm, bụng to dần như cái trống, nước tiểu ít, màu vàng, mạch Trầm, Hoãn. Đã rút nước ở bụng 2 lần, mỗi lần 1000ml. Điều trị: phải hành khí lợi thủy, thư Can giải uất. Cho uống phối hợp 'Thanh oa tán'

(Ếch 1 con, Sa nhân 6g. Mổ bụng ếch, nhét Sa nhân vào, rồi để ở chỗ râm mát cho khô, sau đó tán thành bột mịn để dùng dần. Mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 6g, ăn với cháo đường), với ‘Mẫu kê sâm kỳ thang’ (Gà mái đẻ 1 con, Hoàng kỳ 30g, Đảng sâm 30g, Sa nhân 30g. Gà vặt lông, mổ bụng, bỏ ruột, giữ lại gan, tim, gói các vị thuốc bằng vải gạc bỏ vào bụng gà, hầm nhỏ lửa cho nhừ, bỏ xương và bã, ăn lúc đói, mỗi ngày 2 lần (một thang thuốc trên có thể dùng cho 2-3 ngày). Sau khi dùng thuốc 100 ngày, cổ trướng rút hết, các chứng dần tiến triển, đã có thể làm các công việc chân tay thông thường.

85- XỖ GAN CỔ TRƯỚNG

(Của Ngô Dao Băng - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Tôn XX, nam, 42 tuổi, công nhân. Năm 1974 đã bị hoàng đản, kèm bụng trướng, ăn kém, có dấu hiệu mỡ bọc gan. Bệnh viện kiểm tra thấy gan sưng to, chức năng gan suy, chẩn đoán là *viêm gan*. Sau đó điều trị Trung Tây y, hoàng đản có giảm nhưng kéo dài không khỏi. Một năm gần đây, bệnh tình tiến triển hơn, gây ốm, vàng đầu, miệng khô, muốn nôn, bụng trướng, hông sườn có lúc đau, vùng bụng to như cái trống, ăn ít, mệt mỏi, ngày ăn 3 – 4 lần, bắp chân phù thũng, cơ thể sưng, nặng nề, đi lại khó khăn, đêm không ngủ được, tiểu ít, nước tiểu đỏ, cả ngày chỉ tiểu được 650ml, đại tiện hơi khô. Kiểm tra: thân nhiệt 37⁰4 C, hô hấp 28 lần/phút, huyết áp 130/80mmHg, chất

lưỡi đỏ sậm, rêu lưỡi trắng, ít tân dịch, mạch Huyền mà Sác, mạch 90 lần / phút, thần trí tỉnh táo, sắc mặt u ám, thân hình gầy ốm, giống vẻ mặt người suy nhược lâu ngày, da khô, môi khô, củng mạc không vàng, hàm và má bên trái có trên 4 đám tụ máu hình sao, tim phổi bình thường, gan và phổi nằm ở đường giữa gian sườn thứ 4, bụng trướng to như cái trống, vòng bụng đến 92cm, vùng gõ đục dịch chuyển (++++), ấn vào đầy cứng, trên mặt bụng nhiều tĩnh mạch nổi, vùng dưới gan và lách đầy trướng, hai chân ấn vào lõm. Hệ thần kinh không có gì khác thường. Kiểm tra chức năng gan: Maclagan 10 đơn vị, transaminase 80 đơn vị, albumin 2,30g, globulin 3,22g. Siêu âm thấy có vùng phân cách sóng và vùng phản xạ dịch bằng phẳng. Tây y chẩn đoán là xơ gan cổ trướng. Đông y cho là chứng ‘Thủy cổ’, do Can Thận âm hư. Điều trị cần dưỡng Can, lợi thủy, thêm hoá ứ. Cho dùng ‘Dưỡng âm lợi thủy thang’ (*Quy bản 25g, Miết giáp 15g, Sinh địa 15g, Thốn đông 15g, Phúc bì 25g, Phục linh 15g, Trạch tả 15g, Mao căn 15g, A giao 10g, Trạch lan 15g, Bạch thực 15g, Tỳ bà diệp 10g, Thuý y 25g*). Vừa uống vừa gia giảm liên tục trên 3 tháng, chứng bụng trướng nước tiêu hết. Sau đó dùng dùng phương pháp ‘phù chính’ (bồi dưỡng) thêm 1 tháng. Kiểm tra lại thấy chức năng gan bình thường, bệnh nhân mạnh khỏe trở lại.

86- XƠ GAN CỔ TRƯỚNG

(Của Lý Chí Siêu - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Thích XX, nữ, 50 tuổi. Tháng 9 năm 1966, vì tinh thần bị kích động, không muốn ăn uống, vàng đầu, hoa mắt, sau đó bụng sưng trướng, tim hồi hộp, bệnh viện chẩn đoán là *xơ gan cổ trướng*. Ngày 20 tháng 9, trước khi điều trị, gan sưng to, dưới bờ sườn 2,6cm, mềm, ấn đau không rõ, lách cũng vậy. Vì bụng trướng nước nên khi nằm không thể xoay trở thân mình được, trên mặt, ở gò má bên trái có những nốt như màng nhện, da mặt ửng đỏ, không vàng, hình dáng gầy ốm, mệt mỏi, chỉ có thần khí là không giảm. Sau khi uống 5 thang ‘Sài hồ sơ can tán, hợp với Nhiệt trướng trung mãn phân tiêu ẩm’ (Sài hồ 15g, Chỉ xác 15g, Xích thực 15g, Cam thảo 5g, Hương phụ 25g, Xuyên khung 7,5g, Sa nhân 5g, Can tửu Sâm 15g, Bạch truật 10g, Phục linh 25g, Trần bì 25g, Bán hạ 7,5g, Tri mẫu 10g, Trư linh 15g, Thạch tả 15g, Hậu phác 15g, Hoàng cầm 15g, Hoàng liên 15g, Can khương 5g, Khương hoàng 7,5g), trên, lâm sàng cho thấy các chứng đều giảm, uống tiếp 15 thang nữa, khỏi bệnh.

87- XƠ GAN TĂNG ÁP LỰC TĨNH MẠCH CỦA

(Của Triệu Lan Đường - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Thôi XX, nam 41 tuổi, công nhân. Bệnh nhân từ năm 1973 phát hiện thấy gan lách bị sưng to, chức năng gan khác thường. Năm 1975 chẩn đoán là viêm gan mạn tính. Từ năm 1977 đến nay, lách ngày càng một to, đi khám ở nhiều bệnh viện đều chẩn đoán là *xơ gan do tăng áp lực*

tĩnh mạch cửa, lách to, bệnh nhân được khuyên là mổ cắt lách, nhưng bệnh nhân không đồng ý. Ngày 23-2-1979 đến viện điều trị. Khi vào viện, hai bên sườn đau nhói hoặc đau âm ỉ rất khó chịu, nướu răng chảy máu ít nhiều, còn ăn uống được. Kiểm tra thấy: sức khoẻ nói chung còn tốt, gan to dưới bờ sườn 1,5 cm, lách to dưới bờ sườn 3cm, hơi cứng, ấn đau. Lưỡi đỏ tím, có điểm huyết ứ, rêu mỏng, rìa lưỡi ám đen, mạch Tế, Sáp. Xét nghiệm thấy: chức năng gan bình thường, bạch cầu $3.800/\text{mm}^3$, tiểu cầu $76.000/\text{mm}^3$. Kiểm tra siêu âm thấy lách dày 5 cm ở dưới bờ sườn 3cm, bờ trên của gan nằm ở gian sườn thứ 6 (7cm), dưới bờ sườn 2 cm. Uống thuốc barit để chụp phim cho thấy đoạn dưới tĩnh mạch thực quản hơi giãn.

Chứng này là do huyết ứ nội trở gây ra. Điều trị phải hoạt huyết hoá ứ, nhuận kiên tán kết. Cho dùng bài ‘*Nhuễn kiên súc tỳ thang*’ (*Đương quy 15g, Xuyên khung 9g, Tam lăng (sao) 9g, Nga truật 9g, Đào nhân (sao) 9g, Thổ nguyên 9g, Đan sâm 30g, Sài hồ 12g, Trần bì 12g*), mỗi thang sắc còn 300ml, uống một lần vào buổi tối lúc đói. Hai tuần sau kiểm tra chức năng gan, transaminase glutamic tăng cao đến 36 đơn vị (theo phương pháp cải tiến), ngừng bài thuốc trên, cho dùng bài ‘*Kiên can sinh hoá thang*’ (*Đảng sâm 15g, Bạch truật (sao) 9-12g, Sơn dược (sống) 30g, Đương quy, Thanh bì, Chỉ xác (sao) mỗi thứ 12g, Đan sâm 15-30g, Bạch thược (sống) 18g, Long đởm thảo, Xuyên liên mỗi thứ 6-9g, Sài hồ 9g*), mỗi ngày sắc uống một thang, cùng thuốc tây y loại bảo vệ gan. Sau nửa tháng, transaminase glutamic trở lại bình thường. Tiếp tục uống

‘Nhuyễn kiên súc tỳ thang’, uống thêm ‘Súc tỳ tán’ (Ngũ linh chi 30g, Nga truật, Tam lăng mỗi thứ 60g, Xuyên sơn giáp 90g, Sài hồ 45g, tán bột mịn, mỗi lần uống 6g, ngày uống hai lần, sáng tối). Một tháng sau, gan lách đều thu nhỏ. Nằm viện 96 ngày, khi ra viện bệnh nhân tự thấy khỏi hết bệnh, lưỡi hơi tím nhạt, sáu mạch Huyền hữu lực, chức năng gan bình thường, bạch cầu $5.300/\text{mm}^3$, tiểu cầu $95.000/\text{mm}^3$. Kiểm tra bằng siêu âm: lách dày 3,5cm. Chụp phim sau khi uống barit thấy hết giãn tĩnh mạch thực quản. Ra viện tiếp tục điều trị. Sau một tháng khám lại, tiểu cầu tăng đến $113.000/\text{mm}^3$. Theo dõi trong 4 tháng, tình trạng tốt, khỏi bệnh.

Nhận xét: Xơ gan do tăng áp lực tĩnh mạch cửa, lách sưng to, thuộc phạm trù tích tụ trong Đông y. Tích tụ chia ra chứng tích và chứng tụ. Chứng tích phần lớn thuộc phần huyết, chứng tụ phần lớn thuộc phần khí, đều có thể trị bằng cách hoạt huyết, hoá ứ, nhuận kiên tán kết. Đơn thuốc ‘Súc tỳ thang’ và ‘Súc tỳ tán’ được cấu tạo theo phép này, ứng dụng vào lâm sàng thu được hiệu quả tốt. Trong thời gian điều trị, liều lượng thuốc phải từ ít đến nhiều, tăng dần liều lượng sao cho không tổn thương chính khí (ý nói tình trạng chung và các chỉ tiêu chức năng gan), đôi khi phối hợp uống với ‘Súc tỳ tán’ để nâng cao hiệu quả điều trị, rút ngắn thời gian chữa bệnh. Nhưng phải chú ý định kỳ kiểm tra chức năng gan và xét nghiệm máu, nước tiểu để nắm vững những thay đổi. Nếu bệnh nhân tự cảm thấy chứng bệnh rõ rệt, chức năng gan bị tổn thương nghiêm trọng thì phải giảm liều hoặc ngừng hẳn thuốc,

chuyển sang dùng thuốc phù chính của Đông y hoặc thuốc bảo vệ gan của tây y để điều chỉnh. Cũng có thể dùng bài thuốc 'Kiện can sinh hoá thang' để chữa, đợi chức năng gan chuyển biến tốt mới tiếp tục công trị cho đến khi khỏi hẳn.

Y ÁN VỀ TIM MẠCH

88- ĐAU TIM, ĐAU NGỰC

(Trích trong 'Chẩn dư cử ngẫu lục' của Trần Cúc Sanh, Trung quốc).

Mùa Đông năm Canh Dần, tôi đến Sơn Đông, ở đó có người bạn họ Châu bị chứng đau tim, ngực cộm đau, có khi vài ngày mới phát 1 lần, có khi 1 ngày phát đến mấy lần và cứ thế luôn, bệnh đã 6 - 7 năm nay. Tôi xem mạch thấy Nhu Sác, ít thần, biết đây là bệnh đau tim do Tỳ và Can sinh ra, thuộc loại hư hàn. Tôi liền dùng ôn bổ và tuy dùng lượng thuốc khá nhiều, bệnh chỉ giảm được chút ít thôi. Tôi nghĩ : "Bệnh thuộc hư tức là ở bên trong không có gì mà Cam thảo lại có tính làm cho no đầy, vừa có thể làm dịu các sự quặn thắt và giảm đau". Tôi liền lấy toa thuốc mà người bệnh đã dùng, thêm vị Chích thảo lên đến 40g. Người bệnh dùng thang này, quả nhiên dễ chịu, không

đau nữa. Tuy vậy bệnh này do hoàn cảnh không vừa ý mà sinh ra, hơn nữa, bệnh này phát đã từ mấy năm nay rồi, muốn trừ căn, e rằng không phải dễ. Có người hỏi tôi sao vị Chích thảo trước chỉ có 20g mà bây giờ lại dùng đến 40g, há chẳng nhiều quá? Tôi đáp: “Dùng sống thì khí bình, nướng qua thì khí ấm, vị ngọt của nó lại điều hoà được các vị thuốc khác, vì thế, Cam thảo mới được tặng tên là ‘Quốc lão’. Các phương thang của Trương Trọng Cảnh sáng lập ra ngày xưa như ‘Cam thảo thang’, ‘Cam thảo thực dược thang’, ‘Cam thảo phục linh thang’, ‘Chích cam thảo thang’... cho đến những thang như ‘Ma hoàng thang’, ‘Quế chi thang’, ‘Cát căn thang’, ‘Thanh long thang’, ‘Lý trung thang’, ‘Tứ nghịch thang’, ‘Điều vị thừa khí thang’, ‘Kiến trung thang’, ‘Sài hồ thang’, ‘Bạch hồ thang’... chẳng có phương nào mà Cam thảo không đóng vai trọng yếu. Chỉ trừ những người bệnh có ới mưa hoặc thủng đầy, cũng như người nghiện rượu có các chứng bệnh về thấp khí mới phải cấm dùng mà thôi. Xem đó, ta thấy là làm thuốc phải biết rõ các điều cấm kỵ. Thế tục không hiểu gì về lẽ đó nên vẫn cứ phân vân, dùng nhiều không dám đã đành mà bỏ đi thì e không tiện, thành thử mỗi khi lập phương thuốc, họ chỉ dùng độ ít phân, cho đó là kế lưỡng toàn. Người không hiểu, hễ kế càng xảo thì kiến thức người đó càng thấp. Uông Nhãn Am nói : "Thời y dùng Cam thảo bất quá chỉ 2-3 phân (0,8 - 1,2g) mà thôi, chẳng hiểu tập quán đó bắt nguồn từ ai, nay đã thành thói quen, khó lòng xoá bỏ được, thật cũng đáng cười cho cái vụng dại ấy mà”.

89- ĐAU TIM, ĐAU NGỰC

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Bệnh nhân Từ, nam, 47 tuổi, cán bộ. Nhập điều trị ngoại trú ngày 07/05/1973. Bệnh nhân bắt đầu bị cao huyết áp và thỉnh thoảng có đánh trống ngực, đau thắt ngực. Vào năm 1970 ông ta bị một cơn đau thắt ngực, đau dữ dội vùng ngay sau xương ức và lan đến vai trái và sau lưng. Khó thở và tái nhợt. Đã được cả hai bệnh viện huyện và bệnh viện tỉnh chẩn đoán là *bệnh vành tim*. Mặc dù đã được điều trị bằng Trung dược và Tây dược trong 3 năm, chứng đau thắt ngực vẫn còn xảy ra, mỗi cơn kéo dài 15 - 30 phút. Cơn đau cuối cùng trước khi châm trị do một sự xúc động tinh thần và những triệu chứng mô tả ở trên đã xuất hiện. Ông ta được điều trị bằng cách châm các huyệt *Đản trung* và *Nội quan*, vê kim liên tục. 5 phút sau, chứng đau thắt ngực biến mất. Sau lần đó, mỗi cơn được chặn đứng bằng phương pháp này cho đến khi cuối cùng vào năm 1975.

Ngày 7/08/1976, bệnh nhân trở lại phòng khám để khám kiểm tra cho thấy: huyết áp 130/85 mmhg, Cholesterol trong máu 80mm, Điện tâm đồ bình thường và không có cơn đau thắt ngực nào kể từ lần châm trị cuối cùng kể trên. Một ngày nọ, trên đường đến bệnh viện, ông ta bị một cơn đau thắt ngực, tôi đã bấm huyệt *Nội quan* của ông ta bằng ngón tay cái và đạt được hiệu quả trị liệu tốt”.

90- TIM ĐAU

(Trích trong ‘Châm cứu bách bệnh thực dụng nghiệm phương’ của Thẩm Tá Đình – Trung quốc).

Đỗ Huy Quan, 10 tuổi, quê ở Tứ Xuyên. Thường xuyên đau vùng tim đã một năm. Lúc đầu mấy tháng phát đau một lần, gần đây cả ngày lẫn đêm đều đau không hết. Khi đau thì mặt xanh, tay lạnh, lưng khom xuống.

Điều trị: Châm huyết *Thiếu thương* cho ra máu, bệnh hơi bớt, sau một giờ đồng hồ lại đau một ít rồi hết, đến đêm lại đau nhưng so với trước thì nhẹ hơn.

Lần thứ hai: Ngày hôm sau châm tả huyết *Linh đạo*. Kết quả: tả xong thì hết đau, nhưng sau giờ Ngọ lại hơi đau.

Lần thứ ba: châm *Thần môn*. Kết quả: châm vào thì đau rồi hết, nhưng gần đến giờ Ngọ lại đau.

Lần thứ tư: Châm *Nội quan, Thừa tương*. Kết quả: châm xong thì hết đau.

Lần thứ năm: Châm giống như trên. Châm xong về nhà, vì đi đường xa nên hơi đau lại một ít, qua ngày hôm sau cũng còn hơi đau nhưng nhẹ hơn.

Ngày hôm sau khi bệnh nhân đến trị, cho rằng gần sáng (giờ Sửu, 1 – 3 giờ) bệnh phát đau lại là do khí lưu trú ở Can (giờ Sửu là giờ Can khí vượng). Châm huyết *Thái xung*.

Kết quả : hết đau và không tái phát nữa.

Giải thích: Bệnh này, dùng các huyết của kinh Tâm để trị, chỉ hết tạm thời. Sau đó dùng huyết của Can là Thái

xung mà tim hết đau, vì Tâm và Can có liên hệ với nhau, một thuộc hệ tuần hoà, một thuộc hệ tiêu hoá, vì vậy châm Can mà bệnh tim khỏi.

91- TIM ĐAU

(Trích trong ‘Châm cứu bách bệnh thực dụng nghiệm phương’ của Thẩm Tá Đình – Trung quốc).

Dương Áo, nữ, 64 tuổi, ngụ tại Tứ Xuyên. *Phía dưới vùng tim đau đã 20 năm. Lúc đầu 1 năm phát mấy lần, dần dần càng nặng, gần đây lại nặng hơn, phải dùng Nha phiến (thuốc phiện) mới bớt, bây giờ, mỗi ngày tại vùng trung quản đầy đau không hết. Khi đau, tim đập mạnh. Châm tả huyết Trung quản, Chương môn.*

Kết quả: khi châm huyết Trung quản, tả 2 lần thì cơn đau chạy xuống dưới, xoay kim qua bên trái, đẩy kim vào thì cơn đau lại chạy lên trên, xoay kim thêm thì cơn lại chạy xuống dưới, xoay kim đẩy nữa thì cơn đau chạy vào giữa, không hết. Lại vê kim tiếp 3 lần nữa cũng vẫn còn đau tuy ít nhưng không dứt hẳn. Sau đó châm huyết Chương môn khi châm vào thì tim đập nhanh, chỗ trung quản lại đau nhiều hơn, tiếp tục xoay tả 3 lần nữa thì hết đau, bệnh nhẹ đi.

Giải thích: Chứng này thuộc chứng Tâm khí thống, nhưng thực ra là phía trên dạ dày đau. Vị thuộc thổ, Can thuộc mộc, vì Can thịnh nên khắc Vị thổ, lại đau ở vùng trung quản là cửa ngõ của Vị, vì vậy dùng huyết Trung quản để trị, trừ được hoả, giảm được đau ở Vị khẩu. Lúc

bắt đầu châm huyết Trung quản, đau nhiều tuy có giảm nhưng không hết hẳn. Sau đó châm huyết của Can là Chương môn, khi châm vào thì tim lại đập mạnh, vùng vị quản cũng đau nhiều, đó là do Can mộc sinh Tâm hỏa và Can mộc khắc Tỳ thổ, cho nên sau khi tả huyết Chương môn thì tim hết đập mạnh, Vị thổ không bị khắc nữa nên hết đau, bệnh nhẹ.

92- TIM ĐẬP CHẬM – TIM ĐẬP LOẠN NHỊP

(Trích trong ' Tạp chí đông y' số 193/ 1985, Việt Nam).

Nguyễn Văn Tr, 35 tuổi, sinh viên y khoa, trước đây 10 năm, bị viêm bao tử, tá tràng, điều trị vẫn chưa khỏi. Lúc 8 giờ sáng, đang ngồi đọc sách, bỗng người bàng hoàng, chân tay run rẩy, choáng váng, mắt tối sầm, cảm giác như người rơi từ trên cao xuống, phải nằm xuống giường. Bắt mạch thấy 45 lần/phút, rất nhỏ. Kế tiếp mấy ngày sau, người rất mệt, choáng váng, đi lại không vững. Bốn ngày sau, lúc đứng dậy cố gắng ra sân đi tiểu thì bị ngất, mạch 40 lần/phút, rất nhỏ, phải tiêm Atropin vào tĩnh mạch. Chừng 15 phút thì đỡ dần, nhưng vùng chẩm rất buốt, đỉnh đầu cũng đau hơn những ngày trước, toàn thân gầy sút nhanh, chóng mặt, không đi lại được, mạch luôn dưới 50 lần /phút, đi rất nhỏ, có cảm giác như không bắt được mạch. Điều trị ở bệnh viện Bạch Mai 20 ngày bằng rượu Belladone, có đỡ ít, nhưng sau đó, bệnh trở lại nặng.

Khám thấy da xanh, môi thâm, hình thái mỗi mệt, rất khó ngủ, trong lòng buồn bực, bứt rứt, tiếng nói mệt,

khó thở, mạch chậm, thường khoảng 48 - 50 lần/phút, đầu đau, đi lại loáng choáng không vững, hơi khát nước, 5 - 7 ngày lại lên một cơn ngất, khi sắp ngất thì buồn ói và choáng váng nhiều, khi ngất, mạch 40 hoặc 45 lần/phút, ăn kém, rêu lưỡi thường, chất lưỡi hơi nhớt, da thịt mềm nhão, 6 bộ mạch đều Trầm, Trì, Nhược. Bụng có cảm giác nóng rát ở vùng *thượng vị, hố chậu phải; đè vào hố chậu phải thì đau* và nổi thừng, còn vùng thượng vị không đau.

Tâm chủ huyết mạch, thần minh. Mạch chậm, mỗi khi quá chậm thì bị ngất, cố nhiên là bệnh ở tâm rồi. Nhưng muốn chẩn đoán cho chính xác, cần phải tìm hiểu ra nguyên nhân nào đã gây trở ngại đến sự vận hành của huyết mạch làm cho tim đập chậm và tà độc nào đã che lấp Tâm làm cho bị ngất. Hơn 10 năm nay, đã bị viêm bao tử, tá tràng và đại tràng chưa khỏi, bụng có cảm giác nóng rát vùng thượng vị và hố chậu phải, biểu hiện Tỳ Vị bị suy yếu, chức năng kiện vận kém sút, thủy âm đình trệ làm trở ngại đến sự vận hành của huyết dịch, do đó, tim bị ảnh hưởng mà mạch chậm và bị ngất, nhất là trước khi ngất thì buồn nôn, choáng váng nhiều, trong khi ngất, mạch lại chậm hơn, chứng tỏ khi đó huyết mạch bị trở trệ hơn. Buồn nôn là thủy ẩm ứ đọng ở vị quá nhiều, trọc khí nghịch hành lên gây ra, trọc khí không giáng xuống thì thanh khí không thăng lên được, gây ra hoa mắt, chóng mặt, đầu đau, đi lại loạng choạng, lảo đảo. Trọc khí xúc phạm vào Tâm làm che lấp tâm khiếu *khiến bị ngất. Người mệt mỏi nhiều, chân tay run rẩy đều là huyết dịch tuần hoàn trở trệ không vinh dưỡng được cơ thể và tứ chi. Da*

xanh, quầng mắt thâm, chất lưỡi hơi nhợt, hình thái mỗi mệt, biểu hiện chứng huyết hư khí trệ. Rất khó ngủ, và trong lòng buồn bực, bứt rứt, cổ khô, hơi khát nước là do *Tâm hoả thăng. Tiếng nói yếu, khó thở, do Tỳ thổ hư không sinh được Phế kim, da thịt mềm nhão cũng do Tỳ khí kém vì Tỳ chủ cơ nhục Tóm lại: Nguyên nhân phát bệnh do Tỳ mà hậu quả là tại Tâm.*

Điều trị: Kiện Tỳ, đạo trệ, tiêu đờm, và dưỡng Tâm, thanh Tâm, hoạt huyết. Dùng bài ‘Ôn đởm thang gia vị’: Bán hạ 12g, Đảng sâm 20g, Thiên ma 12g, Trần bì 8g, Ích mẫu 12g, Sinh khương 2g, Chỉ xác 8g, Phục linh 12g, Mạch môn 20g, Ý dĩ 16g, Cam thảo 6g, Trúc nhự 8g. Uống 10 thang, mạch lên 62 lần/phút và bớt yếu, không bị ngất nữa. Trong 2 tuần, mạch 58 - 65 lần/phút, sức khoẻ tiến bộ hơn, ăn được, ngủ còn kém, đại tiểu tiện thường, còn hơi khó thở. Uống tiếp 6 thang trên, thêm Táo nhân (sao đen) thì mạch lên 66 lần/phút, bình thường hoà hoãn, hết khó thở, ngủ khá, đi lại hết choáng váng trong tuần, mạch trung bình 64 - 70 lần/phút. Mạch chậm coi như đã khỏi, sức khoẻ tiến bộ khá. Cho uống tiếp 4 thang nữa, thử cho đi học vàng hỉ thuốc một thời gian xem sao. Cách 18 ngày sau, kiểm tra lại thấy mạch 66 lần/phút. Hai tuần qua, mạch trung bình (4 - 7) lần/phút. Tuy đi học và bị cảm sốt, mạch chỉ xuống tí chút rồi lại lên như thường. Sức khoẻ khá, ăn ngủ thường. Cho uống 4 thang trên. Hai tuần sau kiểm tra lại thấy mạch hoà hoãn, 66 - 72 lần/phút. Sức khoẻ tốt, làm việc tốt, trực đêm tốt, ăn ngủ đều, mạch

chậm, khởi hẳn. Bệnh nhân đến nay vẫn khoẻ mạnh, đồ bác sĩ và công tác tốt.

93- TIM ĐẬP NHANH

(Của Trịnh Kiều - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Trương X, nam, 40 tuổi. Bệnh đã hơn một năm. Chứng trạng chủ yếu là tim đập nhanh, thở dốc, mất ngủ, hay quên, u uất, hoa mắt, mặt nhợt, mặt xanh bệch, gò má đỏ, người gầy gò, vẻ ngoài buồn khổ, không yên, môi lưỡi nhạt, lưỡi không rêu, thở gấp, mạch Cáp Sác, không lực, đập 130 lần/phút. Đây là chứng âm suy dương phù, Tâm Thận bất giao, tim hồi hộp.

Điều trị cần ích tinh, bổ Thận, ích khí, sinh huyết, dưỡng Tâm, an thần. Dùng bài 'Bát vị an thần hoàn gia vị': *Thục địa 15g, Sao táo nhân 30g, Sơn thù nhục 15g, Phục thần 15g, Bạch nhân sâm 12g, Dương quy 12g, Hồ phách 12g, Chích cam thảo 9g, Nhục thung dung 12g, Câu kỷ 15g, Long cốt 30g, Cửu tiết xương bồ 12g*. Tán bột, tất cả, luyện mật làm hoàn, mỗi hoàn 9g. Ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 hoàn. Uống hết 1 liệu, tim đỡ hồi hộp, mạch chuyển sang Hoãn Hoạt, mỗi phút giảm còn 94 lần. Uống hết 2 liệu, các triệu chứng đều hết.

Nhận xét: Người bệnh này bị chứng *tim đập nhanh*, là Thận âm suy tổn, không thể giúp cho tim, âm dương không giao nhau, thần không giữ yên chỗ, như ông Lưu Hà Gian đã nói : "*Thủy suy hoả vượng, tâm hung táo động*" là nghĩa

như vậy. Vì thận âm suy tổn, âm dương hỗ căn mất sự điều hoà, dương hư vượt lên, làm rối loạn tâm thần sinh ra hoa mắt, tim đập hồi hộp, mất ngủ, hay quên, u sầu. Thận âm không thể lên giúp đỡ Tâm dương, Tâm dương độc cuồng thì chắc chắn Tâm âm bị hại. Tâm khí bị tổn thương làm cho mạch chạy nhanh (Cấp Sác), không lực. Điều trị: Phải dùng Thục địa, Thù nhục, *Câu kỷ*, Nhục thung dung, lấy vị ngọt chua, mang tính ấm, bình mà tư âm, ích tinh, để bổ Thận; Dương quy, Nhân sâm bổ huyết, ích khí để dưỡng Tâm; Long cốt, Táo nhân, Xương bồ, Hồ phách vị ngọt, chua, hơi cay, tính bình để dưỡng Tâm, an thần. Thận âm mà đủ, ở trên, đối với chứng bệnh tim do Thận âm suy tổn là thuộc loại hư mà "hư thì phải bổ", tuy nhiên, dương hư vượt lên là do âm thiếu không thể kìm dương lại. Điều trị phải dùng các thuốc ngọt, ấm tính bình, có tác dụng tư âm, ích tinh, bổ Thận, thêm các thuốc *dưỡng tâm an thần, âm đủ thì dương bình mà thần yên.*

94- TIM ĐẬP NHANH

(Trích trong 'Châm cứu bách bệnh thực dụng nghiệm phương' của Thẩm Tá Đình – Trung quốc).

Thủ Hùng, nữ, 43 tuổi. Tim thường đập mạnh, vùng mỏm tim đau. Bệnh đã 20 năm, khi đau thường gây nên nôn mửa ra nước trong.

Điều trị: Châm huyết *Thượng quản*, vô kim tả 3 lần.

Kết quả: Châm xong, tim hết đập mạnh và hết đau.

Giải thích: Hoả sinh Thổ, vùng tâm khẩu tức phía trên dạ dày bị tà khí xâm nhập, vùng đó cũng liên hệ đến tim, vì vậy gây nên tim đau, tim đập mạnh, đó là Tâm bị thực sinh nên bệnh, do đó, châm tả huyết Thượng quản theo nguyên tắc ‘thực tả tử’, khỏi bệnh.

95- TIM ĐẬP KHÔNG ĐỀU

(Của Trạch Dung Khải - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Quách XX..., nữ, 30 tuổi. Cảm thấy tim đập hồi hộp, sau khi hoạt động thì tim đập mạnh, thở ngắn, tự phát hiện mạch đập không đều đã 2 tháng nay, hơi vàng đầu. Lúc tim đập mạnh thì ngực bức bội, tay chân rã rời, mấy ngày gần đây sốt nhẹ, thân nhiệt trên dưới 37⁰5, ban đêm ngủ không ngon giấc, có lúc ra mồ hôi trộm, ăn uống giảm sút. Lúc mới bệnh, có bị cảm.

Khám thấy: Nói chung tình trạng tốt , vùng họng không đỏ, amidal không sưng to, rêu lưỡi mỏng trắng, hơi vàng, chất lưỡi đỏ, tiếng phổi thở nghe trong rõ, tim đập 75 lần/phút, nhịp tim không đều, có thể nghe thấy nhịp sớm 8 - 10 lần/phút. Bụng mềm, gan lách không to, bụng không có triệu chứng nào khác thường. Các khớp tay chân cử động bình thường, không sưng phù, không thấy các nốt ban khác trên da. Các triệu chứng đó là biểu hiện khí âm suy yếu, tâm thần bất yên. **Điều trị:** Ích khí, dưỡng âm, ninh Tâm, an thần.

Cho dùng bài ‘Ninh tâm ẩm gia giảm’: *Hoàng kỳ (sống)* 30g, *Đan sâm* 12g, *Từ thạch (sống)* 60g, *Ngọc trúc* 30g, *Chích thảo* 2g. Sắc Từ thạch trước, khi sôi, cho các vị thuốc kia vào. Ngày uống 1 thang. Uống liên tục 15 thang, sau đó nghe tim thì thấy tim đập đều, nhịp vừa phải, không nghe tạp âm bệnh lý. Kiểm tra điện tâm đồ: có nhịp sớm tâm nhĩ ngẫu phát. Dặn bệnh nhân uống tiếp 20 thang bài trên. Sau đó nhiều lần làm điện tâm đồ đều bình thường. Theo dõi một năm tim bình thường, chưa phát hiện nhịp sớm.

Nhận xét: Hoàng kỳ, Ngọc trúc để bổ khí, dưỡng âm, cải thiện dinh dưỡng của cơ tim, tăng sức co bóp của cơ tim, nâng cao sức đề kháng và khả năng thích ứng của cơ thể đối với bệnh tật và hoàn cảnh, có lợi cho việc khôi phục nhịp tim bình thường. Đan sâm để dưỡng huyết, hoạt huyết, hoá ứ, làm giãn mạch máu, tăng cường lưu lượng máu của động mạch vành, cải thiện chuyển hoá cơ bản của tim; Khổ sâm thanh nhiệt, táo thấp, có tác dụng đối với chứng tim nhanh bất thường; Từ thạch trấn tĩnh, ninh Tâm, trừ phiền, có thể ức chế sự hưng phấn bất thường của tim, có lợi cho sự khôi phục nhịp tim; Chích thảo có tác dụng bổ ích Tâm khí.

96- VAN TIM HỞ

(Trích trong ‘Tâm đắc và nghiệm án’ của Đào Viết Hà, Việt Nam).

Đoàn Thị Độ, 42 tuổi, bi đau vùng ngực bên trái, thường hồi hộp, nóng ruột, không ngủ được, hay chiêm

bao, có khi mê, mộng la ú ớ mà không cử động được, khi tỉnh dậy, trong ruột nóng, người suy yếu dần, đi lên dốc thì nghẹt thở, tim đập nhanh, mạch Tế, Sác. Bệnh viện chuyên khoa chẩn đoán là van tim bị hở. Theo chứng và mạch thì đây là chứng *Tâm âm hư, Tâm huyết bị suy tổn nặng*, do đó, *Tâm hoả, Tâm dương vượng lên*. Điều trị: *Bổ Tâm huyết, để ức chế dương*.

Dựa theo bài ‘Quy tỳ thang’, thêm Thục địa, Bạch thược mà không dùng Hoàng kỳ, Bạch Truật là loại thiên về dương, về khí; Lại dùng Sâm, Thục, Quy, Hoài, Mạch môn, A giao thiên về bổ âm, huyết, gọi là bài ‘Bổ tâm âm thang’: *Đảng sâm 12g, Thổ phục linh 10g, Mạch môn (bỏ lõi) 12g, Thục địa 12g, Thạch xương bồ 8g, Cam thảo đất 10g, Kê huyết đằng 10g, Dây lạc tiên 20g, Gừng tươi 3 lát, Chuối chín 1/2 quả, A giao (sao) 12g, Thảo quyết minh 12g (rang nổ)*. Sắc uống ngày 1 thang. Uống 3 thang, sức khoẻ khá lên, bớt hồi hộp, bớt nóng ruột, ngủ được, bớt mê. Uống 3 thang nữa, làm được việc nhẹ trong nhà.. Sau một thời gian, bệnh nhân lại đến lấy thêm thuốc và báo cáo rằng trong thời gian uống thuốc, sức khoẻ khá lên, các chứng đều giảm nhẹ, làm việc được. Nếu trong một thời gian không uống thuốc thì thấy mệt lại. Tôi đã vận dụng phương thuốc trên chữa cho nhiều người bị chứng tương tự như vậy, đều thu được kết quả tốt.

97- VAN TIM HỞ

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền).

Bệnh nhân Bành, nữ, 31 tuổi, nhập điều trị ngoại trú ngày 05/03/1997. Bệnh nhân đã được nhập viện và được chẩn đoán là thấp khớp cấp và viêm cơ tim. Sau khi cô ta được điều trị tại bệnh viện trong 62 ngày, sốt đã giảm, nhưng chứng đánh trống ngực vẫn còn, vì thế cô ta yêu cầu dùng châm trị.

Khám nghiệm: Thân nhiệt $37^{\circ}5C$, mạch 100/phút, tiếng tim thứ nhất yếu, tiếng thổi tâm thu có thể nghe được ở vùng mỏm tim, bạch cầu $10.500/mm^3$, E.S.R là 33 mm/ giờ, Điện tâm đồ xác định *blốc nhĩ thất*.

Những triệu chứng chủ yếu là cô ta là có cảm giác đè ép trong ngực, đánh trống ngực, đau các khớp gối, khớp khuỷu và khớp háng, cảm giác căng ép vùng trước tim.

Điều trị: Các huyết chủ yếu có thể chia thành hai nhóm:

Nhóm 1: Các điểm đau (*Thống điểm, A thị huyết*) ở vùng trước ngực), *Đản trung* và *Khích môn*.

Nhóm 2: *Tâm du, Quyết âm du, Nội quan*.

Các huyết nhóm thứ nhất và nhóm thứ hai được châm luân phiên nhau với mỗi nhóm trong 10 ngày làm một liệu trình. Các huyết Hợp cốc, Khúc trì, Hoàn khiêu, Dương lăng tuyền và hai Tất nhãn được châm như các huyết phối hợp với thao tác kể trên, sau khi rút các kim những huyết Dương lăng tuyền, Khúc trì và Nội quan được cứu khoảng 10 phút.

Sau 3 liệu trình, thân nhiệt giảm xuống $36^{\circ}5C$, mạch 70/ phút. Xét nghiệm cận lâm sàng và Điện tâm đồ đều bình thường. Tất cả các triệu chứng ngoại trừ đau nhẹ ở

các khớp đã biến mất. Vào tháng 10 cùng năm, bệnh nhân trở lại phòng khám để kiểm tra: được xác nhận là máu và Điện tâm đồ đều bình thường.

98- HUYẾT ÁP CAO

(*Của Liễu Thời Giang - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc*).

Trần X, 53 tuổi. Bệnh viện chẩn đoán là huyết áp cao thể nguyên phát, lại bị loét đường cong lớn bao tử và hành tá tràng, viêm khớp do phong thấp. Huyết áp 200/130 - 140 mm Hg. Đã chữa nhiều loại thuốc Đông và Tây y nhưng không có kết quả. Phát hiện ra chứng huyết áp cao này từ hơn 5 năm, đầu vàng, tay chân có lúc run rẩy mà không biết, khớp tay bên phải và 2 bên gót đau. Mặt xám, trong mắt có quầng của người cao tuổi, môi hơi tím tái, rêu lưỡi vàng mỏng lưỡi đỏ, miệng hôi. Ăn uống được, nhưng sau khi ăn no thì ợ hơi, bụng trên đau âm ỉ, đêm nằm mơ lung tung. Mạch tay trái Trầm Tế mà Sác, bên phải Hồng, Đới mà Sác. Huyết áp lúc khám: 200/132mm Hg. Chẩn đoán là *Huyết áp cao do Can kinh nhiệt thịnh, đờm trọc ngăn trở ở trung tiêu.*

Điều trị: Thanh Can, tức phong hoạt huyết, tán ứ.

Dùng bài 'Bát vị giáng áp thang': Đại giả thạch (tán nhỏ) 30g, Hạ khô thảo 30g, Hoài ngư tử tất 15g, Mã đầu linh 30g, Phấn đơn bì 15g, Tử đàn sâm 30g, Song câu đằng 15g, Thích tật lê 15g. Sắc uống ngày 1 thang. Uống được 8 thang, huyết áp hạ xuống còn 180/120mmHg. Bao tử hết

bệnh, có cảm giác đói. Tuy nhiên, mồ hôi trán khá nhiều. Như vậy là người bệnh vốn thể hư lại thêm huyết ứ, uất trệ đã lâu, lạc mạch không thông. Cho dùng bài thuốc trên, bỏ Đan sâm, Mã đầu linh, để tránh khổ hàn làm hại sinh khí của Tỳ Vị. Cho uống tiếp 6 thang, các triệu chứng đều chuyển biến tốt và rõ rệt, huyết áp hạ xuống còn 180/104 mmHg. Sau đó lấy bài 'Bát vị giáng áp thang' làm chủ, gia giảm, uống tất cả 46 thang, huyết áp còn 160/90mmHg. Để củng cố tác dụng điều trị và trị cả gốc lẫn ngọn nhưng trị gốc là chính, cho dùng bài sau: *Tử đan sâm 90g, Tang diệp 90g, Hắc chi ma 90g, Hạ khô thảo 180g, Đương quy 60g, Xuyên khung 30g, Hoàng kỳ 90g, Hà thủ ô 60g, Hoài ngư tật 45g*, để đề phòng huyết áp tái phát.

Nhận xét: Trong bài thuốc 'Bát vị giáng áp thang' này có Đan sâm để hoạt huyết, khử ứ, thanh nhiệt, trừ phiền. Thực nghiệm trên động vật chứng minh là có tác dụng làm dẫn mạch máu ngoại vi và hạ huyết áp; Hoài ngư tật tán ứ, chỉ thống, dẫn huyết đi xuống, có thể làm giảm sung huyết ở đầu, lại bổ ích Can Thận; Hạ khô thảo thanh Can hoá, tán uất kết; Đơn bì lương huyết, tán ứ, thanh nhiệt, hoạt chất gồm có Phenol và Glucosid, nước sắc có tác dụng hạ huyết áp rõ rệt; Mã đầu linh thanh Can, hạ khí, giúp giảm áp và cải thiện triệu chứng; Câu đằng bình Can, thanh nhiệt, tức phong, chỉ kinh, có tác dụng trấn tĩnh và hạ áp; Thích tật lê để khai uất, tán kết ở kinh Can, là thuốc quan trọng để khử phong, minh mục, tác dụng của nó có thể hạ áp, trấn tĩnh; Đại giả thạch có tác dụng tốt trị Can dương tăng quá làm cho đầu váng, tai ù, hoa mắt,

ngực đầy. Bài này gồm toàn những vị thuốc được chọn lọc để có thể hoạt huyết, tiêu ứ, thanh Can, tức phong, vì vậy, đạt được tác dụng hạ huyết áp.

99- HUYẾT ÁP CAO

(Của Việt Bảo Xương - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Trương X, nam, 48 tuổi, bị *huyết áp cao* đã 2 năm, thường thấy đầu đau dữ dội, mất ngủ, hoa mắt, tay chân tê dại, có lúc nói khó, phản ứng chậm chạp, động tác chậm, uống nhiều loại thuốc hạ huyết áp nhưng không có hiệu quả.

Khám thấy: Thân nhiệt 36^o8, huyết áp 190/110mmHg, thở 20 lần/phút, mạch đập 86 lần/phút. Chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi trắng bẩn, mạch Huyền Hoạt. Chẩn đoán là phong đờm, thượng nghịch.

Điều trị: Trấn Can, tức phong, thanh nhiệt, hoá đờm. Dùng bài 'Tức phong giáng áp thang gia giảm': Toàn phúc hoa 15g, Toàn qua lâu 15g, Đại giả thạch 30g, Lý thiên ma 15g, Thạch quyết minh 40g, Ngô công 3 con, Trần đờm tinh 10g, Toàn yết 8g, Ngũ giác tiên 20g, Câu đằng 15g, Bán hạ (chế) 10g, Ngũ tân 15g, Trân châu mẫu 25g. Sắc uống ngày 1 thang. Uống được 18 thang, khám thấy các triệu chứng hoàn toàn mất hết, huyết áp hạ xuống tới 140/95mmHg.

Cho dùng tiếp bài thuốc trên, bỏ bớt Thiên ma, Đờm tinh, Ngô công, Toàn yết, thêm Sa sâm 15g, Bách hợp 15g, Đương quy 30g. Uống liền 6 thang, huyết áp xuống còn

138/85 mmHg. Hai tháng sau, hỏi lại, tình trạng tốt, chưa thấy huyết áp lên cao.

100- HUYẾT ÁP CAO

(Trích trong ‘Tạp chí đông y’ số 11/ 1967, Việt Nam).

Đình văn T, 52 tuổi, y sĩ viện mắt. Từ 7 năm nay thường bị đầu đau, mất ngủ, hoa mắt, chóng mặt, buồn nôn, mắt thấy nặng, trí nhớ kém, hay cáu gắt. Đã được điều trị như người bệnh thần kinh suy nhược tại bệnh viện Bạch Mai và điều trị viêm xoang tại bệnh viện tai mũi họng. Nhưng các triệu chứng trên không giảm. Thường xuyên bị bón, đi tiểu không đầy bãi, chân nặng, đái ít, khó thở, mạch 60 lần/phút. Chẩn đoán: *Huyết áp cao chưa rõ nguyên nhân giai đoạn 2*. Cho uống bài ‘Thông u cao’: *Bồ chính sâm, Bình lang, Thạch xương bồ, Tỳ giải, Liên kiều, Thổ phục linh, Cam thảo, Mạn kinh, Kim ngân hoa, Đường kính, Nga truật, Trạch tả, Đào nhân, Rễ cỏ xước, Hồng hoa, Tang chi, Hà thủ ô, Sinh địa, Hoàng tinh, Xích thược*. Nấu đặc thành cao. Mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần 20 ml. Sau 1 tuần, đo lại, huyết áp còn 145/90 mmHg, đầu đỡ nhức. Tiếp tục cho uống 1 tháng, huyết áp còn 130/80 mmHg, đầu nhẹ, người thoải mái, các triệu chứng giảm nhiều, cho xuất viện.

101- HUYẾT ÁP CAO

(Trích trong ‘100 y án’ của Việt Cúc, Việt Nam).

Lâm Ngọc Ch, 37 tuổi, bệnh từ 3 năm nay. Lúc mới phát, không có chứng gì quan trọng lắm, chỉ có trong người mỏi, chân tay đi đứng hơi nặng nề, lưng đau, đầu nặng, mắt hoa, ngực hồi hộp, nhiều đêm khó ngủ, ngoài da hay ớn lạnh, sợ gió nhưng trong người nóng hầm, bệnh như vậy ít hôm rồi cũng bỏ qua, ít lâu lại tái phát, ăn uống kém, hơi thở ngắn và mệt. Đi khám bệnh, bác sĩ đo huyết áp hơi cao, cho uống và chích thuốc ít lâu cũng đỡ rồi thôi. Nhưng bệnh cứ dây dưa, lâu lâu lại tái phát, ăn uống suy kém, mất ngủ, vì vậy hình thể dần dần tiêu tụy, đến nay hầu như kiệt sức. Hiện nay đau đớn như dằm, nằm không muốn dậy, lừ đừ như muốn ngủ mà không phải ngủ, mở mắt ra thì choáng váng khó chịu, ngồi dậy, đầu cũng nặng căng, muốn gục, tại nỗ lưng bưng, trong người rất mệt, trên 6, 7 tháng chích thuốc, uống thuốc Tây, thuốc bổ thận cố tình đủ thứ, uống quá nhiều mà vẫn tiền mất tật mang, đêm khó ngủ mà hễ ngủ được thì mộng mị, tiết tinh, thức dậy mệt mỏi, không kể xiết.

Mạch Thận *Trầm Vi*, Tâm Can *Huyền Đại*, Phế *Phù Sắc*.

Chẩn đoán: *Thận âm tinh huyết quá suy, hư hoả vọng động xông đốt Tâm, Can. Tạng phủ đều thiếu âm huyết nhuận dưỡng, phong hoả độc vương trên thượng tiêu gây ra các chứng xây xẩm, đầu nặng, mắt choáng không ngồi được hoặc nằm lì không dậy nổi, tâm hung nóng nảy khó ngủ hoặc mơ màng. Rối loạn thần kinh, bên dưới, âm tinh không cố bế, tinh tiết lâu ngày thận tinh sẽ khô kiệt.*

Điều trị: Tư âm, bổ thận, giáng hoả, âm huyết được bổ sung, hư hoả sẽ hạ và huyết áp cao sẽ khỏi.

Cho dùng: *Dây gùi 8g, Đỗ trọng 8g, Lạc tiên 8g, Đậu đen (sao) 10g, Ba kích 8g, Tơ hồng 8g, Hà thủ ô 8g, Quyết minh tử 8g, Khiếm thực 8g, Hoài sơn 8g, Xa tiền tử 8g. Sắc uống ngày 1 thang. Uống 12 thang, khám lại, thấy mình bớt nóng, đầu mặt bớt choáng váng, hồi hộp giảm nhiều, mạch Tâm Can *Huyền Hoãn*, biết là *phong hoả* đã giảm, cần điều *bổ khí huyết, tư âm và ôn cố thận tinh.**

Dùng phương trên, thêm *Tục đoạn 8g, Rễ cỏ xước 8g. Uống 10 thang.*

Các chứng trên bớt, tinh thần thoải mái còn tiết theo đường tiểu vào buổi sáng sớm. Dùng bài trên thêm *Ích trí 5g, Hạt sen 8g, Tiểu hồi 4g. Uống 10 thang, các chứng đều khỏi.*

102- HUYẾT ÁP CAO

(Trích trong sách 'Châm cứu lâm chứng thực nghiệm' của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Đồng, nam, 65 tuổi, công nhân hưu trí, nhập điều trị ngoại trú ngày 21/05/1979. Tăng huyết áp đã 10 năm, huyết áp thường khoảng 160- 180/120- 130 mmHg kèm theo chóng mặt và thị lực kém. Bệnh trạng trở nên trầm trọng trong hai tháng cuối. Chóng mặt trở thành quá nặng đến nỗi bệnh nhân không thể chỗi dậy khỏi giường, buồn ngủ dữ dội khiến cho ông ta ngủ ngay trong giờ ăn, không thể dùng 500g bánh mì hấp trong một bữa ăn và có cảm giác yếu mệt và sưng phù toàn thân.

Khám thấy áp huyết 210/160 mmHg, mặt hơi đỏ và phù toàn thân, mạch Huyền. Chẩn đoán là *huyết áp cao*.

Điều trị: Dùng Đầu châm. Châm vùng *Chóng mặt* và *Nghe*, 1/5 trên của vùng *Vận động*, *Cảm giác chân* và vùng *Dãn mạch*, *Co mạch*. Lưu kim trong hai giờ. Cách ngày châm một lần.

Khám lần thứ hai vào ngày 30/05/1979 thấy: huyết áp 180/130mmHg, các triệu chứng bao gồm cả chóng mặt đều giảm và bệnh nhân đã có thể tự mình đến dưỡng đường. Châm như trên.

Khám lần thứ ba vào ngày 10/06/1979 xác định: huyết áp 160/120mmHg, chóng mặt đã giảm một cách rõ rệt, chứng thèm ăn quá mức đã giảm một cách đáng kể, và chứng phù đã giảm hoàn toàn và có thể làm việc chút ít.

Châm như cũ. Khám lần thứ tư được hoãn lại đến ngày 17/06/1979. Khám thấy: áp huyết 195/148 mmhg, chóng mặt nặng hơn một chút và chứng thèm ăn cũng tăng dần đôi chút. Châm theo phương huyết I mỗi ngày một lần cho đến ngày 26/07/1979.

Đo lại thấy áp huyết là 160/120 mmhg, không còn một triệu chứng nào hiện diện. Châm lần cuối rồi ngừng điều trị. Sáu tháng sau, bệnh nhân trở lại dưỡng đường để kiểm tra, áp huyết đã ổn định.

103- HUYẾT ÁP CAO

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Mạnh, nữ, 44 tuổi, giáo viên, nhập điều trị ngoại trú ngày 03/03/ 1979. Bị cao huyết áp đã 3 năm, áp huyết tăng trong khoảng 180/120 mmhg, chóng mặt, khó ngủ, kích động, ngón tay chân tê, cảm giác tức và nặng trên đỉnh đầu, ấn vào thì đỡ. Thăm khám: Cơ thể gầy yếu, có vẻ đau đớn, áp huyết cao 180/130 mmhg. Chẩn đoán là *tăng huyết áp*.

Điều trị: Châm 3 huyết ở đỉnh đầu là *Thượng tinh*, *Bá hội* hoặc *Đầu duy*, lưu kim khoảng 2 giờ và dùng huyết An miên II làm huyết hỗ trợ. Bệnh nhân cảm thấy giảm chóng mặt và toàn thân khoẻ hơn ngay sau khi châm.

Khám lần thứ hai vào ngày 5/3/1979 thấy áp huyết còn 160/100 mmHg, ngủ nhiều hơn, chóng mặt đã giảm. Châm như cũ.

Khám lần thứ ba vào ngày 10/03/1979 : áp huyết 130/80 mmHg. Hết hẳn chóng mặt, đỉnh đầu hết căng tức, những triệu chứng khác cũng đỡ nhiều. Châm các huyết *Bá hội*, *An miên 2* và *Nội quan*, vê và lưu kim 30 phút.

3 ngày châm một lần. Châm như trên tổng cộng 5 lần để củng cố hiệu quả trị liệu.

104- HUYẾT ÁP CAO

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Gia, nữ, 45 tuổi, giáo viên. Khám lần đầu ngày 10/06/1979. Bệnh nhân bị chóng mặt, mờ mắt và không thể đứng dậy được. Thăm khám cho thấy cô ta béo phì, mặt hơi đỏ, tiếng nói chói tai và mạnh, áp huyết 190/130 mmhg, mạch Huyền Sắc Chẩn đoán: Táng huyết áp.

Điều trị: Châm hai bên cột sống phía sau cổ bằng hai kim, xoay kim không định hướng mỗi 10 phút một lần, lưu kim 30 phút. Bệnh nhân cảm thấy giảm chóng mặt một cách đáng kể ngay sau khi rút kim và áp huyết giảm còn 180/125 mmhg. Sau 5 lần châm áp huyết giảm còn 135/90 mmhg và các triệu chứng mất hẳn. Một năm sau bệnh nhân trở lại để kiểm tra: nhận thấy áp huyết giữ ở mức 130 - 140/90 - 100 mmHg.

HỆ HÔ HẤP

105- ĐỜM SUYỄN

(Y án của Diệp Giám Thanh – Trích trong ‘Toàn quốc danh y nghiệm án’ Trung quốc).

Con gái ông Trần, 2 tuổi. Sốt cao, ra mồ hôi, tinh thần mê muội, ho suyễn, có tiếng đờm khò khè nhỏ trong cổ, đại tiện phân lỏng, tiểu ít, chỉ tay tím lợt, rêu lưỡi dày trắng, mạch Tế Sác. Đã uống bài ‘Ma hạnh cam thạch thang’ nhưng không hiệu quả. Ba thứ phong, đờm, nhiệt kết chặt với nhau bốc lên. Phế khí sắp bế tắc. Người nhà phải dịu nhẹ nhàng đề phòng nghẹt thở, tìm mọi cách cho người bệnh dễ khạc nhổ. Chẩn đoán: Đờm nhiệt chất chứa bên trong, lại cảm phong ôn.

Phế ở phần cao nhất và chủ về hô hấp. Cổ họng là chỗ phát ra ngoài của Phế. Phải dùng Xạ can, Ngưu bàng, Cam thảo, Cát cánh để lợi Phế, khai thông họng, làm quân dược, Tô tử, Đinh lịch, La bạch tử để tan đờm, giáng khí, làm thần dược. Lại dùng Hạnh nhân, Chỉ xác, Tiền hồ, Uất kim để làm thông ở ngực, tuyên uất, làm tá và sứ. Bệnh ở thượng tiêu, dùng thuốc khinh (nhẹ), thanh để trừ thực tà.

Phương 1: Ngưu bàng (sao) 12g, La bạch tử 12g, Cam thảo (sống) 1.6g, Tiền hồ 4g, Xạ can 3.2g, Đinh lịch 4g, Uất kim 6g, Hạnh nhân 8g, Cát cánh 2g, Chỉ xác 6g, Tô tử 6g.

Tái khám : Suyễn có bớt, tiểu nhiều hơn, sốt cũng hơi giảm nhưng ho còn nhiều đờm, đại tiện phân nhầy quánh. Chứng tỏ đờm đã từ Phế vào Vị và theo đại trường mà ra. Mạch lúc trước Tế, nay có lực hơn, bên phải Nhu, Hoạt và Sác, chỉ tay không hiện rõ như trước nữa. Đờm nhiệt còn mạnh, quấy nhiễu Phế, Vị. Tuy chất nhỏ nhưng bệnh trọng, phải đề phòng suyễn làm nghẹt thở bất thường, vì vậy phải tiếp tục dùng thuốc thanh tuyên.

Phương 2 : *Ngưu bàng (sao) 12g, Cam thảo (sống) 1.6g, Cát cánh 2g, Đinh lịch 4g, Tô tử (nướng) 6g, Chỉ xác 4g, Thông thảo 4g, Xạ can (bào) 3.2g, Tiền hồ 6g, Quất hạch 4g, Uất kim 6g, Hạnh Nhân (không nghiền) 8g.*

Tái khám: Hết suyễn, ho cũng nhẹ hơn, Phế khí đã tuyên lợi, hết sốt, mình mát, mồ hôi rịn ra một ít, đại tiện lỏng, tiểu nhiều mà vàng, rêu lưỡi mỏng và ướt. Mạch Nhu, Hoạt, Sác. Bệnh tình đã chuyển theo phác đồ điều trị. Nay cần tiếp tục thanh Phế, thuận khí và hoá đờm.

Phương 3: *Ngưu bàng 8g, Hạnh nhân 8g, Tiền hồ 6g, Bối mẫu 12g, Liên kiều (xác) 12g, Lai bạc giáp 12g, Tô tử (nướng) 6g, Chỉ xác 4g, Qua lâu bì 12g, Đông qua tử 16g, Thông thảo 4g.*

Uống 2 thang, các chứng đều giảm, chỉ còn ho và còn đờm, vì vậy, tiếp tục thanh Phế, hoá đờm. Cho uống 2 thang thì khỏi hẳn.

106- SUYỄN

(Trích trong 'Cảnh Nhạc toàn thư', Trung quốc).

Con trai thứ 2 của tôi, lúc mới lên 2 tuổi, vào đầu mùa Thu, cháu bị cảm hàn, sốt, mạch hơi Khẩn. Tôi vốn biết tạng khí của cháu thuộc âm, không dám dùng phương pháp thanh giải. Dùng các vị *Xuyên khung, Tô tử, Sinh khương, Bạch chỉ, Tế tân, Khương hoạt...* để tán bỏ hàn tà.

Sau khi uống hết một thang, không những không bớt sốt mà lại bị tiêu chảy nhiều. Đi tiêu luôn 2 ngày, lại thêm chứng khí suyễn. Lúc đó, nếu bảo là *hàn khí thịnh* thì tại sao cho uống thuốc ôn như trên mà lại gây ra tiêu chảy? Nếu cho là *hoả khắc kim*.. . thì có lẽ nào đã tiêu chảy 2 ngày liền mà còn có thể dùng loại thuốc hàn lương? Nếu cho là biểu tà chưa khỏi thì tại sao dùng phép sơ tán lại không thích hợp. Thật hoang mang. Chưa biết xoay ra sao... Lại nhận thấy chứng trạng biểu lý đều nặng, không thể dùng những bài thuốc bình thường mà chữa khỏi được. Suy đi nghĩ lại mãi sau đó tôi mới mạnh dạn cho dùng *Nhân sâm 8g, Sinh khương 5 lát* , sắc lấy nước đặc, dùng thìa nhỏ đổ cho 2 -3 thìa, rồi bế vào lòng, đi vòng vòng quanh nhà để xem hơi thở tăng giảm ra sao. Bế một lúc lâu, suyễn tuy chưa giảm nhưng cũng không tăng lại cho uống 3 -4 thìa nữa. Theo dõi một lúc, thấy hơi thở hình như đỡ gấp, liền cho uống thêm đến gần nửa chén. Sau đó thấy có công hiệu, vì vậy, từ trưa đến chiều, cho uống hết 1 thang. Vừa lúc đó, có một thầy thuốc đến chơi thấy tôi cho uống như vậy liền nói : “ Ông làm to rồi, thở suyễn đến như thế, dùng Sâm sao được, phải kíp mài ‘Bảo long hoàn’ cho uống không thì nguy”. Tôi không nghe theo, lại dùng Sâm 10g và Gừng sống 5 lát, sắc cho uống. Từ chập tối

đến nửa đêm cho uống hết. Thở suyễn khỏi hẳn, ngủ một giấc rất say, đồng thời chứng tiêu và sốt nóng cũng đều khỏi.

Bệnh này sở dĩ chữa như vậy mà khỏi, vì tôi đã thấy tả mà vẫn suyễn là trung khí đã hư. Nếu là thực tà, thì suyễn phải theo với tà mà giảm... chỉ một điểm đó đủ thấy rõ *Hư* hoặc *Thực*. Nhưng nếu lập trường không vững, thấy sự chỉ trích của thầy thuốc kia mà đổi sang phương pháp thanh nhiệt, thì trung khí chắc chắn phải thoát, sẽ nguy đến tính mạng. Lúc đó, chắc chắn có người sẽ đổ cho là tại uống Sâm ! Ai phải, ai trái, còn biết căn cứ vào đâu mà thanh minh”.

107- SUYỄN

(Trích trong ‘Hồi Khê y án’ của Từ Hồi Khê, Trung quốc).

Một người họ Ngao, bị đờm suyễn, một chứng bệnh trên thực dưới hư. Từ Đại Xuân cho dùng bài Thanh phế tiêu đờm ẩm: Mạch môn 6g, Thiên môn 6g, Bối mẫu 8g, Tang bì 8g, Hoàng cầm 4g, Quất hồng 4g, Cam thảo 4g, Tỳ bà diệp 6g, (cạo sạch lông tẩm mật).

Dặn người bệnh lấy 4g Nhân sâm, xắt thành từng miếng nhỏ, cho uống theo với thuốc nước. Người bệnh nghe theo, chỉ uống 2 thang thì khỏi. Anh ta tự nghĩ : "Thầy thuốc họ Từ này, học thuật tuy cao thâm thật, nhưng phương pháp cắt Sâm như thế này, chẳng qua là lợi dụng óc thông minh để loè đời mà thôi". Cách đó chẳng bao lâu, người bệnh họ Ngao lại bị chứng cũ tái phát. Anh

ta cứ theo đơn thuốc trước, bốc thuốc sắc uống, nhưng lần này anh ta lại cho Sâm sắc chung với thuốc một lượt. Không ngờ, bệnh lại càng thêm nặng, lại phải mời Từ tiên sinh và kể cho ông biết rằng anh ta đã vẫn dùng y như đơn thuốc trước nhưng bệnh lại nặng hơn. Tiên sinh hỏi : "Có phải là anh sắc Nhân sâm chung với mấy vị kia không? " Anh ta gật đầu đáp phải. Tiên sinh bảo : 'Nếu thế thì bệnh nặng hơn là đúng rồi ". Sau đó, tiên sinh lại cho tái diễn cách xắt Sâm như trước. Quả nhiên anh họ Ngao chỉ uống 2 thang là khỏi.

Từ Đại Xuân có dụng ý là khi hạ tiêu đã bị hư thì lẽ đương nhiên phải dùng phép bổ nhưng vì hoả và đờm đang ở khoảng ngực - hoành cách mô, nếu gặp phải thuốc bổ, nó càng quậy mà sinh ra biến chứng. Do đó, Sâm phải xắt ra thành từng lát nhỏ để khi uống qua khỏi cổ, chỉ một mình thuốc sắc được dung nạp tối đa, còn Sâm thì phải đợi đến lúc qua khỏi bao tử mới thấm dần xuống hạ tiêu và như vậy, mới có lợi và hoàn toàn không có hại.

Trong bài 'Thanh phế tiêu đàm ẩm', thêm Nhân sâm tức là phương, còn xắt Sâm nhỏ để nuốt là pháp.

108- SUYỄN

(Trích trong 'Y sự tiểu ngôn' của Tùng Quế Đình, Nhật Bản).

Một bà lái buôn, mỗi khi đến mùa Thu, thường rất khổ vì chứng suyễn, cử động khó khăn, giống như là phế nhân vậy, nhờ tôi chữa trị. Khi tôi đến xem bệnh thấy người

bệnh vin cánh tay lên cái giá lò sưởi mà ngồi, đã vài mươi ngày không cử động và cũng không thể nào ngủ được. Nếu hơi ngồi khác đi một tí thì lập tức cơn suyễn lên và hồi hộp lo sợ. Hỏi đến chứng trạng khi phát bệnh, thì từ sống lưng đến cổ đều cứng ngắc, quay đầu qua lại thì đau. Một thầy thuốc chỉ cho dùng 'Bát vị hoàn' đến vài trăm lạng, chứng suyễn có bớt ít thôi. Tôi cho dùng 'Cát căn thang' (*Cát căn 8.5g, Sinh khương 4.5g, Quế chi tiêm 4.5g, Ma hoàng 6.5g, Đại táo 6.5g, Thuộc dược 6.5g*). Sắc uống 5 chén (thang) thì đứng dậy đi lại được. Lại uống thêm như thế (5 thang nữa) thì khỏi hẳn !.

109- SUYỄN

(*Của Tô Dẫn - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc*).

Khu X, 39 tuổi. Từ năm lên 10, do bị cảm lạnh thành ra ho, hen suyễn. Điều trị bệnh đã đỡ, về sau mỗi khi bị nhiễm lạnh lại lên cơn hen không dứt được, càng ngày càng nặng, tuy đã điều trị bằng nhiều loại thuốc, vẫn không khỏi. Đã dùng Ephedrin, Aminohylin mà không cắt được cơn hen. Dùng Corticoid, chỉ có thể giảm cơn hen tạm thời được khoảng 20 - 30 phút. Chích Hydrocortison vào tĩnh mạch thì phải mất khoảng một ngày mới cắt được cơn hen.

Chẩn đoán là Suyễn do đờm ả. Điều trị: Tuyên Phế, hoá đờm, bình suyễn, chỉ khái.

Cho dùng ‘Tiêu suyễn thang’: *Ma hoàng (nướng) 9g, Ngũ vị tử 9g, Cam thảo (nướng) 9g, Tế tân 9g, Bán hạ (chế) 9g, Xạ can 9g, Thạch cao (sống) 24g*. Uống được một thang thì hen giảm hẳn, uống hết 2 thang thì cơ bản không chế được cơn hen. Lại cho uống thêm ‘Lục quân tử thang’ (*Nhân sâm 12g, Bạch linh 16g, Bạch truật 16g, Trần bì 16g, Bán hạ 8g, Cam thảo 8g, Đại táo 2 trái, Sinh khương 3 lát*); ‘Sinh mạch tán’ (*Nhân sâm 2g, Mạch môn 2g, Ngũ vị tử 7 hạt*) để bồi thổ sinh kim, và bài ‘Thất vị đô khí hoàn’ (*Thục địa 320g, Hoài sơn 160g, Đơn bì 120g, Sơn thù 160g, Phục linh 120g, Trạch tả 120g, Ngũ vị tử 120g*) để ôn Thận, nạp khí. Các bài này dùng lần lượt thay nhau và gia giảm. Khi lên cơn hen, vẫn uống bài Tiêu Suyễn Thang, cứ như thế điều trị tiếp tục hơn nửa năm, số lần lên cơn hen giảm đi rõ rệt, cường độ cơn hen cũng nhẹ hơn nhiều, thể lực tăng rõ. Một năm sau, bệnh cơ bản đã khỏi hẳn.

Ghi chú: Người xưa có nói: "*Tế tân bất quá tuyền*", trong bài ‘Tiêu suyễn thang’, dùng đến 9g, nhưng chỉ cần dùng đúng bệnh, phối hợp đúng phương pháp, trên lâm sàng chưa thấy có phản ứng nào không tốt.

Nhận xét: ‘Tiêu suyễn thang’ là bài thuốc tuyền chọn phối hợp chữa hen của Đông y dựa trên các bài thuốc ‘Tiểu thanh long thang’, ‘Xạ can ma hoàng thang’, ‘Ma hạnh thạch cam thang’. Trong bài thuốc này chú trọng sử dụng Ma hoàng để tuyền Phế bình suyễn; Tế tân để ôn Phế hoá ẩm; Xạ can để bình nghịch giáng khí; Bán hạ có tác dụng hoá đờm khử ẩm; Ngũ vị tử liễm Phế, cầm ho và không chế tác dụng ‘tán’ của Tế tân; Sinh thạch cao để

thanh Phế giải nhiệt và không chế tác dụng gây ra mồ hôi của Ma hoàng; Chích cam thảo nhuận Phế cầm ho, điều hoà các vị khác, nhằm đạt được hiệu quả phối hợp hoá đờm tuyên Phế, bình suyễn chỉ khái. Đó là hen suyễn bình được do Phế tuyên, hết ho do đờm giảm. Người xưa có nói ‘Tế tân bất quá tuyến’, nay dùng trong ‘Tiêu suyễn thang’ đến 9g (3 chỉ), nhưng chỉ cần dùng đúng bệnh, phối hợp đúng phương pháp, trên lâm sàng chưa thấy có phản ứng nào không tốt. Đó cũng chính là điều mà sách ‘*Nội kinh*’ đã viết: ‘Hữu cố vô vấn, dược vô vấn dã’.

110- HEN PHẾ QUẢN

(Của Vạn Văn Mạc - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Dung X, nam, 38 tuổi. Bị hen phế quản kéo dài đã 6 năm. Lúc đầu, mỗi năm lên cơn 1-2 lần, phần nhiều vào mùa đông xuân, sau khi bị lạnh. Thường thường uống Ephedrin hoặc các thuốc Đông y thì có thể dứt cơn được. Trong 2 năm gần đây, càng bị nhiều cơn hơn, cứ mấy ngày lại lên một cơn hen, mỗi lần bị mất hàng tuần lễ mới dứt dần, dùng các loại thuốc Đông Tây y, chỉ có thể tạm thời dễ chịu hơn một chút, mà không giảm bớt được nhiệt độ cơn hen.

Chẩn đoán là hàn tà phạm Phế, khí cơ thất lợi.

Điều trị: Tán hàn, bình suyễn. Cho uống bài 'Háo suyễn cao': Nam tinh (chế) 15g, Ngũ vị tử 15g, Ma hoàng (sống) 9g, Bán hạ (chế) 15g, Bạch tô tử 9g, Dầu gai 200g, Cam thảo (sống) 15g, Tế tân 5g, Khoản đông hoa 9g, Bạch mật 12g, Nước cốt gừng 120g, Hạnh nhân 15g, Tử uyển (sống) 9g, Bạch tô tử 9g, Xuyên bối 15g. Dùng các vị thuốc, ngâm vào trong Dầu gai (Ma du) trong 24 giờ, đem sao cho đặc, lọc bỏ bã, lấy nước, sau đó cho thêm Mật trắng (Bạch mật) và nước Gừng tươi, đun cô thành cao, cho tới lúc để mật nhỏ vào nước thì thành giọt châu. Lấy được khoảng 440g. Mỗi ngày, vào lúc gà gáy canh 5, uống 4 - 6g với nước đun sôi để nguội. Khi dùng hết khoảng 250g (hơn một nửa thuốc) thì dứt hết cơn hen. Tiếp tục cho uống đến tất cả 2500g, đồng thời phối hợp cho dùng một số 'Kim quý thận

khí hoàn’, ‘Bột nhau thai’. Sau khi khỏi bệnh, đã theo dõi 21 năm mà không thấy tái phát.

Nhận xét: ‘Háo suyễn cao’ xuất xứ từ bộ sách Phật học ‘Tây phương công cụ kinh nghiệm lương phương’, được chỉnh lý gia giảm mà thành. Dùng trên lâm sàng quan sát mấy chục năm nay, xác nhận là bài thuốc có hiệu quả tốt để trị hen phế quản. Đặc biệt nếu dùng cho những bệnh nhân *hen phế quản dạng hàn* chứng thì hiệu quả lại càng tốt. Khi dùng bài thuốc này nên căn cứ vào lý luận Đông y ‘Thận bất nạp khí’. ‘Phế bệnh tại Tỳ’, ‘Tử bệnh luy mẫu’, đồng thời với việc không chế cơn hen, cần chú ý điều bổ Tỳ Thận, như cho uống ‘Kim quý thận khí hoàn’, ‘Hà xa đại tạo hoàn’, ‘Sâm kỳ cao’, có thể tăng thêm kết quả điều trị lên nhiều, củng cố lâu dài được hiệu quả điều trị

111- HEN PHẾ QUẢN

(Của Chu Thế Án - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Lý X, nữ, 21 tuổi, 3 năm trước bị cảm kéo dài hơn một tháng mới khỏi. Sau khi khỏi, vẫn cảm thấy tức ngực, họng không thông. Lúc đó, không được điều trị dứt điểm, sau đó sinh suyễn. Mỗi năm đến kỳ xuân sang hè, sau khi tức giận, bực bội là bệnh lại càng thêm nặng, khi lên cơn hen, không nằm thẳng trên giường được, ho ra đờm không nhiều, đã dùng nhiều cách điều trị mà vẫn không dứt được cơn hen. Khi đã qua cuối xuân, đầu hè hoặc khi hết tức giận, bực bội thì các triệu chứng tự giảm hết. Lần này cơn

hen đã kéo dài 5 ngày, do bức tức chuyện gia đình mà tái phát. Họng có tiếng đờm khò khè, suyễn, khó thở, không nằm được, ngực tức, bụng đầy, không muốn ăn uống, mạch *Hoãn, Huyền, có lực*, lưỡi nhạt, rêu lưỡi mỏng.

Chẩn đoán là *Can khí uất kết, khí cơ không được điều hoà*, tạo thành khí nghịch không giáng được, dâng khí lên thành suyễn. Điều trị: Giải uất, tiết nhiệt, điều Can, giáng nghịch. Cho uống bài ‘Ngũ ma ẩm hợp Tứ nghịch tán gia giảm’: *Cam thảo 6g, Hoàng liên 9g, Ô dược 10g, Chỉ xác 12g, Mộc hương 6g, Trâm hương 6g, Đại bạch 12g, Nhục quế 4g, Sài hồ 12g, Hàng thược 20g*. Đem Hoàng liên và Hàng thược sắc trước, lấy nước, sau đó dùng ngày nước thuốc này, xay những vị khác còn lại cho thật nhỏ. Rồi lại đem tất cả, sắc nhỏ lửa, lấy nước. Mỗi ngày uống một thang, chia làm bốn lần.

Sau khi uống một tuần, bệnh đỡ, cơn tái phát nhẹ đi, thời gian lên cơn ngắn lại, hết tức ngực, hết nấc. Tiếp tục cho dùng bài này, thêm Xạ can 10g, cùng đem sắc với Hàng thược, Hoàng liên, rồi xay với các vị khác. Uống được hơn một tháng, bệnh khỏi hẳn.

Nhận xét: Hen suyễn là do sự bất thường của việc thăng giáng ra vào của khí gây ra. Người bệnh lúc thường là người khoẻ mạnh, không có biểu hiện hư khí, vì vậy cho dùng bài ‘Ngũ ma ẩm’ để điều khí giáng nghịch, làm thông đạt khí cơ. Dùng bài ‘Tứ nghịch tán’ để sơ Can, giải uất, điều hoà Can Vị, làm cho trên dưới điều hoà, khí cơ không bị trở ngại. Không trị suyễn mà suyễn phải lui. Hai bài này không phải chủ trương trị suyễn nhưng khi dùng kết

hợp lại tác dụng vào đúng cơ chế sinh bệnh, bản chất là trị căn nguyên mà khỏi chứng bệnh.

Dùng nước sắc Hàng thược, Hoàng liên để xay các vị còn lại là vì các vị thuốc này hàm chứa nhiều khí vị, xay ra sẽ thu được đầy đủ khí vị, không làm mất đi tí nào. Sau đó, đun sắc nhỏ lửa làm cho khí vị thuận hoà, phát huy được đầy đủ tác dụng của các vị thuốc. Phương pháp xay thuốc thường bị người sau xem nhẹ, thầy thuốc cần phải nghiên cứu kỹ nguyên lý chế thuốc để hiểu ý của người xưa khi xây dựng làm thuốc.

112- HEN PHẾ QUẢN

(Trích trong sách 'Châm cứu lâm chứng thực nghiệm' của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Ngưu, nữ, 56 tuổi, nông dân, nhập điều trị ngoại trú ngày 21/11/1969. Bệnh nhân trước đây có những cơn hen kịch phát tái diễn khoảng 4 năm và đã được điều trị bằng Ephedrine, Aminophylline, Sulfaminidine khi lên cơn. Lần này cô phải đến khám là vì đột ngột khó thở, xanh tím kéo dài 6 giờ. Khám thấy môi và mặt xanh tím, miệng há và rút vai, thở hỗn hển, khò khè trong hai phổi. Chẩn đoán là *hen phế quản*.

Điều trị: Dùng kim dài ba thốn châm xiên góc 12^0 từ huyết Phong môn xuyên đến huyết Quyết âm du, nâng lên (đề), đẩy xuống (án) và vê kim một lúc. Châm một bên sau đó bên kia, rồi giác hơi các huyết đã châm khoảng 10 - 15 phút.

Sau đó khó thở giảm một cách rõ rệt. 6 giờ sau, sau một lần điều trị nữa, tiếng rít cũng đã giảm nhiều. Hôm sau, bệnh nhân đã trở nên khoẻ hơn, có thể ngủ nằm ngửa và cơn khó thở đã dịu xuống. Khám thấy lồng ngực bình thường ngoại trừ âm thở hơi thô ở phổi phải.

Châm trị như cũ, bệnh khỏi hoàn toàn. Tiếp tục điều trị thêm để củng cố hiệu quả chữa bệnh.

113- HEN PHẾ QUẢN

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Trang, nữ, 47 tuổi, nông dân, công nhân, nhập điều trị ngoại trú ngày 01/03/1967. Bệnh nhân có những cơn hen kịch phát khoảng 5 năm gây ra bởi thuốc trừ sâu. Mỗi năm 2- 3 cơn, thường xảy ra vào những tháng mùa thu và mùa đông, cơn này đã kéo dài ba ngày và điều trị không kết quả. Khi khám nghiệm, bệnh nhân há miệng và rút vai, ho rít dữ dội, thở hỗn hển, xanh tím môi và khó thở, đờm khò khè. Chẩn đoán là hen phế quản.

Dùng kim dài ba thốn châm xiên góc 12^0 từ huyệt *Phong môn* xuyên đến huyệt *Quyết âm du*, nâng lên (đề), đẩy xuống (án) và vê kim một lúc. Châm một bên sau đó bên kia, rồi giác các huyệt đã châm khoảng 10 - 15 phút. Châm như trên năm lần, các triệu chứng giảm và hai năm sau vẫn không tái phát.

114- ÁP XE PHỔI – PHẾ UNG

(Trích trong ‘Cổ kim y án án’ của Du Chấn Toản, Trung quốc).

Mẹ ông Lục Linh Nghi hàng ngày chỉ ăn thức ăn chay nên trong bao tử và ruột bị khô sáp. Đến kỳ tắt kinh mà kinh vẫn xuống không ngừng, giống như chứng băng huyết, mời Dụ Gia Xương đến chữa. Vào khoảng giờ Thân, giờ Dậu bệnh càng phát nặng. Đã cho uống thuốc thanh Phế nhưng cũng như nước dội vào đá, bệnh không chuyển biến. Người con sợ quá, lại mời Dụ Gia Xương đến xem mạch và chữa bệnh giúp. Ông thăm mạch, thấy mạch đi lúc to, lúc nhỏ, khi thì mạch Lao, lúc mạch Phục, khi mạch Huyền Khẩn, không đều, ông nói: “Có lẽ hiện giờ trong phổi đã sáp thành nhọt, vì năm nay khí trời táo quá, nhiều người mắc bệnh ho, mà bà cụ là người có tuổi, huyết hư, tân dịch khô ráo, cảm bệnh chắc nặng hơn người khác nên khó chữa”. Ông tạm dùng bài ‘Đình lịch tả phế thang’ để cho sơ thông Phế khí trước đã rồi sau sẽ hay. Bệnh nhân uống vào một lúc thì thấy khoan khoái dễ chịu, ăn hơi ngon miệng, dễ ra đờm, đã nằm nghiêng được. Lục Linh Nghi lấy làm mừng lắm. Nhưng Dụ Gia Xương nói: “Chưa chắc chắn gì, chẳng qua tôi thấy bệnh nguy cấp nên tạm dùng như thế để cho khoẻ trong một lúc đó thôi, tôi sợ mau khoẻ thì bệnh mau trở lại. Nếu bệnh trở lại, bài thuốc trước không dùng được nữa. Bây giờ, nhân lúc còn hơi khoẻ, phải dùng phương pháp điều trị khác, may ra đến tiết Đông chí mới có thể yên được, vì táo khí trong người ta cũng theo táo khí của thời lệnh, cho nên, nay còn bó

chặt lại chưa giải ra được. Bao giờ khí táo kim của trời đất lui thì Phế kim của người ta mới hết táo và bệnh mới khỏi.

Lục Linh Nghi hết sức khẩn khoản xin Dụ Xương cố gắng chữa cho. Trong một thời gian hơn hai tháng, có lúc bệnh sắp đến chỗ nguy hiểm, có lúc lại yên ổn như thường, cứ thay đổi như thế luôn, cũng vì bệnh không dùng được thuốc bổ nên không dám cho thuốc bổ liên tục. Nhưng không bổ thì Tỳ hư không sinh được Phế, mà Phế táo lại thích nhuận nhưng nhuận quá thì trì trệ, không ăn được.

Dụ Gia Xương liền xoay trở cách chữa đại khái như: Hôm nay Tỳ kém quá, ăn uống không được thì trong thuốc thanh Phế phải thêm Sâm, Truật vào để bổ Tỳ, ngày mai Phế táo quá, ho thở mạnh, trong thuốc thanh Phế phải thêm Cống giao (A giao) để nhuận Phế, cứ thay đi, đổi lại mãi cho đến tiết Lập đông, tự nhiên bệnh nhân nói: “Hôm nay trong người cảm thấy khoẻ lắm, chắc có lẽ bệnh sẽ khỏi”. Thật là lạ, thời tiết vừa hết táo thì bệnh nhân cũng khỏi táo. Bình thường 5 – 6 ngày không đi đại tiện mà hôm đó, vừa cho uống thuốc nhuận trường đi đại tiện được ngay. Thì ra táo khí hôm đó đã tống xuống ruột già. Thế mới biết người ta cũng theo thời lệnh của trời đất mà thay đổi.

Y ÁN VỀ TIẾT NIỆU

115- BÍ TIỂU

(Trích trong ‘Huyền tân phát vi’ của Hải Thượng Lãn Ông, Việt Nam).

Cháu gái cụ Vương, 13 tuổi, vì lúc nhỏ, bà vú sợ em đái dầm trên giường, thường đánh thức dậy luôn, vì vậy vài năm sau, mỗi ngày đi tiểu 7-8 lần, đêm đi 7 - 8 lần, giống như chứng lậu mà không phải là lậu, dần dần nước tiểu không thông, lúc đó vừa vào đầu tháng hè, bệnh tình nguy cấp quá, ông ngoại cháu cho uống bài ‘Đạo xích tán’ (Sinh địa 8g, Mộc thông 8g, Cam thảo 4g, Lá tre 8g) để thông lợi. Lúc đầu uống cũng hơi đỡ, lâu dần thì một giọt nước tiểu cũng không thông. Sáu bộ mạch Hồng Sắc, sờ lâu thì không có lực, biết là lúc mơ màng, khiếp sợ, gắng gượng đi tiểu, càng làm hao tổn chân âm, 5 tạng đã đến, chỉ càng làm cho thêm đầy tức. Tôi dùng ‘Bát vị’ làm thang (Thục địa 32g, Sơn thù 16g, Hoài sơn 16g, Mẫu đơn 12g, Phục linh 12g, Nhục quế 4g, Phụ tử 4g, thêm Mạch môn, Ngũ vị, đều 8g. Mỗi thang lại thêm 80g Thục địa, lấy ý nghĩa là tiết mùa thu đi xuống, mốc trắng sinh ra).

Cho uống 2 thang để thêm chất nhờn béo trong 5 tạng để làm chất dẫn cho tiểu tiện ra, lại còn nhai bã, móc cổ cho mửa, khiến cho thượng khiếu mở ra thì hạ khiếu thông suốt. Quả nhiên uống vài lần là khỏi.

Sau đó, vì không được điều dưỡng, lại nhân mùa nắng dữ, chứng cũ lại tái phát. Ông ngoại nó cứ theo phương pháp cũ mà cho uống. Lúc đầu, chỉ có chỗ bụng dưới đau tức, uống thuốc vào, ới được một lần thì ngực tức, khó

chịu. Tôi nói : "Lúc đầu, vào tháng đầu mùa hè, khí chưa bị tổn thương lắm, hơn nữa, bệnh mới phát thì thần khí chưa suy, đó đó, đau là do chất nhờn béo ở ngũ tạng không đủ, bổ thêm các vị thuốc béo, nhờn là đủ giúp sức rồi, nay đang buổi nắng, khí bị tổn thương nhiều, hơn nữa, ngày đêm buồn đầy, bỏ cả ăn, ngủ, mồ hôi nhiều, tim đập nhanh, tinh lực đã quá mệt, tuy có thuốc mát để bổ thêm thủy nhưng không có trung khí vận hành thì cũng chẳng giúp ích gì. Ngoài ra, 6 bộ mạch bây giờ càng Hồng Đại mà trống rỗng hơn là dấu hiệu cho thấy ở trong đã quá khô, uống vài thang thuốc trọc âm, để bổ căn bản cho chất béo nhờn thì không thể thiếu được nhưng còn phải giúp trung khí vận động thì khí ở trung tiêu đi lên đi xuống được. Thuốc mới có thể vận hành, vì vậy ông ngoại cháu bé cho uống liền 2 thang thì trên dưới càng đầy tức thêm. Tôi liền cho dùng *Nhân sâm 40g, Phụ tử 12g*, sắc còn 1 chén (200ml), cho uống ấm. Giây lát thì từ ngực đến bụng dưới có tiếng róc róc, liền đi đại được vài lần mà khỏi. Đáng tin là làm thuốc không nên lệ thuộc vào phương thang, phải tùy chứng bệnh mà lập phương cho đúng.

116- BÍ TIỂU

(Trích trong ' *Tạp chí đông y*' số 74/1966, Việt Nam).

Nguyễn Văn Q, 50 tuổi, bàng quang tức, bí tiểu. Trạm y tế cho uống thuốc lợi tiểu nhưng lại càng bí, trạm y tế chẩn đoán là thận có sỏi, chuyển lên bệnh viện Hải Dương khám và chụp X quang thì thấy không phải là sỏi,

chỉ là bí tiểu, cho thuốc và gửi về trạm y tế xã thông thụt. Khi thông thì nhẹ, được một lúc sau lại bị đau buốt, khó chịu. Suốt ngày đêm không ngủ, mỗi khi đi tiêu hoặc tiểu, lại phải rặn, đau buốt cả trước và sau, hậu môn nóng như lửa đốt, phải dùng vải ướt đắp vào mới dễ chịu. Người gầy, xanh, cái lưỡi trắng trong, mệt mỏi, tiếng nói nhỏ chậm, suốt nửa tháng nay, ăn ngủ kém, mỗi khi đi đại tiểu tiện, phải rặn nhiều, đau tức ở hạ bộ, hiện ở hậu môn cứ chảy nước trắng như sữa, không sốt, thường kém ăn, khó tiêu, 6 bộ mạch *Phù*, riêng bộ *xích bên phải Tế, Hoãn* .

Định bệnh: Thường xuyên ăn yếu, hay đầy, do trung khí kém, khí nguyên dương suy, lâu ngày nguyên khí càng hư, hạ hãm, ảnh hưởng đến nhị âm, gây bí tức, ngăn lấp, đại tiểu tiện không thông vì rặn nhiều *chất dịch ở tiểu trường* ra.

Xử phương: Dùng bài ‘*Bổ trung ích khí*’ (*Hoàng kỳ 30g, Bạch truật 9g, Trần bì 9g, Sài hồ 10g, Đảng sâm 12g, Đương quy 9g, Cam thảo 9g, Thăng ma 12g, thêm Hoàng cầm 9g, Mộc thông 12g, Đại hoàng 6g*).

Uống một thang, chứng tức đờ hãn, tiểu còn buốt, ngủ được. Cho uống tiếp một thang nữa : tức đờ hãn, đại tiểu tiện đều thông, phân hơi lỏng. Ngày thứ 3, các chứng hết, còn mệt, kém ngủ. Đổi cho uống bài ‘*Quy tỳ thang*’ (*Đảng sâm 12g, Hoàng kỳ 12g, Táo đỏ 3 quả, Phục thân 12g, Chích thảo 2g, Viễn chí 4g, Long nhãn nhục 8g, Bạch truật 12g, Đương quy 8g, Toan táo nhân 12g, Gừng sống 3 lát, Mộc hương 2g*). Uống xong ăn được cho về nhà uống thêm thuốc bổ.

117- BÍ TIỂU

(Trích trong 'Một số đề tài nghiên cứu về châm cứu' số 2/1988, Việt Nam).

a- Đoàn Thị M... mổ lấy thai, sau khi mổ, *bí tiểu* 24 giờ, phải thông đái 2 lần. Dùng 6ml Novocain 1% Thủy châm vào huyết *Tam âm giao*, mỗi bên 3ml, lúc 8 giờ 45 phút, đến 10 giờ (sau 1 giờ 45 phút) đã tự đái được.

b- Nguyễn thị D..., mổ cắt tử cung, sau mổ 36 giờ, *không tự đái được*. Thủy châm huyết *Tam âm giao* hai bên, mỗi bên 3ml Novocain 1%, lúc 22 giờ đến 22g30 tự đái được và ngủ ngon.

c- Nguyễn thị C... vào viện với chẩn đoán phúc mạc bị viêm sau mổ lấy thai và rò bàng quang, âm đạo. Mổ lại, cắt tử cung và dẫn lưu. Sau mổ suốt 1 tháng, nước tiểu vẫn chảy ra suốt ngày. 32 ngày sau, phúc mạc khỏi, định cho xuất viện, hẹn 3 tháng sau đến mổ đóng lại bàng quang và âm đạo. Khám lại trước khi xuất viện, thấy không có lỗ rò, chẩn đoán là *són đái cơ năng*. Thủy châm Novocain 1% vào huyết *Tam âm giao*, mỗi huyết 3ml. Kết hợp châm kim các huyết *Bát liêu*, *Trung cực*, *Trường cường*, *Âm lăng tuyền*, *Dương lăng tuyền* và *Túc tam lý*.

Són đái bớt dần, đái thành từng bãi tăng lên. Điều trị 3 ngày khỏi hẳn, xuất viện khỏi hoàn toàn.

118- BÍ TIỂU

(Trích trong sách 'Châm cứu lâm chứng thực nghiệm' của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Tang, nam, 5 tuổi, nhập điều trị ngoại trú ngày 11/05/1961. Bệnh nhân bí tiểu khoảng 11 tiếng, căng phình vùng bụng dưới khó chịu. Ấn điểm giữa huyết Thần khuyết và xương mu nhẹ nhàng và từ từ lấy ngón cái tay phải. Ấn lên đè xuống đều đặn, 30 phút sau bệnh nhân tiểu được khoảng 200 ml nước tiểu.

119- BÍ TIỂU

(Trích trong sách 'Châm cứu lâm chứng thực nghiệm' của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Giang, nữ, 28 tuổi: nông dân, nhập điều trị ngoại trú ngày 15/11/1973. Không tiểu được đã 8 ngày, cách đây 10 năm cô ta bị viêm thận bể thận cấp, sau đó viêm thận bể thận mạn, và đã tái phát 4 lần. Vào năm 1964 cô ta bị vô niệu hai ngày và được điều trị bằng Trung y và y học hiện đại, sau đó hồi phục. Khám lâm sàng biểu hiện gầy ốm với nước da hơi vàng, thân nhiệt ở 36⁰C. Huyết áp 140/90 mmhg, ấn không đau và không có phản ứng đau trong vùng thận. Xét nghiệm nước tiểu: âm tính, vùng bụng dưới phình lên, đại tiện bình thường, mạch Trầm Huyền. Chẩn đoán là bí tiểu.

Dùng kim nhỏ dài 3 thốn, châm thẳng góc huyết Trung cực sâu khoảng 1,5 - 2 thốn, khi có cảm giác nút chặt dưới kim, nâng và đẩy kim nhiều lần. Vào lúc đó, khi bệnh nhân

có cảm giác đau và căng tức lan xuống bộ phận sinh dục ngoài và đáy chậu, sau đó lui kim đến vị trí dưới da, và châm luôn kim hướng xuống Trung cực. Khi kim đã đến huyết Trung cực, nâng và đẩy kim chầm chậm khoảng 3 - 5 lần. Ngày châm một lần, tổng số 3 lần. Bệnh nhân phục hồi hoàn toàn, không thấy tái phát trong 3 năm.

120- TIỂU NHỎ GIỌT

(Trích trong 'Huyền tấn phát vi' của Hải Thượng Lãn Ông, Việt Nam).

Một người trẻ tuổi, lao tâm sắc dục quá độ, bị chứng *tiểu tiện nhỏ giọt*, đầy trướng quá mà nhức, ngoài ra, hai đường đại và tiểu tiện đau giằng với nhau. Mạch *hai bộ thốn Trâm, Vi*, mạch *quan bên phải hơi Hoạt Sắc*, hai mạch *xích Huyền*. Đó là biểu hiện khí của Tâm, Phế không đủ mà hãm xuống Can, Thận. Khí Can Thận lại không đủ, cho nên, một đằng thì không sơ tiết (Can), một đằng thì không đóng kín (Thận). Trung khí đã hư thì khí thanh dương không đi lên được mà uất trệ lại ở trung cung, nung nấu làm cho thấp nhiệt thấm vào bàng quang, gây ra chứng lâm. Hai đường đại tiểu tiện đau chằng với nhau, như chứng trưng hà.

Tôi cho dùng : Buổi sáng uống bài 'Bát vị hợp Nhị diệu thang' : *Thục địa 32g, Mẫu đơn 8g, Sơn thù 8g, Liên tử 10 hạt, Phục linh 8g, Hoài sơn 8g, Hoàng bá 3,2g, Trạch tả 6g, Phụ tử 4g, Tâm bắc 10 cọng*. Vị Hoàng bá được đem sao với muối, rượu cho biến sắc xám lên, sắc uống lúc đói.

Bài này có tác dụng làm cho sự nóng và lạnh giao hỗ lẫn nhau, trừ thấp nhiệt đi để cho nguồn được trong.

Vào giữa trưa, cho dùng bài ‘Bổ trung ích khí thang’ (Nhân sâm 12g, Phòng phong (sao rượu) 1.2g, Táo nhân 8g, Thăng ma (sao rượu, mật) 1.6g, Phục linh 8g, Quy thân 6g, Bạch truật 6g, Cam thảo 3.2g, Hoàng kỳ 8g) nhưng vì Tâm khí hư, nên không dám tả khí nữa, do đó bỏ Trần bì, Can khí đã yếu nên không thể tả Can nữa, bỏ vị Sài hồ đi, còn bã thuốc thì đến chiều sắc uống, rồi móc cổ cho mưa ra. Muốn đẩy trọc khí bị ủng tắc xuống dưới thì phải có vị thấm, nhạt, vì vậy, thêm Phục linh, nhưng sợ rằng bỏ vị Sài hồ đi thì Thăng ma một mình không đủ sức nâng lên, mới thêm vị Phòng phong (loại non), sao rượu để giúp sức. (Phòng phong sao rượu là để bỏ tính tân, tán mà thêm sức bốc của nó lên). Còn bã thuốc sắc uống, móc cổ cho mưa ra là vì thấp với nhiệt, uất một khi được thăng phát lên thì hạ khiếu tự nhiên tan. Huống gì thượng khiếu mà thông thì hạ khiếu thông. Quả nhiên, uống vào có kết quả tốt.

121- PHÙ THÙNG

(Trích trong ‘Khiếm Trai y học giảng cáo’ của Tân Bá Vị, Trung quốc).

Nam, 24 tuổi. Phù đầu mặt và chân tay, tái phát nhiều lần, bệnh đã hai năm. Gần một năm nay trị bằng Đông dược theo hường kiện Tỳ, lợi niệu thì bệnh ổn định phần nào.

Vì phù thũng tái phát nên mời tôi tới khám. Khám thấy nửa người phía trên phù, nhất là vùng đầu mặt và ngực, kèm theo ngực khó chịu, phiền nhiệt, ho, không nằm ngửa được, miệng khát nhưng uống ít. Da hai tay khô như ngâm vào nước mặn, nước tiểu vàng, tiểu ít, mạch *Trầm, Huyền* mà *Sác*, lưỡi sạch, chất lưỡi nhạt. Căn cứ vào sách ‘*Nội kinh*’ có ghi: ‘Thũng phía trên là Phong, thũng ống chân là thủy’. Giống như chứng phong thủy nhưng lại không có triệu chứng ngoại cảm, mạch cũng không Phù mà lại Trầm. Dựa vào lời khai của người bệnh cho biết lúc đầu khó chịu ở vùng trung quản, rồi mới đến bí tắc ở ngực, thở khó và ho, cho thấy ‘*các loại thấp thũng đều thuộc về Tỳ*’, gốc bệnh vẫn ở trung tiêu. Thủy khí nghịch lên, Phế khí bị ngăn trở uất lại thành nhiệt, công năng thanh túc bị hạn chế, tân dịch không phân bố được. Bệnh ở trung tiêu, có thể dùng phép táo thấp, lợi niệu. Bây giờ lại nghịch lên trên, nên kết hợp với phép tuyên Phế, thuận khí, nhân đó, dùng bài ‘*Việt tỳ thang gia giảm*’: *Chích Ma hoàng 4g, Quang hạnh nhân 12g, Tử tô 6g, Sinh thạch cao 32g, Xích linh 16g, Thông thảo 4g*. Ở đây dùng Ma hoàng để khai Phế chứ không muốn cho ra mồ hôi, cho nên liều lượng dùng rất ít; Kèm theo vị cay thơm của Tử tô để vào hai kinh Tỳ, Phế, vừa tuyên hoá thượng tiêu vừa đi vào trung tiêu để trừ thấp trọc; Lại lấy Thạch cao, Hạnh nhân kết hợp với Ma hoàng để tuyên Phế, thuận khí, thanh nhiệt, trừ phiền. Xích linh, Thông thảo đấm thấm để lợi niệu. Sau khi uống một thang, đỡ ho nhiều hơn, khắc ra đờm dính. Tôi cho là phản ứng của Phế khí tuyên thông. Lại cho uống tiếp hai

thang nữa, hết phiền nhiệt, tiểu nhiều hơn. Đổi dùng bài ‘Ngũ bì ẩm hợp Tiểu phân thanh ẩm’ để điều hoà phân lý: *Tang bì, Trần bì, Phục linh, Chỉ xác, Xích linh, Đại phúc bì, Ý dĩ, Hạnh nhân.*

122- PHÙ THÙNG

(Trích trong ‘*Kiểm Trai y học giảng cáo*’ của *Tần Bá Vị, Trung quốc*).

Nữ, 26 tuổi. Năm năm trước, phát hiện từng cơn hồi hộp, ngực khó chịu, dần dần thấy chi dưới bị phù thùng. Khi tới khám, bệnh tình mười phần nghiêm trọng. Từ lưng trở xuống đến mu bàn chân phù rất nặng, vùng bụng trướng đầy, nôn mửa, hồi hộp, khó thở, không nằm được, tiểu ít, tiêu lỏng. biểu hiện đặc biệt là môi miệng tím tái, hai tai đỏ tía, vùng má đỏ phớt như đánh phấn, đầu lưỡi đỏ, rêu lưỡi trắng nhờn, mạch *Tế Sác*, đới *Huyền*.

Tôi nghĩ đến tình trạng phát bệnh trước đây, gốc bệnh này do Tâm dương hư, không ôn vận được thủy thấp ở trung tiêu, tức là chứng hậu mà Trọng Cảnh thường dùng đến Quế chi, Bạch truật, Phục linh... Nhưng trước mắt có đầy đủ triệu chứng mạnh bạo của thủy khí, hư dương nổi lên trên, chứ không chỉ riêng Vị khí sắp bại, vả lại có khả năng hư thoát lúc nào không biết. Điều trị chủ yếu phải phù dương, kèm theo thuốc dưỡng âm, kiện Tỳ. Chọn dùng bài ‘*Chân vũ thang gia vị*’ : *Thục phụ phiên 8g, Sinh khương 8g, Sao bạch truật 12g, Bạch thược 12g, Xuân sa nhân 2g, Phục linh 20g, Mộc hương 2g.* Sau khi uống hết 4

thang, nước tiểu ra nhiều hơn, phù ở chi dưới rút hết, riêng bàn chân chưa hết hẳn, bụng đầy, nôn mửa đều giảm nhẹ nhưng gò má phớt hồng không giảm, ho lại tăng, trong đờm có lẫn máu, mạch vẫn Tế Sác và đới Huyền. Tôi cho rằng bài thuốc này tuy nặng về ôn hoá nhưng đi vào trung tiêu, hạ tiêu, lượng thuốc cũng không nhiều lắm, không thể tạo nên Huyết chứng, có lẽ là tính tình người bệnh nóng nảy, Can hoả phạm Phế, đồng thời Tỳ Thận hư hàn, chưa thu liễm được dương khí trôi nổi, vẫn phải đề phòng biến chứng xấu. Kiên trì sử dụng bài thuốc trên, bỏ Mộc hương, thêm Đại cáp tán 6g. Uống hai thang máu cầm lại, bệnh tình ổn định dần.

123- PHÙ THÙNG

(Trích trong ‘Châm cứu bách bệnh thực dụng nghiệm phương’ của Thẩm Tá Đình – Trung quốc).

Trần Đại Thọ, 48 tuổi, ngụ ở Gia Khánh. 20 ngày trước bị phù ở đầu rồi đến chân tay, cơ thể nặng nề, khó chịu, sau đó cả người đều phù, tim đập nhanh, cổ cứng không quay được, tay chân nặng, khí nghịch lên không nằm nghiêng được (hễ nằm nghiêng thì huyệt hơi không thở được), không muốn ăn, khạc đờm có lẫn máu.

Châm huyệt *Ấn bạch* cho ra máu, sau đó châm huyệt *Trung quản*, vê kim tả 3 lần, bổ 3 lần rồi lại tả một lần nữa.

Kết quả: Châm huyết Ấn bạch ra máu xong thì cổ quay được. Châm tả Trung quản một lần tiêm thấy khá hơn, tả lần thứ hai thì thở được dễ hơn, khí đưa lên họng được. Tả thêm một lần nữa thì hít vào vùng rốn làm như là khỏi, ngón tay có sức. Tả thêm một lần nữa thì tim thấy khó chịu (vì tả nhiều quá), xoay kim để bổ thì trở lại bình thường, bổ thêm một lần nữa thì khá hơn nhưng bổ thêm một lần nữa thì ổ tim lại nặng (vì bổ nhiều quá), xoay kim tả một lần thì mới bớt, tim hết đập mạnh, chứng khí suyễn, khí bế giảm đi.

Giải thích: Bệnh này thuộc loại nguy cấp, bệnh thuộc loại khó, vì vậy phải tùy chứng mà chọn huyết. Khi châm không nên dùng quá 10 huyết. Sách xưa cho rằng các chứng thấp, nặng nề, đầy trướng đều thuộc về Tỳ, ngoài ra vùng rốn cũng thuộc Tỳ, chứng tay chân nặng, không muốn ăn thuộc về Tỳ, vì vậy dùng huyết của kinh Tỳ làm chính. Châm tĩnh huyết của kinh Tỳ là Ấn bạch, cổ cử động được, sau đó lấy huyết Trung quản để tả Vị, làm cho khí được thư giãn, đưa được lên họng, lên đầu. Tim đập mạnh, vùng rốn khí động, tay chân không có sức, trị ở Tỳ đều khỏi, chứng minh 3 điều: Một là bệnh thấp, phù, đầy trướng đều thuộc về Tỳ, hai là vùng rốn thuộc về Tỳ Vị, ba là ngũ tạng có quan hệ tương sinh, hoả sinh thổ, thổ là con của hoả. Vùng tim nóng, tim đập nhanh là chứng Tâm thực, Tỳ Vị thuộc thổ, tả Tỳ Vị thì tim hết đập mạnh đó là áp dụng nguyên tắc ‘Thực tả tử’.

BỆNH TÂM THẦN - THẦN KINH

Trong các chứng liên hệ về bệnh thần kinh, tâm thần, chứng Mất ngủ, Suy nhược thần kinh là các chứng bệnh ‘thời đại’ hầu như luôn được các nhà nghiên cứu, điều trị quan tâm.

Quan niệm và cách điều trị của Đông y cũng có những điều rất độc đáo mà một trong những cách đó là điều trị một cách tích cực, đào sâu vào nguyên nhân gây bệnh để từ đó có những phương hướng điều trị mang lại kết quả rất khả quan. Đặc biệt nữa là hầu như không gây ra các triệu chứng phụ như là nghiện, lờ đờ sau khi uống thuốc... Vì vậy, chúng tôi xin giới thiệu một số những cách điều trị độc đáo của Đông y dưới đây.

124- MẤT NGỦ

(Trích trong ‘Trung y trị liệu thất miên trở ngại tính’ của Từ Lăng Vân, Trung quốc).

Lý XX, nữ 28 tuổi, khám lần đầu ngày 12/1/1976. Bệnh nhân nửa tháng trước bị sẩy thai, ra huyết nhiều, lâm ly không dứt, kéo dài trong khoảng nửa tháng, điều trị bằng Trung y đã cầm máu. Hai tuần nay về đêm khó ngủ, trằn trọc, ngủ thì hay mơ, vì vậy đến khám. Bệnh nhân mặt xanh, đầu vầng mắt hoa, tim đập mạnh, thở dốc, trong lòng phiền muộn, đổ mồ hôi, hay mơ, lưỡi nhợt mà đầu lưỡi đỏ, rêu mỏng vàng, mạch Tế, Tiểu, Sác. Chẩn đoán là *mất ngủ do huyết hư, thần táo*, điều trị bằng phép dưỡng huyết an thần. Bài thuốc dùng là ‘Tứ vật thang’ hợp với bài

‘Toan táo nhân thang gia giảm’, gồm: Sinh, Thục địa mỗi vị 15g, Đương quy 10g, Xuyên khung 6g, Bạch thược 10g, Nữ trinh tử 15, Sao táo nhân 15g, Viễn chí 6g, Tri mẫu 10g, Phục thân 12g, Dạ giao đằng 15g, Trần bì 6g, Cam thảo 6g. Uống 4 thang, bắt đầu ngủ yên, bớt mơ, bớt phiền muộn đồ mờ hôi; vẫn dùng bài thuốc trên, giảm Tri mẫu, thêm Thanh Long tử 30g, Sinh Mẫu lệ 30g. Uống 7 thang. Khám lần thứ ba đã ngủ ngon, ít mơ, hết vầng đầu, hoa mắt, riêng khi làm việc vẫn còn tim đập thở dốc, tiếp tục dùng thêm ‘Nhân sâm quy tỳ hoàn’ thì khỏi.

125- MẤT NGỦ

(Trích trong ‘Trung y trị liệu thất miên trở ngại tính’ của Từ Lăng Vân, Trung quốc).

Vũ X, nữ, 36 tuổi, khám lần đầu ngày 25/12/1983. Bệnh nhân bản tính nhút nhát, 20 ngày trước bị mèo làm cho sợ, dẫn đến tim đập hồi hộp, đêm ngủ không yên. Hai tuần gần đây mất ngủ tăng thêm, nằm không yên, dễ giật mình tỉnh giấc, không dám ngủ một mình, tim đập thành thành như có người sắp đến bắt, lưỡi đỏ nhạt, rêu trắng mỏng, mạch Tế, Hoạt. Chẩn đoán là không ngủ thuộc về chứng tâm đảm khí hư, trị bằng cách ích khí, ôn Đởm, ninh Tâm an thần. Thuốc dùng: Thái tử sâm 15g, Trúc nhự 12g, Chỉ thực 10g, Bán hạ 10g, Quất hồng 10g, Long cốt 30g, Mẫu lệ 30g, Sài hồ 6g, Sao Táo nhân 30g, Viễn chí 6g, Long nhãn nhục 15g, Dạ giao đằng 30g. Uống 5 thang. Ngày 4/1/1984 khám lại, đêm ngủ yên ổn hơn, tim bớt đập mạnh. Tiếp tục

điều trị như trước, uống thêm 7 thang, đêm đã ngủ yên, thỉnh thoảng tim đập mạnh, tâm thần yên ổn. Cho uống thêm ‘Lục quân tử thang’ phối hợp với ‘Chu sa an thần hoàn’ thì khỏi.

126- MẤT NGỦ

(Trích trong ‘Trung y trị liệu thất miên trở ngại tính’ của Từ Lăng Vân, Trung quốc).

Uông X, nữ, 39 tuổi, khám ngày 10/7/1985. Bệnh nhân vốn thích chơi bởi về đêm, dần dần đến nổi tim đập hồi hộp, hay quên, miệng khô, họng khô. Gần một tháng nay do vất vả suy nghĩ, lòng đầy cảm giác đấng cay, ban đêm khó ngủ, ngủ thì hay mơ, lòng phiền muộn, hay tức giận, tiểu tiện ít, nước tiểu đỏ, cảm thấy như bị chìm đắm mà nóng rát, lưng đau, gối mỏi, lưỡi đỏ rêu ít, mạch Tế, Huyền, Sác. Chẩn đoán là *mất ngủ do âm hư hoả vượng* gây ra. Điều trị bằng cách tư âm giáng hoả, ninh thần an hồn. Thuốc dùng: Sinh địa 20g, Thiên môn, Mạch môn mỗi vị 10g, Sơn thù nhục 10g, Trúc điệp 10g, Hoàng liên 5g, Thông thảo 10g, Sinh sơn dược 15g, Sao Táo nhân 20g, Viễn chí 6g, Sinh long cốt, Mẫu lệ mỗi vị 30g, ‘Lục nhất tán’ (gói riêng) 15g. Uống 5 thang, phiền muộn nóng nảy nhẹ hẳn, đêm đã dễ ngủ nhưng miệng và họng khô, tiểu tiện vàng mà nóng rát, lưỡi vẫn đỏ, rêu lưỡi mỏng, mạch Tế, Sác. Hoả nhiệt đã giảm nhưng âm hư chưa được phục hồi. Dùng bài thuốc trên bỏ Hoàng liên, thêm Dạ giao đằng 20g, uống tiếp 5 thang. Ngày 24/7, khám lần thứ 3 thì đêm ngủ đã ngon,

nhưng thỉnh thoảng ban đêm vẫn thấy miệng khô, lưng đau chưa hết, lưỡi đỏ nhạt, rêu trắng mỏng, mạch Trầm Tế, cho uống ‘Lục vị địa hoàng hoàn’ phối hợp với ‘Thiên vương bổ tâm đơn’ để củng cố về sau, đồng thời dặn phải nghỉ đúng giờ, không nên chơi bởi quá khuya làm hao âm dịch.

127- MẤT NGỦ

(Trích trong ‘Trung y trị liệu thất miên trở ngại tính’ của Từ Lăng Vân, Trung quốc).

Triệu X, nữ, 46 tuổi, khám ngày 29/6/1989. Bệnh nhân vì tình cảm không thoải mái mà phát bệnh tim đập hồi hộp, ngực tức, dần dần mất ngủ. Đã từng điều trị Trung - Tây Y ở bệnh viện, chẩn đoán là chứng tổng hợp Tâm và Đờm. Hiện bệnh nhân khó đi vào giấc ngủ, ngủ thì hay gặp ác mộng, hay giật mình, đầu vầng mắt hoa, tức ngực khó chịu, miệng đắng mà không khát, biểu hiện tình cảm bị dồn nén, hay bi thương, lưỡi đỏ, rêu vàng nhớt mạch Tế, Huyền, Sác. Chẩn đoán là chứng *mất ngủ do Đờm uất đờm nhiệt, tâm thần bị nhiễu*, điều trị cần dùng phép thanh nhiệt hoá đờm, ninh Tâm an thần. Dùng bài ‘Hoàng liên ôn đờm thang gia giảm’, gồm: *Hoàng liên 10g, Trúc nhự 10g, Chỉ thực 10g, Bán hạ 10g, Trần bì 10g, Phục thân 15g, Sao Táo nhân 15g, Viễn chí 10g, Bách hợp 15g, Xuyên luyện tử 10g, Sinh Long cốt, Mẫu lệ mỗi thứ 30g, Cam thảo 6g*. Uống 5 thang. Ngày 6/7 khám lần thứ 2. Sau khi uống thuốc bệnh nhân đã ngủ tốt hơn, thời gian đi vào giấc ngủ ngắn

hơn, vẫn còn mơ nhiều nhưng cảm giác kinh sợ đã bớt đi, thỉnh thoảng tim lại nháy, miệng vẫn đắng, lưỡi hơi đỏ, rêu vàng đục, mạch Tế, Huyền, Tiểu, Sác. Đã thấy có sự biến chuyển. nhiệt đã giảm bớt, vẫn điều trị như cũ, dùng bài thuốc trên nhưng Hoàng liên giảm còn 6g, uống thêm 5 thang nữa. Ngày 15/7 khám lần thứ ba, ngủ đã tốt hơn, thỉnh thoảng tim vẫn còn nháy, ngực vẫn còn như nghẽn, muốn thở dài, lưỡi hơi đỏ, rêu vàng mỏng, đờm nhiệt đã bắt đầu được làm sạch nhưng khí uất chưa hết, lại lo thêm hoả có thể đốt nóng trở lại, dùng ‘Ôn đởm thang’ phối hợp với ‘Tứ nghịch tán’ để điều trị, khỏi hẳn. 3 tháng sau hỏi lại không thấy tái phát.

128- MẤT NGỦ

(Trích trong ‘Trung y trị liệu thất miên trở ngại tính’ của Từ Lăng Vân, Trung quốc).

Phương X, nam, 56 tuổi, ngày 7/5/1984 đến khám lần đầu. Bệnh nhân một tháng trước đây cảm mạo sốt nóng, sau khi uống thuốc Tây và thuốc Trung y đã hết sốt, chỉ có bụng không dễ chịu, cồn cào như đói, ăn vào thì hơi giảm nên cũng coi thường. Mười ngày gần đây cảm thấy buồn phiền bứt rứt, đêm ngủ không yên, khó đi vào giấc ngủ, tự cảm thấy trong ngực khô và nóng, ngực như nghẽn lại, muốn thở dài, miệng hơi đắng, đại tiện táo bón, 3 ngày chưa đi được một lần, tiểu tiện ít, nước tiểu đỏ, đầu lưỡi đỏ, rêu vàng mỏng, mạch Tế Sác. Chẩn đoán là *mất ngủ do nhiệt dư nhiều* cách, trị bằng phép thanh nhiệt ninh tâm,

dùng bài ‘Chi tử xỉ thang gia vị’: *Chi tử 10g, Đạm đậu xỉ 10g, Bạc hà 10g, Sài hồ 10g, Sinh Thạch cao 30g, Sa sâm 15g, Sinh Đại hoàng (cho vào sau) 3g, Cam thảo 6g.* Uống 5 thang thì đại tiện thông, người ra mồ hôi, tự nhiên thân thể nhẹ nhàng và dẫn đến ngủ ngon.

129- MẤT NGỦ

(Trích trong ‘*Trung y trị liệu thất miên trở ngại tính*’ của Từ Lăng Vân, Trung quốc).

Tôn X, nữ, 28 tuổi, ngày 24/3/1976 đến khám lần đầu. Bệnh nhân vốn có bệnh đau dạ dày, 10 ngày trước đây, vì đi bộ mồ hôi ra nhiều nên khát, đã uống một lượng lớn nước lạnh, làm cho tim đập mạnh, dạ dày đầy nước, bụng sôi óc ách. 7 ngày trở lại đây đêm không ngủ được, ngủ thì dễ tỉnh giấc, ngủ hay nằm mơ, tim nháy, đầu vầng mắt hoa, lợm giọng buồn nôn, tiểu tiện khó khăn, lưỡi hơi dày, rêu trắng, trơn nhớt, mạch Huyền. Chẩn đoán là chứng mất ngủ do nước (thủy ẩm) đình lại dưới Tâm, dùng bài ‘Linh quế truật cam thang’ hợp với bài ‘Tiểu bán hạ thang’ gia giảm để điều trị. Bài thuốc gồm: *Phục linh 30g, Sao Bạch truật 20g, Quế chi 10g, Chích cam thảo 10g, Bán hạ 15g, Sinh khương 10g, Đại giả thạch 30g, Sinh Mẫu lệ 30g.* Uống liền 5 thang hiện tượng tim đập mạnh, đầu vầng, mắt hoa đều đã hết, tối ngủ đã yên, buồn nôn đã bớt, tiểu tiện thông và lợi, lưỡi đỏ nhạt và hơi dày, rêu trắng mỏng, mạch Tế Huyền, ấn vào đùi thấy có phù thũng, liền

chuyển sang dùng *Phục linh 30g, Sao Bạch truật 15g, Quế chi 10g, Chích Cam thảo 6g, Phòng kỷ 12g, Trư linh 15g, Trạch tả 10g, Hoàng kỳ 12g, Sinh Mẫu lệ 30g*. Uống tiếp 5 thang. Bệnh nhân sau khi uống xong 10 thang, đêm ngủ ngon, mọi chứng bệnh tiêu tan. Hai tháng sau hỏi lại không thấy tái phát.

130- SUY NHƯỢC THẦN KINH

(*Của Bành Thuật Tiên - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc*).

Vương XX, nữ, 39 tuổi, cán bộ. Đến khám ngày 16-11-1973. Người bệnh 2 năm trước, lúc đầu bị đau đầu, mất ngủ, gần 1 tháng nay, chứng bệnh nặng hơn, mỗi tối chỉ ngủ 3-4 giờ, hay mơ, sáng sớm dậy thấy uể oải, tiểu ít, nước tiểu vàng, miệng đắng, rêu lưỡi vàng, mạch Huyền Sác. Lâm sàng chẩn đoán là *thần kinh suy nhược*. Đây là chứng Can uất khí trệ, uất lâu ngày hoá hoả, nhiệt nung đốt tâm thần. Điều trị phải thanh Can, giải uất, dưỡng Tâm, an thần. Cho dùng 'Thanh can ninh tâm thang' (*Câu đằng 15 - 30g, Đan sâm 30g, Sinh trần châu mẫu 20g, Hạ khô thảo 15g, Toan táo nhân 15g, Hợp hoan bì 12g, Chích cam thảo 3g*), thêm Trầm hương 5g, Hồ phách 5g. Uống 5 thang, về đêm giấc ngủ sâu hơn, buổi sáng tinh thần chuyển tốt. Tuy nhiên còn mơ, rêu lưỡi vàng, mạch Huyền. Dùng bài trên bỏ Trầm hương, Hồ phách, thêm Dương quy 9g, Chu phục thần 9g, sắc uống mỗi ngày 1 thang, uống 1 lần vào buổi tối

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

trước lúc đi ngủ. Uống 5 thang, các chứng đều hết, ngủ ngon, thần trí tỉnh táo.

131- SUY NHƯỢC THẦN KINH

(Của Từ Cận Tri - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Thang XX, nữ, 43 tuổi, cán bộ. Đến khám ngày 19-12-1978. Nửa tháng nay, bệnh nhân đêm nằm không ngủ được, tâm phiền, hay quên, tức ngực, thường thở ngắn than dài. Chất lưỡi đỏ, rêu mỏng vàng, mạch Huyền Sác. Tây y chẩn đoán là *suy nhược thần kinh*, chuyển đến cho chúng tôi điều trị. Khám thấy chứng bệnh thuộc về Can uất khí trệ, hoá hoả làm thương âm, Tâm âm không đủ, thần vô sở phụ. Cần trị bằng sơ Can giải uất, tư âm nhuận táo, dưỡng Tâm an thần. Cho dùng 'Tiêu cam bách hợp thang' (Bách hợp 40g, Dạ giao đằng 50g, Dương quy 15g, Bạch thược 20g, Uất kim 1g, Hương phụ 15g, Liên kiều 15g, Liên tử tâm 15g, Sinh địa hoàng 20g, Mạch nha 50g, Trân châu mẫu 30g, Cam thảo 15g, Đại táo 9 quả). Bệnh nhân uống liền 12 thang, các triệu chứng đều hết, hồi phục như thường.

Nhận xét: Trường hợp này sử dụng 'Tiêu cam bách hợp thang' là bài thuốc chúng tôi phối hợp 'Tiêu dao tán' với 'Cam mạch đại táo thang', 'Bách hợp địa hoàng thang' gia giảm mà thành. Chúng tôi dùng bài thuốc này không những điều trị suy nhược thần kinh có kết quả khá tốt, mà điều trị bệnh hysteria cũng đạt hiệu quả rất lý tưởng. Suy nhược thần kinh, bệnh hysteria, trong tây y đều xếp vào phạm trù bệnh thần kinh chức năng. Triệu chứng lâm sàng của các bệnh nhân này khá phức tạp và đa dạng,

thậm chí nhiều hệ thống đều có thể biểu hiện chức năng bị rối loạn, bệnh nhân cảm thấy vô cùng đau khổ, nhưng khi kiểm tra, phần lớn lại rất khó phát hiện các triệu chứng thực thể dương tính, các xét nghiệm lý, hoá cũng thường không thấy gì khác, do đó mà không biết nên bắt đầu chữa từ đâu, đành chịu bó tay, không có phương pháp đặc hiệu, nhiều khi chỉ có thể xử lý các triệu chứng. Đông y cho rằng nguyên nhân loại bệnh này phần lớn do do u sầu, uất ức, tức giận, lo nghĩ, sau đó bị thương không giải thoát được, mong muốn không được đáp ứng v.v... gây xúc động tâm lý tinh thần mãnh liệt mà sinh bệnh. Vì bệnh có căn nguyên tình chí, thường liên hệ đến 2 tạng Tâm Can, về mặt sinh lý thì Tâm chủ thần minh, Can có chức năng sơ tiết, hoạt động tinh thần, tư duy là do Tâm khống chế, quản lý, còn việc sơ thông khí của cơ thể lại do Can làm chủ. Do đó, những dao động quá mạnh của cảm xúc tâm thần trước hết phạm đến Tâm. Đúng như đã nêu trong thiên ‘Khẩu vấn’ sách ‘Linh khu’: ‘Bi ai, u sầu thì tâm động, tâm động thì lục phủ ngũ tạng đều bị chuyển lay’. Trên lâm sàng thấy rõ bao giờ bệnh nhân cũng kêu ca triệu chứng đầu tiên là mất ngủ, tâm phiền, tim hồi hộp. Uất ức, tức giận của người bệnh khó giải thoát là do Can mộc không thể điều đạt, khí không được sơ tiết, do vậy mà sinh ra các triệu chứng tức ngực, thở dài, vui buồn thất thường hoặc lo buồn muốn khóc. Cần phải trị bằng phép sơ Can giải uất, tư âm nhuận táo, dưỡng Tâm an thần. Mà các vị thuốc của bài ‘Tiêu cam bách hợp thang’ đều có tác dụng tương ứng, do đó có thể thu được hiệu quả khá tốt

CỔ KIM Y ÁN

Hoàng Duy Tân

132- SUY NHƯỢC THẦN KINH

(Của Hàn Tổ Liêm - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Trần XX, nữ, 40 tuổi, công nhân. Người bệnh mất ngủ kéo dài hơn nửa năm, về đêm không ngủ được, hoặc khó gối giấc ngủ. Kèm vầng đầu, muống nôn, trong ngực bứt rứt, hồi hộp, ăn kém, miệng đắng, không có sức, không thể công tác lâu dài được. Bệnh viện Thượng Hải kiểm tra, chẩn đoán là *thần kinh suy nhược*, cho uống nhiều loại thuốc an thần, mới uống thì có hiệu quả nhưng lâu dần thì không còn hiệu quả nữa. Sau đó uống 10 thang thuốc Bắc, cũng đã trị bằng châm cứu, đều không thấy kết quả. Khám thấy mặt xạm đen, không tươi, tinh thần ủ rũ, mạch Tiểu, Huyền, hơi Sáp, lưỡi trắng, dày, rêu lưỡi đỏ chót, rìa lưỡi tím đỏ, có một số điểm ứ huyết, tĩnh mạch dưới lưỡi tím đen. Kết hợp mạch và chứng, đây là chứng ứ huyết ngăn trở bên trong, uất thì hoá nhiệt, ứ nhiệt bên trong bốc lên làm cho tâm thần không yên. Điều trị phải hành khí, hoạt huyết, hoá ứ, thanh nhiệt. Cho dùng 'Gia giảm huyết phủ trục ứ thang' (Sinh địa 12g, Xuyên khung 5g, Hồng hoa 5g, Cát cánh 5g, Đào nhân 5g, Đương quy 9g, Xích thực 9g, Ngưu tất 9g, Sài hồ 9g, Bội lan 9g). Uống 1 thang, bệnh có chuyển biến, ban đêm trước sau ngủ được 8 giờ. Uống tiếp 3 thang, các chứng giảm nhiều. Dùng bài trên, thêm Chỉ xác 3g, Đào nhân tăng lên đến 9g, uống tiếp. Trước sau gia giảm uống 23 thang, các chứng đều hết, bệnh khỏi. Theo

đôi 5 năm, người bệnh làm việc được thời gian dài, không thấy tái phát.

133- SUY NHƯỢC THẦN KINH

(Của Tăng Thiệu Cầu - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Ngũ XX, nam, 51 tuổi. Đến khám ngày 16/7/1966. Bệnh nhân kể rằng đã gần 1 năm nay, đêm nằm không ngủ được, càng ngày càng mất ngủ, thức trắng đêm đến sáng, kèm thêm ra mồ hôi, ăn uống không thấy ngon miệng, có lúc ợ nhiều nước bọt, toàn thân mỏi mệt, tai ù, đầu vóng, mạch Trầm, rêu lưỡi bình thường. Đã uống ‘Ôn đởm thang’, ‘Dưỡng tâm thang’, ‘Quế chi long mẫu thang’ nhưng đều không khỏi. Nghĩ rằng ‘Vị bất hoà thì ngũ không yên’, ‘dương không nhập vào âm nên mắt không nhắm được’. Chứng này bao gồm ăn không ngon miệng, đầu vóng, ợ ra nước bọt là do đờm trọc cản trở bên trong, Vị bất hoà giáng. Ra mồ hôi là do vệ khí không nhập âm, là hiện tượng âm dương không giao hoà. Từ đó có thể thấy nguyên nhân gây mất ngủ là do dương không nhập âm, âm dương không điều hoà. Cần trị bằng phép điều hoà Tỳ Vị, dẫn dương nhập âm, giao thông âm dương. Cho dùng ‘Gia vị bán hạ thang’ (Pháp bán hạ 12g, Thuật mễ (Cao lương mễ) 30g, Hạ khô thảo 10g, Can bách hợp 30g, Tử tô điệp 10g). Uống được 1 thang, đêm đó đã ngủ yên, chỉ còn mồ hôi vẫn ra hơi nhiều. Lại cho uống thang thuốc này, cho thêm nhiều Phục linh, thì hết mồ hôi, ăn uống khá hơn, các triệu chứng hết dần, tinh thần ngày một khá.

Bàn luận: Trong bài thuốc này, Bán hạ mọc lúc dương trưởng, trưởng thành lúc giao với âm sinh, có thể làm cho dương nhập âm mà ngủ được; Thuật mễ trị dương thịnh âm hư, đêm không ngủ được; Hạ khô thảo thuần khí dương, bổ huyết mạch quyết âm, có thể lấy dương trị âm; Hoa Bách hợp sớm nở tối tàn; Tử tô điệp sớm vươn tối rũ, đều có thể dẫn dương khí mà nhập vào âm. Các vị đó hợp lại sẽ cũng có tác dụng giao hoà âm dương, trị chứng mất ngủ, thu được kết quả rất tốt.

134- SUY NHƯỢC THẦN KINH

(Của Bành Tiên Chương - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Ngao XX, nữ, 24 tuổi. Đến khám ngày 24/11/1962. Bệnh nhân mất ngủ đã hơn nửa năm, mỗi đêm chỉ ngủ được độ 1 tiếng, một tháng nay bệnh càng nặng thêm, vầng đầu hoa mắt, họng khô, miệng khát, thích uống nước nóng, nửa thân trên thấy nóng bức, nửa thân bên dưới lại thấy lạnh, mặt đỏ, thần sắc kém, đêm tiểu tiện nhiều, đại tiện khó khăn, kinh nguyệt sớm, máu kinh màu đỏ sẫm, 8 ngày mới sạch kinh. Khám thấy sáu mạch hơi Sác, ba mạch bên trái Trầm Tế, mạch xích bên phải Trầm Nhược, đầu lưỡi đỏ, rêu vàng trắng. Hỏi kỹ về nguyên nhân bệnh mới biết bệnh nhân bị trĩ thường hay bị chảy máu, lại thêm có bệnh phụ khoa. Tổng hợp mạch và chứng, thấy do mất khá nhiều máu, âm huyết hư tổn, tâm âm không đủ, hoả không hạ xuống, dẫn đến *tâm thận bất giao*. Cần trị bằng phép tư

âm giáng hoả, giao thông Tâm Thận. Theo lời người xưa ‘Người giỏi về bổ âm phải biết tìm âm trong dương’, chúng tôi đã dựa vào bài thuốc ‘Giao thái hoàn’ để đưa ra bài thuốc ‘Giao thái âm’ (*Hoàng liên 6g, Nhục quế 6g, Huyền sâm 10g*. Sắc uống, mỗi ngày 1 thang, chia làm 3 lần), uống 1 thang, đến đêm bệnh nhân đã ngủ được hơn 3 tiếng, giảm hẳn các triệu chứng váng đầu, hoa mắt, họng khô. Như vậy thuốc có kiến hiệu, lại cho dùng tiếp bài thuốc trên, tăng Huyền sâm lên đến 24g, để dưỡng Thận âm, thêm Cam thảo 3g để hoà trung, lại cho uống riêng 60g mật ong để nhuận trường. Sau khi uống tiếp 4 thang nữa, các triệu chứng đều hết, đã ngủ được như thường. Theo dõi thấy tình trạng sức khoẻ người bệnh tốt.

135- SUY NHƯỢC THẦN KINH

(*Của Hoàng Văn Đông - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc*).

Tân XX, nữ, 20 tuổi, học sinh. Khám bệnh ngày 02/8/1963. Vì thi học kỳ, học tập khắc khổ, khiến cho hơn 1 năm bị mất ngủ nặng. Mỗi tối chỉ ngủ được chưa đến 1 giờ, ăn uống kém, thường thở dài. Lâm sàng chẩn đoán là *thần kinh suy nhược*. Chất lưỡi xanh nhạt, mạch Huyền Tế. Mạch và chứng hợp lại, đó là chứng Can âm bất túc, Can dương thượng cang, Tâm hoả thiên vượng, Vị mất chức năng hoà giáng. Điều trị cần bình Can, tiềm dương, hoà Vị, an thần. Sau khi chẩn bệnh, cho dùng ‘Thần suy thang’ (*Thạch quyết minh 12g, Trân châu mẫu 12g, Câu đằng 10g*

(cho vào sau), Cúc hoa 10g, Đan sâm 10g, Xích thược 10g, Dạ giao đằng 12g, Hợp hoan bì 10g, Hoài tiểu mạch 12g, Chích cam thảo 4,5g, Trúc diệp (tươi) 10g). Uống 7 thang, ngủ đêm có chuyển biến, có thể ngủ được 3-4 giờ, các chứng khác như cũ. Dùng bài thuốc trên, bỏ Câu đằng, thêm sao Táo nhân 10g, uống 14 thang. Giấc ngủ tăng lên đến 4-5 giờ, ăn được hơn. Vì phải đi thi, mỗi buổi sáng cho uống 'Dưỡng tâm hoàn' 10g để tăng sức. Một tháng sau hỏi lại, người bệnh cho biết, đã ngưng uống thuốc lâu rồi mà vẫn ngủ ngon .

136- SUY NHƯỢC THẦN KINH

(Của Ngô Uy Nghi - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Ngô XX, nam, 24 tuổi. Đến khám tháng 10/1959. Gần hai năm nay, vì áp lực học hành quá mức, tinh thần căng thẳng, đêm về thường mất ngủ, buổi tối khó ngủ hoặc lúc ngủ thì sợ hãi, khi tỉnh thì hồi hộp, bứt rứt, không thể ngủ lại được. Tháng gần đây bệnh tình nặng hơn, ngày đêm không ngủ. Bệnh viện Tây y kiểm tra, chẩn đoán là *thần kinh suy nhược*, đã điều trị nhưng không kết quả. Hiện nay chóng mặt, uể oải, hay quên, sắc mặt không tươi, không muốn ăn uống, tiêu tiểu bình thường, lưỡi đỏ, rêu lưỡi nhạt, mạch Tế, Nhược. Đây là chứng nội thương do lao lực, Thận âm suy nhược, *thủy hoả bất tế, Tâm Thận bất giao*. Điều trị phải tư âm, thanh nhiệt, giao thông Tâm Thận. Do dùng 'Bách hợp an miên thang' (Bách hợp 24g, Sao táo

nhân 12g, Long cốt 15g (sắc trước), Bá tử nhân 10g, Ngũ vị tử 6g, Chế thủ ô 24g, Thục địa 15g, Dương quy 10g, Sinh kỳ 15g, Viễn chí 10g, Quy bản 24g (sắc trước), Trần bì 6g, Đông quỳ tử 10g). Uống 2 thang, ngủ được yên, như vậy là bệnh có chiều hướng tốt, uống tiếp 3 thang, ngủ được yên hơn, các chứng đều hết, khỏi bệnh. Theo dõi không thấy tái phát.

Bàn luận: Bài ‘Bách hợp an miên thang’ là một bài thuốc gia truyền, dùng trên lâm sàng điều trị các bệnh nhân suy nhược thần kinh đều có thể thu được kết quả tốt trong một thời gian ngắn.

137- BỆNH HƯ LAO DO TÂM TÝ GÂY NÊN

(Trích trong ‘Hạnh Hiên y án’ của Trịnh Quang Tuyên, Trung quốc).

Con dâu ông Phương Tấn Gia, mùa thu trước bị ho, tưởng là sơ sài, không để ý cho lắm. Không ngờ qua mùa đông bệnh nặng dần, cứ đến quá trưa thì phát nóng lạnh. Thầy thuốc cho là ngoại cảm nhưng uống thuốc vào đã không thấy bớt mà người lại mỗi ngày một gầy, ăn uống ít dần, tiêu lỏng.

Tôi để ý xem thấy chị ta mỗi khi đi đứng hay làm việc gì thì hơi thở có vẻ ngắn, hụt, xem mạch thấy Huyền cứng, không có Vị khí, hỏi đến kinh nguyệt thì đã ba tháng rồi vẫn chưa thấy có, tôi liền nói riêng với ông Phương rằng : “Chứng đã nguy rồi, cơ hồ không còn sống mấy hơi nữa”. Ông Phương kinh ngạc nói: “Bệnh này cùng lắm chỉ là ho

và nóng lạnh, có đâu đến nổi như thế sao?”. Tôi đáp: “**Kinh dậy: Nhị dương chi bệnh, phát tại Tâm Tỳ, hơn nữa mạch lại Huyền, cứng, không có Vị khí, đúng như các sách dậy là chân tạng kia mà. Sách lại còn dậy rằng cơ thể gầy, mạch to, trong ngực nhiều hơi thì chết. Đó mạch và chứng đều đã như vậy thì làm sao mà sống được**”.

Tôi cáo từ ra về, quả nhiên chỉ một tuần sau thì người bệnh qua đời”.

138- BỆNH TÂM THẦN

(*Y án của Rabary. Trích trong ‘L’Acupuncture en medecinepsycho – somatique’ – Nouvelle revue internationale d’acupuncture 13 (25 – 34), 1969.*

Một thanh nữ 18 tuổi, bị suy nhược kéo dài và gầy ốm, ban đêm mê sảng, ban ngày buồn bực, ngẩn ngơ. Nguyên nhân do bị người yêu phụ tình đồng thời bố chết.

Lần thứ nhất: châm tả huyết *Thân mạch, Cửu vĩ, Thượng quản, Phế du* và huyết có tên Reou Tsri 31 G (không rõ là huyết gì?). Bệnh không chuyển biến.

Lần thứ hai: châm tả huyết *Khố phòng* (bên phải) và bổ huyết *Chiếu hải*.

Khi châm huyết *Khố phòng*, bệnh nhân từ trước đến giờ vốn trở ỳ ra, bỗng nhiên rên rĩ, khó chịu nhiều, đến nỗi thấy thuốc tưởng bệnh nhân bị vượng châm hoặc nôn mửa, nhưng không có việc gì. Sau đó cô ta khóc nức nở đến vài chục phút rồi cô ta tỏ bày tâm sự của cô ấy. Cô cho biết là khi châm vào huyết *Khố phòng* thì tự nhiên cô cảm thấy

thẳng thốt, hoang mang. Sau đó, cô khẳng định là cô đã được giải thoát khỏi nỗi đau thương.

139- CUÔNG DO PHẢN UẤT GÂY NÊN

(Trích trong ‘Đông y lược khảo’ của Đỗ Đình Tuân, Việt Nam).

Vũ Hữu Ty, người làng Thi Liệu, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, cho người hàng xóm mượn tiền. Lúc đòi không được lại còn gây sự đánh nhau. Khi trở về, ông bực tức uống rượu liên tục, sau vài tuần thì phát điên và không ngủ được, cầm dao đòi chém người hàng xóm và chửi bới âm ỉ. Người nhà hết sức canh giữ và mời cụ Vũ Đối đến chữa bệnh.

Nhận thấy bệnh nhân vì nóng giận quá, uống rượu nhiều, hoả ở Can phản uất nên phát cuồng. Sách có ghi: “Đi lang thang, cười nói một mình hoặc hay ca hát là bệnh ở Tâm. Hung hăng, giận dữ, chửi bới, xé áo, đòi chém người và đốt nhà là bệnh ở Can”. Vì vậy dùng bài ‘Tiểu điều trung thang’ (*Bạch thược, Bạch truật, Đường quy, Phục linh, Trần bì*) để hạ khí và thanh sảng khí nhiệt uất ở ngực.

Bệnh nhân uống một thang thấy đỡ ngay, nằm ngủ được vài giờ, tinh thần đã tỉnh táo. Cho uống thêm một thang nữa thì bệnh khỏi hẳn.

Y ÁN VỀ PHỤ KHOA

140- NGHỊCH KINH (ĐẢO KINH)

(Của Lương y Vũ Sĩ Ngôi, Phòng chẩn trị Đông y số 3, thành phố Biên Hoà, Việt Nam).

Lý thị L..., 26 tuổi, bị chứng thổ huyết, lúc nhiều, lúc ít, mỗi tháng thấy một lần vào những ngày có kinh nhưng kinh không thấy ra. Bệnh đã nhiều tháng. Bệnh viện cho là lao phổi, đã điều trị bằng phác đồ lao nhưng không khỏi. Ngày 10/ 6/1981 đến Phòng chẩn trị số 3 tp. Biên Hoà xin điều trị.

Khám thấy: Sắc mặt xanh mét, tiếng nói yếu, mạch ở tay to, nhanh (Sác) nhưng ấn mạnh không thấy (vô lực).

Chẩn đoán là chứng nghịch (đảo) kinh.

Khí thuộc dương, huyết thuộc âm, âm bệnh thì dương bí, âm hư thì dương lẩn. Người bệnh có nước da xanh, mạch vô lực, là biểu hiện của âm hư. Âm hư nên hoả thừa cơ xâm nhập vào huyết phận làm huyết không lưu thông điều hoà, theo chu kỳ kinh nguyệt hành lên phía trên mà ra đằng miệng. Mỗi tháng thấy một lần vào chu kỳ kinh nguyệt đó chính là kinh kỳ nhưng không xuống được mà lại đi lên, vì thế gọi là nghịch (đảo) kinh. Nếu cho rằng đó là chứng thổ huyết, chữa không đúng huyết sẽ ra liên miên, có thể thành nguy hiểm. Suy nghĩ như trên, tôi cho dùng: **Cỏ mực (sao đen) 16g, Rau má 12g, Cỏ mần trầu (sao đen)**

16g, Rễ nhàu 16g, Trắc bá diệp (sao đen) 12g, Dây tơ hồng 12g, Địa du bì (sao đen) 16g, Chùm bao 16g, Ngải diệp (sao đen) 16g, Hà thủ ô đỏ 16g, Củ mài 24g. Sắc với 800 ml nước, còn 200ml, để riêng. Lại đổ vào 600ml nước, sắc còn 100ml. Hợp chung hai thứ, sắc còn 100ml, uống ấm vào lúc không no không đói.

Uống 5 thang, bệnh giảm nhiều. Uống liên tục 3 - 6 thang bệnh khỏi hẳn, kinh nguyệt hàng tháng ra đều hoà. Theo dõi trên 10 năm nay chưa thấy bị trở lại.

141- ĐÀO KINH

(Trích trong 'Tứ Siêu y thoại' của Nguyễn Tử Siêu, Việt Nam).

Trần Thị Đào, 42 tuổi, đến khám bệnh năm 1960. Người bệnh khai bị thổ huyết từ năm 1947, các bác sĩ đều cho là lao phổi, điều trị 2 -3 năm không khỏi, hiện nay, cứ một vài tháng lại thổ huyết một lần, có khi ra nhiều, có khi ra ít, không nhất định. Lúc nào ra ít thì ngày hôm trước thổ huyết, hôm sau thường hành kinh, lúc nào thổ huyết nhiều thì hôm sau không hành kinh hoặc cũng có nhưng huyết ra rất ít, màu da hơi xanh, ăn uống bình thường, đại tiện 2 -3 ngày mới đi một lần, thường xuyên bị táo bón, tiểu tiện thường ít và đỏ... mạch Trầm, Sắc lẫn Huyền.

Sau khi chẩn xong, tôi nhận là bệnh *đào kinh*. Muốn dùng các bài thuốc cổ để điều trị, thì vị có vị không. Tôi liền chuyển hướng dùng thuốc Nam để trị. Nhận thấy chứng *đào kinh* chủ yếu là do huyết nhiệt gây nên, tôi

dùng vị Ích mẫu là thuốc có vị khổ (đắng), hàn (lạnh) để hoạt huyết, điều kinh, nhưng muốn cho huyết hành cần phải điều khí vì khí là 'soái' của huyết. Khí hành thì huyết mới hành. Vì vậy tôi dùng Hương phụ, là khí được ở trong huyết, dẫn hành được cả khí của 12 kinh, hợp với Ích mẫu thành công dụng "khai uất, tán trệ, thông kinh, hoạt huyết. Tôi chỉ dùng 2 vị đó, liều lượng bằng nhau, đem tán bột, luyện với hồ, làm viên bằng hạt đậu. Mỗi lần nuốt 50 viên (không nhai), uống với nước nóng, ngày 3 lần. Trước sau, uống hết chừng 2 cân = 1.280g) thuốc, bệnh khỏi. Khi hết bệnh, chị Đào nói chuyện với vị lương y đã cắt cho chị hơn 100 thang thuốc trước đây, ông ta lấy làm lạ, tìm đến nhà tôi hỏi về phương pháp chữa. Tôi nói : " Có gì lạ đâu, tôi chỉ dùng phương pháp điều kinh đấy thôi ". Ông ta ngạc nhiên không tin nói : " Bệnh thổ huyết đã tới hơn 10 năm, cả tây y khám nghiệm cũng đã công nhận là phế lao (lao phổi), vậy mà cụ lại chữa điều kinh là nghĩa gì ? ". Tôi cắt nghĩa cho ông nghe về công dụng của 2 vị Ích mẫu và Hương phụ (trong bài này tẩm Đông tiện 3 ngày, 3 đêm), bấy giờ ông ta mới chịu là đúng. Khi ông ta đứng dậy về, tôi dặn thêm : 'Đây chỉ là một trường hợp, ông đừng cho rằng bệnh thổ huyết nào cũng đều là đảo kinh. Chủ yếu của Đông y ta là biện chứng luận trị, tùy bệnh xử phương, không phải hễ cứ sốt rét là uống ký ninh được đâu'".

142- NGHỊCH KINH

(Trích trong 'Tạp chí Đông y, số 179', Y án của Lương y. Nguyễn Như Lệ, Việt Nam).

Bùi Thị Hoàn Tr, 32 tuổi, nhập viện ngày 7/ 9/1962, từ năm 1950, bị sốt rét kinh niên và thường xuyên nhức đầu, thỉnh thoảng độ 6 tháng hoặc 1 năm, cứ đến kỳ hành kinh lại ho ra máu 1 lần. Người ngày càng gầy, da vàng đen và xám lại, sức ngày càng yếu, chữa Tây y nhiều lần nhưng sức khoẻ vẫn không hồi phục. Khoảng tháng 10 năm 1961, sau một trận bệnh nặng, sức khoẻ lại yếu hơn, lại mắc thêm những triệu chứng mới : phía sau cổ và một bên mặt phía phải, có cảm giác nóng như xoa cồn và nặng lên, có cảm giác bì bì khó chịu. Sau đó, cứ mỗi tháng đến kỳ hành kinh lại ho ra máu, không ăn ngủ được, chóng mặt, đau đầu lại tăng, thường bị lợm giọng buồn nôn, người gầy hẳn đi, mặt ngày càng vàng, da xám thêm. Đã điều trị nhiều nơi nhưng không bệnh viện nào kết luận được nguyên nhân gây ra bệnh. Các bác sĩ chuyên gia ghi: “Một loại bệnh đặc biệt chưa hề thấy”. Cơ thể ngày một suy nhược dần, đến kỳ hành kinh bị ho ra máu, bệnh nhức đầu tăng lên và chuyển sang trạng thái mới: tức bộ não, tức hai bên mang tai bốc lên đầu, lên mặt, suốt ngày đầu bị nặng, choáng váng và bị nhức buốt, có lúc bị nhức như người bị treo ngược 2 bàn chân trở lên. Qua một thời gian quá dài, phải ngồi mà ngủ, vì đặt đầu xuống gối thì đầu bị đau và tức, không nằm được.

Khám thấy: Da sạm đen bản, sắc vàng, quầng mắt sâu thâm, tròng trắng mắt màu vàng, môi thâm, lưỡi đỏ nhạt, rêu lưỡi trắng mỏng, hình thái lơ lơ mờ mờ, tiếng nói nhỏ yếu, đứt hơi, nói nhiều thì mệt, hơi thở ra nóng. Đầu

đau, mắt hoa, chóng mặt, cổ khô, tức hai bên tai chằng lên đầu, lên mặt, mặt phía bên phải hơi nặng, cảm thấy nóng và bì bì, mỗi lần hành kinh lại ho ra máu ước gần 60 ml. Khi hành kinh người gai sốt, âm đạo ra huyết cục, huyết hờn, ăn ngủ kém, đại tiện táo, tiểu tiện vàng, người rất suy yếu, mệt mỏi. Mạch đập 76 lần /phút, 6 bộ mạch đều Trầm, Huyền, Hoãn, khám bụng không có gì đặc biệt.

Tôi nhận xét như sau: Bị sốt kéo dài ảnh hưởng đến Can vì sốt rét không rời khỏi kinh Thiếu dương Đởm (Đởm, Tam tiêu), Đởm và Can có quan hệ biểu lý. Can âm suy yếu, Can hoá bốc lên gây ra chứng đau đầu thường xuyên. Nữ chủ huyết, Lấy Can làm căn bản. Can lại chủ bào cung (tử cung), vì Can âm hư, Can dương vượng sẵn, do đó, khi hành kinh, Can khí phải hưng phấn để thúc đẩy huyết ra ngoài, khi đó, Can mộc vượng quá thì phản vũ Phế kim làm tổn thương dương lạc gây nên ho ra máu. Nhưng thời gian này chắc Can chưa bị tổn thương nhiều vì vậy sáu tháng hoặc một năm mới có một kỳ. Khi hành kinh bị gai sốt chứng tỏ khí huyết suy yếu, âm dương không hài hoà. Sau đó hơn mười năm qua một trận ốm nặng, người suy sụp nhiều. Chẳng những ho ra máu phát triển mạnh kèm với hàng tháng hành kinh một lần mà kinh nguyệt ra bên dưới đường âm đạo thì là máu hờn, máu cục. Còn thêm các chứng mới như sau cổ và bên mặt phía phải có sức nóng như xoa cồn, mặt nặng thêm lên và có cảm giác bì bì khó chịu, chứng tỏ Can huyết suy nhiều đã ảnh hưởng đến Thận (Can mộc đoạt khí của Mẹ – Thận thủy), gây ra nóng sau cổ (đường đi của mạch Đốc thuộc

Thận), nóng lên mặt phía phải, nặng thêm và bì bì (khí vượng nên bệnh ở bên phải vì bên hữu (phải) thuộc khí). Da sạm đen, mắt quầng sâu, môi thâm, lưỡi đỏ nhạt là vì tinh huyết suy kém, da ửng sắc vàng, mắt hơi vàng là vì Tỳ thổ bị Can mộc khắc. Tiếng nói đứt hơi, nói nhiều mệt là do Phế kim bị Can mộc phản vũ. Hơi thở ra nóng, cổ khô là Can Đởm hoá chứng, đại tiện táo, tiểu vàng đều là nội tạng thiên về nhiệt. Mạch Trầm là mạch uất vì sách ghi: “*Chư uất mạch giai Trầm*” (mọi chứng uất mạch đều Trầm). Ở đây là Can khí uất kết (nghịch), Huyền là mạch của Can Đởm. Trường hợp này bệnh nhiệt mà mạch lại không Sác mà Hoãn, có lẽ vì thấp tà trở trệ.

Cách trị: Phải bổ huyết, bình Can, lợi Đởm, thanh nhiệt, phù Thận, dưỡng âm, thanh Phế, nhuận táo. Còn chứng phong thấp, tôi nghĩ nên xử lý sau.

Cho dùng bài ‘Tiểu sài hồ thang gia vị’: *Huyền sâm 20g, Cúc hoa 12g, Hoàng cầm 10g, Tử uyển 12g, Sài hồ 8g, Bạch thược 16g, Bán hạ 12g, Sinh khương 6g, Mạn kinh 10g, Đại táo 12g, Cam thảo 4g.* (Đây là bài Tiểu sài hồ thang bổ Nhân sâm, thêm Huyền sâm, Bạch thược, Mạn kinh, Cúc hoa, Tử uyển).

Uống 4 thang, mạch còn Trầm, Huyền, Hoãn nhưng cảm thấy dễ chịu hơn, sức nóng trong người bớt ít, hết buồn nôn, còn tức tuyến mang tai, nhức đầu, hoa mắt, mỗi buổi chân tay, ăn tiến bộ hơn, ngủ còn kém, đại tiện còn táo, tiểu vàng. Tôi nghĩ cần tăng cường thuốc bổ âm, dùng thang trên, thêm Sinh địa 16g. Uống 20 thang thì mạch Hoãn, đổi Huyền, chuyển sang mạch Hoãn, hành

kinh không ho ra máu, kinh ra được nhiều huyết hờn, huyết cục đen. Đau đầu còn ít ở phía phải, mắt bên phải còn hơi nóng, lợm giọng còn ít, ăn ngủ thường, đại tiện còn táo, tiểu tiện thường, tức tuyến mang tai còn ít. Dùng thang trên, thêm Đại phúc bì 12g để chữa nặng mặt. Uống 15 thang thì mạch Hoãn, khi hành kinh không nôn và ho ra máu nữa, khỏi hẳn chứng tức tuyến mang tai, còn hơi nặng mặt phía bên phải và hơi nhức đầu phía phải, ăn ngủ bình thường, đại tiện còn hơi táo, tiểu vàng, da đỡ ửng vàng. Tôi nghĩ nên thêm Tần giao để chữa phong thấp. Uống 38 thang thì mạch Hoãn, các chứng khỏi hẳn, còn hơi chóng mặt. Tôi chuyển sang chữa bệnh phong thấp bằng bài ‘Dưỡng huyết khu phong gia giảm’: *Huyền sâm 20g, Tần giao 12g, Xuyên quy 10g, Sinh địa 20g, Ý dĩ 20g, Cúc hoa 10g, Xuyên khung 8g, Bạch thược 16g, Độc hoạt 12g, Mạn kinh 10g, và 500g ‘Hổ tiềm hoàn’ (chế phẩm sẵn) để bổ gân xương. Sau đó khỏi hẳn.*

143- ĐẢO KINH

(Trích trong ‘*Thái âm thần châm cứu*’ của Lưu Khiết Thanh, Trung quốc).

Lưu, nữ, 29 tuổi. Bị *chảy máu mũi* vài lần, theo một chu kỳ nhất định, quá kỳ kinh mà không thấy kèm theo đầu choáng váng, bụng trướng, ăn ít ... mạch Huyền Sác, lưỡi đỏ.

Chẩn đoán: Can Vị nhiệt, huyết nhiệt vọng hành.

Điều trị: Thanh nhiệt, giáng nghịch, dẫn huyết đi xuống.

Châm *Trung quản*, *Khí hải*, *Hợp cốc* đều 0,5 thốn, đều bình bổ bình tả, Châm tả *Thái xung* 0,3 thốn, *Tam âm giao* 0,5 thốn. Lưu kim 5 phút. Sau khi châm lần này, ngay hôm đó, thấy kinh nguyệt máu mũi không chảy nữa. Cho châm thêm để duy trì kết quả.

144- ĐẢO KINH

(Trích trong 'Thái âm thân châm cứu' của Lưu Khiết Thanh, Trung Quốc).

Lưu, nữ, 20 tuổi. Trước khi có kinh, thấy tinh thần không thoải mái, lượng kinh rất ít. Sáng hôm sau liền bị *chảy máu mũi, cứ chảy ra theo chu kỳ ngắn* kèm theo đầu choáng váng, mắt hoa, hai bên hông sườn bị trướng mãn, bụng dưới đau, mạch Huyền, bộ quan bên trái (mạch của Can) rõ nhất, râu lưỡi vàng trắng.

Chẩn đoán: Can uất, khí nghịch, huyết theo khí tràn lên.

Điều trị: Bình Can, giáng nghịch, điều hoà khí huyết.

Châm tả *Phong trì, Thượng tinh, Kỳ môn, Thái xung* đều 0, 3 thốn, bình bổ bình tả, *Túc tam lý, Dương lăng tuyền*, đều 0, 5 thốn, trước tả, sau bổ.

Khám lần 2: Máu mũi đã dứt, hành kinh như thường.

145- KINH NGUYỆT BẾ (KINH BẾ)

(Trích trong 'Tổ phôi y án' của Trịnh Trọng Quang, Trung quốc).

Con gái thầy giáo họ Nguyễn, năm đó 17 tuổi, vốn có chứng tiêu chảy do Tỳ hư. Do buồn về việc đứa con chết sớm vì vậy kinh nguyệt bế luôn đã gần nửa năm nay, bụng đau, sờ vào thấy có cục, lại sốt và ho, sau đó bụng trướng lên rồi tiêu chảy. Rõ ràng là chứng hư lao bắt đầu phát hiện.

Sách ‘Nội kinh’ ghi: “*Nhị dương chi bệnh phát tại Tâm Tỳ hữu bất đắc uẩn khúc, nữ tử bất nguyệt, kỳ truyền vi phong tiêu, vi tức phần giả tử bất trị*” (Bệnh ở Vị (nhị dương – Dương minh) phát ra (biểu hiện) ở tạng Tâm và Tỳ, kèm thêm nổi u uất, làm cho phụ nữ không thấy kinh, dẫn đến hao gầy, suyễn, sẽ chết, không thể trị được. Nhưng cũng may là trường hợp này mạch Tế, Hoãn, không Sáp lại cũng không Sác, chứng tỏ chân âm chưa lấy gì làm hư lấm, mà đang còn bệnh Tỳ hư, vì thế, thiết nghĩ là còn có thể trị được. Tuy vậy, nếu không kiên tâm uống thuốc cỡ 100 thang thì cũng khó lòng có kết quả như mong muốn.

Lúc đó có nhiều thầy thuốc ở thành thị chủ trương, nên dùng thuốc công kích để cho thông kinh. Tôi cản ngăn và nói: “Huyết sinh ra là do ở Tâm và Tỳ, nay Tâm Tỳ đều bệnh tức là nguồn gốc của huyết đã bị hư thì dù có công trục không những vô ích mà còn thương tổn đến chân âm là khác”. Tôi liền dùng *Bạch truật, Bạch linh, Cam thảo, Đan sâm, Dương quy (sao đất), Trần bì, Miết giáp, Sa sâm, Hương phụ* thì quả nhiên bớt sốt, ho cũng như ỉa cũng bớt, duy chỉ có chứng trướng chưa bớt, kinh nguyệt chưa thông mà thôi.

Về chứng trong bụng có cục, tôi nghĩ là huyết tích, bèn dùng cổ phương ‘Vạn ứng hoàn’, dùng *Can tất* (sao cho hết khói vàng, nghiền thành bột mịn), dùng *Thục địa* và *Ngưu tất* nấu cao quét rồi viên thành viên nhỏ. Mỗi ngày uống 30 viên, vào buổi sáng, lúc bụng đói, với nước cơm. Một tháng sau, kinh nguyệt đã thông, hạ xuống từng mảng huyết đỏ bầm rồi bụng xẹp dần. Sau đó, tôi dùng phương thuốc bổ

như lần trước để điều lý cho khỏi. Nếu trước kia không dùng thuốc để bồi bổ, cứ dùng liều những thuốc về loại công trục thì chắc chắn thất bại.

146- KINH NGUYỆT BẾ (BẾ KINH)

(Trích trong 'Tứ Siêu y thoại' của Nguyễn Tử Siêu, Việt Nam).

Nguyễn Thị Phi L..., 16 tuổi, học sinh, mẹ mất sớm, ở với bố. Năm đó, bắt đầu thấy kinh. Vì là lần đầu thấy huyết ra, không biết đó là hành kinh, rất hoảng sợ, vào buồng tắm cặm cùi rửa... Rồi cứ lúc nào thấy huyết ra là lại rửa mất tới 20 - 30 phút. Kinh ra tới 4 ngày mới sạch cũng rửa cả 4 ngày. Cứ cặm cùi một mình, vừa lo lắng, lại chẳng dám hé răng với ai. Sau khi kinh sạch vài ngày, thấy tinh thần mỗi mệt, sợ lạnh, da thường nổi gai ốc, eo lưng đau nhức, các khớp chân tay rã rời, hoa mắt, chóng mặt, húng hắng ho luôn, ăn uống sút kém. Nhân có bạn của bố là bác sĩ, ông liền đưa cô đến khám bệnh. Bác sĩ đoán là bệnh phổi, vừa dùng thuốc tiêm, thuốc uống gần một năm, bệnh tình lại ngày càng nặng. Khi tôi tới khám thấy thân thể gầy còm, sắc mặt xanh nhạt, tinh thần hoảng hốt, tiếng nói nhỏ yếu, râu lưỡi trơn trắng, cả 6 bộ mạch đều Tế Nhược và Sắc. Hỏi đến kinh nguyệt thì thẹn ngoảnh mặt đi không dám nói. Tôi liền nhờ bà thím (vẫn săn sóc cho L) hỏi hộ và dặn phải hỏi rất cẩn kẽ, tỉ mỉ. Kết quả được bà già thuật lại tình hình khi mới hành kinh như vừa nói ở trên, và lại nói thêm là *đã hơn 14 tháng rồi cháu không hành kinh nữa*. Sau khi nghe bà già nói, tôi liền kết hợp

vọng, vắn, vắn, thiết (tứ chẩn) lại, đoán là hàn tà lọt vào huyết thất. Vì hàn tà làm ứ trệ ở huyết hải, khiến cho hai mạch Xung và Nhâm mất sự giao lưu, gây ra kinh bế. Vì kinh bế nên mới ảnh hưởng đến Tỳ Vị, gây ra các chứng trạng như trên, chứ không phải là bệnh phổi.

Điều trị: Dùng ôn kinh, kiện Tỳ, hành khí, bổ huyết làm chính. Tôi liền châm các huyết *Phế du, Tỳ du, Thận du, Quan nguyên, Huyết hải, Tam âm giao*. Lưu kim 20 phút. Sau khi châm xong thì cứu. Hôm sau tinh thần có vẻ khá hơn, ho cũng đỡ. Châm và cứu thêm các huyết *Cao hoang, Nội quan, Chí thất, Mệnh môn, Bào hoang, Trung cực, Tam âm giao*. Ngày thứ ba, mặt cô L đã có vẻ hồng hỏ. Từ hôm đó trở đi lại bổ sung thêm mấy huyết như *Hoang du, Trung chủ, Quy lai, Khí hải, Can du, Đái mạch...* cùng với các huyết trên thay đổi mà châm cứu. Tới ngày thứ chín, bệnh tình đã giảm được 60 – 70%. Tôi cho uống thêm 2 thang ‘Quy tỳ’ (*Nhân sâm 12g, Hoàng kỳ 12g, Phục thần 12g, Long nhãn nhục 8g, Chích thảo 2g, Viên chí 4g, Táo đỏ 3g, Bạch truật 12g, Toan táo nhân 12g, Mộc hương 2g, Dương quy 8g, Gừng sống 3 lát, sắc uống*) và 2 thang ‘Bát trâm’ (‘Tứ vật’ + ‘Tứ quân’ = *Đương quy, Thục địa, Thược dược, Xuyên khung + Bạch truật, Nhân sâm, Phục linh, Cam thảo*). Vừa châm cứu vừa uống thuốc xen kẽ 2 bài trên, tới 16 ngày, các chứng trạng hoàn toàn khỏi hẳn, ăn ngon, ngủ được, tinh thần sảng khoái.

147- KINH NGUYỆT BẾ (BẾ KINH)

(Trích trong 'Tục kiến châu lục' của Cát Ích Nam Nhai, Nhật Bản).

Con gái nhà buôn thuyền ở Nhiếp Châu, 18 tuổi, bị chứng đại tiện bón đã lâu năm, gần đây lại bị tắt kinh tới 3 tháng. Cha mẹ cô nghi là cô tư tình với trai, cô ta không chịu, đến nhờ thầy khác xem cho, thầy này không chẩn đoán ra bệnh gì, liền nhờ Cát Ích Nam Nhai chẩn bệnh. Cọ lấy tay ấn vào bụng, thấy dưới rốn có một hòn cục nhỏ, chạm vào thì đau. Cọ chẩn đoán là chứng *Súc huyết*, không phải là có thai.

Cho dùng 'Đại hoàng mẫu đơn bì thang' (Đại hoàng, Đông qua tử, Mẫu đơn bì, Mang tiêu). Uống hết 3 thang, tiêu được hơn mười lần, phân ra lẫn máu đen, rồi sau hòn khối đó nhỏ đi một nửa. Lại cho uống kèm với 'Đương Quy thược dược tán' (Bạch truật, Đương quy, Phục linh, Thược dược, Trạch tả, Xuyên khung). Không bao lâu sau, kinh nguyệt đều mà đại tiện cũng đi được hàng ngày.

148- KINH NGUYỆT BẾ (Bế Kinh)

(Trích trong 'Tứ Siêu y thoại' của Nguyễn Tử Siêu, Việt Nam).

Trần Thị Lăng 32 tuổi, thường bị kinh nguyệt không đều. Hôm đó bị đau bụng kịch liệt, mời tôi đến chữa, hỏi thì đã hơn 40 ngày chưa hành kinh. Đau xoắn ở bụng dưới, dùng tay xoa bóp mạnh thì dễ chịu. Tôi đoán là bệnh thuộc *hư hàn*. Vì gặp lúc tôi vội có việc gấp, không kịp chẩn mạch, liền kê ngay bài thuốc, dùng các vị: Nhục quế, Ô

dược, Dương quy, Bạch thực, Ngải diệp... cho uống. Hôm đó gặp tiết trời nóng nực, vì vậy, Nhục quế tôi chỉ dám dùng một nửa, nhưng 2 mắt lại thấy đỏ ngầu mà không đau nhức. Tôi nhận ra đó là do cái tính tân (cay), nhiệt (nóng) của Nhục quế làm cho nhiệt uất ở thượng tiêu mà sinh ra. Nhưng chứng đau bụng đã bớt được một nửa tức là thuốc đã trúng bệnh. Vì vậy, tôi vẫn giữ bài cũ, thêm Hoàng cầm (tắm rượu sao) để làm mát dịu cái nhiệt ở thượng tiêu. Uống hết thang sau, bệnh đau bụng khỏi mà chứng mắt đỏ cũng khỏi.

Chữa xong bệnh của chị Lăng, tôi hồi tưởng lại rằng nếu khi tôi thấy phát sinh chứng mắt đỏ, mà vội vàng thay bài thuốc khác, thì chưa biết nó sẽ biến chứng ra sao?

Thế mới biết dụng dược cần phải linh hoạt và có bản lĩnh mới được.

149- KINH BẾ

(Trích trong ‘Thái ất thân châm cứu’ của Lưu Thanh Khiết, Trung quốc).

Cô Hình..., 22 tuổi. Đã hơn 4 -5 tháng mà chưa có kinh, kèm theo đầu đau, choáng váng, lưng đau, không thèm ăn, huyết trắng chảy dầm dề không dứt, lượng nhiều mà loãng, 2 chân đau buốt, mềm nhũn, mệt mỏi, tiêu chảy. Đã uống hơn mười mấy thang thuốc mà vẫn chưa bớt, đến xin châm cứu. Mạch Tế, Nhược.

Chẩn đoán: Khí huyết hư tổn, Tỳ và Thận đều hư.

Điều trị: Kiện Tỳ, bổ Thận, ích khí, dưỡng huyết.

Châm bổ *Quan nguyên*, *Khí hải*, *Trung quản*, *Túc tam lý* đều 0, 5 thốn, *Huyết hải* 1 thốn, bình bổ bình tả, châm *Tam âm giao* 0,5 thốn, trước tả sau bổ, *Thận du*, *Tỳ du* đều 0,3 thốn, châm bổ tả *Uỷ trung* 0, 8 thốn, bổ *Chương môn* 0,3 thốn. Lưu kim 20 phút. Sau khi châm, đều cứu 3 tráng.

Sau lần châm trước, lưng bớt đau, ăn khá hơn, kinh nguyệt vẫn chưa đến. Châm theo đơn cũ. Sau 4 lần châm, các chứng đều giảm rất nhiều, ăn nhiều hơn, tinh thần phấn chấn, hết huyết trắng và tiêu chảy nhưng kinh nguyệt chưa đến. Châm theo đơn cũ, gia giảm: bổ *Hợp cốc*, *Tam âm giao* đều 0,8 thốn, tả *Khúc tuyền* 1 thốn, tả *Chí âm* 0,2 thốn, tả *Can du*, *Thái xung* đều 0,2 thốn, tả *Dương lăng tuyền* 0,5 thốn. Lưu kim 5 phút.

Khám lại: Kinh nguyệt vẫn chưa đến, bụng bớt đau. Châm theo đơn cũ, gia giảm: Bổ *Hợp cốc*, *Quan nguyên*, *Tam âm giao* đều 0,5 thốn, cứu 3 tráng, châm *Túc tam lý*, *Thừa sơn* đều 0,5 thốn, trước tả, sau bổ, tả *Địa cơ* 1 thốn, tả *Chí âm* 0,2 thốn. Lưu kim 20 phút.

Khám lại: Các chứng giảm hơn phân nửa, nhưng kinh nguyệt vẫn chưa thấy. Châm cứu theo phương mới: bổ *Trung cực*, *Khí hải*, đều 0,5 thốn, cứu 5 tráng, tả *Tử cung* 0,5 thốn, châm *Hợp cốc*, *Tam âm giao* đều 0, 8 thốn, trước tả sau bổ, tả *Nội đình* 0,2 thốn. Lưu kim 10 phút. Sau khi châm, đêm đó, thấy kinh nguyệt.

150- THỐNG KINH

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Bệnh nhân Vương, 26 tuổi, chưa chồng. Đau bụng xuất hiện trong suốt mỗi kỳ hành kinh đã 5 - 6 năm. Huyết kinh màu đen và đóng cục. Bệnh nhân có cảm giác nóng ở tay chân, nhức đầu, đau lưng, mệt mỏi và ăn kém.

Khám phụ khoa không thấy có gì khác thường. Bệnh nhân đã uống thuốc giảm đau nhưng không thấy hiệu quả. Chẩn đoán là thống kinh. Châm *Khí hải, Thiên khu, Túc tam lý*. Đau bụng giảm ngay. Châm 3 liệu trình bệnh khỏi, không thấy tái phát.

151- THỐNG KINH

(Trích trong sách 'Châm cứu lâm chứng thực nghiệm' của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Bệnh nhân Vương, 21 tuổi, chưa chồng, công nhân, nhập điều trị ngoại trú ngày 7/7/1967. Đau bụng sau khi hành kinh đã 3 năm, bệnh thường nặng hơn khi gặp lạnh và giảm đau khi gặp ấm.

Bệnh nhân đến xin điều trị vì cơn đau bụng cấp kéo dài liên tục đã 30 phút. Lượng kinh ít, sắc xám vàng, kéo dài 3 ngày, kèm theo đau bụng dưới. Thăm khám cho thấy thể trạng yếu, mạch Hư Tế, rêu lưỡi trắng mỏng. Khám phụ khoa không thấy biểu hiện gì bất thường. Chẩn đoán là thống kinh.

Dùng điều ngải cứu vùng đau ở bụng 10 phút, cảm giác đau hết hẳn.

Châm Khí hải, Thiên khu, Túc tam lý 2 - 3 ngày trước mỗi kỳ kinh trong 3 tháng, mỗi lần cứu 15 - 30 phút, cho đến khi hết kinh. Từ đó đau bụng kinh khỏi hẳn.

152- RONG KINH

(Trích trong 'Lý luận 32 bệnh án' của Lê Đức Thiệp, Việt Nam).

Nữ, 30 tuổi, kinh kỳ mỗi tháng kéo dài gần hết tháng, lúc đầu kinh màu đỏ, sau đó bầm đen, người mệt mỏi, cơ thể suy nhược, chóng mặt, hoa mắt, đầu đau nhiều, ăn ngủ kém, thỉnh thoảng bụng dưới đau. Da xanh mét, 2 mắt sâu trũng, 2 gò má cao, 2 bên má hóp vào, 2 vai gò lại, ngực lép xẹp, tiếng nói khàn yếu, thở mệt, 6 bộ mạch Trâm Vi, không có lực. Rong kinh kéo dài ngày mà mạch Trâm Vi vô lực, tức là huyết hàn, huyết bị lạnh mà nó chảy rỉ ra hoài tức là tử cung không có hoả khí, Tỳ Vị không có nhiệt để giữ máu lại.

Chẩn đoán là huyết bị hàn.

Phép chữa: Máu mất đi, phải rót vào để bù đắp, kinh mạch hàn, nếu ôn ấm thì nó ngưng lại ngay, không cần phải dùng đến thuốc cầm máu. Nếu cầm máu, máu có ngưng lại nhưng sẽ thành máu ứ đọng, ứ đọng đó rồi đi đâu? Máu ứ đọng lại thì yên trí là máu không ra nữa nhưng người vẫn không khoẻ. Nay dùng thuốc ôn kinh thì người khoẻ mà sau này kinh nguyệt sẽ đều. Tỳ Vị hư hàn không giữ được huyết, Thận hư hàn, huyết không về ổ, do đó đưa đến chứng rong kinh, loạn huyết. Cách điều trị: phải gây ôn

ấm. Không cần dùng đến các loại thuốc vít lại như Bồ hoàng sao đen, Kinh giới sao đen... Nếu không căn cứ vào mạch mà nhận định cho tinh để trị như trên, lại nhận định vội vàng, sơ sài, rồi cho rằng bệnh này là huyết nhiệt và dùng lương huyết thì chẳng những không khỏi mà còn có thể nguy hiểm. Cho dùng: *Hương phụ 20g, Hắc khương 12g, A giao (sao) 12g, Bạch truật 12g, Đương quy 8g, Lá Ngải cứu 12g.* Sắc uống 3 thang/ tuần. Uống xong, kinh tạm ngưng, bệnh tiến triển tốt. Cho uống tiếp 4 thang/ tuần, trong 5 tuần, bệnh khỏi hẳn.

Đương quy hoà huyết, sinh huyết và bổ huyết. Bạch truật bổ Tỳ, giúp mạnh Tỳ, đòi ăn. Hắc khương, ôn ấm, dẫn vào Thận, hợp với Xuyên quy, biến Xuyên quy thành chất ôn ấm dẫn vào tử cung. Hắc khương đi với Bạch truật, biến Truật thành chất ôn ấm dẫn vào Tỳ Vị. A giao bồi dưỡng Tỳ, Phế khí cho đỡ mệt, và có chất keo để gắn vết thương nứt rạn ở tử cung cùng các tế bào khác. Ngải cứu ôn kinh, chỉ huyết, phá hàn khí ở Can, ấm Tỳ Vị, Hương phụ để bình Can, giải uất; Can chủ huyết nhưng can khí uất kết cũng làm cho huyết có bệnh. Bình giải can uất cũng có phần nào giải toả cái tư lự cho người thiếu nữ trẻ mà vẫn gổi chiếc chần đơn. Loại thuốc này tuy để trị bệnh, nhưng khi bệnh đã hết thì người cũng khoẻ.

153- RONG KINH LOẠN HUYẾT

(Trích trong 'Lý luận 32 bệnh án' của Lê Đức Thiếp, Việt Nam).

Nữ, 22 tuổi ..., bị rong kinh kéo dài 4 - 5 năm nay, uống thuốc Tây có đỡ rồi bị lại, đã nằm bệnh viện phải truyền máu mới đỡ, về nhà lại rong kinh trở lại, thường kỳ kinh kéo dài 20 ngày, có khi gần hết tháng, người mệt mỏi, máu ra không đau bụng, màu kinh đỏ tươi, có khi ra sặc đen. Tháng này kinh ra 27 ngày, thường bị hâm hấp sốt. Sắc mặt nhợt nhạt, 2 mi mắt dưới phía trong trắng nhạt, 2 quầng mắt thâm đen, 2 môi nhạt, phía trong môi dưới nhạt như không có máu. Mạch tay trái Xúc, bộ xích và thốn 2 đầu đi nhỏ, chìm xuống mà bộ quan ở giữa cứ đẩy cao lên mạnh, tay phải phù án Hư, trầm án Huyền.

Chẩn đoán: *Rong kinh, loạn huyết.*

Điều trị: Kinh huyết rỉ rả chảy ra kéo dài 4 -5 năm, thời gian quá lâu. Lâu thì phải vít lại (cứu giả khả cố), mất máu nhiều, phải bù trả (tổn giả ích chi).

Cho dùng : *Sài hồ 16g, Sinh địa 16g, Hoàng cầm 16g, Cam thảo 2g.* Sắc uống 3 thang / tuần. Kinh đỡ ra ngay, mạch cả hai tay quân bình, có lực. Dùng đơn trên, uống tiếp 3 ngày nữa. Kinh hết ra, ăn được nhưng hôm qua bị cảm và huyết trắng ra nhiều. Uống như đơn cũ, thêm *Hắc khương 8g*, uống 3 thang/ tuần.

Mạch và bệnh bình thường, người khoẻ. Cho uống tiếp đơn trên, 4 thang /tuần. Sau đó thêm *Đương quy 12g, Tục đoạn 8g.* Uống 4 thang /tuần. Gặp ngày hành kinh , dùng đơn cũ, bỏ *Hắc khương*, uống 4 thang/tuần. Kinh hành đến 12 ngày, ăn ngủ thường, mạch tay trái Trầm Huyền, tay phải nhỏ. Cho dùng: *A giao (sao chín) 20g, Hương phụ 8g, Hắc khương 12g.*

Sắc uống 4 thang/ tuần.

Kinh vẫn ra rỉ rỉ, 19 ngày chưa ngừng, mạch tay phải Hoạt Sác, tay trái Huyền Sác. Dùng thuốc như lần đầu, thêm *Bạch thược 12g*. Uống 4 thang/tuần.

Đợt thuốc này làm kinh hết, thấy dễ chịu. Cho dùng đơn cũ, thêm *Địa cốt bì 12g, Thăng ma 8g*, uống 4 thang/ tuần.

Người bệnh hết kinh, khoẻ, vui vẻ, sắc mặt tươi hồng, xin xuất viện, 6 bộ mạch đều mạnh, tốt. Cho dùng : *Sài hồ 16g, Bạch thược 10g, Sinh địa 16g, Địa cốt bì 12g, Hoàng cầm 16g, Cam thảo 4g*. Cho xuất viện.

Có điểm cần lưu ý : Giai đoạn người bệnh ngưng kinh tới 36 ngày, thời gian đó vui khoẻ, nhưng sao sắc mặt vẫn tái nhạt, tôi cho là do dùng thuốc lương huyết nhiều quá (Sinh địa + Hoàng cầm), vì vậy tôi cho thêm ít thuốc ôn bổ (Đương quy, Hắc khương) cho da dẻ hồng lên, nhưng không công hiệu. Sau đó, có kinh lại kéo dài 19 ngày chưa cầm, tôi cho là hư hàn, đã dùng thuốc để cầm lại (A giao, Hắc khương, Hương phụ) cũng không ngừng. Thế là chỗ dùng thuốc này tôi hãy còn dốt. Tôi lại trở lại phép sơ Can, lương huyết như cũ nhưng có thêm Bạch thược, uống vào lại khỏi ngay, khỏi ngay mà da dẻ, sắc mặt đỏ hồng. Nếu trước sau cứ dùng cách sơ Can, lương huyết (nhưng phải có *Bạch thược*) có lẽ người bệnh mau khỏi hơn mà lại điều hoà được kinh nguyệt nữa.

154- RONG KINH LOẠN HUYẾT

(Trích trong 'Lý luận 32 bệnh án' của Lê Đức Thiếp, Việt Nam).

Nữ, 23 tuổi. Kinh hành 8 – 9 ngày hết, 8 – 9 ngày lại có, khi có, kéo dài cả tháng, hết vài ngày lại có. Kinh ra nhiều, cả huyết cục, huyết trắng cũng nhiều. Khi ra kinh, nếu gặp lúc đi tiểu còn tiểu ra kinh rất nhiều, lưng đau, chân lạnh, gối mỏi, cột sống cổ đau, mồ hôi ra nhiều, bụng đau, chóng mặt, hàm răng nhức, ngực nóng, ăn kém, táo bón, ngủ chập chờn. Sắc mặt trắng bệch, nhiều mụn, lưỡi to dày, rêu lưỡi trắng nhạt, da xanh mét, hơi thở uể oải, tiếng nói ô ô, ăn uống cố gắng cũng không được bình thường, mạch bên trái Trâm Tiểu, Huyền Khẩn, mạch tay phải Trâm Tiểu và Hoạt Tiểu. Da xanh mét, lưỡi to dày, rêu lưỡi trắng nhạt là do dương khí của Tỳ Vị thiếu, hoặc Tỳ Vị hư hàn. Dương khí của Can Thận thiếu không điều khiển được máu cho đều, vì vậy, kinh hoặc bị trôi sụt, rong kinh kéo dài, chân gối lưng mỏi lạnh. Lúc đi tiểu, kinh cũng theo ra là do Thận (tử cung) với bàng quang có tương quan biểu lý, Thận đã hư hàn không giữ được huyết thì huyết chảy ra, yên tĩnh bất động thì huyết bớt chảy ra, nếu động vào nó, nó sẽ chảy ra nhiều, theo hướng đường tiểu (bàng quang) mà ra. Lưng và bụng đều đau về phía tay trái, phía bên trái thuộc huyết, huyết lạnh lại ra nhiều thì phía đó bị đau, đó là Can Thận hư hàn. Mạch tay phải thuộc Tỳ Vị, Mệnh môn, chủ về khí, nay mạch đi Trâm Tiểu, thì dương khí của các tạng đó suy, lại còn thêm Hoạt Tiểu, là thêm đờm thấp nữa. Mạch bên trái thuộc Can, Thận, chủ về huyết, nay mạch Trâm Tiểu thì dương khí của huyết suy giảm, nhất là nó lại Trâm Tiểu ở bộ xích thì

rõ ràng là huyết vừa cạn lại vừa lạnh. Mạch Huyền là khí huyết hao mòn, mạch Khẩn là nội hàn, tức là máu đã ra nhiều làm khí lực hao mòn, hao mòn mà lạnh thì làm máu bị hao mòn thêm, do đó, chẩn đoán là Tỳ Vị và Can Thận hư hàn. Cho dùng :

Đương quy 12g, Xuyên khung 12g, Hắc khương 12g, Đại hồi 10g. Sắc uống.

Đây là bài ‘Lý âm tiền’ (Quy, Thục, Khương, Thảo), bỏ vị Cam thảo, thay bằng Đại hồi, thêm Xuyên khung). Xuyên khung để khu động máu ở tử cung và toàn thân. Đương quy bổ huyết, hành huyết, Xuyên khung khu động mạch máu. Thục địa sinh nước màu cho tử cung. Hắc khương để ôn kinh mạch, dẫn chất Quy Thục vào tử cung để sinh huyết mà bù đắp số máu đã thất thoát, đồng thời giữ máu lại không cho rỉ ra. Đại hồi để ôn Tỳ khí và dẫn Quy, Thục vào Thận cho ôn Thận. Tuần đầu cho uống 5 thang kinh hết ra, bụng hết đau, chỉ còn có huyết trắng mạch đã hơi có lực. Tiếp đó, cho uống đơn trên, thêm Thục địa 10g. Uống 5 thang, người thấy vui tươi, mạch có lực, có gốc.

Uống 20 ngày, huyết cầm lại, người khoẻ, sắc mặt tươi hồng, lên được 1kg, khỏi bệnh. Định Ninh (Lê Đức Thiếp) tôi chữa nhiều bệnh rong kinh do huyết hư hàn, cứ cho uống bài ‘Lý âm tiền’ là khỏi”.

155- RONG HUYẾT BĂNG LẬU

(Trích trong ‘Thái ất thần châm cứu ‘ của Lưu Thanh Khiết, Trung quốc).

Bà Kim 47 tuổi. Sau khi có kinh, huyết cứ tiếp tục chảy ra dầm dề không dứt, đến nay đã hơn 1 tháng, kèm theo đầu đau, choáng váng, người lạnh, chân tay lạnh, bụng hơi đau, không muốn ăn uống, đại tiện loãng, mệt mỏi, lưỡi nhạt, rêu trắng mỏng, mạch Tế Nhược.

Chẩn đoán: Chứng Tỳ Thận hư.

Điều trị: Ôn bổ Tỳ Thận làm chính, kèm theo sơ phong, tán hàn.

Châm bổ Bá hội 0,3 thốn, Phong trì 0,2 thốn, Đầu duy 0,3 thốn, Thái dương 0,3 thốn, tất cả đều châm bổ trước, tả sau. Cứu Khí hải, Quan nguyên, Tỳ du, Thận du, châm 0,3 thốn, châm xong rồi cứu, châm Túc tam lý, Tam âm giao đều 0,5 thốn, kèm cứu 3 tráng. Lưu kim 15 phút.

Hai ngày sau: Huyết chảy ra đã giảm, choáng váng đã giảm. Châm theo cách trên, thêm Huyết hải 0,5 thốn, bình bổ bình tả, cứu 3 tráng, lưu kim 20 phút.

Khám lần thứ ba: Các chứng đều khá nhiều. Châm theo đơn cũ thêm 4 lần nữa, bệnh khỏi hẳn.

156- CÓ THAI ÓI MỬA (ỒM NGHÉN, Ồ TRỞ)

(Trích trong 'Lý luận 32 bệnh án' của Lê Đức Thiệp, Việt Nam).

Nữ 37 tuổi... có thai 2 tháng nên nghén, ói mửa, suy nhược, lại bị cảm sốt. Trước đây bị sẩy thai, nạo thai, bị ra huyết liên tục, lại nạo thai lần thứ hai, ra huyết đến ngày 26 -9 -78 mới hết. Sắc mặt sáng hồng, môi đỏ, rìa lưỡi đỏ, giữa lưỡi rêu dày trắng, tiếng nói hơi thè, hơi thở mệt, mạch 2 tay đều Hoạt - Khẩn. Xét mạch xong cho dùng: *Hoắc hương (lá) 12g, Ô mai 1 quả, Trần bì 12g, Cát căn 10g, Tía tô (lá) 12g, Sinh khương 5 lát. Sắc uống 3 thang/tuần. Chứng ói mửa hết hẳn. Cho tiếp 3 thang, chứng ói mửa lại tăng. Dùng đơn cũ, thêm Hương phụ 8g, Sa nhân 8g. Cho uống 4 thang/ tuần. Uống thang này, sáng ăn vào không ói mà chiều ăn vào lại ói nhiều, mạch 2 tay Hoạt, Tiểu.*

Dùng: *Thăng ma 10g, Cát căn 12g, Hương phụ 10g, Ô mai 2 quả, Bạch thược 10g. Uống 4 thang/tuần. Kết quả mạch thai yên, 6 ngày không ói, tối hôm qua lại ói. Cho dùng đơn cũ, thêm Hoàng cầm 6g. Uống 4 thang /tuần. Kết quả khỏi hẳn, cho xuất viện.*

Xét mạch Hồng Hoạt, nhỏ, ói về chiều, môi dưới đỏ, sẫm, lưỡi đỏ, rêu dày trắng, có gai, đó là *Vị nhiệt, huyết nhiệt, có thêm ít ngoại cảm, vì vậy uống 'Thăng ma cát căn thang' là khỏi ngay. Thế mà mấy thang đầu, Định Ninh tôi hấp tấp cho uống mấy phương thang quen dùng để ôn vị như Hoắc hương, Tô điệp... quả là lầm, làm cho bệnh chậm*

khỏi. Thăng ma thanh nhiệt ở vị, Cát căn giải nhiệt ở cơ biểu, Bạch thược dưỡng âm huyết, Hương phụ thông khí cho thai, Ô mai sát trùng, Sinh tân dịch, Hoàng cầm mát huyết, an thai. Chứng thai nghén ít khi gặp dùng phương này.

157- ĐANG HÀNH KINH, CẢM HO

(Trích trong ‘Cuộc đời và kinh nghiệm người thợ già trị bệnh’ của Lê Đức Thiếp, Việt Nam).

Nguyễn thị Khương, 32 tuổi, ở Hải Dương. Đang ngày hành kinh bị nóng sốt, nhức đầu, ho, nằm bệnh 2 ngày, chưa uống thuốc gì, mạch Phù Hồng.

Xem bệnh xong, tôi nhớ lời ghi trong sách ‘Y học nhập môn’ rằng : "Phụ nữ đang khi hành kinh mà có ngoại cảm trào nhiệt thì cần nhất là dùng để nhiệt nhập huyết thất". Tôi liền cho dùng: Xuyên khung 12g, Sài hồ 12g, Xuyên quy 12g, Hoàng cầm (sao vàng) 12g, Bạch thược 12g, Sa sâm 12g, Sinh địa 12g, Cát cánh 8g, Trần bì 8g, Bán hạ 8g, Cam thảo 4g.

(Đây là bài ‘Tứ vật + ‘Tiểu sài hồ’ thêm Trần bì, Cát cánh). Uống hết một thang, sáng hôm sau bệnh khỏi được 6/10, cho uống tiếp hai thang nữa, khỏi hoàn toàn.

158- CÓ THAI TAY CHÂN ĐAU NHỨC

(Y án của Nghiêm Kế Xuân, Trích trong ‘Toàn quốc danh y nghiệm án’, Trung quốc).

Từ... 31 tuổi. Có thai 5 tháng. Lúc đó vào giữa mùa hè, đầu tiên thấy *tay chân tê bại rồi đau nhức dữ dội*. Khám chuyên khoa, sợ tổn thương đến thai liền dùng ‘*Tứ vật thang gia giảm*’ để an thai. Uống 4 thang không bớt, đến nhờ tôi chẩn trị.

Khám thấy bụng nóng, miệng khô, tay chân đau, không co duỗi được, tiểu ít, tiểu vật. Mạch 2 bộ xích Huyền, Hoạt, hữu quan Hồng, Sác, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng. Chẩn đoán là *phục nhiệt, nhiệt tà xâm nhập và nấp vào kinh lạc*.

Phép trị: Phải thanh và làm cho nhiệt phục ở kinh lạc được thông để trừ nhức, hết đau nhức thì thai tự yên.

Dùng: *Tiên trúc nhự 12g, Tri mẫu 12g, Bạch vi 6g, Sơn chi 12g, Hoàng cầm 6g, Cọng sen tươi 50cm, Đại đậu quyển 8g, Tang diệp 8g*. Trước hết, lấy 40g xơ Mướp và 40g cành Dâu non, nấu lấy nước mà sắc thuốc.

Uống 2 thang, hết đau, thai yên ổn, không cần dùng thuốc gì khác mà khỏi hẳn.

Phục nhiệt nấp vào lạc, phát bệnh ra chân tay. Ta lập cách tuyên thông, mà đã thông thì hết đau nhức. Chỉ 2 thang mà khỏi. Đúng vậy.

159- CỐ THAI BỊ KINH GIẢN

(*Y án của Nghiêm Kế Xuân. Trích trong ‘Toàn quốc danh y nghiệm án’, Trung quốc*).

Trần... 34 tuổi, có thai 7 tháng. Trong bụng vốn có phục nhiệt, thỉnh thoảng gây ra chứng tâm phiền không

chịu thuốc thang. Bỗng nhiên bất hoà với chồng, gào khóc nửa ngày, lửa giận xông lên, gây ra chứng giãn quyết. Lúc đầu nói mê không dứt, 2 tay kinh giật, mắt trợn ngược, bất tỉnh nhân sự. Sau khoảng nửa giờ, ói ra nước miếng, người tỉnh lại.

Một lúc sau thì *chân tay co giật, lên cơn hôn mê*, hỏi không nói năng gì được. *Mạch 6 bộ Huyền, Hồng, có lực. Chất lưỡi đỏ tím.* Ông Trần Lương Phủ nói đó là chứng *tử giản* (có thai bị kinh giật), do Can, Tâm nhiệt thịnh động phong, khí bốc lên, đờm cũng bốc theo lên kích thích làm cân não không còn tri giác vận động. Đó là chứng *giản* mà lại có cả chứng quyết. Xét mạch và chứng như vậy có nguy cơ sẩy thai, vì vậy phải cấp cứu tính mạng người mẹ trước.

Phép trị: Phải tả mạnh ngay hoả ở Tâm, Can, vì vậy, lấy Liên Cầm Thược Đởm làm chính, nhưng hoả thường mượn cái uy của phong mà phong thì lại giúp cho thế của hoả, do đó, phải lấy Linh, Ma, Tang, Cúc làm thần để dập tắt được hoả, bình được phong thì cân não tự an, chứng giãn quyết chấm dứt. Ngoài ra, lấy Mã bửu, Tây hoàng, tuy khác loài nhưng có tài khai đờm, thanh thần làm tá, lấy Trúc nhự thanh can lạc để thư cân, làm sứ.

Cho dùng: Xuyên liên 4g, Bạch thược (sống) 20g, Thanh tử cầm 12g, Long đởm thảo (sao nước muối) 4g, Đông tang diệp 8g, Đạm trúc nhự 12g. Trước hết, sắc 3,2g Linh dương giác để uống với 0,4g Chân Mã bửu, Tây Ngưu hoàng 0,4. Sau đó mới uống nước sắc thang thuốc theo xử phương trên.

Sau khi uống Linh giác phiến với Chân Mã bửu và Tây ngưi hoàng thì tỉnh, hết mê, kinh giản bớt tới một nửa. Kế tiếp uống 2 nước thuốc, thấy trong thai vẫn còn nhiệt tà thượng xung, có lúc muốn xoay xảm.

Chẩn thấy mạch ở thốn lớn hơn ở quan, ở quan lớn hơn ở xích, còn 3 bộ là *Huyền Sác*. Như vậy là Can phong chưa tắt mà còn hợp với đờm hoả, thai nhiệt xông lên, đó là chứng trạng mà sách sản khoa gọi là tử huyền. Tôi quyết định vẫn dùng phương pháp tiềm, trấn, thanh, tức để tiềm Can dương, để dẹp phong. Phong yên thì hoả giáng, đờm bình. Đờm bình thì các chứng sẽ trừ được thôi.

Phương 2 dùng: *Thạch quyết minh (để sống, giã nát) 32g, Hoàng liên (sao nước muối) 2,8g, Phục thần 16g, Mộc qua 4g, Minh thiên ma 6g, Tang diệp 12g, Bạch trì cúc 8g. Sắc uống. Khám lại thấy chứng chóng mặt, xoay xảm bớt rất nhiều. Thai xông lên tâm còn không đáng kể, chỉ còn thấy trong bụng nóng nẩy, thai chưa yên, đại tiện bí, tiểu tiện khó, may mà mạch *Huyền* đã chuyển thành *Nhu*, *Sác* đổi thành *Hoãn*, chất lưỡi dơ đã nhuận ớt, gợn lớp rêu mỏng. Đó là dấu hiệu Can hoả đã bình, nhưng phục nhiệt chưa được thanh giải.*

Tôi liền dùng phép thanh giải phục nhiệt để an thai: *Ty qua lạc 2g, Hoàng cầm 6g, Bạch thược (sống) 2g, Bạch vi 12g, Cam thảo (sống) 2g, Tri mẫu 12g, Đạm trúc nhự 12g, Tang diệp 8g. Trước hết, dùng Đạm hải giới 160g, Đại địa lật 4 trái. Nấu lấy nước, sắc thuốc trên. Uống một thang thì thai động dần dần được yên, 2 thang thì đại tiện ra*

nước đỏ như son. Tiểu được nhưng còn nóng. Mạch hai bộ xích Hoạt, báo hiệu thai chưa hư.

Cho dùng phương dưỡng vị âm làm chính, hợp với các vị thuốc thanh nhiệt.

Phương 4: *Tiên thạch hộc 12g, Đông tang diệp 8g, Nguyên mạch đông 6g, Bắc sa sâm 12g, Bạch thược (sống) 12g, Đạm trúc nhự 8g, Thanh bì Cam giá 4 lóng, Nhân lê nhục 40g.*

(Thanh bì cam giá = Mía tươi vỏ xanh, cắt từng đoạn ngắn).

Uống liên tiếp 4 thang, ăn uống khá dần dần, tinh thần hồi phục rồi khỏi bệnh.

Có thai mà bị nhiệt bệnh giản quyết thì rất nặng, so với chứng kinh giản do phong. Dùng ‘Long đởm tả can thang’ hợp với ‘Hoàng liên tả tâm thang gia vị’, từng được người xưa là Bạch Tiến Ngu dùng có kết quả. Cái hay là ở chỗ dùng thang ‘Linh dương giác’ uống với Mã bửu và Tây hoàng (Ngưu hoàng), có mạnh hơn phương của họ Lục. Nhưng theo kinh nghiệm của tôi, Mã bửu tuy là thuốc đặc hiệu trị tử giản, uống rồi thường hết ngay chứng kinh giản, nhưng 2 - 3 hoặc 4 - 5 ngày sau thì xảy thai. Trong y án này, may là thai vẫn được an toàn, chắc là do cơ thể của thai phụ vốn (bẩm sinh) khoẻ mạnh chăng?.

160- CÓ THAI BỊ NỘI NHIỆT - HƯ THAI

(*Y án của Nghiêm Kế Xuân. Trích trong ‘Toàn quốc danh y nghiệm án’, Trung quốc*).

Trần, hơn 30 tuổi, vào giữa mùa hè, phát bệnh nội nhiệt. Cơ thể không nóng lắm. Đi khám thai ở khoa sản trong thành phố, được bổ huyết, an thai bằng bài ‘Tứ vật’, *bổ Xuyên khung, thêm Cầm, Truật, Tô ngạnh, Sa nhân, A giao, Đỗ trọng, Tục đoạn*. Qua một tuần, bệnh nặng lên, mời tôi tới chữa trị. Khám thấy mặt đỏ, răng khô, mắt lác, lưỡi đỏ, tinh thần hôn mê, miệng rất hôi, tay chân co quắp, bụng nóng như lò lửa, lưỡi lè ra ngoài miệng có đến vài phân (centi mét), đại tiện bí kết, tiểu tiện không bài tiết. Mạch 2 bộ quan đều Hồng Sác, ở bộ xích như không có mạch, lưỡi xanh tía mà khô, viền xung quanh lưỡi nổi gai đỏ như son.

Tôi chẩn đoán là *do phục nhiệt* đóng đô ở trong bụng, nung nấu bên trong, thương tổn đến thai, thai đã hư nát rồi. Muốn bảo tồn thai nhưng thai bị hỏng là do không biết thanh nhiệt phục ở trong đi, trái lại, còn trợ giúp cho nhiệt, nhiệt nung nấu lâu ngày làm thai bị hư nát vậy.

Phép trị: Phải hạ gấp, chứ nếu cứ muốn giữ thai lại mà thai đã không giữ được, thì tính mạng người mẹ cũng bị nguy hiểm, vì vậy, phải dùng cách xô thai ra.

Liên dùng bài ‘Điều vị thừa khí’ hợp với ‘Tê giác địa hoàng thang gia vị’: *Đại hoàng (sống) 16g, Đờn bì 12g, Tây thảo (sống) 4g, Hắc tê giác (mài uống) 02g, Sinh địa (sống) 32g, Xích thực (sống) 12g, Nguyên minh phấn (cho vào sau) 12g.*

Trước hết, dùng Hoài ngư tất 40g, Ích mẫu thảo 40g, Đẳng tâm 2 phân, nấu lấy nước sắc thuốc. Cho uống liền 4 thang. Thai xô ra, quả nhiên đã rữa và thối, sắc xanh, tím

tía. Thần khí người bệnh trở lại tỉnh táo, các chứng giảm nhiều, chứng nóng trong bụng có giảm đi, lưỡi đỏ mà xanh cũng bớt, mạch nhảy trở lại, tuy còn hơi Sác (nhạnh). Liền cho dùng phương pháp thông lạc, tiêu ứ để thanh nhiệt tà còn sót lại. Dùng *Ích mẫu thảo 20g, Hoạt thạch (phi, nghiền) 6g, Tô đan sâm 12g, Tinh tra nhục 12g, Đơn bì 12g, Rễ tranh tươi (bóc vỏ) 32g, Sinh địa (tươi) 1-2g, Chân tây phách 3,2g*. Sắc lên, khi bắc xuống mới cho Hoạt thạch vào.

Uống 3 thang, ứ được trục ra, bao tử bình phục, ăn được cháo ngày càng nhiều.

Dùng Ngô sen 160g, Hồng táo 4 trái, nấu uống thay nước trà.

Điều lý hơn 1 tuần thì khỏi bệnh.

161- DOẠ XẤY THAI

(Trích trong ‘Lý luận 32 bệnh án’ của Lê Đức Thiếp, Việt Nam).

Nữ, 33 tuổi..., tắt kinh gần một tháng, có triệu chứng *doạ xảy thai*, ra chất nhờn lẫn máu, lại đau tức bụng dưới, ói mửa, không ăn được, người rất mệt mỏi, mới lập gia đình được khoảng 3 năm, đã bị xảy 2 - 3 lần, vì vậy lần này rất sợ. Người mập mạp, nước da trắng bạc như có vẻ béo bệu, lưỡi to, dày, ướt, hay hoảng sợ. Tiếng nói thô, ói ra nước trắng nhờn, không khát nước, mạch Hoạt nhưng trong mạch có kèm Khẩn nhỏ.

Cách trị: Củng cố thai không cho nước rỉ ra và ôn bổ Tỳ khí cho cân bằng với huyết, cho ăn uống được điều hoà để nuôi dưỡng thai, đồng thời tiêu đờm nhớt, sát trùng, không cho quấy phá dạ dày, để hết ói mửa.

Cho uống: Trần bì 10g, Lá hoắc hương 12g, Sa nhân 12g, Ô mai 8g, Tô diệp 10g, Sinh khương 4g. Uống 3 thang/ tuần. Kế đó, dùng đơn cũ, thêm Bạch truật 8g, Tục đoạn 8g, uống 3 thang /tuần.

Vào tuần thứ 3: bỏ Tục đoạn, thêm Hoàng cầm 10g, Trắc bá diệp 10g, Mạch môn 10g, uống 4 thang /tuần.

Trong đợt 4, cho dùng Hoàng cầm 12g, Trần bì 6g, Bạch truật 12g, Trắc bá diệp 10g, Mạch môn 10g. Uống 3 thang /tuần.

Trong lần thứ 5: dùng đơn trên, thêm Đảng sâm 12g, Sa nhân 4g. Uống 4 thang /tuần.

Kế tiếp cho uống: Bạch truật 10g, Trắc bá diệp 12g, Đảng sâm 12g, Mạch môn 10g, Dương quy 10g, Hoàng cầm 8g.

Sau cùng, cho dùng: Bạch truật 10g, Tục đoạn 10g, Trần bì 10g, Mạch môn 10g, Dương quy 10g, Hương phụ 10g. Uống 3thang /tuần. Cho xuất viện.

Sau đó một thời gian chồng người bệnh đến báo cho biết vợ ông đã sinh được một cháu trai, mẹ tròn con vuông.

162- DOẠ XÃY THAI

(Trích trong ‘Lý luận 32 bệnh án’ của Lê Đức Thiếp, Việt Nam).

Nữ 34 tuổi, lấy chồng lần thứ hai, trong vòng 3 năm hư thai 4 lần (ở 3 lần trước, thai hơn 1 tháng, ở lần này, thai được 3 tháng). Người nhỏ, thấp, da xanh tái, tiếng nói nhỏ bé, mặt nhợt, uể oải. Ở tay phải, mạch đi Hoạt Sác; ở tay trái, mạch Huyền Trường.

Chẩn đoán: Sợ xảy thai quán tính (quen dạ xảy thai).

Ở tay phải, mạch Hoạt Sác tức là Hoạt mà có lực, đúng là có thai. Ở tay trái, mạch Huyền Trường, cũng cho thấy có sự tích kết thành thai, nhưng Huyền là hao mòn, hao mòn ở tay trái là hao mòn tinh huyết ở Can, Thận. Can Thận là nơi tàng trữ tinh huyết mà nó hao mòn tức là thấy rõ dọa xảy thai nhiều lần.

Trong phiếu khám của YHHĐ ghi :

Tuần hoàn: tim đập rõ, đều. Hô hấp: phổi thở bình thường.

Tiêu hoá: bụng mềm, gan lách không to. Tiết niệu: bình thường. Sinh dục: bình thường, có thai 2 tháng.

Như vậy các cơ quan bình thường, vậy chỉ cần bồi căn, cố bản, thống khí, an thai. Dùng: *A giao (sao phồng) 12g, Hương phụ 10g, Đỗ trọng 10g, Ngải cứu 10g, Tục đoạn 10g.* Uống 4 thang /tuần. Cảm thấy khá khoẻ, mạch tốt. Dùng đơn cũ, uống tiếp 8 thang /2 tuần.

Kế tiếp, dùng đơn cũ, thêm Hoàng cầm 4g. Uống 6 thang/tuần. Thai khoẻ, ăn ngủ bình thường.

Cho dùng thêm: *Ngải cứu 10g, Hương phụ 10g, Tục đoạn 12g, Hoàng cầm 12g, Xuyên khung 8g, Đại táo 8g, Đỗ trọng 12g.*

Cho xuất viện, thai được 100 ngày.

A giao để bổ hư, cố bản; Ngải cứu, Hương phụ thông khí; Đỗ trọng, Tục đoạn giữ vững cuống thai; Hoàng cầm làm mát âm huyết cho thai. Sáu vị này đủ lý lẽ để giữ cho thai được yên. Đến đủ tháng thì sinh.

163- ĐỂ KHÓ

(Trích trong 'Huyền tân phát vi' của Lê Hữu Trác, Việt Nam).

Cô gái, trước bị chứng thổ huyết, về đêm nóng nẩy, từ lúc có thai, ngày nào cũng uống bài Bát Vị (Hoài sơn, Mẫu đơn, Nhục quế, Phụ tử, Phục linh, Sơn thù, Thục địa, Trạch tả) thêm Ngũ vị tử và Ngưu tất. Đến khi đẻ, nước ối đã chảy vài ngày mà chưa đẻ được, 6 mạch Hồng Huyền mà hơi cứng. Đó là âm dương khô kiệt, không được lưu thông. Cho uống thuốc dưỡng huyết bổ khí, thôi sinh, mạch vẫn như cũ, chắc là chân âm, chân dương, chân khí thiếu quá, phải điều bổ khí huyết. Chỉ dùng Thục địa 120g, sắc đặc cho uống 3 lần, mạch mới Hồng, Hoãn mà Nhuyễn. Nhưng vài ngày thì tinh lực của cả mẹ và con đều kiệt, không nghe động chút nào, nghi là thai đã chết. Cho Nhân sâm 20g sắc đặc, dùng Nhục quế loại tốt tán nhỏ, hơn 4g, hoà vào cho uống. Sau đó bụng đau, thai tụt xuống được một ít, lại cho uống nữa, cũng thấy như thế. Liên cho uống luôn 3 - 4 thang mới đẻ được. Đứa bé khóc được vài tiếng nhưng không động đậy gì. Mọi người đều cho là khó sống. Dem em bé đặt xuống đất, chỗ có ánh nắng mặt trời chiếu vào thì bé hắt hơi, cất tiếng khóc mà sống (cũng ví như cái

gương lấp lánh ở trong nhà, nhờ được mặt trời phản chiếu đến, liền từ chỗ vô hình hoá ra hữu hình).

164- ĐỀ KHÓ

(Trích trong 'Dương án ' của Hải Thượng Lãn Ông, Việt Nam).

Vợ anh Liên, ở vùng tôi có thai 5 tháng, có khi bị rét, có khi ho, phù nề, đau bụng, lậu thai, thai động, đại tiểu tiện bế, các chứng hư nẩy sinh lung tung không kể hết được. Tôi thấy người này vốn là yếu đuối, chữa phải nhắm vào căn bản. Gia đình thấy bệnh lâu ngày, công hiệu ít, thay đổi nhiều thầy nhưng bệnh càng ngày càng nặng, đã hơn một tháng, bệnh chuyển nặng thêm. Gia đình vội lại mời tôi chữa. Lúc này ác chứng đã đủ, tôi không dám chữa những chứng lặt vặt khác, chỉ chú trọng vào căn bản như Sâm, Kỳ, Can khương, Chích thảo để bồi bổ hậu thiên, cứu thủy bổ hỏa, bổ âm bổ dương, để bồi bổ tiên thiên. Ngày đêm thay đổi vừa bổ vừa tiếp, được 5 - 6 tuần thì các chứng khỏi hẳn. Bỗng một hôm phát sinh đau bụng, mới nửa ngày đã thấy vỡ ra nhiều nước ối. Tôi căn dặn không được rặn và không được uống thuốc bổ khí huyết như thường. Bụng cứ đau lâm râm, một đêm thai không động đậy, người bệnh mỏi mệt, hơi thở yếu và hôn mê. Gia đình người bệnh nghe những ý kiến can dở, cho là thai đã hư rồi, đến xin tôi mổ thai để cứu lấy người mẹ. Tôi vội đến xem, thấy ở môi miệng và lưỡi, sắc vẫn như thường, 6 bộ mạch Phù Hồng, có lực. Chỉ hay ợ hơi lạnh. Tôi đoán là sau khi bệnh nặng,

nguyên khí hư quá, không bao giờ khí huyết của mẹ hư mà thai lại thịnh được. Hơn nữa tình thế lúc này như kéo thuyền vượt cạn, chỉ nên tuấn bổ khí huyết là giúp cho hậu thiên, máu sinh sao được. Chi bằng ta tìm ngay vào căn bản của khí huyết mới đúng phép. Tôi liền dùng đại tễ ‘Bát vị hoàn’ (*Hoài sơn, Đơn bì, Sơn thù, Thục địa, Trạch tả, Phục linh, Nhục quế, Phụ tử*), thêm *Ngưu tất* sắc đặc và dùng *Sâm* chưng cách thủy, hoà vào uống dần. Quả nhiên uống xong là đẻ.

Bệnh án này tôi dùng thuốc bổ thủy hoá đở làm thuốc thôi sinh (giục đẻ), làm cho tinh thần cảm mẹ lẫn con được tiếp tục mà thai xoay chuyển tốt. Không giục đẻ mà lại giục đẻ không cần ôn kinh, khai ứ mà đường lối thông. Thật là một cách chữa ngoài phép thông thường. Nếu không bạo gan, không vững lập trường mà nghe người khác xúi giục thì giữ được tính mạng cả hai mẹ con thực cũng khó lắm thay.

Thầy thuốc giữ tánh mạng người há lại không cần thận sao?

165- ĐẸ KHÓ - CHẬM GIỤC ĐẸ

(Trích trong ‘Tạp chí đông y’ số 193/ 1985).

* Sản phụ có thai lần thứ 2. Lần đầu đẻ bình thường, lần này có thai đã hơn 42 tuần (thai già tháng) chưa chuyển dạ đẻ. *Nước ối đã chuyển màu vàng xanh.*
 Áp dụng châm giục đẻ: *Tả huyết Bá hội*, châm và cho xung điện kích thích 2 huyệt *Dương lăng tuyền* và *Tam âm giao*.

Lúc đầu cho xung ngắt quãng, nhưng sản phụ khó chịu nên chuyển sang dùng xung đều. Sau 20 phút, cơn co tử cung xuất hiện rõ. Sau 45 phút, cơn co dồn dập, đều và mạnh. Rút kim ở huyết Bá hội và Dương lăng tuyền. Châm thêm 2 huyết Thái xung. Kích thích tiếp bằng xung điện 30 phút nữa thì cổ tử cung mở được 5mm. Ngừng kích thích điện và vẫn lưu kim. Sau 5 giờ, cổ tử cung xoá hết, rút kim, cho sản phụ lên bàn đẻ. Một cháu trai khoẻ mạnh đã ra đời, và cả quá trình chuyển dạ, sản phụ thấy rất ít đau so với lần đẻ trước.

* * Sản phụ có thai lần thứ 3, hai lần trước đẻ bình thường, lần này thai đã 42 tuần, chưa chuyển dạ nước ối đã chuyển màu vàng.

Châm tả huyết Bá hội và Tam âm giao. Châm và cho xung điện ngắt quãng vào huyết Dương lăng tuyền, Hợp cốc. Sau 5 phút, huyết áp tăng lên 140/100mm Hg, chuyển dùng xung đều và châm thêm Nội quan, Thần môn. Sau 1 giờ, cơn co tử cung dồn dập và đủ mạnh, rút bỏ kim ở Bá hội, Dương lăng tuyền và Hợp cốc. Châm thêm Thái xung, cho kích thích điện thêm nửa giờ rồi lưu kim. Sau 6 giờ, cổ tử cung xoá hết, rút hết kim, đưa sản phụ lên bàn đẻ. Một cháu gái khoẻ mạnh ra đời. Cả quá trình chuyển dạ, sản phụ thấy đau không đáng kể so với hai lần đẻ trước.

Các bác sĩ ở khoa sản rất ngạc nhiên về hai tác dụng cùng được thực hiện bằng châm: kích thích đẻ nhân tạo và làm cho đẻ không đau.

166- SÂM PHỤ CAN KHƯƠNG TRỤC XỔ THAI RA
(Trích trong 'Giai thoại YHCT Việt Nam', tập I).

Một người đàn bà có thai, bỗng nhiên bị đau bụng nguy kịch. Gia đình này khá giả, đã mời nhiều thầy thuốc đến, nhưng các vị này đều chịu bó tay. Lương y Phạm Kim Giám (một quan ngự y của vua Tự Đức – đời nhà Nguyễn của Việt Nam) được mời đến. Xem bệnh xong, ông điềm nhiên cho toa thuốc như sau đây: *Nhân sâm* loại tốt, *Can khương*, *Phụ tử*, sắc uống nóng.

Mọi người, nhất là các thầy thuốc đều rất sợ vì theo sách thuốc thì " *Phúc thống dụng Nhân sâm tắc tử*" (Đau bụng mà cho dùng Nhân sâm sẽ chết), hơn nữa Phụ tử 'tính tẩu bất tử', các thầy thuốc đều biết, có thai, nếu uống Phụ tử sẽ trục thai ra ngay. Không ai dám dùng toa thuốc này. Thầy Giám bảo cứ việc uống thuốc. Quả nhiên, thuốc uống vào trong chốc lát người bệnh chuyển bụng, cái thai chết (trong bụng) tụt ra ngoài, người bệnh hết đau, khoẻ trở lại. Thầy Giám bảo: "Hãy còn một thai nữa đấy, ít lâu sau mẹ sẽ tròn, con vuông thôi". Về sau đúng như lời thầy Giám đã nói.

(Tuy bệnh án trên không mô tả rõ chi tiết về mạch của người bệnh, nhưng chắc chắn một điều là bằng tài năng và kinh nghiệm, nhất là về vọng chẩn và mạch chẩn mà lương y Giám đã xác định được thai phụ có 2 thai và đặc biệt là một thai còn sống và một thai đã chết. Khi biết thai đã chết, nguyên tắc điều trị là phải trục thai chết đó ra. Thai chết chắc chắn là một vật lạnh, vì không còn sức sống, do đó, cần

phải dùng vị thuốc nóng để trục vật lạnh đó ra. Phụ tử, dược tính của nó là ‘đại nhiệt’ có thể dùng để trị hàn, ngoài ra, Phụ tử tính ‘tẩu bất thủ’ (chạy mà không dừng lại), vì vậy, mượn sức chạy của Phụ tử để dẫn thuốc đến ngay chỗ đang rất lạnh, đó là thai chết, và dựa vào tính ‘tẩu bất thủ’ của Phụ tử để đẩy thai chết đó ra ngoài, đây là một kế sách hoàn hảo. Tuy nhiên, vẫn còn một thai còn sống, nhưng chắc chắn một điều là thai này nằm chung với thai đã chết nên cũng bị nhiễm lạnh, vì vậy, cũng phải tìm vị thuốc ấm nóng để dẫn thuốc đến thai sống đó. Can khương vị nóng, lại vào hạ tiêu, vì vậy rất thích hợp để đưa thuốc đến thai sống đó. Ngoài ra, Can khương tính ‘thủ bất tẩu’ (giữ lại chứ không chạy đi), vì vậy, dùng Can khương để giữ lại cái thai còn sống là điều hợp lý. Nhưng sản phụ, đã qua thời gian khá lâu đau bụng, lại có thai chết trong người nên nguyên khí bị suy kiệt, nếu để nguyên, sẽ không đủ sức để có thể sinh cái thai còn lại ra được, vì vậy, cụ Giám cho dùng Nhân sâm, vì Nhân sâm có tính năng đại bổ nguyên khí. Quả nhiên sản phụ đã sinh an toàn thai nhi còn sót lại. Việc phối hợp 3 vị thuốc Sâm, Phụ tử, Can khương là một phối hợp rất hay. Theo các sách y xưa: ‘Phụ tử phi Can khương bất nhiệt’ (Phụ tử mà không có Can khương thì sức nóng không mạnh), lại uống lúc thuốc đang nóng cho nên tác dụng thuốc đạt được hiệu quả không ngờ. Cả Phụ tử lẫn Can khương, theo các sách thuốc xưa đều là các vị thuốc tránh dùng đối với người có thai, nhưng nếu chỉ dựa vào sách xưa mà không có tài biện chứng và quyết đoán thì không thể và không dám lập ra bài thuốc này một cách tuyệt vời như lương y Phạm Kim Giám đã làm. Đúng là một

bệnh án hay cho hậu thế nghiên cứu học hỏi – Hoàng Duy Tân chú giải).

167- SINH XONG (SẢN HẬU) PHÁT CUÔNG

(Trích trong " Tử Siêu y thoại của Nguyễn Tử Siêu, Việt Nam).

Tạ thị H, 39 tuổi, mới đẻ được hai ngày, đến ngày thứ 3, bỗng dưng nóng sốt, kêu la âm ỉ, chạy đi khắp xóm, đã thành hẳn là chứng cuồng. Người nhà bắt về trói trong buồng kín. Đến sáng hôm sau đã đỡ kêu, mời tôi đến thăm bệnh. Chẩn mạch thấy Tế, Sác... mà ngoài da chỉ hơi nóng. Người nhà cho biết: khi đẻ, huyết ra mất quá nhiều... Tôi nghĩ: Huyết ra mất quá nhiều, nên Can mất sự nuôi dưỡng, phong mộc do đó không được yên. Thiên 'Âm dương ứng tượng đại luận' (*Tố vấn*) ghi: "Ở tạng là Can, ở tiếng là hô". Thiên 'Ngũ thường chính đại luận' (*Tố vấn*) ghi: "Ở tạng là Can..., ở bệnh sẽ là chứng dao động sợ sệt". Thiên 'Sinh khí thông thiên luận' (*Tố vấn*) lại có câu: "Âm không thắng được dương thì mạch đi nhanh chóng, dồn cả lại sẽ phát cuồng".

Thiên 'Bình nhiệt luận' trong *Tố vấn* lại có câu: "Nếu âm hư, dương sẽ lấn vào". Xem vậy thì bao nhiêu chứng như điên rồ, chạy, kêu la âm ỉ, sốt nóng của chị Hảo đều không ra ngoài phạm vi mấy câu đó. Bệnh tình tuy biểu hiện ra 3 trạng thái khác nhau mà gốc chỉ là một (tức là âm hư). Tôi liền dùng các vị : *Câu kỷ tử, Thục địa, Dương quy, Đảng sâm, Huyền sâm, Mạch môn, Trúc nhự, Bạch vi....* cắt thành

một thang lớn cho uống. Uống hết một thang mười phần bột được 6 - 7, uống hết thang thứ 2, khỏi hơn. Trong bài thuốc trên, tôi dùng vị Huyền sâm làm chủ dược (quân) là tôi căn cứ vào lời chú giải về vị Huyền sâm của Từ Hồi Khê : Sau khi đở, huyết thoát thì âm hư, nên hoá không có gì kèm chế được. Nhưng hoá đó không thể dùng loại thuốc hàn lương (lạnh, mát) để dập tắt mà trong khi khí huyết còn chưa yên, cũng không thể tiếp tục thu được loại thuốc bổ mạnh. *Chỉ có vị Huyền sâm vừa có tác dụng dẹp yên được hoá, đồng thời cũng có ghé bổ ít nhiều...* Đây là lần đầu tiên tôi dùng Huyền sâm để chữa chứng huyết thoát sản phụ mà thu được kết quả”.

168- SINH XONG BỊ PHÙ THÙNG

(Trích trong 'Kinh nghiệm và cuộc người thợ già trị bệnh' của Lê Đức Thiếp, Việt Nam).

Bà Đức Thành, 38 tuổi, sinh lần thứ 5, lần nào sinh xong 5 -7 ngày sau là phát phù. Bốn lần trước cũng phát phù, uống thuốc của hai thầy, chỉ 2-3 thang là khỏi. Lần này đã uống của hai thầy đó 5 - 6 thang mà không khỏi lại càng phù nặng hơn. Thường mỗi khi ở nhà hộ sinh về 5 -7 ngày sau sạch sẽ máu, huyết hôi cũng không có nữa. Từ đó, sưng cả mặt mũi, tay chân, thân thể nặng nề, khó chịu, trong bụng bị tích không tiêu, không đủ sữa cho con bú, tiểu ít, ngủ kém, trong người mệt mỏi, không muốn làm việc gì. Mạch *Trầm Vi* mà *Trì*, sờ vào da thịt chân tay hơi mát, ấn ngón tay vào chỗ sưng ở mu bàn chân nó mềm

trũng xuống, để ngón tay lâu lâu một lát, khi nhắc ngón tay lên, chỗ ấn đó bị trũng sâu xuống lâu mới trở lại bình thường.

Tôi cho là bà này nước da trắng bạch, hẳn là tạng hàn mới sinh xong thì huyết cũ phải cho ra hết nhưng vì tạng hàn, huyết gặp lạnh không ra, Thận không dẫn nước ra ngoài được tiểu không thông làm cho cơ thể bị phù. Bệnh thũng (phù) này gọi là *thủy thũng* nhưng vì do huyết ứ, nên cũng gọi là *huyết thũng*.

Phương pháp trị liệu đúng nguyên tắc là phải cho lợi thủy (tiểu nhiều). Nhưng chứng phù này gốc bởi huyết ứ đọng sinh ra. *Gọi là huyết thũng thì phải tán ứ, hành huyết để tiêu thũng mới khỏi chứ không thể lợi thủy được.* Các sách cổ dạy rằng: "Bệnh này (huyết thũng) cấm lợi thủy, vì nước ấy có chảy ra nhiều mà huyết ứ còn đó thì rồi huyết đó lại sinh thủy, do đó, nếu có lợi thủy cũng không khỏi. Mỗi lần bắt lợi thủy, thủy chưa chắc đã lợi vì huyết ứ không hành thì khí cũng trệ không hành, mà thủy không lợi. Nếu thủy có lợi được ít nhiều thì cũng phải dùng loại thuốc thấm lợi mạnh. Đã thấm lợi mạnh thì hại đến căn bản của khí huyết làm cho sức người yếu thêm thì bệnh thũng càng tăng, vì vậy, cấm lợi thủy. Do đó, cần cho tán ứ, hành huyết mới khỏi.

Bệnh này do Tỳ Vị gây ra, vì vậy cần ôn bổ Tỳ Vị cho thông hành rồi bổ huyết mạch và thông hơi lợi tiểu, làm sao mà không khỏi.

Cho dùng: Xuyên khung 12g để khu động mạch máu, cho mạch máu nóng ấm. Dương quy 12g để sinh ra máu,

làm tươi nhuận cho những mạch máu bị khô. *Đào nhân* 6g, sao khô, bỏ vỏ, để phá vỡ những máu đã kết thành cục, lại có chất dầu xoa cho trơn nhuận. *Trần bì* 12g, sao vàng, để tiêu nhớt, thông hơi và giúp sức tiêu hoá. *Hắc khương* 4g (Gừng khô, tẩm nước tiểu, sao gần cháy đen) để dẫn thuốc Khung và Quy vào sinh máu nóng cho tử cung. *Một dược* 4g, nướng qua cho thơm để đánh tan, những máu đã kết thành cục. *Ngải diệp* 8g, sao thơm để thông hơi máu trong tử cung cho thông hoạt.

Hương phụ 8g, sao vàng, để tiêu hơi máu và làm cho nóng ấm tử cung, dạ dày. *Bạch truật* 12g, sao vàng, để tăng sức mạnh cho dạ dày. *Bạch linh* 8g để thấm nước ra.

Tất cả đổ chung, sắc uống. Uống 2 thang, thấy bụng nhẹ, dễ chịu nhưng còn tiểu ít. Cho uống thêm 2 thang mỗi thang tăng Bạch linh lên thành 16g (biết rằng cần thấm lợi, nhưng xét ra cũng phải có chút ít), thấy bụng nhẹ, tiêu hơi, dễ chịu, thèm ăn và có rỉ ra chút (ít) huyết hôi, tiểu được nhiều, bớt phù, người nhẹ nhàng. Cho uống tiếp 4 thang nữa, bệnh khỏi hẳn.

169- SINH XONG BỊ Ứ HUYẾT

(Trích trong 'Trị nghiệm' của Sinh Sinh Đường, Nhật Bản).

Vợ của Binh Vệ, sau khi tiểu sản, sắc mặt xám đen, thở mạnh (dồn), đầu choáng váng, mời thầy đến khám bệnh. Khám thấy mạch Khẩn mà dưới rốn kết cứng, liền cho là chứng xúc (ứ) huyết, cho dùng bài 'Để đương thang' (Đại hoàng, Đào nhân, Manh trùng, Thuỷ điệt), uống 3

ngày thì thấy từ thắt lưng trở xuống dễ chịu, lại cho uống ‘Đào nhân thừa khí thang’ (*Cam thảo, Đại hoàng, Đào nhân, Phác tiêu, Quế tâm, Sinh khương*). Một lát sau, lên cơn sốt rét, co giật từng cơn, máu hòn theo âm đạo ra to như quả trứng gà, ra 6 ngày liền, khoảng hơn 20 hòn. Vẫn dùng tiếp phương thuốc trên, chừng 2 tuần thì khỏi.

170- SINH XONG BỊ PHỤC NHIỆT

(*Y án của Tiêu Trác Như, trích trong ‘Toàn quốc danh y nghiệm án’, Trung quốc*).

Đặng 24 tuổi, sinh non, sinh xong bị *phục nhiệt*, đã chữa thuốc, không khỏi. Xem các thuốc đã chữa thấy trái với bệnh, bệnh tình bước vào giai đoạn nguy hiểm, người chồng hết hoảng đến xin tôi chữa. Khám thấy mình rất nóng, nhiều mồ hôi, bụng dưới căng cứng mà đau, ấn vào đau không chịu nổi, đại tiểu tiện thì không thông, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi trắng, mạch Huyền Sác. Như vậy là bệnh do huyết ứ lưu chứa bên trong gây ra.

Điều trị: Đáng lẽ phải dùng bài ‘Đào nhân thừa khí thang’, nhưng vì bệnh lâu ngày, sức chịu đựng không nổi, nên tôi đổi dùng bài ‘Tứ vật’, bỏ Địa hoàng, thêm Đào nhân, Hồng hoa, Nhục quế, Đại hoàng (sao giấm) để thông hạ chậm chậm. Cho dùng *Quy vĩ 6g, Đào nhân 8g, Nhục quế 2g, Xích thực 12g, Hồng hoa 4g, Đại hoàng 6g, Xuyên khung (sao giấm) 4g*.

Sắc uống. Uống 1 thang đại tiện ra phân đen rất nhiều, giảm đau đến 7 - 8 phần. Uống tiếp 1 thang nữa, khỏi bệnh.

Theo Vương Mạnh Anh, nhiệt nhập vào phần huyết (huyết thất) có 3 chứng:

+ Vừa mới bắt đầu có kinh mà bị nhiệt tà hãm vào rồi kết lại làm cho kinh không ra tiếp, phải phá huyết kết.

+ Vừa hết kinh mà tà khí nhân lúc đường huyết còn hở, xâm nhập vào, nên dùng cách dưỡng *vinh, thanh nhiệt*.

+ Nhiệt tà truyền vào phần dinh (vinh) khiến cho huyết chạy bậy (bức huyết vọng hành), gây ra chứng chưa đến kinh kỳ mà đã hành kinh. Phải thanh nhiệt, an dinh.

Bệnh này do nhiệt nhập vào huyết thất, hợp với ứ nhiệt. Phép trị phải hoạt huyết, thông lạc.

Xử phương: dùng bài ‘Tứ vật gia giảm’ như trên, rõ ràng là hoà hoãn hơn so với bài ‘Đào nhân thừa khí thang’. Tuy nhiên, 4 vị Đào, Hồng, Quế, Quân (Đại hoàng) cũng có sức thông ứ, do đó, vẫn công hiệu.

171- VIÊM TỬ CUNG

(Y án của Trương Tích Thuần, trích trong ‘Toàn quốc danh y nghiệm án’, Trung quốc).

Vợ họ Ôn, hơn 30 tuổi. Trước đây thường hay đau quặn bụng dưới. Bác sĩ người Anh chẩn đoán là *viêm tử cung*. Cho uống mấy lần không có hiệu quả. Bác sĩ lại bảo bệnh này muốn khỏi tận gốc, phải giải phẫu cắt bỏ chỗ bị lở loét làm mủ, rồi bôi thuốc vào mới khỏi được. Người bệnh sợ nên từ chối rồi mời thầy thuốc Đông y cho thuốc uống và đặt thuốc, bệnh có đỡ ít. Đến mùa hè năm Nhâm Tuất, bệnh phát nặng, lâu lâu có cơn đau, ra máu mủ. Đến đầu

năm Quý Hợi mới mời tôi chẩn trị. Khám thấy chỗ đau nóng rực, dùng tay mát mà áp vào thì thấy bột nóng, thượng tiêu cũng từng lúc thấy phiền táo. Mạch Huyền hữu lực, bộ xích càng mạnh. Như vậy là người bệnh đã bị *ngoại cảm nhiệt nhập vào huyết thất*. Thầy thuốc trước không biết, lại dùng bài 'Tiểu sài hồ thang' thêm Thạch cao cho uống, ngoại cảm tuy giải nhưng nhiệt trong huyết thất chưa được thanh giải mà hãm vào tử cung, ngăn trở khí hoá, gây ra viêm ở tử cung lâu ngày thành lở loét, chảy máu ra.

Phép trị: Dùng Kim ngân hoa, Nhũ hương, Một dược để giải độc; Thiên hoa phấn, Tri mẫu, Huyền sâm để thanh nhiệt. Vận dụng trở lại ý nghĩa của bài Tiểu Sài Hồ lập thành bài thuốc dưới đây, dùng Sài hồ để đưa nhiệt bị hạ hãm đi lên để tiết giải. Thuốc sắc xong, cho vào 8g bột Tam thất để hoá mủ, sinh tân.

Cho dùng *Ngân hoa 12g, Một dược 4g, Nhũ hương 4g, Tri mẫu 16g, Thiên hoa phấn 12g, Sài hồ 4g, Sâm tam thất 8g, Huyền sâm 24g, Cam thảo 6g*. Sắc uống. Cơ đau dịu bớt, chưa bớt nóng. Nghĩ là nhiệt này do ngoại cảm nhập vào ứ đọng lại, nếu không dùng Thạch cao thì không thể giải được, liền cho thêm 40g Thạch cao vào thuốc, dần dần lên đến 80g. Uống liên tiếp 3 thang, nhiệt giảm quá nửa, đau giảm nhiều.

Bỏ Thạch cao, cho uống thêm vài thang, rồi bớt dần thuốc mát mà thêm thuốc kiện Tỳ Vị. Uống tất cả 30 thang, hoàn toàn khỏi.

Tử cung viêm, sưng đau, lâu ngày sinh lở loét, máu mủ tiết ra, chuyên khoa hiện nay hay trị theo cách trị độc, ngoại khoa thì dùng thuốc rửa. Bên trong cho uống ‘Long đởm tả can thang’, lấy vị Phục linh làm chính.

Qua y án này, nhận thấy nhiệt nhập vào huyết thất, huyết tụ lại thành viêm, nung nấu lâu ngày thành lở loét, chảy mủ. Dùng phương giải độc, thanh nhiệt, hoá hủ, sinh tân, tuy giảm bớt đau nhưng nhiệt do ngoại cảm lưu lại vẫn không bớt, vì thế, phải thêm Thạch cao 40 – 80g. Phục nhiệt trừ được thì người cũng hết đau, càng chứng tỏ nguyên nhân nhiệt nhập huyết thất nhất định có triệu chứng đặc thù.



172- LIỆT DƯƠNG (DƯƠNG NUY - SUY SINH DỤC)

(Trích trong ‘Đắc tâm tập y án’ của Tạ Ương Lô, đời nhà Thanh, Trung quốc).

Con trai ông Trần Xuân Sơ, nhân lúc sắp cưới vợ, tự ý mua thuốc tễ (hoàn) loại bổ dương về uống (với ý nghĩ là) nhằm để thêm sức. Không ngờ mới uống chừng nửa tháng, thấy hai chân yếu dần, dương vật không cương lên được, phải mời thầy thuốc. Thầy thuốc yên trí là chứng dương

nuy (liệt dương), cho dùng thuốc đại bổ, thêm Phụ tử và Lộc nhung cho uống, lại còn dặn uống càng nhiều càng tốt, đến nỗi hai chân dù trước kia run yếu, vẫn còn nhúc nhích được, nhưng bây giờ (sau khi uống thuốc) lại gần như liệt hẳn, còn dương vật thì teo rút lại.

Tôi xem thấy mạch Thận quá mạnh, nhất là bộ xích bên trái, liền kê đơn cho dùng ‘Tứ thận hoàn’ (*Tri mẫu 4g, Hoàng bá 4g, Nhục quế 0,5g hoà với mật ong uống*), dặn uống cho được một cân (640g) thuốc. Uống mới được 320g, dương vật đã cương lên được và uống hết thuốc thì hai chân đi đứng cũng vững như xưa.

Thì ra đó chỉ là trường hợp ‘cô dương bất sinh’ (một mình dương khí không thể sinh) như người xưa thường dạy.

173- LIỆT DƯƠNG (SUY SINH DỤC)

(Của Trịnh Kiều - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Vương X, nam, 38 tuổi. Hơn một năm nay, phát hiện rằng khi giao hợp, *dương vật không cương lên được*, có lúc bị hoạt tinh. Sau khi đi tiểu, có ra ít dịch trắng đục, từ eo lưng trở xuống sợ lạnh, tim hồi hộp, hơi thở ngắn, mất ngủ, hay quên, sắc mặt xanh xám, thể trạng béo bệu, môi lưỡi nhạt, không có râu, tinh thần mỏi mệt, khổ não, không thể ở trong buồng lạnh, tiếng nói nhỏ yếu, mạch Huyền, Tế, không có lực, mạch xích Trầm Trì.

Chẩn đoán: Chứng này do âm dương đều suy. **Điều trị:** Tư âm, tráng dương, ích Thận.

Cho dùng bài 'Ích tinh tráng dương hoàn gia vị': *Thục địa 15g, Nhục thung dung 12g, Sơn thù nhục 15g, Táo nhân (sao) 12g, Toả dương 12g, Thỏ ty tử 12g, Sơn dược 15g, Lá dâm dương hoắc 30g, Thiên môn 9g, Phục linh 12g, Ba kích nhục 12g, Lộc nhung 6g, Câu kỷ 15g, Bạch nhân sâm 12g, Cam thảo 9g.* Tất cả tán bột, trộn mật làm hoàn 9g. Ngày uống 3 lần, mỗi lần một viên.

Sau khi uống thuốc 1 tuần, mạch chuyển sang Hoãn, Hoạt, mạch xích vẫn chậm, tự cảm thấy các triệu chứng đã giảm tới 20-30%, có nghĩa là âm dương của Thận đã dần dần được phục hồi.

Cho dùng tiếp tục bài cũ thêm 2 lần nữa, bệnh khỏi hoàn toàn.

Nhận xét: Sách 'Loại chứng trị tài' viết: '*Thương tổn vào trong thì dương vật không cương lên được. Liệt dương phần nhiều do sắc dục làm kiệt hết tinh khí, quá suy nhược, hoặc do lo nghĩ làm cho thần trí bị tổn thương, hoặc do sợ hãi làm tổn thương Thận... Cũng có người bị thấp nhiệt hạ trí, làm cho các gân lớn mềm nhão, gây ra liệt dương*'. Căn cứ các triệu chứng thấy trường hợp này có thể là do sắc dục quá độ làm kiệt tinh, thương tổn phần âm, âm bị tổn đến dương bị tổn, âm dương đều suy gây nên liệt dương. Căn cứ các triệu chứng, thấy trường hợp này có thể là do sắc dục quá độ làm kiệt tinh, thương tổn phần âm, âm bị tổn dẫn đến dương bị tổn, âm dương đều suy gây nên liệt dương. Mạch Huyền, Tế, mạch bộ xích Trâm Trì

là thuộc mạch dương suy (chứng liệt dương, hoạt tinh), sau khi đi tiểu có ra ít dịch trắng đục, từ eo lưng trở xuống sợ lạnh, không dám ở trong buồng lạnh là dương hư, âm suy, tinh quan không cầm được. Tim hồi hộp, hay quên, mất ngủ là do âm tinh của Thận không đủ, dẫn đến Tâm Thận bất giao. Đơn thuốc này dùng Thục địa, Sơn thù, Sơn dược, Phục linh để tư âm, bổ Thận, Nhục thung dung có vị ngọt, chua, tính ấm, vào Thận để bổ hỏa của mệnh môn, trấn tinh, ích tủy; Toả dương vị ngọt, ôn bổ âm, ích tinh, gây hưng phấn phần dương; Ba kích nhục vị ngọt, cay, tính hơi ấm, vào Thận, làm cường âm, ích tinh; Dâm dương hoắc có vị cay, thơm, tính ấm, vào Can Thận, có tác dụng bổ mệnh môn, ích tinh khí; Thổ ty tử có vị ngọt, ấm, bình hoà, cường âm, ích tinh; Câu kỷ tử vị ngọt, tính bình, có tác dụng thanh Can, tư Thận, ích khí, sinh tinh, trợ dương; Lộc nhung có vị ngọt, tính ấm, thuần dương, sinh tinh, bổ tủy, dưỡng huyết, trợ dương, làm cho dương của Thận phục hồi, âm của Thận sẽ đầy đủ, sinh tinh mà khỏi bệnh. Đó thực là "Âm bình dương bí, tinh thần nãi trị" (Sinh khí thông thiên luận – Tố vấn 2).

174- LIỆT DƯƠNG

(Của Văn Canh Phu - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Giang X, nam, 30 tuổi. Sau 2 năm lấy vợ vẫn chưa có con, rất buồn khổ khi giao hợp vì *dương vật không cương lên*, hai bên sườn đau tức, lưng gồi mỏi, tim hồi hộp, mất

ngủ, người lạnh, chân tay lạnh, kém ăn, đại tiện lỏng, nước tiểu vàng. Đã uống thuốc bổ Thận tráng dương mà chưa thấy hiệu nghiệm. Khám thấy mạch Huyền Tế, rêu lưỡi mỏng trắng. Do vợ chồng bất hoà, u uất làm thương tổn đến Can, Can khí uất trệ làm cho cân (gân) của kinh Túc quyết âm can (can chủ cân) tức là dương vật không cương lên được (dương vật, theo Đông y, có liên hệ đến cân).

Chẩn đoán: U uất làm hại Can, Can khí uất trệ.

Điều trị: dùng phép thư Can, lý khí để làm cho dương vật được hưng phấn. Cho uống bài 'Tiêu dao tán gia giảm': Sài hồ 10g, Vân phục linh 12g, Bạch thược 12g, Kim linh tử 10g, Bạch truật (sao) 10g, Tiểu hồi hương 3g, Toàn dương quy 10g, Bạc hà 5g, Chích thảo 6g. Sắc uống ngày 1 thang. Uống 4 thang, chứng liệt dương hết. Sau khi dùng thuốc 1 năm, đã có được một cháu trai.

Suy sinh dục, trong sách 'Nội kinh' gọi là dương nuy, bệnh ở phần cân của Túc quyết âm (Can kinh), dương vật đó thương tổn bên trong mà không cương lên được. Trương Cảnh Nhạc nói: "Âm nuy giả, dương bất cử dã" (liệt dương thì dương vật không cương lên được), trị chứng liệt dương thường phải chú trọng vào Thận, bổ Thận, tráng dương, làm ấm mệnh môn. Trường hợp trên là do u uất làm thương tổn đến Can, Can khí không thư giãn làm dương vật mềm nhão. Trường hợp này hiếm gặp trên lâm sàng. Bệnh chứng này dùng bài 'Tiêu dao tán gia giảm' là đúng thuốc, bệnh khỏi. Vì vậy, trong bệnh chứng lâm sàng, vừa phải thấy diễn biến bình thường của nó lại cũng phải thấy những biến đổi khác thường của nó.

175- LIỆT DƯƠNG

(Của Lý Minh Đình - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Triết X, 25 tuổi. Hai tháng trước bị cảm lạnh, quá điều trị thấy khởi dần. Vài hôm sau đôi lúc cảm thấy bụng dưới và bìu dái co giật, nhưng vì bản thân người bệnh không để ý nên chẳng điều trị gì cả. Sau khi kết hôn, lúc giao hợp không lâu, đã thấy dấu hiệu tình dục giảm sút, *dương vật không cương lên được* hoặc có *cương lên nhưng không cứng* đã điều trị bằng Đông Tây Y mà vẫn chưa có kết quả. Gần đây lại xuất hiện chứng di tinh, hoạt tinh, kèm theo lưng đau, gối mỏi rã rời như không có lực, có lúc lạnh cả người, trí nhớ giảm rõ rệt, đầu căng vầng vất, đái vất, kém ăn, lưỡi nhạt, rêu trắng, mạch Hư Nhược.

Chẩn đoán : *Thận dương hư suy, tinh quan không cầm giữ được.*

Điều trị: **Bổ Thận trợ dương, ích Thận, cố tinh**

Cho dùng bài 'Bổ tử hoàn': *Vân linh 120g, Phá cố chỉ (sao với muối) 200g, Cửu tử 60g.*

Đem các vị trên, ngâm trong giấm cũ, nước giấm cao hơn thuốc một khoát ngón tay Đem ninh cạn thành bột, làm hoàn, to bằng hạt Thầu dầu, mỗi lần uống 20 hoàn. Mỗi ngày uống 2 lần vào sáng sớm và tối.

Sau khi dùng hết một liệu thuốc trên (gần 2 tháng sau), hoạt động cương nhu của dương vật đã được phục hồi cơ bản, tinh không tự xuất, tinh thần chuyển biến tốt. Cho

uống thêm 1 liều nữa, tất cả các triệu chứng đều lui, theo dõi về sau, không thấy tái phát.

Bệnh này là đở cảm hàn đi thẳng vào quyết âm, hàn khách (trú) ở mạch Can. Hàn chủ về thu dẫn, ngưng trệ mà có lúc sinh ra cảm giác bụng dưới và bộ phận sinh dục co giật. Lại thêm sau khi cưới, tình dục không điều độ làm tổn thương đến thận dương, tinh quan không cầm giữ được, dẫn đến liệt dương. Trong bài thuốc có vị Bồ cốt chỉ (Phá cốt chỉ) có vị cay, đắng, đại ôn bổ thận, trợ dương, ích thận, cố thoát; Cửu tử có vị ngọt, ấm, cố tinh, ngừng di tinh; lại dùng Phục linh để kiện tỳ, ích khí, hoá tinh huyết mà dưỡng tiên thiên. Sắc bằng nước giấm cũ để lấy vị chua (thu liễm) làm tăng thêm tác dụng gìn giữ tinh khí.

176- LIỆT DƯƠNG

(*Của Đường Hưng Hoa - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc*).

Vương X, 25, tuổi, sau khi lấy vợ, vì dương vật không cương cứng lên được nên không thoả mãn nhu cầu sinh lý của vợ, vợ chồng bất hoà, người bệnh vô cùng đau khổ, đã từng chữa nhiều thầy, và đã uống nhiều loại thuốc bổ thận tráng dương nhưng chưa thấy tác dụng rõ rệt.

Chẩn đoán: Thận dương bất túc, mệnh môn hoá suy.

Điều trị: Ôn Thận, tráng dương.

Dùng bài 'Hải hà tán': Hải hà (tôm, còn sống) 500g, Sâm dương hoắc 200g, Hạch đào nhân 30 cái, Rượu 250ml. Trước tiên, đổ rượu vào bình đủ rộng châm lửa đốt khi

rượu đã nóng, cho tôm biển sống vào, cho rượu ngập hết ngấm kỹ vào tôm. Lấy tôm ngâm rượu muối, sấy khô, cùng tán với Hải hà thành bột mịn. Chia thành 20 gói. Mỗi ngày uống 1 gói, chia làm 2 lần (mỗi lần 10g). Dùng Dâm dương hoắc sắc với 100 ml nước, dùng để uống 'Hải hà tán'. Mỗi đợt uống là 2 tháng.

Uống được 2 tuần lễ, dương vật đã cứng lên được, dùng liền 1 tháng, bệnh khỏi. Sau đó, cho uống thêm 'Lục vị địa hoàng hoàn' (Đan bì, Hoài sơn, Phục linh, Sơn thù, Thục địa, Trạch tả) để lấy âm ích dương củng cố căn nguyên. Hơn 1 năm, hỏi lại mừng vì vợ đã sinh 1 con.

Trong bài có tôm biển, vị ngọt, lạnh, sắc trong lúc chín thì biến ra đỏ, là vị thuốc quan trọng để tư bổ các kinh Can, Thận, Tâm; Hạch đào nhân chuyên lợi tam tiêu, bổ âm trợ dương; 3 vị trên bổ cả âm lẫn dương, giúp ích lẫn nhau, vì vậy có hiệu quả nhanh.

177- LIỆT DƯƠNG

(Của Khuất Trung Sơn - Trích trong 'Thiên gia diệu phương' của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Vương X, 44 tuổi, đã hơn 2 năm nay, dương vật không cứng nước tiểu thường rỉ ra, lưng gối đau mềm yếu, đầu vầng mắt hoa. Đã dùng nhiều loại thuốc và châm cứu mà không kết quả. Sắc mặt ửng đỏ, mạch Trầm, bộ xích Hư, rêu lưỡi nhạt, non.

Chẩn đoán : Thận hư, tinh thiếu, mệnh môn hỏa suy.

Điều trị: Bổ Thận, cố tinh. Cho dùng 2 bài :

a. ‘Cửu tử hồi xuân thang’: *Thỏ ty tử 25g, Cửu thái tử 15g, Phá cố tử 5g, Phúc bồn tử 25g, Thạch liên tử 15g, Đại thực địa 50g, Câu kỷ tử 25g, Xà sàng tử 5g, Hoài sơn 50g, Kim anh tử 5g, Ngũ vị tử 5g, Dâm dương hoắc 25g. Sắc uống ngày 1 thang.*

b. ‘Hải lộc tán’: *Hải mã 10g, Hồng nhân sâm 10g, Lộc nhung 10g, Nhục quế (bỏ vỏ thô) 3g. Tán bột mịn. Mỗi tối, dùng 2g, cho vào ‘Cửu tử hồi xuân thang’, uống.*

Uống thuốc được 1 tuần thì dương vật cứng được, uống hết 1 đợt, dương vật tương đối cứng, bền, uống được 4 đợt (mỗi đợt 15 ngày), mọi chứng đều hết, giao hợp tốt. Cho uống tiếp một thời gian để củng cố. Ngừng thuốc 1 năm vẫn chưa thấy tái phát.

178- DƯƠNG VẬT CƯƠNG CỨNG KHÁC THƯỜNG

(*Của Hoàng Thụ Nhâm - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).*

Chung X, 27 tuổi, vì thủ dâm mà mắc bệnh *dương vật cương cứng liên tục*, đã hơn 1 năm, lại kèm thêm *váng đầu, căng óc, mặt đỏ, miệng khát, buồn bực không yên, vào mùa hè, cảm thấy nóng nực, rất khổ sở, dùng nước đá để ngâm lạnh, chườm cho đỡ nhưng không kết quả. Đã dùng các thuốc Đông y như ‘Long đởm tả can thang’, ‘Tri bá địa hoàng hoàn’, ‘Tam giáp phục mạch thang’... Uống đến mấy chục thang mà chưa thấy kết quả, lo lắng mất ăn, mất ngủ, kém phấn khởi. Mới nhìn thì cơ thể còn khỏe, lưỡi sạch không rêu, mạch Huyền Sác có lực, rõ ràng là *thủy suy ở**

dưới, tướng hoả bốc lên. Hỏi nữa thì được biết đã từng dùng thuốc với nước có pha muối để nguội, mỗi ngày 2 lần, mỗi lần khoảng 250ml, sau khi uống thuốc thì thấy dương vật có mềm giãn nhưng tác dụng không bền. Nghĩ rằng gốc bệnh này là Can Thận âm hư biểu hiện là dương vượng lên, mà vị thuốc ngọt, lạnh thì có tác dụng dưỡng âm, vị đắng lạnh thì hoá được táo (khô ráo), do đó, dùng bài ‘Long đởm tả can thang’ không có kết quả và vị mặn có thể vào xương làm nhuyễn kiên (mềm những gì cứng), nên chúng tôi dùng bài ‘Tri bá địa hoàng’ (*Đan bì, Hoài sơn, Phục linh, Sơn thù, Thục địa, Trạch tả* (tức là bài ‘Lục vị địa hoàng’, thêm *Tri mẫu, Hoàng bá...* làm chính, mỗi ngày uống 2 lần, sáng, tối. Lại dùng thêm các vị: *Quy bản 24g, Mẫu lệ 24g, Côn bố 60g, Hải tảo 60g*. Sắc uống ngày 1 thang, chia 2 lần uống sáng và tối cùng uống với ‘Tri bá địa hoàng hoàn’. Uống liền 10 thang thì bệnh khỏi.

Trường hợp dương vật cương cứng khác thường lâu ngày không xuống, Đông y gọi là bệnh ‘*cường trung*’, do *Can thận âm hư, tướng hoả bùng lên*, tuy có kết hợp chứng thấp nhiệt, Tỳ hư, vẫn lấy bổ âm chế dương làm gốc. Dùng bài ‘Tri bá địa hoàng hoàn’ không thấy hiệu quả rõ rệt tức là hiệu lực của thuốc không đạt, phải dùng thêm Hải tảo, Côn bố, Quy bản, Mẫu lệ để tăng cường tác dụng tư âm, nhuyễn kiên mới đạt được hiệu quả. Đây chỉ là một kinh nghiệm lâm sàng của chúng tôi, xin nêu lên để tham khảo.

179- MỘNG TINH MÀ DÙNG QUÁ NHIỀU THUỐC BỔ

(Trích trong ‘Hạnh Hiên y án’ của Trình Quang Tuyên, Trung quốc).

Con trai thứ 2 của Uông Chân Bạt, 22 tuổi, vừa mới cưới vợ thì vì tục lệ trong gia đình quá khắt khe phải ra ngoài lo sinh sống, mấy năm trời không được gần vợ. Can hoá bị uất kết, nhiễu động đến tình dục, gây ra *mộng tinh*. Thầy thuốc Mã Uyên Nghi được mời đến, liền dùng thuốc bổ Thận, sáp tinh để chữa, làm cho người bệnh bị quyết nghịch và bất tỉnh. Tuy nhiên, trước tình trạng trên, thầy thuốc đó lại cho là hư, nên *chân dương sắp thoát*, dùng tiếp những loại thuốc đại bổ như Sâm, Hoàng kỳ, Lộc nhung, Tử hà xa... khiến người bệnh mỗi ngày một tệ hơn, da thịt tiêu mòn, nằm luôn ở giường không dậy được. Bệnh như vậy hơn một năm mới mời tôi đến thì lúc đó là hạ tuần tháng 8. Thấy người bệnh ăn ít, hay nói, đại tiện bón, 6 - 7 ngày mới đi được một lần, tiếng nói khế, nhỏ, nước tiểu vàng đậm, mạch Trầm Tế, hơi Sác. Về hình sắc thì môi miệng và mặt đều đỏ hồng, da thịt đều tiêu mòn nhưng không khô mà còn có vẻ tươi nhuận là khác. Đêm về thì chỉ ngồi chứ không nằm được nhưng cũng không thấy mệt. Ban ngày chỉ ăn có 2 bát cháo lỏng thôi. Ấn tay vào ngực thấy cứng, không có vẻ mềm dịu tí nào. Cứ *theo hình chứng và mạch như trên*, thì do dùng nhiều thuốc bổ quá, làm cho trường vị bị ứ tắc, khí không tuyên thông. Đây mới chính là ‘*đại thực hữu luy trạng*’.

Tôi liền dùng bài ‘Nhị trần thang’ (Bán hạ 4g, Cam thảo 2g, Phục linh 4g, Trần bì 4g), thêm La bặc tử 4g, Sơn

chi 4g, Chỉ xác 4g, Hương phụ 4g, Hậu phác 4g. Khi thuốc sắc xong, hoà thêm 2g Huyền minh phấn vào thuốc, quấy đều, uống. Uống liền 3 thang, đại tiện ra được 4 -5 cục phân nhỏ, bụng và ngực lúc đó mới thấy dễ chịu, tiếng nói rõ hơn.

Tôi cho nuốt thêm 12g ‘Cổn đờm hoàn’ (*Đại hoàng 160g, Thanh môn thạch 8g, Thần sa 8g, Hoàng cầm (sao) 160g, Trâm hương 8g*). Tán bột, dùng nước trộn làm hoàn, dùng Thần sa làm áo, viên 4g. Sau đó đại tiện ra thêm 5 - 6 cục phân nữa. Tiếp đó, cho uống 5 - 6 thang theo đơn trước thì đại tiện ra toàn nhất, màu đen và rất nhiều.

Sau đó, tôi vừa cho uống ‘Cổn đờm hoàn’ vừa xen kẽ thuốc thanh hoá lý khí và dặn hễ thấy thông lợi dễ chịu rồi thì ăn luôn 6 - 7 chén cháo lỏng, nhưng thấy người bệnh không đói, phải cho dùng bài ‘Bảo hoà hoàn’: (*Mạch nha 4g, Sơn tra 4g, La bạch tử 4g, Hậu phác 4g, Hương phụ 4g, Chích thảo 2g, Liên kiều 2g, Trần bì 2g*). Thêm Hoàng liên 2g, ngày uống 2 lần, sáng và chiều, thì 2 tháng sau mới ăn cơm được. Tôi đến lui thăm viếng nhà bệnh gần 2 tháng.

Trong thời gian đó, học trò tôi là Sái Thương Văn ở thường xuyên cạnh người bệnh để theo dõi bệnh tình, nhưng cũng phải đến tiết Đông Chí, người bệnh mới đi đứng được như thường.

180- DI TINH

(Trích trong ‘Tứ Siêu y thoại’ của Nguyễn Tử Siêu, Việt Nam)

Hoàng Hữu H, 30 tuổi, bị *di tinh* đã lâu năm. Có khi do mộng mà gây di tinh, có khi chỉ mới nghĩ đến đàn bà, tinh đã tiết ra. Đã chữa trị nhiều theo Đông và Tây y nhưng không bớt. Tôi khám thấy mạch bộ thốn và quan Huyền, Hoạt, bộ xích Trầm, Tế, sắc lưỡi đỏ hồng, không rêu... Tôi đoán đó là hiện tượng của chứng '*thoát dịch*'. Vì thường cứ cách 1 - 2 ngày lại tiết tinh một lần, do đó, tinh thần kém sút, thân thể gầy còm, trí nhớ giảm, chân đi chóng mỏi, eo lưng đau nhức, đầu choáng, mắt hoa. Sách '*Nội kinh*' ghi: Tâm là quân hoả, Thận là tướng hoả, vì lo nghĩ quá độ, hoặc tình dục không ngừng khiến cho quân hoả bốc ở trên, tướng hoả nung ở dưới, thuỷ với hoả không tương tế lẫn nhau, đó đó mà tinh dễ bài tiết. Tinh dễ bài tiết nên tạng Thận hư tổn, chân nguyên không bền, cứ vào khoảng 3 - 4 giờ sáng, khí sinh dương (thiếu dương) bắt đầu phát triển, tức thì dồn tinh tràn ra... Vì vậy, phần nhiều tiết tinh vào lúc gà gáy. Tinh đã bài tiết ra mất quá nhiều nên mới gây nên các hiện tượng như vừa nói ở trên. Tôi liền châm các huyệt *Tâm du, Trung cực, Hoàn khiêu* và cứu các huyệt *Khí hải, Thận du, Tinh cung (Chí thất)*. Các huyệt tôi sử dụng ở trên, chủ yếu là bổ Thận, nhiếp tinh, ninh tâm, ích khí... Lúc đầu tưởng là cứ châm cứu một liệu trình 5 ngày rồi bảo họ kết hợp với uống thuốc, (dự trừ) dùng các bài như: '*Kim toả cố tinh*', '*Kim thuỷ nhị tiễn*' và '*Thiên vương bổ tâm*'... Không ngờ, mới điều trị được hết 1 liệu trình, bệnh tình đã giảm được tới 60 - 70%, vì vậy không nói họ uống thuốc, mà tiếp tục châm và cứu thêm 3 liệu trình (15 ngày). Bệnh tình hoàn toàn khỏi hẳn.

181- DỊCH HOÀN VIÊM (SÚNG)

(Trích trong ‘*Tâm đắc và nghiệm án*’ của Đào Việt Hà, Việt Nam).

Trần Mai, 65 tuổi, hòn dái sưng to, đau nhức dữ dội, sắc đỏ tím, đi lại không được, kèm theo đau 1 bên cuống lười, ăn uống nuốt đau, mạch Hồng Sác.

Nhận xét: Dịch hoàn (hòn dái) thuộc kinh Can, nay hòn dái sưng đau là biểu hiện Can kinh hoá thịnh quá, cuống lười đau là đó *Tâm hoá vượng*, nay cần tả Can hoá, đồng thời thanh Tâm hoá. Cho dùng bài ‘Long đởm tả can thang’: Sinh địa 12g, Hoa mã đề 10g, Cam thảo 4g, Hoàng cầm 10g, Long đởm thảo 8g, Sài hồ 10g, Trạch tả (sao muối) 8g, Chi tử 8g, Quy vĩ 8g, Mộc thông 10g, Gừng tươi 3 lát. Sắc uống.

Uống 3 thang, các chứng đều khỏi. Sau đó, cho uống bài ‘Lục vị địa hoàng thang’, dùng Sinh địa, thêm Sài hồ, Bạch thược, Long đởm thảo để bổ Thận thuỷ, bình Can hoá, như vậy cuống họng và dịch hoàn sẽ hết đau.

182- DỊCH HOÀN VIÊM

(Trích trong ‘*Châm cứu bách bệnh thực dụng nghiệm phương*’ của Thẩm Tá Đình – Trung quốc).

Nguyễn C, 30 tuổi dịch hoàn sưng to, đỏ, phù, khi đau cơn đau chạy từ từ lưng xuống dịch hoàn, bụng dưới đau dữ

dội, từ rốn đến dịch hoàn đau rần rần, tim hồi hộp, bệnh đã 6 - 7 ngày, ban đêm không ngủ được.

Cứu các huyệt *Bá hội, Đại chùy, Thận du, Mệnh môn, Phế du, Chiên trung, Trung quản, Chương môn, Kỳ môn, Túc tam lý, Tam âm giao, Đại đôn, Độc âm, Thái khô*, đều 3 tráng.

Cứu xong, bệnh giảm bớt nhưng khát nước, uống nước mía, bị lạnh lại đau, từ dưới dịch hoàn xóc lên, đờ càng đau.

Lần 2: Châm *Khúc tuyền, Thái khô*, dùng phép tả, cứu *Khí hải, Quan nguyên* 3 tráng. Bệnh giảm 1/3, ngủ được.

Lần 3: Như trên, bụng dưới phát đầy đau.

Lần 4: Châm *Khí hải, Thái khô bên trái*, bổ 4 lần, *Chương môn, Kỳ môn* hai bên, *Uỷ trung* bên trái, *Khúc tuyền* bên phải, tả 3 lần. Châm xong, bụng dưới hết đau, đầu hết xây xẩm, đêm lại phát ngứa cả người, dịch hoàn còn sưng đau lên đến bụng, lưng cũng đau không đứng thẳng được.

Châm *Khí hải, Thái khô*, bổ 4 lần, *Khúc tuyền, Uỷ trung, Chương môn, Kỳ môn*, tả 3 lần. Cứu trị như lần đầu.

Kết quả: Hết ngứa, đến trưa dịch hoàn lại nóng ran.

Lần 6: Châm trị như trên, dịch hoàn nhỏ lại, nóng giảm bớt, lưng bụng bớt đau.

Lần 7: Châm cứu giống trên. Ngày hôm sau khỏi hẳn.

183- MÀO TINH HOÀN VIÊM

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Bệnh nhân Đông, nam, 47 tuổi, nhập điều trị ngoại trú ngày 7/1 1/1964. Đột ngột bị ớn lạnh và có cảm giác đau ran ở tinh hoàn. Đau lan đến vùng bẹn.

Thăm khám thấy: sưng cứng tinh hoàn, tinh hoàn bên phải lớn hơn bên trái, sờ đau, tinh hoàn bìu dái sưng đỏ, thân nhiệt 38⁰C. Chẩn đoán là *viêm tinh hoàn cấp tính*.

Châm huyết *Xung môn* và *Tam âm giao*, hướng mũi kim về phía đáy chậu. Nâng, đẩy và vê kim 15 – 20 phút. Lưu kim một giờ. 10 phút kích thích 1 lần.

Hôm sau thân nhiệt hạ còn 36⁰8C, giảm đau, tinh hoàn bớt sưng. Chỉ châm các huyết chính trong 3 lần, khỏi bệnh.

184- THIÊN TRUY (THOÁT VỊ BẸN)

(Trích trong ‘Châm cứu bách bệnh thực dụng nghiệm phương’ của Thẩm Tá Đình – Trung quốc).

Trần C, 65 tuổi, dịch hoàn bên phải sưng đỏ như quả trứng gà, lòng thòng xuống khoảng 3 tấc, làm đau nhức, đứng thì hơi chạy xuống, nằm thì hơi chạy lên.

Lần 1: Châm *Khúc tuyền*, *Thái khê* bên phải, bổ 4 lần, *Khí hải* bổ 2 tả 2, *Khí xung* bên phải tả 3 lần. Cứu *Chương môn*, *Kỳ môn*, *Quan nguyên*, *Tam giác huyết*, *Thận du*, *Mệnh môn*, *Tiểu trường du*, *Đại đôn*, *Đại chùy*, *Khí xung* (sau khi châm, thêm cứu), đều 3 tráng.

Kết quả: Dịch hoàn bớt sưng, đứng thẳng không chạy xuống nữa.

Lần 2 : Châm trị như trên, dịch hoàn nhỏ lại và hết đau. Cách 3 ngày sau trị thêm 1 lần nữa cũng y như trên.

Kết quả: Dần dần dịch hoàn teo lại và khỏi hẳn.

185- THƯỢNG MÃ PHONG - TRÚNG PHÒNG

(Trích trong “Cuộc đời và kinh nghiệm của người thợ già trị bệnh” của Lê Đức Thiếp, Việt Nam).

Anh Sơn, làm nghề nông và đơm đó bắt tôm cá. Hôm đó, trời giá rét, lúc gần 5 giờ sáng, tôi được mời đến khám bệnh cho anh ta. Anh nằm, tay chân duỗi thẳng, mặt và tay chân để lộ ra đều thâm đen xì, mắt không chuyển động, con ngươi giống như người đã chết. Chẩn mạch thấy đã hết chạy (hết đập), chỉ còn chỗ tim, lồng ngực còn đập nhè nhẹ, hơi thở còn thoi thóp. Chị vợ khai: ‘Nhà con lúc 4 giờ sáng, dậy đi lấy lờ đó (đơm tôm cá) về rồi lạnh quá, vào phòng nằm với con cho ấm, lát sau, anh ấy đòi hỏi nơi con. Đang trong lúc ấy (giao hợp), con thấy anh ấy lạnh toát đi mà nín thở, hỏi anh ấy không nói. Con sợ quá, đẩy vội anh ấy xuống, rồi mời bà con tới. Tôi đáp: Như vậy là *bệnh trúng phong (thượng mã phong)* rồi, bây giờ đã lỡ đẩy anh ấy ra rồi mà cũng chậm quá rồi, nhưng cứ phải mau mau áp ủ cho anh ấy và đem vào phòng kín, đốt lò sưởi rất lớn cho nóng cả trong phòng để sưởi ấm cho anh ấy. Đồng thời, nhờ mấy anh em đây thay phiên nhau hà hơi của mình vào miệng của anh ấy (theo phương pháp hô hấp nhân tạo miệng truyền miệng). Anh Hải (em anh Sơn) cầm hai tay anh Sơn dơ lên, hạ xuống luôn luôn cho chuyển động khí huyết, may ra thì sống. Đồng thời tôi chuẩn bị sắc thuốc: *Đảng sâm 12g, Phỉ tử 12g, Can khương 12g, Nhục quế 12g.*

Cạy miệng đồ dần dần vào cho uống... Khoảng 8 giờ 30, anh Sơn đã tỉnh lại. Cho uống tiếp 1 thang thuốc nữa.

TRÚNG GIÓ - TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO

186- TRÚNG GIÓ TÊ BẠI

(Trích trong 'Tồn tồn trai y thoại' của Triệu Ngạn Huy, Trung quốc)

Một người cháu họ của tôi, năm 21 tuổi, sau khi uống rượu xong, đi ngủ, nhưng chẳng may *trúng gió*, toàn thân đều tê dại, cấu véo chẳng biết đau, tuy vậy, ăn uống lại bình thường. Lúc đó, được cái may là có ông Ngô Cúc Thông đang ở trọ nhà nó. Nó liền nhờ Ngô tiên sinh chữa trị. Ông liền kê toa: *Quế chi 20g, Bạch thược 16g, Cam thảo 12g, Sinh khương 3 lát, Đại táo 2 trái* (tức là bài 'Quế chi thang'). Sắc với 600ml nước, còn 200ml. Tiên sinh dặn phải nhịn cơm tối và khi đi ngủ, nếu thấy đói thì uống vào một chén (200ml) thuốc, rồi chờ một lát mới ăn cháo lỏng còn nóng, rồi trùm chăn lại nằm cho ra mồ hôi. Cháu tôi theo đúng lời dặn trên mà uống thuốc, tức thì từ đầu mặt cho đến chân, khắp cả người đều nhâm nhấp mồ hôi và những chỗ mồ hôi đã ra thì cào gãi đã có cảm giác. Qua hôm sau thì không còn tê dại nữa. Nếu chỉ biết dùng 'Quế chi

thang' nhưng không biết cách ăn cháo như đã nói trên thì làm sao mồ hôi ra được như thế, mà dù có ra mồ hôi, chắc cũng không thể mau lẹ và hoàn toàn như trường hợp của cháu tôi.

187- TRÚNG PHONG CẤM KHẨU

(Trích trong "Minh y tạp trứ", Trung quốc).

Một người tráng niên, bỗng bị bệnh như *trúng phong cấm khẩu*, bất tỉnh nhân sự, tay chân xụi, không giờ lên được. Thầy thuốc dùng 'Tô hợp hương hoàn' mài cho uống, không hiệu quả. Tôi ngẫu nhiên qua chơi nhà anh ta, thấy vậy liền hỏi xem nguyên nhân vì đâu? Người nhà nói: "Đang lúc tiếp khách, ăn cơm thì bị bệnh..." Tôi liền bảo nấu nước gừng, hoà lẫn ít muối đổ cho uống rồi dùng lông gà lừa vào trong họng, tức thì ói ra một bãi toàn thức ăn chưa tiêu. Ói xong, nói ú ở ngay được. Liền cắt cho mấy vị *Bạch truật, Trần bì, Bán hạ, Mạch nha*, làm 1 thang lớn, sắc đặc cho uống. Uống hết 1 thang, bệnh khỏi.

188- TRÚNG PHONG

(Trích trong 'Tứ Siêu y thoại' của Nguyễn Tứ Siêu, Việt Nam).

Nguyễn Đình Th, 47 tuổi. Do kinh doanh thất bại, trong lòng buồn bực. Khi buồn, thường đem rượu ra uống không thiết ăn. Trước đó khoảng 10 - 15 ngày thường phát nhức đầu, buốt óc nhưng coi thường không để ý. Hôm

đỏ sáng dậy, định đi làm, *bỗng đứng ngã bất tỉnh*, chừng 10 phút mới tỉnh nhưng tay chân bên trái đều liệt, không cử động được nữa. Đầu nhức dữ dội. Đã uống 2 thang thuốc của một thầy thuốc gần đấy. Uống thuốc vào, đầu càng đau thêm. Xem lại toa thuốc, thấy dùng bài ‘*Bổ dương hoàn ngũ thang*’ (*Hoàng kỳ sống 20g, Quy vĩ 8g, Xích thược 6g, Địa long 4g, Xuyên khung 4g, Đào nhân 4g, Hồng hoa 4g*).

Khám thấy: Tay chân bên trái vẫn bại liệt (sau khi bệnh 5 ngày mới mời tôi đến trị), đầu nhức như búa bổ, nhó, rên rỉ rất đáng thương khai là trong bụng nóng như đốt.

Tôi cho là bệnh này do nghĩ nhiều, mất ngủ thành ra âm hư, dương thịnh. Thủy không thấm nhuận được mộc động thì phong sinh. Do đó, đờm thừa thế dồn lên, khí thừa thế thăng lên, dồn dập ào ạt, làm nghẽn lấp các thanh khiếu, gây ra chứng ngã ngất. Thiên ‘*Sinh khí thông thiên luận*’ (*Tố vấn*) ghi: “Huyết cùng với khí, dồn dập ngược lên, sẽ thành chứng đại quyết, chính là nguyên nhân chủ yếu của bệnh này. Theo danh từ mới, chứng này có thể gọi là “*não xung huyết*” (xung huyết não). Mạch bên trái Huyền, Trường là đó nhiệt của rượu sinh ra. Đó cũng lại là nguyên nhân làm cho huyết khí dồn lên làm tắc nghẽn thanh khiếu. Thầy thuốc trước không nhận kỹ điều đó, lại dùng toàn loại thuốc trợ dương bổ khí để điều trị... nhưng mạch và chứng như vậy, làm sao chịu nổi sức thăng bổ của Hoàng kỳ. Sở dĩ đầu nhức như búa bổ, chính là kết quả của các loại thuốc thang bổ đó.

Chữa bệnh này, chủ yếu phải dẫn huyết từ bộ phận trên xuống. Dùng Ngưu tất làm quân, do kinh nghiệm của tôi. Ngưu tất có tác dụng giáng huyết từ bộ phận trên xuống rất nhanh. Rồi dùng Các vị *Long cốt, Mẫu lệ (sống), Thạch cao, Giả thạch, Xuyên luyện, Huyền sâm, Long đởm, Cam thảo (sống)*... làm tá sứ. Chủ yếu toàn bài là nhằm mục đích tiềm dương, giáng nghịch, thanh nhiệt, tức phong, theo phương pháp của Mạnh Anh, Sơn Lô: *Ngưu tất 40g, Bạch thược 24g, Huyền sâm 16g, Long cốt 24g, Thạch cao 40g, Mẫu lệ 24g, Long đởm 16g, Giả thạch 24g, Cam thảo 8g, Xuyên luyện 24g*. Các vị trên làm thành 1 thang, mài rĩ sắt lấy nước, sắc uống. Uống hết 2 thang khỏi hẳn nhức đầu mạch cũng điều hoà, tay chân bên trái đã cử động được.

Đôi dùng: *Đương quy 20g, Thiên môn 12g, Một dược 12g, Bạch thược 20g, Hoàng kỳ (sống) 12g, Hồng hoa 4g, Huyền sâm 20g, Nhũ hương 12g*. Uống hết 2 thang sau, đã chống gậy đi được. Trong bài này, sở dĩ dùng Hồng hoa là để hoá bỏ ứ huyết còn sót lại ở vùng ngực. Vì mạch đã điều hoà, đầu không nhức, có đủ khả năng hấp thu được sự ôn bổ của Hoàng kỳ, vì vậy mới dùng đến 12g để bổ thêm cho chính khí và giúp Quy, Thược, Nhũ, Một dược cho huyết mạch lưu thông dễ dàng, đồng thời lại có thể điều chỉnh bớt tính hàn lương của Huyền sâm và Thiên môn. Theo đơn sau, uống thêm 3 thang nữa, khỏi hẳn.

189- TRÚNG PHONG

(Trích trong 'Châm cứu đại thành' của Dương Kế Châu, Trung quốc).

Năm Tân Dậu, ông Hạ Quý Trung bị *bại liệt không đi lại được*. Có thầy thuốc Hà Hạc Tùng đã chữa lâu mà chưa khỏi. Mời tôi đến xem. Tôi nói rằng: "Bệnh này chỉ cần châm một cây kim là khỏi bệnh". Ông Hạc Tùng nghe vậy xấu hổ rồi rút lui. Tôi liền châm huyết Hoàn khiêu, quả nhiên đi lại được.

190- BẠI LIỆT

(Trích trong 'Tạp chí đông y số 140/ 1976, Việt Nam).

Nguyễn Quốc H, 6 tuổi. Trước đó 2 tháng, cháu bị sốt và run các chi. Khoa thần kinh, bệnh viện Bạch Mai điều trị 1 tháng, cháu hết sốt nhưng bị liệt dần cả tứ chi. Chuyển qua khoa nhi điều trị 1 tháng không kết quả. Chuyển sang châm cứu với chẩn đoán là di chứng bại liệt (Polyo).

Điều trị: Điện châm +Thuỷ châm.

a. Điện châm : 2 ngày một lần, mỗi lần 30 phút, tần số là 150 xung /phút, cường độ kích thích là 4 mA.

Phương huyết: Dùng xen kẽ hai nhóm huyết sau:

A	B
<i>Kiên trình</i>	<i>Khúc trì</i>
<i>Kiên ngưng</i>	<i>Tý nhu</i>
<i>Phong môn</i>	<i>Dương lăng tuyền</i>
<i>Phong thị</i>	<i>Huyết hải</i>

b. Thuỷ châm : 2 ngày 1 lần.

Thuốc : mỗi lần dùng.

- + Sinh tố B 1: 0, 025g x 2 ống
- + Sinh tố B 12: 200 gamma x 1 ống.
- + Strychnin 0,001g x 1 ống
- + Novocain 2ml, 3% x 1 ống

Chích thay đổi vào các huyết trên.

Kết quả:

Hết 1 liệu trình (20 ngày) : đi lại được 30 mét.

Hết liệu trình 2 : tự đứng lên, ngồi xuống, đi được 50 mét.

Hết liệu trình 3: đi lại bình thường, tay trái còn hơi yếu, cho xuất viện về nhà tập tiếp.

191- PHONG PHẾ

(Trích trong ‘Cổ kim y án án’ của Du Chấn Toàn, Trung quốc).

Quý Hành, năm 70 tuổi, bị liệt nửa người bên trái. Miệng méo từ bên tay phải sang bên trái, thường thường tay chân quyết lạnh, tinh thần hôn mê.

Trước kia uống thuốc thường dùng các vị Sâm, Truật thì thấy dễ chịu. Nhưng có người nói bên trái thuộc về phần huyết, không nên dùng thuốc bổ khí, phải uống thuốc trị huyết mới được. Bệnh nhân nghe theo, bệnh một ngày một tăng thêm. Sau đó ông Thi Sâm và ông Lạp Trạch, người ở Vân Nam đến xem bệnh, dùng thuốc có Nhân sâm, Phụ tử, bệnh nhân uống thấy hơi đỡ, nhưng vì cứ chữa mãi về mặt ôn bổ nên không thích hợp với bệnh tình. Người nhà liền mời Dụ Gia Xương đến chữa.

Dụ Gia Xương xem mạch thấy mạch đi Nhuyễn, Hoạt, thỉnh thoảng lại thấy cứng mà mau, liền đoán rằng: bệnh này là phong đờm lẫn lộn và kiêm cả hàn nhiệt không nhất định về một chứng nào. Xét ra thì đờm và nhiệt là gốc của bệnh mà phong và hàn là ngọn của bệnh. Người bệnh bình thường tay cũng lạnh cho nên khi nào đờm khí động thì tay chân quyết lạnh, hôn mê chốc lát lại tỉnh, khi tỉnh lại nôn ra một ít đờm. Tuy tiết trời đông giá, mưa gió lạnh mà vẫn không phải dùng nhiều chăn hoặc lửa than gì cả, thế đủ biết cái lạnh đó chỉ là cái lạnh bên ngoài, và thật ra có nhiệt khí xúc kết bên trong. Nhiệt khí uất kết thì làm cho thấp khí ở Tỳ bị nung nấu mà hoá thành đờm, lâu ngày đờm khí tắc lại trong những đường thông khiếu làm cho vệ khí không thể lưu chuyển điều hoà trong các cơ quan được, do đó phong tà bên ngoài ở ngoài dễ cảm vào. Ngoài ra người bệnh này lại không kiêng về sự tình dục nên tinh khí bên trong có phần suy kém nữa. Tóm lại, bệnh này là phong, đờm, hàn, nhiệt lẫn lộn mà thành. Phép chữa phải làm cho khí ở Tỳ Vị có sức chuyển vận, nghĩa là lấy khí lực ở bên phải mà xô đẩy phong khí, đờm khí, nhiệt khí ở bên trái ra ngoài.

Có người hỏi: “ Bệnh này là bệnh phong ở bên trái mà ông xem mạch lại cho là có cả đờm khí lẫn nhiệt khí, nhưng đờm do thấp khí ở Tỳ sinh ra, thường ở về bên phải, và phong khí đã phạm vào bên trái thì cũng có thể phạm vào bên phải, tại sao nhiều người lại chỉ cho là phong khí phạm vào bên trái mà thôi. Ngoài ra, bệnh ở bên trái thì

nên chữa bên trái mới đúng, sao ông lại chữa cả bên phải nữa?

Dụ Gia Xương đáp: “Từ khi sách của Chu Chấn Hanh ra đời, cho rằng bệnh ở về bên trái đa số thuộc huyết, bệnh ở bên phải, phần nhiều thuộc về khí, hướng dẫn cho người ta theo cách đó để chẩn đoán khi trị bệnh. Thật là lầm lẫn! Tôi xét lại sách ‘*Nội kinh*’ có ghi: “Tả hữu giả, âm dương chi đạo lộ” nghĩa là bên trái, bên phải đều là đường lên xuống của khí âm lẫn khí dương. Thế thì âm dương kế tiếp với nhau luân chuyển chỗ nào cũng có, không riêng gì bên phải hoặc bên trái. Huống chi bên trái tuy thuộc về huyết nhưng huyết không có khí thì lấy đâu nương tựa. cho nên Can và Đờm ở bên trái mà khí thường đi sang cả bên phải, Tỳ và Vị ở bên phải mà khí thường đi sang cả bên trái. Khí huyết tuần hoàn không khi nào rời nhau nên không thể nói chữa huyết là chữa ở bên trái, hoặc chữa khí là chữa ở bên phải. Can thuộc về phong, Tỳ thuộc về thấp, sinh ra đờm, phong và đờm cùng gây ra bệnh thì chữa trị lại càng không phân ra phải hoặc trái. Ông này tự ý mình có sức khoẻ nên tuổi trẻ không chịu gìn giữ, khi già tinh huyết hao tổn quá nhiều, cho nên những chất ăn uống vào thường sinh ra đờm ở bên phải, và phong khí ở ngoài thì vào bên trái. Đến khi bệnh phát ra mới biết. Bệnh phong thì mạch đi cứng mà mau, bệnh đờm thì mạch đi Hoạt và Nhuyễn. Mạch đi cứng và mau tức là cái dây đại cân và gân thông với lưỡi có ý rút lại, cho nên bệnh phát thì khó nói; Dây đại cân rút lại thì dây tiểu cân cứng lại thì chắc là miệng méo sang bên trái. Nếu dây tiểu

cân cứng lại thì chắc là miệng méo về bên phải. Cho nên chữa những bệnh về một bên, phải biết theo dương phận mà đưa âm khí lại, phải biết theo âm phận mà đưa dương khí đến, theo bên trái mà đưa sang bên phải, theo bên phải mà đưa bên trái sang mới được. Vậy phép chữa bệnh này phải dùng *Sâm*, *Truật* làm quân và thần, *Phụ tử*, *Can khương* làm tá, sử để chữa bệnh vào mùa đông; Còn về mùa xuân, mùa thu hoặc mùa hạ lại phải dùng cách khác: Vẫn dùng *Sâm*, *Truật* làm quân, thần, nhưng những vị tá, sử phải dùng *Linh dương giác*, *Thạch cao*, *Sài hồ*, *Tri mẫu*...

Lúc chữa hàn khi chữa nhiệt phải tùy thời tiết mà thay đổi cho hợp, đôi khi lại phải dùng phép châm ở đầu ngón tay và ngón chân để khí huyết lưu thông mới được...”.

BỆNH VỀ MẮT

192- MI MẮT CO GIẬT

(*Của Lộ Tế Bình - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’ quyển hạ, của Lý Văn Lượng, Trung quốc*).

Bùi XX, nữ, 30 tuổi. Hai mắt co giật không ngừng, thường phiền muộn, nghĩ vớ vẩn, mắt cương, đầu vầng, lâm sàng chẩn đoán là ‘Co giật mí mắt’, bệnh đã kéo dài nhiều năm, đã điều trị bằng đông tây y nhưng vẫn không khỏi. Kiểm tra thấy 2 mắt không đỏ, không đau, tròng đen, tròng trắng bình thường, mạch 2 bộ thốn hơi Hư, các

mạch khác đều Hoạt Sác. Đây là chứng *Tâm Tỳ bất túc, đờm khí thượng xung*. Cho dùng ‘*Bổ khí trấn kinh thang*’ (*Chích hoàng kỳ 24g, Bá tử nhân 12g, Xuyên khung 6g, Viễn chí 9g, Xương bồ 9g, Phục thần 9g, Đương quy thân 9g, Hàng bạch thực 9g, Táo nhân (sao) 9g, Bán hạ 9g, Đởm tinh 6g, Tế tân 3g, Cam thảo 4,5g*), phối hợp với châm các huyết *Nhân trung, Thượng tinh, Thần môn, Đoài đoan, Thừa khấp, Thông lý*. Sau khi uống liên tục 7 thang, 2 mi mắt không còn giật nữa. Chuyển dùng ‘*Hoạt huyết ích khí thang*’ (*Hoàng kỳ 24g, Đảng sâm 15g, Đương quy 12g, Xuyên khung 6g, Bạch thực 9g, Bạch truật (sao) 9g, Sài hồ 6g, Câu kỷ tử 9g, Kinh tử 9g, Thăng ma 9g, Kinh bì 4,5g, Cam thảo 3g*) uống thêm 1 tháng để củng cố kết quả điều trị.

Nhận xét: Mi mắt co giật, về nguyên nhân theo y học chưa được rõ. Có thuyết cho rằng do tặc phong xâm nhập vào bên trong, có thuyết cho rằng do đờm hoả viêm ở bên trên, có thuyết cho rằng do tà khí xâm nhập vào các khiếu. Tôi cho rằng không phải do phong, do hoả hoặc do tà khí mà do khí huyết. Khí hành thì huyết sẽ theo đó mà sinh, khí trệ, huyết thoát thì chết, hoặc khí không thông sướng, huyết tràn thì gây nên tê dại, mất cảm giác, khí tràn, huyết không thông sướng thì gây nên đau, thít rung giật. Hai mi mắt rung giật do khí bất túc mà huyết bị ứ, ứ lâu ngày gây nên co rút, dần dần sinh ra đờm hoả bốc lên, khiến cho mi mắt co giật không yên. Sau đó mắt bị trợn ngược lên, thị lực cũng giảm, gây nên co giật mi mắt.

193- MI MẮT SỤP

(Của Lưu Bình Phàm - Trích trong 'Thiên gia diệu phương', quyển hạ, của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Chung XX, nam, 12 tuổi, học sinh, quê ở Thiên Tân. Mi mắt bên trái sụp xuống khoảng hơn 3 tháng. Đã khám bên tây y, chẩn đoán là cơ mi mắt không có lực, loại nặng. Đã uống thuốc trị nhưng không khỏi, xin trị bằng Đông y. Khám thấy mắt không mở lên được, nâng đầu để nhìn thẳng lên trời thì chỉ thấy 1 đường sáng, mệt mỏi, không có sức, ăn ít, biếng nói, cuối ngày thích nằm, không muốn hoạt động, miệng không khát, chất lưỡi đỏ sẫm mà nhuận, mạch Hoãn Nhược, vô lực. Phân tích mạch và chứng thì: Tỳ chủ cơ nhục, mi mắt thuộc về Tỳ Vị, Tỳ hư thì không vận hoá được thấp, thấp thắng làm cho mi mắt nặng, không có sức. Điều trị: Ích khí, bổ trung, kiện Tỳ, trợ hoá. Dùng bài 'Bổ trung ích khí thang gia giảm' (Đảng sâm 12g, Bạch truật 9g, Phục linh 9g, Chích thảo 6g, Hoàng kỳ 9g, Đương quy 9g, Quảng bì 3g, Thăng ma 3g, Cát cánh 3g, Thương truật 5g, Vãn tằm sa 9g). Uống liên tục 30 thang, ăn tăng hơn, tinh thần phấn chấn, mắt mở lên được một nửa, thị lực vẫn còn yếu. Dùng bài trên, bỏ Cát cánh, thêm Kỷ tử 9g, Thỏ ty tử 9g, Tang diệp 9g. Uống liên 20 thang, mắt mở được hoàn toàn so với mắt bên kia.

Nhận xét: Bài này nguyên là bài 'Bổ trung ích khí thang', bỏ Sài hồ vì có tính thăng lên, thêm Cát cánh để khai Phế khí. Mi mắt sụp xuống, thường kèm mi mắt hơi sưng, vì vậy, thêm Thương truật, Phục linh để thăng thấp,

ngoài ra, Thương truật gặp Văn tằm sa làm tăng tác dụng làm sáng mắt .

194- MẮT LỆO

(Của Tề Cường - Trích trong 'Thiên gia diệu phương', quyển hạ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Kim XX, nam, 7 tuổi, học sinh. Khám ngày 15/9/1967. Một năm lại đây, 2 mí mắt bị chứng mạch lạc (chấp, lệ) nhiều năm, đau đi đau lại dây dưa không khỏi. Đã mổ hai lần, nhưng không dứt hẳn, xin chữa bằng Đông y. Khám thấy hai mí mắt đỏ, trên dưới hai mí có 4-5 mụn (chấp, lệ), khoé mắt, đuôi mắt nhiễm trùng sưng to, táo bón, nước tiểu đỏ, rêu lưỡi vàng, mạch Sác. Người nhà không đồng ý mổ. Dùng 'Thanh giải tán' (Toàn yết 3g, Đại hoàng 1,5g, Song hoa 9g, Cam thảo 1g. Tán bột, mỗi lần uống 1-2g, mỗi ngày 2 lần), uống 3 thang, mỗi lần uống 1/2 liều, đồng thời dùng nước sắc Hoàng liên rửa cục bộ. Ba ngày sau khám lại, bệnh giảm hơn nửa, uống thêm 3 thang nữa, các chứng trạng tiêu hết. Theo dõi nửa năm, không thấy tái phát.

Nhận xét: Quan sát trên lâm sàng, dùng 'Thanh giải tán' trị chứng mắt lệ rất hiệu quả, đối với các chứng ghẻ, đơn độc ở vùng mắt cũng có hiệu quả tốt.

195- MẮT SƯNG ĐỎ ĐAU

(Trích trong 'Tạp chí đông y' số 74, Việt Nam).

Nguyễn Thị V... , 46 tuổi. Đi làm ngoài đồng về, thấy đau nhức đầu, tai ù, mắt buốt, chóng mặt.. rồi sinh ra mắt

giật, sưng đau, đỏ, buốt, chói không mở mắt được, lại phải nhờ người dắt.

Trước đó 2 năm đã đau một lần, điều trị tại bệnh viện Hà Nội, sau đó hỏng một mắt. Đến tháng 9 lại đau, chữa ở bệnh viện Hải Dương không khỏi, sau chữa ở tập đoàn Kiến An 3 tháng mới khỏi. Nay lại bị đau nhưng lần này đau nặng quá không nhìn thấy gì.

Khám : Người béo đen, 2 mắt sưng, tròng trắng đỏ như máu, trong mắt có cảm giác lờ mờ như màng khói, nhìn như trứng con tằm, tiếng nói khoẻ, hơi thở mạnh, thường không ngủ được, đại tiện táo bón, 3 – 4 ngày mới đi một lần. *Mạch hữu xích Thực, tả xích Hồng, Hoạt.*

Chẩn đoán : Âm thủy suy, Tâm Can hoá thịnh gây đau.

Xử phương: ‘Tứ vật thang’ (*Khung, Quy, Thục, Thược*), tăng *Bạch thược*, thêm *Huyền sâm, Hoàng bá, Phòng phong, Khương hoạt, Chi tử, Đại hoàng.*

Uống 3 thang, mắt đỡ buốt. Uống tiếp bài trên. Sau 4 ngày, đi ngoài dễ (nhuận), đầu đỡ buốt và ù. Uống tiếp bài trên, bỏ *Đại hoàng*. Ngày thứ 5 mắt đỡ nhiều, uống bài trên, thêm *Cúc hoa, Cam thảo, Chi tử, Tật lê, Dạ minh sa, Thanh tương tử.*

Ngày thứ 6, đỡ nhiều hơn trước, dùng ‘Lục vị, địa hoàng’ bỏ *Sơn thù*, thêm *Bạch thược, Bạch tật lê, Thanh tương tử, Dạ minh sa*, tăng *Đơn bì* và *Ngưu tất.*

Uống liên tục 2 tuần thì khỏi hẳn.

196- MẮT SƯNG ĐAU KHÔNG NHĂM MỞ ĐƯỢC

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Hoàng Lục Lập, 11 tuổi. Hai mắt sưng đau không nhắm mở được, tròng mắt có gân máu, mắt bên trái nặng hơn. Bệnh đã hơn một tháng, dùng nhiều thuốc mà không có kết quả.

Châm tả huyết *Tinh minh, Toàn trúc, Ngự yêu, Thượng tinh, Hợp cốc*. Châm ra máu *Ty trúc không, Nhĩ tiêm, Ấn bạch, Lệ đoài*.

Kết quả: Mắt thấy nhẹ hơn, mở mắt được.

Châm lần thứ hai: giống như trên, hết nhức.

Lần thứ ba, tư cũng châm như trên. Kết quả: tròng trắng bớt gân máu, mắt hơi thấy được.

Trị lần thứ năm như trên. Kết quả gân máu tan nhiều, hai mắt hết nhức, ngày hôm sau thấy rõ hơn.

Châm lần thứ sáu cũng như trên, mắt mở to được.

Lần thứ bảy cũng giống như trên. Kết quả: Mắt mở thấy ánh sáng, mắt bên trái chưa thấy rõ.

Châm lần thứ tám, chín cũng như trên. Mắt nhẹ nhiều, mắt bên phải thấy rõ hơn nhưng bên trái chưa thấy rõ lắm.

Lần thứ mười, mười một: giống trên nhưng không dùng huyết *Ấn bạch* và *Lệ đoài* nữa.

Kết quả: bệnh khỏi hẳn.

197- MẮT ĐAU CÓ MÀNG

(Trích trong ‘Tạp chí đông y’ số 115/1971, Việt Nam).

Hà Thị B, 35 tuổi, đi đắp bờ vùng, bị đất bùn bắn vào mắt không mở được, ở trạm y tế xã cho rửa mắt và nhỏ thuốc, nhưng đêm hôm đó không đỡ, mắt cứ gặm, chói, nhức đầu, không ngủ được, mắt sưng to, điều trị trong 3 ngày mắt vẫn sưng, nhức nhối khó chịu, chuyển qua chữa Đông y. Khám thấy người bình thường, mắt bên phải sưng đỏ nhiều, không mở được, chói nhức, trong mắt không có màng, mắt bên trái hai mí đều sưng to, có tụ máu, sờ thấy cứng, trong mắt có màng phủ, lòng trắng sưng, lòng đen có màng trắng che kín, đồng tử trông giống như cùi nhĩ, có dử, nước mắt nhiều.

Mắt bên phải trông thấy lờ mờ, mắt bên trái, giờ ngón tay không trông rõ, đau nhức từng cơn, ngồi ôm mắt. Tiếng nói to và nặng, thích ăn thứ mát. Từ khi bị đau mắt thì ngủ ít, miệng đắng, đầu thường bị bốc nóng lên bừng bừng, tai ù, tai đau, trong mắt rát, chói không chịu được, do đó phải kêu khóc, sợ mắt bị hỏng. Mạch 6 bộ đều Huyền Sác và đối Khẩn.

Chẩn đoán: Do nhiễm khuẩn (do đất bùn bắn vào mắt), cộng thêm bản thân vốn nhiệt, động hoá sinh phong.

Điều trị: Dùng thuốc nước rửa để khử độc, tiêu viêm ở mắt, kết hợp uống thuốc hạ hoả, tiêu viêm lương huyết.

Thuốc rửa: *Hoàng đằng 20g, Long đởm 15g, Bạch phàn 5g.*

Nấu thành nước loãng, lọc kỹ, ngày rửa 3 - 4 lần, liên tục mấy ngày.

Thuốc uống : *Sinh địa 12g, Sơn chi 10g, Thạch斛 12g, Hoàng cầm 10g, Huyền sâm 12g, Quy vĩ 8g.* Các vị trên để

hạ hoả, tiêu viêm và lương huyết. *Cốc tinh thảo 10g, Trùng thoái 5g* để tiêu màng mông. *Phòng phong 5g, Khương hoạt 5g, Kinh giới 5g*, để khử phong giảm đau. *Bạch chỉ 5g, Cam thảo 5g, Đại táo 2 quả*, để điều hoà thuốc. Sắc uống.

Châm thêm các huyệt *Thái dương, Ty trúc không, Toàn trúc, Tinh minh, Hợp cốc, Tam âm giao, Hành gian, Quang minh*. Châm bình bổ và tả.

Uống 12 thang thuốc và 6 lần châm thì khỏi. Mắt còn mờ, cho uống ‘Lục vị’ thêm Quy, Thược, Cúc hoa, Kỷ tử. Bệnh bình phục.

198- MẮT VIÊM DO ĐIỆN QUANG

(Của Tê Cường - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’, quyển hạ của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Triệu XX, nam, 32 tuổi, công nhân công ty kiến trúc. Khám ngày 7/6/1975. Làm việc trong điều kiện bị ánh sáng kích thích, hai mắt đỏ, đau nhức, không mở mắt được, thỉnh thoảng chảy nước mắt. Khám thấy kết mạc sung huyết nặng, mi mắt sưng đỏ, không thể mở mắt. Chẩn đoán là viêm mắt do ánh sáng điện.

Dùng 4 ống *Hoàng liên tố nhân dịch* (Dung dịch tiêm Hoàng liên 2%, 1 ống (2ml). Thêm 2 giọt Dicaine (pantocaine) 0,5%, cho vào lọ thuốc nhỏ mắt, cứ 1-2 giờ nhỏ một lần). 1- 2 giờ nhỏ mắt một lần, sau 15 phút nhỏ thuốc, hết chảy nước mắt, đau nhức cũng giảm, tiếp tục nhỏ thuốc, mắt mở được. Ngày thứ hai các chứng trạng

hết, ngày thứ ba khám lại thấy mắt khỏi như thường, khỏi bệnh.

Nhận xét: Bài ‘Hoàng liên tố nhãn dịch’, đối với các loại mắt sưng đỏ, đau, sung huyết, đều có kết quả. Nhỏ thuốc liên tục thấy rút ngắn được thời gian điều trị. Đối với các chứng viêm kết mạc mạn tính, viêm củng mạc, viêm giác mạc, có hiệu quả nhất định

199- KẾT MẠC VIÊM

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Bành, nữ, 29 tuổi, nông dân, nhập điều trị ngoại trú ngày 3/ 10/1968. Ngứa mắt và chảy nước mắt đã 3 ngày. Thăm khám thấy hai mí mắt sưng nề, kết mạc đỏ tiết nhiều dịch nhầy. Bệnh nhân phải gói đầu vào cánh tay cho đỡ đau.

Chẩn đoán là *viêm kết mạc cấp*.

Điều trị: Châm vào chỗ máu tụ vùng huyết Thái dương cho chảy máu. Lấy vài giọt máu ở dái tai nhỏ vào mắt bị bệnh. Châm *Tinh minh, Phong trì và Hợp cốc*. Lưu kim 1 giờ. Cứ 20 phút vê kim 1 lần. Sau khi châm 30 phút, bệnh nhân đỡ nhức đầu và giảm đau nhức.

Sau khi châm mở được mắt, châm hai lần cách nhau 6 giờ. Ngày hôm sau hết nhức đầu và sưng mí mắt, kết mạc mắt giảm bớt đỏ. Châm như trên.

Lần khám thứ ba 6/10/1968: Châm lần ba. Tất cả triệu chứng đều hết, ngoại trừ còn chảy nước mắt. Châm *Phong trì, Thái dương và Tinh minh* theo phương pháp trên. Lưu kim 30 phút, thao tác kim mỗi 10 phút. Sau đó châm cách ngày một lần.

Châm thêm hai lần nữa để củng cố hiệu quả điều trị.

200- GIÁC MẠC VIÊM DO SIÊU VI

(Trích trong ‘ Tạp chí đông y’ số 122, Việt Nam).

Trần Văn T..., 30 tuổi. Mắt bên phải đỏ, cộm, nhức chói, chảy nước mắt nhưng không có dử, nhìn mờ dần, người mệt mỏi, sốt nhẹ $37^{\circ}5 - 38^{\circ}$, ăn ít, tiểu bình thường, đại tiện 2 ngày một lần.

Khám chuyên khoa : Mắt phải 1/ 10, Mắt trái 15/ 10.

Chẩn đoán theo YHHD: Giác mạc viêm do siêu vi.

Chẩn đoán theo YHCT: *Ngoại cảm phong nhiệt ẩn nấp ở Tỳ.*

Cho dùng bài ‘Tiểu thừa khí thang gia giảm’ : *Cam thảo 4g, Hậu phác 6g, Trần bì 4g, Đại hoàng (để sống) 6g, Chỉ xác 8g, Bạch thực 8g, Hoạt thạch 4g, Kinh giới 6g, Xa tiền 6g, Mạn kinh 4g, Sinh địa 8g. Uống 4 thang, ngày 1 thang, M P không còn kích thích, chỉ còn mờ, thị lực tăng 5/ 10.*

Cho uống tiếp 3 thang ‘Lục vị địa hoàng’ (*Đơn bì, Hoài sơn, Phục linh, Sơn thù, Thục địa, Trạch tả*) thêm *Đương quy 18g, Ngưu tất 10g, Cát căn 10g, Mạch môn 8g, Mộc tặc 4g.*

Sau 14 ngày điều trị, Mắt bên phải trở lại bình thường.

201- GIÁC MẠC LOÉT

(Trích trong ‘ Tạp chí đông y’ số 58, Việt Nam).

Hoàng Trạch T, 30 tuổi, mắt bên phải đau đã 2 tháng, ở bệnh viện khu tự trị Đã chích 3 lọ Peniciline, không bớt, mắt bên phải đau nhức, nước tiểu vàng.

YHHD : Giác mạc trung tâm bị loét.

YHCT : *Phong nhiệt xâm nhập phong luân.*

Điều trị: Khu phong, thanh nhiệt.

Dùng Sinh địa 16g, Chi tử 12g, Tiên hồ 12g, Trùng thoái 8g, Hoàng cầm 8g, Thạch cao 32g, Liên kiều 12g.

Sau 6 thang, hết loét. Dùng bài ‘Lục vị địa hoàng’ (Đơn bì, Hoài sơn, Sơn thù, Phục linh, Thục địa, Trạch tả) uống thêm 4 thang để củng cố kết quả.

202- GIÁC MẠC LỞ LOÉT

(Của Tề Cương - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’, quyển hạ, của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

➤ Lý XX, nam, 38 tuổi, cán bộ. Mắt bên phải bị thương, sau đó viêm giác mạc 3 tháng, đã qua các bệnh viện điều trị nhưng không khỏi. Ngày 25/12/1976 đến Đông y xin điều trị. Khám thấy sức khoẻ bình thường, thị lực bên phải 0.05, chảy nước mắt, mắt mờ, đau, mi mắt sung huyết (+++), giác mạc mờ đục, ở giữa có một điểm lở loét, khó nhìn. Chẩn đoán viêm giác mạc lở nát (ngưng chi ế). Dùng ‘Long đởm tả can thang gia giảm’ (Long đởm thảo 9g, Chi tử 9g, Sài hồ 9g, Hoàng cầm 9g, Sinh địa 9g, Trạch tả 9g, Đương quy 12g, Mộc thông 9g, Cam thảo 6g, Ngân hoa 50g, Liên kiều 12g, Bản lam căn 15g), uống tất cả 27 thang, phối hợp với ‘Thượng thanh hoàn’ 30 viên. Sau khi uống, các chứng trạng hết, vết lở khỏi, giác mạc hình thành màng mỏng, thị lực tăng lên 1,0.

➤ Đường XX, nữ, 60 tuổi, gia nô. Giác mạc mắt bên phải bị lở loét hơn 2 tháng, đã chữa trị nhiều nhưng không khỏi. Ngày 14/5/1977 đến Đông y xin chẩn trị. Khám thấy mắt bên trái bình thường, thị lực mắt bên phải sáng, chảy

nước mắt, mắt nhắm, đau đầu, mắt đau nhức nhiều, sung huyết, giác mạc, lỗ đồng tử tầng sâu bị lở loét, tiền phòng có mủ, dịch mắt và đồng tử đều chảy ra.

Chẩn đoán mắt bên phải tiền phòng có mủ, viêm giác mạc có mủ (hoàng dịch thượng xung). ‘Long đởm tả can thang gia giảm’ (Long đởm thảo 9g, Chi tử 9g, Sài hồ 9g, Hoàng cầm 9g, Sinh địa 9g, Trạch tả 9g, Dương quy 12g, Mộc thông 9g, Cam thảo 6g, Ngân hoa 50g, Liên kiều 12g, Bản lam căn 15g), uống tất cả 27 thang, phối hợp với ‘Thượng thanh hoàn’ 20 viên, điều trị 32 ngày, hết mủ, hết kích thích, tiền phòng hết chảy mủ, hết loét, thị lực đạt 0,1, khỏi bệnh.

203- CHẢY NƯỚC MẮT DO CAN THẬN HƯ HÀN

(Trích trong ‘Cuộc đời và kinh nghiệm của người thợ già trị bệnh’ của Lê Đức Thiếp Việt Nam).

Ông Vũ Bá H, 50 tuổi, hai tròng trắng tinh, không đỏ, không sưng nhức gì cả, cứ chảy nước mắt sống (mắt, không nóng), rùng rùng cả ngày, mỗi ngày phải dùng 5 -7 khăn nhỏ để thấm ướt đẫm, nhiều khi nước mắt còn chảy xuống giấy tờ trên bàn làm việc, bệnh đã ba tháng. Mạch hai bộ xích Trầm và không lực, mạch tả quan Huyền và Trì. Đã được khám theo YHHD và được kết luận phải mổ, nhưng mổ vẫn chưa chắc đã khỏi hẳn. Vì sợ mổ nên tìm thuốc YHCT uống.

Dựa vào mạch, tôi chẩn đoán là *Can Thận hư hàn*, cho dùng bài ‘Lý âm tiền’ (Xuyên quy 20g, Thục địa 40g, Hắc khương 8g, Cam thảo 4g, Phụ tử 8g), thêm Ngũ vị tử 12 hạt (

1g), Ngưu tất 4g, Xa tiền tử 6g). Uống 3 thang, bệnh bớt 7/10, uống thêm 3 thang nữa, khỏi hẳn.

204- XUẤT HUYẾT Ở THUỶ TINH DỊCH (Can Phong Nhiệt)

(Trích trong ‘ Tâm đắc và nghiệm án’ của Đào Việt Hà, Việt Nam).

Một em bé 14 tuổi, ở mắt bên trái, nhãn cầu đỏ và sưng, mi mắt sưng, đồng tử nở lớn, nước mắt chảy ra, chỉ thấy được khoảng 20 cm (1 gang tay), mạch Phù Sác.

Bệnh viện Hà Bắc chẩn đoán là Xuất huyết ở thủy tinh dịch.

Tôi cho là do phong nhiệt nhiều làm cho Can huyết nóng, mắt bị sung huyết gây nên đỏ, nhãn cầu sưng và đồng tử mở rộng.

Điều trị : Thanh tán phong nhiệt, làm mát và dưỡng Can huyết.

Châm cứu + dùng thuốc.

+ Châm các huyệt : Toàn túc, Ty túc không, Đồng tử liêu, Thái dương, Thái xung đều tả; bổ Tam âm giao. Mỗi ngày châm 1 lần, liên tục 3 ngày.

+ Thuốc: Cỏ mực 40g, Thảo quyết minh 30g, Rau má 40g, Hoa và lá Mã đề 2g, Hoa Cúc 15g, lá Bạc hà 15 lá, Gừng tươi 2 lát. Sắc uống ngày 1 thang.

Sau 3 ngày điều trị, mắt gần hết sưng đỏ, nhìn ra sân đã hơi rõ. Tiếp tục uống như trên 10 ngày liền, mắt hết sưng

đỏ, nhãn cầu hết sưng, đồng tử thu nhỏ lại, nhìn ra ngoài thấy rõ lại như thường.

205- THUYẾT TINH THỂ CÓ VẬT CHƠI VỚI

(Trích trong ‘ Tạp chí đông y’ số 96, Việt Nam).

Nguyễn Thị M.. 32 tuổi. Mắt có cảm giác như ruồi bay, nhìn không rõ.

Khám chuyên khoa:

MP, đếm ngón tay: 0, 50m. MT, đếm ngón tay: 1,00m.

Bán phần trước bình thường.

Soi ánh đồng tử: Có từng vật đen lượn đi lượn lại mỗi khi người bệnh đảo mắt. Đáy mắt xem không rõ. Tổng trạng cơ thể, răng hàm mắt, tai mũi họng và xét nghiệm máu đều bình thường.

Chẩn đoán theo YHHĐ: Thuyết tinh thể có vật chơi với.

Theo YHCT: Can hoá thượng xung do Thận thủy suy.

Xử phương: Chè vàng 60g, Ngây hương 30g, Hoàng bá 8g, Lai quy 8g, Hoàn g cầm 8g, Chi tử 8g, Sinh địa 8g, Bồ cu vẽ 20g, Kinh giới 8g. Mỗi ngày uống 1 thang.

Sau khi uống, thuốc : đếm ngón tay - 2, 00m.

	MT	MP
1 tháng :	1/ 10	1 / 10
2 -	3/ 10	2/ 10
3 -	5/ 10	3/ 10
4 -	8/ 10	5/ 10
5 -	8/ 10	5 / 10
6 -	10/ 10	8/ 10

Khám lại : Vật chơi với chỉ còn những hạt li ti.

206- ĐỤC THỦY TINH THỂ

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Cách, nam, 37 tuổi, cán bộ, nhập điều trị ngoại trú ngày 3/10/ 1964. Có một vết trắng đục ở phía trên bên phải của thể thủy tinh phải, hình dáng giống như một đoá hoa có bờ trong: thị lực bị giảm thiểu khi nhìn sang phải. Bệnh nhân điều trị nửa năm trong một bệnh viện nhưng không tốt nên xin được châm tại dưỡng đường của tác giả.

Châm *Tinh minh, Dương bạch, Phong trì, Hợp cốc*, ngày một lần, châm nhanh. Vết đục thủy tinh thể biến mất sau 5 ngày điều trị. Không thấy tái phát sau 10 năm.

207- ĐỤC THỦY TINH THỂ

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Lý, nam, 11 tuổi, nhập điều trị ngoại trú ngày 7/11/1965.

Có một vùng đục nhỏ ở giữa dưới thủy tinh thể bên trái, trông giống như một trăng lưỡi liềm, có màu trong đục bờ rõ. Thị lực bệnh nhân giảm nặng.

Nhóm 1: *Tinh minh, Dương bạch, Phong trì, Hợp cốc.*

- Nhóm 2: *Câu hậu, Thái dương, Ất minh, Tý nhu.*

Hai nhóm huyết được sử dụng luân phiên nhau. Mỗi nhóm trong một liệu trình với một khoảng nghỉ là 3 ngày giữa hai liệu trình. Mỗi ngày châm một lần. Vết đục huyết tinh thể giảm nhiều sau 5 liệu trình điều trị.

208- ĐỤC THỦY TINH THỂ VÀ ĐÁY MẮT XUẤT HUYẾT

(Của Vương Vĩnh Khang - Trích trong 'Thiên gia diệu phương', quyển hạ, của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Lô XX, nữ, 39 tuổi, cán bộ y viện. Ngày 1/2/1979, nhân tình chí lo sâu uất giận, mắt trái đột nhiên mờ, trong mắt như có vật màu đỏ bay qua bay lại. Bệnh viện Nội Gia Mông chẩn đoán là nhãn áp mắt bên trái cao và đáy mắt xuất huyết, viêm thị thần kinh, viêm thị võng mạc, đục thủy tinh thể... Kiểm tra thị lực 0,1, điều trị 2 tháng không khỏi, chuyển Đông y khám. Kiểm tra thấy mắt trái lõm xuống, không nhìn rõ, chóng mặt, hoa mắt, hay mơ, mất ngủ, ngực sườn đau, miệng đắng, họng khô, tai ù, râu lưỡi trắng mỏng, mạch Huyền Sác. Chẩn đoán là đục thủy tinh thể (vân vụ di tình), đáy mắt xuất huyết. Phép trị là tư âm bình Can, thanh nhiệt lương huyết, dùng 'Lục vị thang gia giảm' (Sinh địa 15g, Sơn thù nhục 9g, Đơn bì 9g, Trạch tả 9g, Phục linh 9g, Sa uyển tật lê 9g, Xa tiền tử (bọc lại) 9g, Câu kỷ tử 15g, Thạch斛 9g, Sài hồ 9g, Hoàng cầm 9g, Thanh bì 9g, Mộc hương 6g, Sung úy tử 9g, Sinh cam thảo 3g, Trúc diệp, Đẳng tâm để dẫn thuốc), uống 25 thang.

Ngày 26/2 khám lại: bệnh đã có chuyển biến tốt, thị lực khôi phục, dùng tiếp phương trên, bỏ Thanh bì, Mộc hương, thêm Dương quy, Hồng hoa uống 24 thang.

Ngày 1/4 khám lại: các chứng trạng bệnh đã hết, thị lực 1.0, đáy mắt khôi phục bình thường, khỏi bệnh.

Nhận xét: Dùng ‘Lục vị thang gia giảm’ trị 2 ca mắt: Một bị động mạch thị võng mạc trung tâm bế tắc, dùng bài trên, thêm Hồng hoa, uống 1 tháng, khỏi bệnh; 1 ca bị thanh quang nhãn, dùng bài trên, thêm Hồng hoa, Thanh tương tử, uống 1 tháng, khỏi bệnh.

209- NHÃN ÁP TĂNG

(Của Lý Cương Nguyên - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’, quyển hạ, của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Diêm XX, nam, 43 tuổi. Khám ngày 21/3/1972. Thường bị đau đầu, mắt bên phải trướng đau, lợm giọng buồn nôn, nhìn thấy loé như đom đóm, mắt kém đã 7, 8 năm, khi có sự phiền muộn bệnh nặng thêm.

Khám thấy mắt phải đồng tử to khoảng 4mm, phản xạ ánh sáng chậm, gai thần kinh đáy mắt lõm xuống, mạch máu ngoằn ngoèo, khu hoàng thể hơi tối, thị lực 0,2, nhãn áp 46mmHg, mắt trái bình thường, ngực đầy, sườn đau, miệng đắng, họng khô, chất lưỡi đỏ, rêu lưỡi vàng, mạch Sác. Đây là Can mất chức năng điều đạt, khí huyết uất bế. Phép trị là bình Can thanh nhiệt. Dùng ‘Lục phong an bình thang’ (Hạ khô thảo 30g, Hương phụ 9g, Đương quy 9g, Bạch thược 30g, Xuyên khung 5g, Thục địa 15g, Song câu 15g, Trân châu mẫu 25g, Trạch tả 15g, Xa tiền thảo 25g, Ô mai 15g, Bình lang 6g, Hà diệp 20g, Cúc hoa 20g, Cam thảo 3g, Hồ phách (uống với nước thuốc sắc) 3g), sau khi uống 3 thang, mắt bớt trướng đau, thị lực tăng hơn. Uống thêm 9

thang, kiểm tra lại thị lực là 0.9, nhãn áp 17mmHg, khỏi bệnh. 3 năm sau, kiểm tra lại, không thấy tái phát.

210- NHÃN ÁP TĂNG GÓC MỞ

(Của Kỳ Bảo Ngọc - Trích trong 'Thiên gia diệu phương', quyển hạ, của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Vũ XX, nữ, 23 tuổi, công nhân, số bệnh án 037040. Tháng 3/1978 đến khám. Bị đau đầu bên trái, mắt nhìn không rõ, về chiều bệnh càng tăng nặng, ngực nặng, ăn không tiêu, mắt kém, mạch Huyền, rêu lưỡi mỏng trắng, chất lưỡi hơi đỏ. Tháng 12/1977 bị đau đầu, bệnh viện chẩn đoán chứng thanh quang nhãn (glôcôm). Khám thấy thị lực xa: mắt trái 0,3, mắt phải 0,3, khám gần: Mắt trái 1,5, mắt phải 1,5. Tiền phòng hẹp, đáy mắt dùng 8D khám không có triệu chứng gì khác. Hai viên trong trắng mắt thu nhỏ còn 10^0 . Dùng thuốc co đồng tử thấy nhãn áp bên trái 34, bên phải 25. Kết hợp với bệnh sử chẩn đoán là chứng Glôcôm 2 góc mở (song khai giác thanh quang nhãn - Thanh phong nội chứng). Dùng 'Thanh quang nhãn hoàn' (Đương quy 5g, Bạch thược 6g, Hạ khô thảo 4g, Hoàng liên 1,5g, Hoàng cầm 3g, Hương phụ 3g, Trần bì 2g, Cúc hoa 4g, Sài hồ 2g, Phục linh 5g, Bạch truật 3g, Xa tiền tử 4g, Viễn chí 3g, Táo nhân (sao) 5g, Câu kỷ tử 8g, Hồng hoa 3g, Bạc hà 2g, Trân châu mẫu 15g, Sơn dực 9g, Long Đởm thảo 2g. Nghiền nhỏ, trộn với nước làm thành viên, mỗi ngày uống 3 lần, mỗi lần 9g), uống sáng 1 hoàn, tối 1 hoàn, kết hợp nhỏ thuốc lidocain 2%, mỗi ngày 4 lần (cả 2 mắt). Tháng

5/1978 khám lại thấy nhãn áp được khống chế, đổi lidocain 2% thành 1%, mỗi ngày nhỏ 3 lần. Đến tháng 7/1978 ngừng thuốc nhỏ mắt 1 tuần, nhãn áp hạ còn 22.38mmHg, các chứng trạng chính đã hết. Tiếp tục uống 'Thanh quang nhãn hoàn', cho đến tháng 6/1979. Vì nhãn áp được khống chế khá tốt cho nên ngừng uống thuốc, mãi đến tháng 10/1979, kiểm tra lại nhãn áp là 20.55mmHg. Thị lực xa bên phải là 0,7, bên trái 0,9, thị lực gần bên phải là 1,5, bên trái 1,5. Nhãn áp và thị lực đã gần được như trước đây, không biến đổi nữa. Vẫn định kỳ theo dõi.

211- VIÊM VÕNG MẠC TRUNG TÂM

(Trích trong sách 'Châm cứu lâm chứng thực nghiệm' của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Bành, nam, 34 tuổi: nhập điều trị ngoại trú ngày 13/6/1975. Đột ngột giảm thị lực trầm trọng đã 3 ngày, kèm theo nhức đầu và chóng mặt. Kết quả khám mắt tại bệnh viện cho thấy: phù vùng hoàng điểm của đáy mắt (++) , vẫn đục nặng không có phản xạ đồng tử. Thị lực mắt trái 0,3; thị lực mắt phải 1,5.

Chẩn đoán là *viêm võng mạc trung tâm*. Bệnh nhân được điều trị bằng cả Tân dược và Trung dược nhưng không thấy kết quả. Vì thế bệnh nhân xin châm trị.

Tại khu điều trị ngoại trú của tác giả, bệnh nhân được châm *Tinh minh, Dương bạch, Quang minh, Ất minh*, lưu kim trong 30 phút, 5-10 phút vê kim 1 lần. Mỗi ngày châm một lần.

Thị lực bệnh nhân tiến bộ rõ sau 3 lần châm, thị lực mắt trái lên 0,6; nhức đầu và chóng mặt cũng giảm. Đợt điều trị tiếp theo, châm *Câu hậu, Thái dương, Phong trì, Hành gian*, lưu kim trong 30 phút, 5-10 phút vê kim 1 lần. Mỗi ngày châm một lần. Đến ngày 29/6, thị lực tăng 1,2; phù vùng hoàng điểm hết hẳn, có phản xạ hoàng điểm trung tâm, nhưng sự phân biệt màu sắc còn hạn chế. Hiệu quả điều trị kéo dài đến sau nửa năm.

212- THOÁI HOÁ ĐIỂM VÀNG (Can Thận Âm Hư) (Trích trong ‘*Tạp chí đông y*’ số 124, *Việt Nam*).

Võ Thị..., 30 tuổi. Sau một đợt đau thần kinh tọa, mọi kích thích đều làm cho người bệnh giật mình, mắt ngày càng mờ dần, không đọc được thư từ và không may vá được, nhìn hình ảnh và vật không rõ nét. Thị lực : MP 1/10, MT 4/10.

Bệnh viện Nghĩa Đàn khám và kết luận là thoái hoá điểm vàng, YHCT cho là Thận Can âm hư.

Điều trị : Tư Thận, thanh Can, thanh Tâm, minh mục.

Cho dùng *Thục địa 12g (tư Thận), Chi tử 8g, Hoàng cầm 8g, Kỷ tử 10g (để thanh Can), Đại táo 3 quả, Long nhãn 8g, Viễn chí 8g (để thanh Tâm), Thảo quyết minh 10g, Cúc hoa 12g, Hoàng cầm 8g, Thương truật 8g, Thuyền thoái 4g (để minh mục).*

Uống liên tục 50 thang. Kết quả khi ra viện : MP 7/ 10, MT 10/ 10.

213- HOÀNG ĐIỂM VIÊM (Viêm Vỡng Mạc Trung Tâm Tiết Dịch)

(Trích trong ‘ Tạp chí đông y’ số 122, Việt Nam).

Phạm Xuân H, 28 tuổi. Đang công tác bình thường, tự nhiên thấy nhức đầu nhẹ, 2 mắt có cảm giác nặng, lau dụi không mất, rất khó nhìn, có một quầng màu xanh thẫm che trước mắt, to bằng cái chén uống nước, vì vậy đọc sách không được, đi lại khó khăn. Khám chức năng thị giác theo chuyên khoa :

Thị lực Mắt phải: 6/ 10, kính ± không tăng.

Mắt trái: 4/ 10, (nt).

Làm thị trường: Chu biên bình thường.

Soi mắt : Ở trung tâm có ám điểm tuyệt đối, rộng 20⁰. Tim phổi, các bộ phận khác bình thường.

Khám thực thể mắt:

+ Bán phần trước bình thường.

+ Thủy tinh thể, Thủy tinh dịch bình thường.

+ Đáy mắt, thần kinh, gai th ị, các huyết quản không có tổn thương.

+ Vỡng mạc vùng trung tâm cương tụ, không thấy ánh trung tâm.

+ Trên diện hoàng điểm có 1 số chấm, vết xuất tiết màu vàng nhạt.

Chẩn đoán :

+ Theo YHHĐ: Viêm vỡng mạc trung tâm tiền dịch.

+ Theo YHCT: *Thận âm hư tổn (quan hệ cả Can).*

Cho dùng ‘Minh mục hoàn’ (*Chỉ xác, Hạnh nhân, Ngũ trứ, Phòng phong, Sinh địa, Thạch học* – tán thành bột, làm hoàn).

Mỗi tuần tái khám một lần.

Sau 30 ngày: thị lực mắt phải tăng lên 8/ 10, mắt trái là 6/ 10, thị trường trung tâm nhạt màu, đáy mắt hết cương tụ, bớt phù.

Sau 86 ngày, Mắt phải tăng 10/ 10, Mắt trái 12/ 10, thị trường trung tâm bình thường, đáy mắt hoàng điểm không thấy ánh trung tâm, tổn thương ổn định. Theo dõi, không thấy tái phát.

214- MẮT MỜ DO ÂM HUYẾT HƯ HÀN

(*Trích trong ‘ Cuộc đời và kinh nghiệm của người thợ già trị bệnh’ của Lê Đức Thiếp Việt Nam*).

Huỳnh thị H, 30 tuổi, thợ may, độc thân. Gần tết, nhận đồ may quá nhiều, phải thức sáng đêm may cho kịp hàng cho thân chủ, sau đó bị mệt nhoài, mắt mờ không đọc được báo. Đã uống 1 ít thang thuốc của thầy thuốc ở gần nhà nhưng không thấy bớt. Khám thấy tròng trắng ở 2 mắt trắng tươi, tròng đen đen nhánh, hai đồng tử tinh nhanh như thường. Bệnh đã 3 tuần, mạch 2 bộ xích Trầm, Vi, không có lực.

Chẩn đoán : *Can Thận hư hàn*.

Dùng bài ‘Phụ tứ lý âm tiền’: *Xuyên quy 12g, Hắc khương 8g, Thục địa 12g, Cam thảo 4g, Phụ tử 8g*. Sắc uống 2 thang.

Khám lại, mắt đã đọc được báo, mạch hai bộ xích đã hơi có lực. Cho uống tiếp hai thang thì bệnh khỏi.

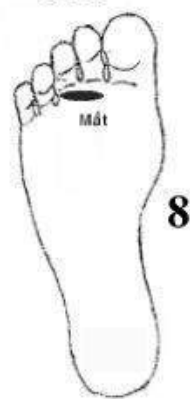
Khi trở lại tái khám, người bệnh cho biết: "Hôm đầu con cầm thuốc về, mẹ con cũng biết ít về thuốc, bà mở thuốc ra xem và lựa bỏ những miếng thuốc đen đem ra bỏ đi (con không biết đó là vị thuốc gì). Mẹ con nói: " Bệnh mắt mà ông ấy cho mà y uống thứ này để mà mau mù à, lựa hết ra". Con liền đáp: "Thầy đã cam đoan với con là thuốc này thế nào cũng khỏi rất nhanh. Xin mẹ cứ để nguyên cả cho con uống. Thật ra con uống lần đầu cũng hơi ngỡ ngợ, nhưng rồi không thấy sao, khi uống hết lại thấy mắt sáng ra. Con mừng quá, cứ đem báo ra đọc thử hoài hoài. Bấy giờ mẹ con cũng mừng quá. Mẹ con bảo: "Lạ nhỉ, bệnh mắt mà uống Can khương, Phụ tử mà khỏi, nay tao mới thấy!

Nếu hỏi rằng tôi căn cứ vào đâu mà dám mạnh dạn cho bệnh mắt này uống Khương, Phụ thì xin thưa là tôi chỉ căn cứ vào mạch 2 bộ xích Trầm, Vi, không có lực mà quyết đoán là 'Can Thận hư hàn' và cho uống Khương, Phụ chứ không nghi ngờ gì cả".

215- MẮT MỜ KHÔNG NHÌN THẤY

(Trích trong 'Helping yourself with foot reflexology' của Mildred Carter).

Ông Sade, 45 tuổi. Ông tỏ vẻ thất vọng khi gặp tôi. Người ta cho ông biết là đôi mắt của ông không thể trị được và khuyên ông không nên đọc sách



báo nữa để giữ cho đôi mắt đỡ mỏi mệt, còn nhìn được thêm ngày nào hay ngày đó. Khi ấn vào các điểm ở dưới lòng bàn chân, tôi nhận thấy ông chỉ thấy cảm giác đau ở đoạn dưới ngón chân thứ hai và ba, chỗ ngón chân tiếp giáp với bàn chân. Tay trái của tôi nắm chặt bàn chân ông, còn ngón cái của bàn tay phải bấm sâu vào gan bàn chân, đi dần từ gốc ngón chân cái về phía giữa hai ngón chân thứ hai và ba.

Tôi bấm như thế cho ông mấy ngày liền, rồi hướng dẫn cho vợ ông ấy làm cho chồng ở nhà, vì từ nhà hai ông bà đến chỗ tôi trị hơi xa. Một thời gian sau gặp lại ông, mắt ông đã sáng. Ông cho tôi biết rằng khi đi khám mắt lại, bác sĩ chuyên khoa đã nói: “Tôi chưa bao giờ gặp trường hợp mắt khỏi hoàn toàn như thế bao giờ!”.

216- TEO THẦN KINH THỊ GIÁC

(Của Tề Cương - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’, quyển hạ, của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

➤ Tạ XX, nam, 23 tuổi, cán bộ, số bệnh án 0646. Năm 1964, phát hiện thị lực 2 mắt giảm. Tháng 2/1965 bệnh viện khám chẩn đoán teo thần kinh thị giác, đã điều trị nhưng không hiệu quả. Sau đó lại thấy thị lực dần dần giảm, cho đến khi đi lại cảm thấy khó khăn. Ngày 5/6/1965 vào viện. Khám thấy sức khỏe bình thường, khám mắt thấy mắt bên phải thấy tay hoạt động trước mắt, chỉ số mắt trái 30mm, chỉ áp T n, khám bên ngoài, thể thủy tinh bình thường, khám đáy mắt: gai thần kinh thị giác teo nhỏ, mạch máu

teo nhỏ, màu trắng bạc, giới hạn rõ, mạch Tế Nhược. Chẩn đoán teo dây thần kinh thị giác 2 mắt (thanh manh nội chướng). Phép trị là tư bổ, hoạt lạc, sáng mắt, dùng ‘Phục minh địa hoàng thang gia giảm’ (Câu kỷ tử 25g, Cúc hoa 20g, Địa hoàng 15g, Dương quy 12g, Xích thực 9g, Tô mộc 15g, Thanh tương tử 12g, Ty qua lạc 15g, Thốn đông 9g, Chân châu mẫu 50g, Đan sâm 12g, Sinh hoàng kỳ 15g), phối hợp uống Minh mục địa hoàng hoàn, Dương can hoàn.

Điều trị như trên 3 tháng 5 ngày, thị lực tăng cao, mắt bên phải 1.0, mắt trái 0.9⁺², đáy mắt cải thiện nhiều, khỏi bệnh, ra viện. Theo dõi 7 năm, sau khi bệnh khỏi, tham gia đội văn công quân đội, thị lực 2 mắt tốt.

➤ Vu XX nam, 46 tuổi, cán bộ, số bệnh án 6821. Năm 1969 bị teo dây thần kinh thị giác, bệnh viện điều trị hơn 1 tháng, thị lực tăng, ra viện. Ngày 26/7/1972 thị lực mắt bên phải giảm, ngày 28, bệnh viện tỉnh và bệnh viện lớn khám chẩn đoán là teo dây thần kinh thị giác (2 mắt), ngày 1/8 vào viện.

Khám thấy sức khoẻ bình thường, khám mắt thấy thị lực mắt bên phải có cảm giác ánh sáng không chính xác, mắt trái 0.5, chỉ áp Tn, mắt bên phải lé 5⁰, mắt bên phải độ tán đồng tử trung bình, mất phản xạ ánh sáng trực tiếp, còn phản xạ ánh sáng gián tiếp, thủy tinh thể tốt. Khám đáy mắt gai thần kinh thị giác 2 mắt rõ, giới hạn rõ ràng, mạch máu teo nhỏ, gai hiện rõ màu trắng bạc, khu hoàng điểm trung tâm mắt phải lõm vào, mất phản xạ, mạch Huyền Tế hơi Sác, Chẩn đoán là teo dây thần kinh thị giác

2 mắt (thanh minh nội chứng). Dùng ‘Phục minh địa hoàng thang gia giảm’ (*Câu kỷ tử 25g, Cúc hoa 20g, Địa hoàng 15g, Đương quy 12g, Xích thực 9g, Tô mộc 15g, Thanh tương tử 12g, Ty qua lạc 15g, Thốn đông 9g, Chân châu mẫu 50g, Đan sâm 12g, Sinh hoàng kỳ 15g*) là chính, phối hợp các phương pháp trị liệu về mắt, tổng cộng điều trị ở viện là 139 ngày, thị lực mắt bên phải 1.2⁻¹, mắt bên trái 1.2⁺¹, tầm nhìn bình thường, đáy mắt cải thiện, khỏi bệnh, ra viện. Viết thư cho biết tình trạng tốt, không thấy tái phát.

217- MÙ MÀU

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyên, Trung quốc).

Phong, nam, 17 tuổi, học sinh, nhập điều trị ngoại trú ngày 24/1 1/1969. Khám lâm sàng nhận thấy bị mù màu một phần. Thị lực 1,5.

Nhóm 1: *Ế minh, Toàn trúc, Cầu hậu.*

Nhóm 2: *Tinh minh, Thái dương, Phong trì.*

Châm nhanh, lưu kim 30 phút, 5-10 phút vê kim 1 lần. Mỗi ngày châm 1 lần, 7-10 ngày là một liệu trình, nghỉ 2-3 ngày lại tiếp tục liệu trình 2.

Thị giác nhận thức màu đỏ và màu xanh được phục hồi sau liệu trình thứ nhất và nhận thức tất cả màu sắc được phục hồi sau 2 liệu trình.

Bệnh nhân đã gia nhập quân đội vào năm sau.

218- MÙ MÀU ĐỎ

(Của Lộ Tế Bình - Trích trong 'Thiên gia diệu phương', quyển hạ, của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Lý XX, nam, tuổi trung niên, thường hay bị chóng mặt, hoa mắt. Vào mùa xuân, lúc làm việc, nhìn giấy màu đỏ thành màu trắng, lo sợ hỏi mọi người xung quanh, họ đều nói giấy màu đỏ chứ không phải màu trắng, vì vậy đến xin điều trị. Xem mạch thấy tả thốn Tế Nhược, hữu thốn hơi trệ, Hồng Đại, biết là do Tâm huyết bất túc, Phế khí hữu dư. Tâm huyết bất túc thì thần quang sẽ yếu, khí thịnh thì màu sẽ biến, vì vậy, nhìn màu đỏ thành trắng. Dùng 'Gia vị bổ âm ức dương thang' (Đại sinh địa 30g, Sinh quy bản 12g, Sinh mẫu lệ 12g, Tri mẫu 12g, Hoàng bá 9g, Viễn chí 9g, Thạch xương bồ 9g, Thỏ ty tử 9g, Thạch quyết minh 18g, Cúc hoa 9g, Phục linh 9g, Cam thảo 3g, Đại giả thạch 15g, Táo nhân 9g, Chử thực tử 9g, Tử thạch anh 4,5g). Phối hợp châm các huyết: Hậu đỉnh, Cường gian. Uống liên tục 20 thang, màu sắc đã có chuyển biến. Chuyển dùng 'Kỷ cúc địa hoàng hoàn' uống thường xuyên. 100 ngày sau, khỏi bệnh.

Nhận xét: Trong ngũ cung thì mắt là bộ phận trọng yếu, có thể nhìn thấy được cả những thứ nhỏ, nếu mất chức năng này, to như núi thái sơn cũng không nhìn thấy. Để phân biệt được sáng tối, màu đen màu trắng, phải dựa vào mắt. Nhìn thấy màu đỏ giống như màu trắng, là do Tâm huyết bất túc, Phế khí hữu dư gây nên. Huyết bất túc thì hoả suy. Hoả suy thì không sức nhìn kém. Do đó Phế

khí (kim) sẽ thịnh phản khắc lại Tâm hoả, khiến cho Phế khí nghịch lên trên, Thận âm không giáng, âm dương bị loạn, vì vậy, nhìn mầu đỏ ra mầu trắng.

219- MÙ DO VIÊM NÃO

(Trích trong ‘ Tạp chí đông y’ số 73, Việt Nam).

Hồ thị Th, 5 tuổi. Sau khi bị viêm não, để lại di chứng mù hoàn toàn. Chuyên khoa ở bệnh viện chẩn đoán : Mù trung tâm. Bệnh đã 20 ngày, người gầy ốm, mù không thấy gì, đi đứng bình thường.

Điều trị: Châm huyết *Tinh minh, Đông tử liêu, Quang minh, Khế mạch*. Châm bổ, lưu kim 30 phút Cách 1 ngày châm 1 lần. Sau 3 lần châm, bệnh nhi xuất viện, thấy rõ, đi đứng bình thường.

220- MẮT LÉ DO LIỆT

(Của Bạch Quang Trung - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’, quyển hạ, của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Quý XX, nam, 47 tuổi, xã viên công xã. Tháng 5/1966 đến khám. Nhìn vật thành hai đã hơn 4 tháng. Bệnh viện Thành Đô chẩn đoán là mắt bên phải bị lé do liệt mắt, đã uống nhiều thuốc nhưng không có chuyển biến, vì nhìn vật thành hai nên phải có người dìu đi. Khám thấy mắt bên trái bình thường, nhãn cầu bên phải lệch về đuôi mắt, chuyển động không linh hoạt, mắt hơi khô rít, sức khoẻ bình thường, ăn được, đại tiểu tiện thường, đầu lưỡi đỏ, ít

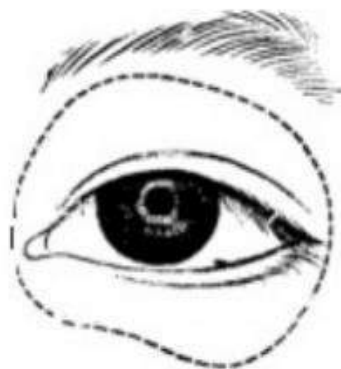
tân dịch, mạch Huyền Tế hơi Sác. Dùng ‘Tư thận nhu can thang’ (Thục địa 20g, Táo bì 9g, Sơn dược 20g, Phục linh 9g, Đơn bì 9g, Trạch tả 9g, Câu kỷ tử 15g, Cúc hoa 9g, Đương quy 9g, Bạch thược 60g, Hà thủ ô 30g, Cam thảo 30g), uống 2 thang.

Tái khám: nhìn xa một vật thành hai, nhãn cầu hơi chuyển động, bài thuốc trên đã có kết quả, dùng phương trên thêm Đan sâm 30g, Tế tân 1g, uống 3 thang.

Khám lần 3: Sau khi uống thuốc nhìn vật không thành hai nữa, ăn hơi giảm, rêu hơi trắng bệu, đầu lưỡi hơi đỏ, mạch Hoãn. Do dùng nhiều loại thuốc tư, nhu khiến cho trung tiêu không vận hành, Tỳ thấp sinh ra ở bên trong, dùng phương trên, thêm Trần bì, Cốc nha để hành khí, hoá thấp, hoà trung, khai Vị, uống 4 thang.

Khám lần 4: Nhãn cầu chuyển động linh hoạt, nhìn vật cơ bản đã bình thường. Đổi dùng *Kỷ cúc địa hoàng hoàn*, uống thường xuyên để củng cố kết quả.

Nhận xét: Can mạch liên quan đến mắt, tinh là sức sống của mắt có quan hệ mật thiết đến Thận. Nhãn cầu không linh hoạt liên quan đến Can Thận âm suy, công năng của mắt mất chức năng thì xảy ra tình trạng trên. Bài thuốc trên dùng là bài ‘Kỷ cúc địa hoàng hoàn’, thêm Bạch thược, Cam thảo để bổ Can Thận âm; Đương quy, Thủ ô dưỡng Can huyết. Bệnh lâu ngày tất có ứ trệ, dùng Đan sâm thông lạc, Tế tân khai khiếu, giúp tăng việc tư (Thận) và nhu (Can). Nội thấp sinh ra cho nên thêm Trần bì để hoá thấp, Cốc nha để hoà Vị, để bổ mà không trệ, theo ý ‘Dùng thuốc phải theo sự thay đổi của bệnh chứng’.



TAI MỦI HỌNG

221- TAI CHẢY MỦ

(Trích trong ‘Lý luận 32 bệnh án’ của Lê Đức Thiệp Việt Nam).

Người bệnh nữ, 37 tuổi. Bị chứng tai chảy mủ đã 10 năm nay, không thuốc nào chữa khỏi. Tai trái chảy mủ. Sắc mặt trắng lợt, phía trong mi mắt trắng nhạt, lưỡi dày, thâm, ăn ngủ tốt, kinh nguyệt không đều, đại tiện hơi bán, tiểu tiện nóng đỏ, lưng đau, chân lạnh, mạch xích bên phải *Trầm Tiểu* mà *Huyền*, mạch xích bên trái không có lực. Đã lập gia đình lâu mà không con, do đó, tới xin chữa chủ yếu là chứng vô sinh.

Chẩn đoán: *Thận hoả hư suy*.

Cho dùng: *Phá cố chỉ* (*tắm nước muối nhạt, sao khô*) 12g, *Đại hoắc Tiểu hồi* 12g, *Hắc khương* 12g, *Xuyên khung* 12g, *Mía* 10g. Sắc thuốc 2 lần, cộng dồn lại, chia uống 2 lần/ngày. Mỗi khi uống hâm nóng, cho vào 1 quả trứng gà (bỏ lòng trắng đi), trộn chung với thuốc thang, uống. Tuần sau tái khám, bệnh đỡ nhiều, dù gặp tuần đang hành kinh. Mạch khá lên. Uống như cũ, 4 thang/ tuần. Lần khám thứ 3, khai rằng chứng *tai chảy mủ* đã khỏi hẳn, không biết từ lúc nào.

Nếu chữa cho người lớn thì dù mủ ra màu xanh, trắng, đỏ, đen hoặc vàng, mủ đặc hay lỏng, mới phát hoặc phát

đã lâu, mùi hôi khó chịu... đều do Vị nhiệt hoặc Can hoả. Hai thứ đó hợp nhau mà phát. Thuốc chữa thường chỉ dùng bài Sài hồ thanh can thang (Sài hồ, Bạch Thược, Sơn chi, Đơn bì, Dương quy, Thanh bì, Câu đằng, Cam thảo) hoặc ‘Long đởm tả can thang’ (Long đởm thảo, Dương quy, Hoàng cầm, Chi tử, Trạch tả, Mộc thông, Sài hồ, Sinh địa, Cam thảo, Xa tiền tử) hoặc ‘Bát vị tiêu dao tán’ (Bạch thược, Bạch truật, Cam thảo, Dương quy, Mẫu đơn bì, Phục linh, Sài hồ, Sơn chi). Bên ngoài dùng Đào nhân nghiền lấy ít dầu rồi mài với ít Băng phiến trộn đều, nhỏ vào tai, vài ngày là khỏi. Nhưng bệnh này đã kéo dài 10 năm, chắc rằng những bài thuốc trên, người bệnh đã được các thầy thuốc trước cho dùng rồi mà tại sao lại không khỏi ? Phương thuốc này là thuốc ôn bổ Thận dành cho phái nữ. Thực ra, tôi chưa nghĩ gì đến chữa chứng tai chảy mủ và chứng này là phụ, (chủ yếu là chữa vô sinh). Vậy mà uống thuốc này vào, chứng tai chảy mủ đã 10 năm lại khỏi ngay, hết một cách mau chóng, nhẹ nhàng, thật kỳ lạ. Vậy bài này lại tình cờ là bài thuốc chữa tai chảy mủ lâu năm rất hay.

222- VIÊM TAI GIỮA

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyên, Trung quốc).

Hứa, nữ, 31 tuổi công nhân, nhập điều trị ngoại trú ngày 03/02/1968. Ngày 30/01/1968, bệnh nhân đột ngột bị đau cấp dữ dội tai bên phải, mất ngủ, ớn lạnh và kèm

nhức đầu. Đã uống thuốc giảm đau và Terramycine. Sau đó tai chảy mủ vàng xanh trước khi đến châm trị. Bệnh viện chẩn đoán là viêm tai giữa cấp tính. Bệnh nhân xin châm trị.

Điều trị: Châm *Nhĩ môn xuyên Thính cung, Ấc phong, Đại chùy, Khúc trì và Phong trì*. Lưu kim 1 giờ. Cứ 20 phút về kim một lần. Châm ngày một lần.

Ngày hôm sau, đau tai có giảm hơn. Thân nhiệt giảm còn 38oC.

Châm như sau: Châm *Nhĩ môn xuyên Thính cung, Ấc phong, Phong trì, Trung chủ* và *Túc lâm khắp* ngày một lần.

Các triệu chứng hết hẳn vào lần châm thứ 6 ngày 08/02/1968.

223- VIÊM TAI GIỮA

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Chu, nữ, 40 tuổi, nông dân, nhập điều trị ngoại trú ngày 09/07/1966. Bệnh nhân có tiền sử viêm tai giữa bên phải, đã chữa khỏi cách đây 10 năm. Cách đây 5 ngày tai phải lại đau và chảy mủ, ù tai và sợ lạnh, thân nhiệt 38oC, Các cơ quan khác bình thường.

Điều trị: Châm *Nhĩ môn xuyên Thính cung, Ấc phong, Đại chùy, Khúc trì và Túc lâm khắp*. Lưu kim 1 giờ. Cứ 20 phút về kim một lần. Châm ngày một lần.

Dùng Thuyền thoái 9g, nướng, tán bột, thổi vào ống tai ngoài.

Các triệu chứng giảm sau lần châm thứ nhất và khỏi hẳn sau 4 lần châm.

224- VIÊM TAI GIỮA CẤP HOÁ MỦ

(Của Tê Cương - Trích trong 'Thiên gia diệu phương', quyển hạ, của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Trần XX, nữ, 6 tuổi, xướng ô tô số 1. Bệnh nhân bị cảm mạo 1 tuần, sau đó tai chảy mủ, điều trị nhiều loại thuốc Tây nhưng không khỏi. Ngày 6/5/1974 đến Đông y khám điều trị. Kiểm tra chẩn đoán là viêm tai giữa hoá mủ (hai tai). Dùng 'Băng xạ tán nhị hiệu' (Băng phiến 9g, Xạ hương 0,5g, Chương đơn 12g, Khô phàn 9g, Long cốt 15g. Tán bột, cho vào lọ kín, để nơi khô mát. Trước hết, dùng nước Oxy già rửa sạch vết thương, lấy 1 ít thuốc, thổi vào tai, mỗi ngày 1 lần). Làm như vậy 7 ngày, hai tai hết chảy mủ. Theo dõi nửa năm, không thấy tái phát.

225- VIÊM TAI GIỮA MẠN HOÁ MỦ

(Của Tê Cương - Trích trong 'Thiên gia diệu phương', quyển hạ, của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Triệu XX, nam, 24 tuổi, công nhân. Năm 12 tuổi tai bên phải bị chảy mủ, khi khỏi khi không. Mỗi khi bị cảm mạo hoặc nước bẩn vào tai lại bị tái phát. Ngày 7/7/1974 đến khám. Kiểm tra thấy tai bên phải chảy mủ, sau khi lau sạch xem xét thấy giữa màng nhĩ có lỗ thủng. Chẩn đoán viêm tai giữa hoá mủ mạn tính. Dùng 'Băng xạ tán nhị hiệu' (Băng phiến 9g, Xạ hương 0,5g, Chương đơn 12g, Khô

phần 9g, Long cốt 15g. Tán bột, cho vào lọ kín, để nơi khô mát. Trước hết, dùng nước Oxy già rửa sạch vết thương, lấy 1 ít thuốc, thổi vào tai, mỗi ngày 1 lần). Dùng thuốc 12 ngày, tai khô, sau đó dùng tỏi đắp ngoài lỗ thủng, màng nhĩ liền lại, theo dõi ba năm, không tái phát.

226- TAI Ò

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Thư Chí Thành, 60 tuổi, tuổi già, cơ thể suy yếu, hai tai ò, lòng bùng.

Điều trị: Bổ Thận, châm huyết Phục lưu, bổ 3 lần, Phi dương, bổ 3 lần (chỉ dùng huyết ở bên chân trái).

Kết quả: Châm xong tai bên trái bớt một nửa. Châm thêm lần thứ hai, cả hai bên, đều giảm nhiều.

Giải thích: Dựa theo bệnh, châm bổ Thận để trị tai lòng bùng, mới châm một lần đã giảm bớt, đó là sự thật, có thể cho thấy sự liên hệ giữa tai và Thận. Sau đó châm thêm huyết Phi dương, tai hết lòng bùng, cho thấy Thận và Bàn quang có quan hệ biểu lý. Châm bổ huyết Phi dương, tai giảm hẳn cho thấy tác dụng của biểu và lý. Đồng thời cho thấy chân thông lên đến tai.

267- TAI Ò

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Lý, nữ, công nhân, nhập điều trị ngoại trú ngày 11/09/1967. Bệnh nhân bị ò hai tai và trong tai có tiếng ve kêu đã gần hai năm. Khả năng nghe bị giới hạn nhất là khi mệt mỏi hoặc tức giận, kèm theo mất ngủ và chóng mặt.

Thăm khám: Huyết áp 130/80 mmHg, tai mũi họng bình thường, rêu lưỡi vàng, mạch Hư Tế. Chẩn đoán là *ù tai thần kinh*.

Châm Hạ quan, Thính hội, Bá hội và An miên 2, ngày một lần.

Bảy ngày là một liệu trình.

Mất ngủ và ù tai giảm rõ sau liệu trình thứ nhất.

Liệu trình thứ hai châm Thính cung, Ất phong, Bá hội và An miên 2.

Tất cả các triệu chứng đều hết, chỉ còn ù tai đôi chút, bệnh nhân ngủ ngon và hết chóng mặt.

Liệu trình thứ ba châm Thính hội và Giác tôn, cách ngày một lần. Tất cả các triệu chứng hết hẳn sau 5 lần điều trị. Không thấy tái phát sau năm năm.

268- TẮC VÒI EUTACHI

(Của Trương Thắng - Trích trong ‘Thiên gia diệu phương’, quyển hạ, của Lý Văn Lượng, Trung quốc).

Cổ XX, nam, 46 tuổi. Tháng 1/1968 đến khám. Nửa tháng nay bị chóng mặt, đau đầu, đầu như bị bó vào, như bị che đi, bên phải đau nặng, khi đau thì muốn nôn, nôn ra đờm rãi, thức ăn. Hàng ngày, về chiều thì bị rét run, sau đó phát sốt, thân nhiệt lên đến 40oC, ra mồ hôi, mạch yên, người mát, lúc nóng lúc lạnh, mỗi ngày đều bị như vậy, mạch Huyền Hoạt Sác, chất lưỡi đỏ, rêu vàng bản. Đã uống các phương thuốc ‘Tiểu sài hồ thang’, ‘Toàn phúc đại giả thang’, ‘Ôn đởm thang’ nhưng không khỏi. Bệnh sử đã

bị viêm tai giữa, gần đây tai giữa bế tắc không nghe tiếng. Khoa ngũ quan bệnh viện khám, phát hiện gai thần kinh thị giác sưng, màng nhĩ bị thủng có mủ, chẩn đoán là viêm tai giữa hoá mủ, tràn ra làm tắc lỗ tai. Vì vậy, biện chứng là Can Đởm nhiệt kết. Dùng ‘Thông khiếu giải độc thang gia giảm’ (Long Đởm thảo 6g, Tiêu chi 9g, Hoàng cầm 9g, Trần hương cao 8g, Tử bối thiên quỳ 20g, Ngư tinh thảo (tươi) 30g, Thanh nường tử 5 cái, Hồng nường tử 5 cái (sao với gạo nếp), Bào giáp phiến 8g, Liên bì đào nhân 9g, Địa miết trùng 6g, Địa long (khô) 6g, Xa tiền tử (bọc lại) 18g).

2 ngày sau khám lại: Về chiều sốt dao động khoảng 37,8 – 38⁰C, hết nôn mửa, đầu giảm đau, uống phương trên thêm 3 ngày, hết sốt, nhẹ đầu. Tiếp tục dùng phương trên, bỏ Ngư tinh thảo, Địa miết trùng, uống thêm 5 ngày, khỏi bệnh.

Nhận xét: Trương Thạch Ngoan nói : ‘Hồng nường tử là thuốc của kinh Quyết âm, năng hoạt huyết, tán huyết... cùng dùng chung với Nguyên thanh, Ban miêu, có tác dụng hoạt huyết tán kết. Năng thông huyết bế, hành ứ huyết... trị thiên đầu thống’, ‘Thanh nường tử tác dụng thanh độc công tích, phá huyết, truy thai... tiêu mục ế, khứ thiên đầu phong, tai điếc’. Trong bài dùng Thanh và Hồng nường tử theo ý của Trương Thạch Ngoan.

269- TAI ĐIẾC

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

☞ Đoàn, nam, 19 tuổi, nông dân, nhập điều trị ngoại trú ngày 11/10/1968. Bệnh nhân không nói được từ lúc nhỏ, không rõ nguyên nhân.

Nhóm 1: *Nhĩ môn, Ấp phong.*

Nhóm 2: *Thính hội và Hạ quan.*

Châm, vê kim, lưu kim ngắn.

Sau khi châm có thể nghe tiếng đồng hồ treo tường cách tai anh ta khoảng 10cm và gọi được cha và mẹ sau hai lần điều trị. Sau 4 lần điều trị, thính lực khá dần đến mức có thể nghe tiếng đồng hồ đeo tay cách tai anh ta khoảng 10 cm. Từ đó anh ta nói ngày càng khá dần.

☞ Văn, nam, 10 tuổi, học sinh, nhập điều trị ngoại trú ngày 17/10/1968. Cách đây ba tháng bệnh nhân bị mất thính lực sau khi sốt cao, nhưng khả năng nói vẫn bình thường.

Châm *Thính hội và Hạ quan*, vê kim, lưu kim ngắn. Sau 2 lần châm, thính lực phục hồi. Không thấy tái phát sau 10 năm.

☞ Lưu, nam, 8 tuổi. Lúc ba tuổi, sau khi tiêm Streptomycine và Penicilline để điều trị sốt cao được 3 ngày thì bệnh nhân không còn nghe được nữa. Bệnh nhân vẫn nói tốt trước khi bị điếc, từ đó khả năng nói mất dần. Bệnh viện đã điều trị nhưng không thấy hiệu quả.

Nhóm 1 : *Nhĩ môn, Ấp phong.*

Nhóm 2 : *Thính hội, Hạ quan.*

Hai nhóm huyết được luân phiên sử dụng, cách ngày châm một lần, 7 ngày là một liệu trình.

Sau đợt trị thứ nhất bệnh nhân có thể nghe được tiếng loa phát thanh trong xe. Sau đợt điều trị thứ hai, bệnh nhân nghe được tiếng nói. Sau đợt điều trị thứ ba, bệnh nhân nghe được tiếng vỗ tay. Sau đợt điều trị thứ tư, bệnh nhân đã có thể nghe tiếng đồng hồ treo tường và nói một số từ đơn giản như ba, má.... Sau đợt điều trị thứ năm, bệnh nhân có thể nghe được tiếng đồng hồ đeo tay. Khả năng nghe còn kém sau một năm.

☞ Bệnh nhân Lý, nam, 19 tuổi, nông dân, nhập điều trị ngoại trú ngày 07/05/1979. Bệnh nhân mất khả năng nghe và không nói được từ lúc nhỏ. Tai phải hoàn toàn điếc, tai trái có thể nghe được tiếng sấm.

Nhóm 1 : Nhĩ môn, Ất phong.

Nhóm 2 : Thính hội, Hạ quan.

Châm luân phiên hai nhóm huyết trên, cách ngày châm một lần. Bảy ngày là một liệu trình.

Sau lần châm thứ ba, tai trái có thể nghe được đôi chút và bệnh nhân có thể nói những từ đơn giản Má, Em.... Khả năng nghe của hai tai thấy khá hơn sau liệu trình châm thứ 2. Anh ta đã nói được một số từ đơn. Châm trị cách ngày. Tổng cộng thêm bảy lần châm nữa. Khả năng nghe hầu như phục hồi và nói cũng tiến bộ hơn. Hiệu quả điều trị còn tăng sau nửa năm.

270- CHẢY MÁU CAM - CHẢY MÁU MŨI

(Trích trong 'Thành tích lục' của Cát Ích Nam Nhai, Nhật Bản).

Cháu nhỏ bị ngoại cảm sinh ra chứng *chảy máu cam*. Có một y sinh nọ cho dùng bài ‘Ma hoàng thang’ (Ma hoàng 12g, Quế chi 8g, Cam thảo 2,4g, Hạnh nhân 10 hạt, Sinh khương 3 lát, Hành nướng 2 củ) thì máu mũi càng ra nhiều hơn. Nhờ Cát tiên sinh chẩn trị. Tiên sinh cho dùng ‘Quế chi gia cát cánh thang’ (Quế chi 12g, Bạch Thược 10g, Cam thảo 4g, Sinh khương 3 lát, Cát cánh 6g), hợp chung với bài ‘Hoàng liên giải độc tán’ (Hoàng liên, Hoàng cầm, Hoàng bá, Sơn chi, mỗi thứ 6g). Uống đơn thuốc này thì khỏi.

271- CHẢY MÁU CAM - CHẢY MÁU MŨI (Ty Nục)

(Y án của Vương Kinh Bang, Trích trong ‘Danh y nghiệm án loại biên’, Trung quốc).

Lý Trung Vinh, trên 30 tuổi. Chỉ có sốt không có lạnh, mặt đỏ bừng, máu mũi chảy ra như suối.

Định bệnh : Ôn bệnh ty nục, do Dương minh uất nhiệt, bức bách máu xung lên não, não thông ra mũi, gây ra *chảy máu cam*.

Nếu ôn bệnh mà mạch Hồng, Đại, Phù, Khâu, chắc chắn sẽ gây ra chứng chảy máu cam. Trước hết phải giải cơ, thanh nhiệt để tránh biến chứng. Nếu dùng *tân ôn táo thấp*, lập tức máu sẽ tuôn ra. Muốn cầm máu, phải dùng phép giải cơ, thanh nhiệt là đúng, tuy còn ít dư tà nhưng không đáng ngại. Nhất thiết không được dùng Nhân sâm, Hoàng kỳ, Sinh địa, Thược dược là thuốc bổ khí, liễm huyết, tư âm, vì dù cầm được chứng chảy máu nhưng tà

khí không bị dẹp sẽ sinh biến chứng, trở thành chứng bất trị, tôi đã tận mắt thấy mấy trường hợp.

Phép trị: Dùng Thanh hao, Trúc diệp, Liên kiều để thanh giải biểu nhiệt; Hoàng liên, Hoàng cầm, Đơn bì, Chi tử để thanh nhiệt ở lý; lá Sen làm mát huyết mà tiêu ứ; Mộc thông và Rễ tranh để khu tà mà dẫn xuống.

Cho dùng *Thanh hao* 8g, *Chi tử* (sao đen) 8g, *Hoàng cầm* 4g, *Đạm trúc diệp* 6g, *Mộc thông* 4g, *Liên kiều* 6g, *Đơn bì* 8g, *Lá Sen tươi* 4g, *Rễ cỏ tranh* 40 cọng. Uống vào, máu cầm ngay, không cần thuốc nào khác nữa mà khỏi bệnh.

Nhận xét: Nhiệt của ôn tà bốc lên gây chảy máu mũi. Máu ra rồi thì nhiệt phải giảm, cho nên phép thanh giải không thể giống bài thuốc ở các y án khác. Bài này nếu thêm Sinh địa 15g, Đại hoàng (sống) 1.5g thì công hiệu càng nhanh.

272- CHẢY MÁU CAM

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Vương, nữ, 18 tuổi, công nhân, nhập điều trị ngoại trú ngày 10/08/1976. *Chảy máu mũi* đã ba ngày và mỗi lần đều xảy ra sau 2 giờ trưa và thường xảy ra lúc bệnh nhân rửa mặt hoặc hỉ mũi. Bệnh nhân đã tiêm vitamin K và uống ‘Tiên hạc thảo’ (1 loại thuốc cầm máu của Trung y) kèm theo chườm lạnh, nhét bông chèn lỗ mũi nhưng không thấy có hiệu quả tốt. Bệnh nhân yêu cầu được châm trị.

Thăm khám thấy bệnh nhân xanh xao, hoa mắt, chóng mặt, có tiền sử thường chảy máu mũi vào khoảng 3 - 5 ngày trước khi hành kinh. Gần đây cơn chảy máu mũi xuất hiện sát với kỳ kinh.

Châm vào tĩnh mạch nông trong vùng huyết *Uỷ trung* cho chảy máu. Sau đó châm xuyên *Thượng tinh* hướng về *Thần đình* sâu 0,3 - 0,5 thốn và *Túc tam lý* sâu 1,5 - 2 thốn. Vê kim và lưu kim trong 10 phút. Ngày châm một lần.

Bệnh nhân ngừng chảy máu mũi sau khi được điều trị như trên và khỏi hẳn sau ba lần điều trị. Theo dõi ba năm sau không thấy bệnh tái phát.

273- CHẢY MÁU CAM

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyên, Trung quốc).

Ân, nam, 11 tuổi, học sinh, nhập điều trị ngoại trú ngày 04/05/1964. Bệnh nhân đến dưỡng đường của tác giả vì chảy máu mũi dầm dề, nhức đầu, mệt mỏi, ho và cảm lạnh đã ba ngày nay, có cảm giác khô miệng và mũi.

Thăm khám. Huyết áp 120/75mmHg: thân nhiệt 38oC. Xét nghiệm máu và nước tiểu bình thường.

Châm *Đại chùy* bằng kim tam lăng cho chảy máu. Dùng một miếng gừng cứu trên huyết *Tín hội* cho đến khi miếng gừng trở thành màu cà phê. Sau khi thực hiện xong chảy máu mũi ngừng ngay.

274- VIÊM XOANG MŨI

(Trích trong 'Lý luận 32 bệnh án' của Lê Đức Thiếp, Việt Nam).

Nam, 6 tuổi, bị viêm mũi dị ứng đã lâu ngày, kèm hen nhẹ... đã hơn 10 năm nay, thường bị đau ở lưng,. Khám thấy môi đỏ, da mặt sáng, tiếng nói nhỏ, rè, mạch tay bên phải *Trầm, Trì*, tay trái cương mà bộ *xích thì Trầm*.

Chẩn đoán: Tỳ Thận hư hàn, phong độc nhập Phế gây bệnh.

Cho dùng: *Phòng phong 12g, Bình lang 12g, Mạch nha 16g, Ô mai 4g, Cam thảo 4g, Bạch chỉ 8g, Sơn tra 8g, Kinh giới 12g, Biển đậu 16g*. Sắc uống 5 thang /tuần. Đó là chủ phương.

Sau đó, mỗi lần khám đều có gia giảm thêm một số vị như sau : *Sa nhân 12g, Hương phụ 12g, Đỗ trọng 16g, Hồng hoa 2g, Tô diệp 4g, Bạc hà 8g, Ngũ gia bì 12g, Tế tân 2g, Xương bồ 12g, Thiên niên kiện 12g, Xuyên khung 8g, Sinh khương 4g*. Thời gian uống là 3 tháng, khám 12 lần, uống 55 thang. Ngoài ra, cho thêm thuốc nhét vào mũi :

'Qua đế tán' (theo phương của Tuệ Tĩnh): *Cuống dừa đá 10g, Hùng hoàng 8g, Phèn chua phi 8g, Băng phiến 1g*.

Tán nhỏ ba vị, sau đó cho Băng phiến vào trộn đều, dùng một ít hồ dẻo làm thành viên. Mỗi viên vừa với lỗ mũi, mỗi tối khi đi ngủ, nhét 1 viên vào lỗ mũi, chỉ nhét 1 bên thôi (thay đổi nhau), sáng hôm sau, bỏ viên thuốc đó đi.

Dùng thuốc này, người bệnh khai không thấy đỡ. Tôi đổi dùng bài ‘Băng băng tán’: *Băng sa (phi chín) 20g, Băng phiến 1g*. Hai thứ tán nhuyễn, dùng bông gòn quấn vào đầu tăm, chấm thuốc, nhét vào mũi. Dùng vài tuần, thấy mũi khỏi, xin thêm một lọ thuốc bôi nữa, để dành dùng sau này.

Bệnh này đã trên 10 năm, căn cứ vào mạch tay phải Trầm Trì, mạch trái xích Trầm mà đoán thì bản chất do *Tỳ Thận hư hàn, phong tà nhập Phế mà phát bệnh*. Nhưng nhiều năm qua, điều trị đã không chú ý đến *Tỳ Thận hư hàn lại cho là phong nhiệt nhập Phế*, rồi dùng thuốc tân lương, thanh nhiệt, khu phong để trị làm cho *Tỳ Thận* đã bị hư hàn lại hư hàn thêm mà kéo dài 10 năm nay, làm cho lưng đau, nhức mỏi, và bệnh mũi lâu ngày hẳn là mọc nấm, làm cho ngứa và hen nhẹ.

275- VIÊM XOANG MŨI

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Chương, nam. 39 tuổi, giáo viên, nhập điều trị ngoại trú ngày 08/1 1/1964.

Bệnh nhân bị hẹp mũi và chảy nước sau khi bị cảm lạnh cách đây 7 năm, cho nên cảm giác ngủi mất dần. Đến bây giờ các triệu chứng nặng dần. Ngạt mũi xảy ra đã gần ba năm, phải thở bằng miệng, không ngủi được mùi. Một bệnh viện đã chẩn đoán là phì đại cuống mũi và được giải

phẫu ba lần, sau đó bệnh trạng có đỡ hơn. Nhưng sau khi mổ được nửa năm, các triệu chứng lại tái phát.

Châm *Nghinh hương* xiên 45^0 về hướng huyết *Tứ bạch*, châm *Hợp cốc* thẳng góc sâu 0,5 - 1 thốn. 5 - 10 phút về kim một lần.

Bệnh nhân cảm thấy thở bằng mũi dễ hơn sau khi châm. Có thể ngửi được mùi của côn và dầu sau lần điều trị thứ ba và các triệu chứng hết hẳn sau năm lần điều trị.

Cách một ngày châm một lần. Châm thêm ba lần nữa, bệnh khỏi, nửa năm sau không thấy tái phát.

276- VIÊM XOANG MŨI

(Trích trong sách ‘Châm cứu lâm chứng thực nghiệm’ của Tôn Học Quyền, Trung quốc).

Triều, nam, 42 tuổi, cán bộ, nhập điều trị ngoại trú ngày 03/07/1977. Ngạt mũi, sổ mũi và chảy nhiều dịch mũi kèm theo nhức đầu, chóng mặt. Bệnh nhân dễ bị cảm lạnh và các triệu chứng lại tái phát sau khi bị nhiễm lạnh. Bệnh viện chẩn đoán là viêm xoang mũi và điều trị với nhiều loại thuốc khác nhau nhưng không thấy có hiệu quả đáng kể.

Châm *Nghinh hương* xiên 45⁰ về hướng huyết *Tứ bạch*, châm *Hợp cốc* thẳng góc sâu 0,5 - 1 thốn. Thêm *Ấn đường*, vê kim các huyết trên mỗi 5 - 10 phút.

Khám lần thứ hai vào ngày 10/07/1977, ngạt mũi có giảm, bớt chảy nước mũi, hết nhức đầu. Châm thêm một lần như trên.

Khám lần thứ ba vào ngày 11/07/1977, tất cả các triệu chứng hết hẳn.

Cách ngày châm một lần, châm thêm bốn lần nữa để củng cố kết quả điều trị.

277- HỌNG SÚNG ĐAU

(Trích trong ‘Thực Đô Mậu Đình Thị y án’ của Mậu Hy Đình, Trung Quốc).

Lưu Lan Đình, lúc đóng quân tại Lôi Thành, bỗng bị súng đau ở cuống họng, ngày nhẹ, đêm nặng, một giọt

nước cũng không thể nuốt được. Viên thông thú ở Lôi Ba vốn giỏi về thuốc, chẩn trị vài ngày, chuyên dùng các loại thuốc thanh nhiệt, khứ phong, bệnh tình càng nặng hơn, Khi mời tôi tới chẩn, 6 bộ mạch đều Trầm Tế như sợi tơ, miệng tuy khát mà không thích uống nước, tiểu tiện trong trắng như thường. Rõ ràng là một chứng *Thận thủy hư kiệt, nguyên dương ở trong Thận không làm yên được ở bộ phận dưới*. Vì không có thủy để dưỡng hỏa, hỏa sẽ không thể để cho hỏa khí được tự do ra vào, vì vậy gây thành sưng đau. Tuy hình dạng giống như chứng song nga (Amidal) mà thực không phải là song nga.

Bây giờ nếu không bổ thủy để chế ngự dương quang, dẫn hỏa về mệnh môn thì không sao cứu chữa được nữa. Các thầy thuốc chung quanh đều nhận là chứng hỏa, chỉ có một mình tôi bảo là hư, bàn tán mãi vẫn không được nhất trí. Tôi sợ là để lâu, bệnh tình thêm nặng, lại càng khó trị. Tôi liền bảo hãy tạm cho uống 1 chén (200ml) nước đồng tiện nóng (nước tiểu của trẻ em) xem sao... Người bệnh nói : “Một giọt nước mát còn không uống trôi, làm sao uống được đồng tiện nóng” Tôi bảo hãy cứ thử uống. Quả nhiên người bệnh chỉ uống 1 ngụm hết cả chén đồng tiện và nuốt được ngay, bấy giờ mới chịu nhờ tôi kê đơn thuốc... Tôi liền dùng *Thục địa 40g, Sơn thù nhục 16 g, Mạch môn 12g, Sinh phụ tử 12g, Bạch linh 20g, Nhục quế 4g*. Bấy nhiêu vị làm một thang, sắc kỹ, để thuốc thật nguội lạnh, cho uống. Vừa uống khỏi miệng, thấy mát mẻ, khoan khoái lạ thường. Lập tức, các chứng trạng về hỏa, nhiệt đều tiêu hết.

278- CUỐNG HỌNG SƯNG ĐAU

(Trích trong ‘Tử Siêu y thoại’ của Nguyễn Tử Siêu, Việt Nam).

Tạ Văn Minh, 27 tuổi. Hôm đó bất ngờ lên cơn sốt cao, sợ lạnh, đầu nhức như vỡ... Rồi dần dần thấy *đau nhức và nóng trong cuống họng*, trằn trọc suốt đêm không ngủ được. Sáng hôm sau, trong họng sưng to đến nỗi không nuốt được... Khi tôi đến, thấy người bệnh mặt đỏ bừng, sốt nóng hâm hấp. Người nhà nói là suốt từ đêm đến 9 giờ sáng nay, chưa ăn uống gì, uống 1 hớp nước cũng đau. Chẩn mạch thấy 6 bộ đều Phù Sác, trọng án có lực.

Chẩn đoán là chứng *hầu phong*.

Tôi liền châm các huyệt *Hợp cốc*, *Thiếu thương*, đều cho ra máu (xuất huyết), thêm các huyệt *Xích trạch*, *Phong phủ*, *Quan xung*, *Ngoại quan*, *Toàn ky* (*Tuyên cơ*, *Toàn cơ*)... lưu châm 5 phút, vê kim 1 lần, lại lưu châm 10 phút nữa mới rút châm. Khi rút kim xong, bệnh thế 10 phần đã giảm được 6-7 phần. Cả nhà đều vui mừng sung sướng... Định mời tôi ở lại chữa trị cho khỏi hẳn. Tôi vì bận việc phải về nên bảo người nhà đào lấy 1 nắm (40g) *Rễ cỏ tranh*, rửa sạch, sắc lấy nước đặc, hoà một nửa nước *Rễ cỏ tranh* với một nửa nước *Đồng tiện*, để hơi nóng, cho uống. Tôi chỉ cách uống như vậy rồi về. Vài ngày sau, nhận được thư của chính tay anh ta viết cảm ơn, và cho biết, chỉ uống hết 1 ấm *Rễ cỏ tranh* với 2 lần pha *Đồng tiện* (nước tiểu của trẻ nhỏ), bệnh đã khỏi hẳn.

279- HẦU TÝ

(Trích trong ‘Cảnh Nhạc toàn thư’, của Trương Cảnh Nhạc, Trung quốc).

Vương Bồng Tước, ngoài 30 tuổi, bị chứng *hầu tý* gần 10 ngày. Cả đầu và mặt sưng to, cổ phình ra như thân cây chuối, hơi thở gấp, nói không thành tiếng, họng sưng, miệng loét, đau đớn lăm. Phải nhờ một người tựa cho ngồi, không sao nằm được. Chẩn mạch thấy *Tế, Sác, Vi, Nhược*, tiếng nói nhỏ, yếu như không liên hơi. Hỏi người nhà về các thuốc đã uống thì hầu hết là Hoàng cầm, Hoàng liên, Tri mẫu, Hoàng bá. Xét bệnh này, do bệnh nhân bị thương tổn, đồng thời bị các loại thuốc hàn lương bức bách mới đến nổi hàn thịnh ở dưới, đẩy dương lên trên, dù chỉ uống nước cũng khó nuốt trôi nhất là lại rất sợ phiền nhiệt ... Thăm bệnh xong, Cảnh Nhạc nói : “Bệnh này nguy lắm rồi, nếu chậm nửa ngày nữa thì khó cứu được... Liền cho dùng bài ‘Chấn âm tiến’ (*Cam thảo 4g, Ngưu tất 8g, Nhục quế 4g, Phụ tử 4g (chế), Thục địa 12g, Trạch tả 8g*), sắc đặc, để thật nguội lạnh, cho uống từng hớp dần dần. Qua một đêm, đầu, cổ, xẹp hẳn, trong cổ chỉ còn hơi đau. Cho uống thêm bài ‘Ngũ phúc ẩm’ (*Bạch truật 8g, Cam thảo 4g, Dương quy 8g, Nhân sâm 8g, Thục địa 8g*). Chỉ vài thang là khỏi hẳn.

280- TRẺ NHỎ NUỐT PHẢI CÂY ĐINH

(Trích trong ‘Cảnh Nhạc toàn thư’ của Trương Cảnh Nhạc, Trung quốc).

Con trai của người họ Vương, vừa đầy một tuổi, cái gì cũng đòi để chơi. Một hôm đứa nhỏ cầm cây đinh sắt nhỏ để nghịch, ngậm vào miệng rồi nuốt luôn vào họng. Bấy giờ cả nhà hoảng hốt lên làm đủ mọi cách nhưng không làm sao lấy được cây đinh ra. Ông Vương liền mời tôi đến thăm bệnh. Khi đến nơi, thấy bà mẹ đang nắm chân đứa bé dốc ngược lên ý muốn cho cây đinh theo mũi, miệng rơi ra. Miệng của đứa nhỏ dính máu đỏ. Tôi liền bảo: “Cuống họng người ta không phải là cái ống tre, đinh đã vào trong họng, không phải cứ dốc ngược cháu lên là nó rơi ra được, làm như thế chẳng những không ích lợi gì mà còn có hại cho cháu”. Người mẹ nghe lời, đặt cháu ngồi xuống trên ghế. Một lát cháu khóc to lên, biết là cái đinh đã xuống sâu, không còn ở họng nữa. Tôi liền nhớ trong sách ‘Bản thảo’ có câu ‘Thiết uy Phác tiêu’ (Sắt kỵ vị Phác tiêu), liền dùng ngay phương thuốc sau: Phác tiêu 8g, Tử thạch (sống) 4g. Hai vị tán nhỏ, thêm mỡ heo và ít mật làm thành viên rồi đổ cho cháu nhỏ cố nuốt dần cho hết.

Ngày hôm sau, ông Vương hớn hờ tìm tôi khoe rằng: “Hôm qua, chứng canh ba, cháu đại tiện ra một khối to như củ khoai, tròn và láng, không có góc cạnh gì cả, bẻ ra ở trong có cái đinh, chẳng hiểu tại sao?”

Tôi đáp: Sở dĩ tôi dùng Phác tiêu lẫn với Tử thạch là để đinh bám vào thuốc vì Tử thạch có tính hút sắt. Phác tiêu để tống cái đinh ra cho nhanh; Mỡ heo để cho nhuận. Vì thế, vị vị hút vào, vị trục ra, vị tư nhuận, tất cả đều công, hợp lực đẩy cái đinh theo đường đại tiện ra ngoài:.

281- HÓC VỎ ỐC

(Trích trong ‘Đông y lược khảo’ của Đỗ Đình Tuân, Việt Nam).

Ông chánh Hương, ở Thái Bình, nhà giàu, năm ngoài bốn mươi tuổi, đi cầu tự sinh được một con trai. Hơn mười tháng đã lẫm chẫm biết đi, vợ chồng quý hơn vàng ngọc, nuôi riêng một người vú giao cho trông coi.

Một hôm đứa nhỏ tự nhiên không ăn được, kêu đau ở cổ, mặt sưng phù lên. Vợ chồng lo sợ, tìm hết thầy thuốc danh tiếng đến xem nhưng không ai biết là bệnh gì và đành chịu bó tay. Sau đó, ông chánh Hương phải lên Hà Nội mời bác sĩ Leroy des Barres về Thái Bình để chữa. Bác sĩ Barres xem bệnh rồi bảo: Phải đem lên Hà Nội mới đủ phương tiện chữa trị, nhưng chưa chắc có khỏi được không. Ông đang phân vân nghĩ ngợi thì có người bạn đến hỏi thăm và nói: Bệnh này phải tìm ông lang Thạch Cầu may ra mới chữa khỏi. Chủ nhà lập tức nhờ bạn lên Bắc Ninh mời ông Nguyễn Văn Khoan (ông Lang Thạch Cầu) đến. Hôm sau, ông Khoan đến xem bệnh. Nhìn sắc mặt và ngửi nước miếng đứa trẻ, ông biết là bị hóc vỏ ốc.

Xem xong, ông ra nhà ngoài uống nước. Chủ nhà hỏi: “Thưa Cụ, bệnh của cháu như thế nào, liệu có chữa được không?”. Ông đáp: “Tôi chữa được nhưng ông bà phải cho nhiều tiền mới bỏ công khó nhọc”. Chủ nhà nói: “Cụ cứ hết sức chữa cho cháu khỏi, dầu tốn kém bao nhiêu chúng tôi cũng không dám tiếc”. Ông cười nói: “Ông bà cứ chồng

đủ ba ngàn bạc, xin cam đoan chữa khỏi, nếu kém một đồng tôi cũng không chữa”. Chủ nhà nghe nói giật mình vì tiền lúc đó rất có giá trị, ba ngàn bạc là một số tiền rất lớn. Nhưng vì nóng lòng muốn cho con khỏi bệnh, vợ chồng phải đi vay mượn các nơi được ba ngàn, đem về để trên bàn sách. Ông kiểm lại đủ số tiền, nói: “Xin hãy cất đi, khi nào cháu khỏi, tôi sẽ lấy”. Rồi bảo đi mua 10 con vịt, đem buộc treo cánh, mỗi con treo lên một cái cọc, cách mặt đất hơn gang tay, ở dưới để một cái chậu bằng sành để hứng nước miếng vịt. Vịt bị treo ngược nên nước miếng chảy xuống chậu. Sau một giờ, dồn cả 10 chậu được gần nửa bát nước miếng vịt. Ông cùng người nhà ra vườn, lấy một nắm đất giun đùn lên, đem về trộn chung với nước miếng vịt và một ít thuốc bột trắng cho đều rồi đắp chung quanh cổ đứa bé. Đắp xong ông lấy một ít bột có mùi thơm, hoà với nước nóng, dặn người nhà cứ nhỏ dần vào miệng đứa bé.

Ông ra nhà ngoài ngồi chờ, chưa được nửa tiếng đồng hồ, bỗng nghe đứa bé ở trong nhà sặc lên một tiếng và khóc òa lên. Ông chạy vào thì trong miệng đứa bé bắn ra một cục máu to bằng đầu ngón tay cái. Ông cầm cục máu bỏ vào cái đĩa, đem ra cho mọi người xem và nói: “Trong cục máu này có con ốc, thế là bệnh đứa bé khỏi rồi”. Mọi người không tin, lấy dao rạch ra thì quả nhiên trong máu có con ốc. Ông bảo nấu cháo, lấy nước cháo cho đứa bé uống. Sáng hôm sau đứa bé khỏi hẳn, ăn uống như thường. Ông giải thích căn bệnh cho mọi người nghe: “Người nhà bế đứa bé đi chơi, vô ý để đứa bé nuốt con ốc ngậm vào miệng và bị chết hóc mà không biết”. Chủ nhà gọi vú em

đến hỏi, người vú nhận hôm đó có bế đứa bé ra chợ chơi, người vú nuôi mua ốc ăn, rồi em bé về nhà thì bị bệnh. Chủ nhà giữ ông ở lại chơi mấy ngày. Lúc ông từ biệt ra về, chủ nhà đưa đủ ba ngàn đồng và một cân trà tầu để tạ ơn. Ông nói: “Muốn cho ông bà khỏi lo sợ, tin chắc là tôi chữa khỏi bệnh cháu, nên tôi làm ra như vậy. Nay cháu khỏi bệnh, số tiền này xin hoàn lại, có lý nào tôi lại lấy nhiều quá thế!”.

Vợ chồng chủ nhà khấn khoản xin thành tâm kính biếu, ông chỉ nhận có 10 đồng và hai bình trà.

282- QUANH RĂNG SÙNG (Nha Chu Viêm)

(Trích Trong ‘Tạp chí đông y’ số 74/ 1966, Việt Nam).

Vũ Tiến X... bệnh đã hơn một năm, chân răng có mủ, máu, răng lung lay, đau, nhức, ăn nhai khó khăn, miệng hôi.

Chẩn đoán: *Nha chu viêm.*

Điều trị: Châm các huyệt:

+ Huyệt chính: Tả Hợp cốc, Túc tam lý, bổ Thái xung.

+ Huyệt phụ: Bồ Nội đình, Phục lưu, cứu bổ Nhiên cốc và Thái Khê.

Châm cứu như trên 21 lần, khỏi. Mười lăm tháng sau, kiểm tra lại. Kết quả ổn định.

283- CHẢY MÁU CHÂN RĂNG

(Trích Trong ‘Tạp Chí Đông Y’ số 183/ 1983, Việt Nam).

Trịnh Văn H, 47 tuổi. Răng hay bị đau, chân răng chảy máu, răng gãy sớm, lưng đau, chân lạnh, mạch Trâm Vi.

Chẩn đoán: *Thận dương hư, Tỳ khí yếu.*

Cho dùng: *Cốt toái bổ 100g, Bạch truật (sao) 10g, Hoàng kỳ (sao) 15g, Dương quy 15g, Đảng sâm 15g, Tiên hồng 10g.*

Uống 3 thang. Đồng thời dùng Cốt toái bổ tán bột, hoà ít Bãg phiến, sát vào chân răng. Uống hết thuốc trên, bệnh đỡ nhiều. Uống tiếp và bồi như trên một đợt nữa, khỏi hẳn.

TÂM LÝ TRỊ LIỆU

Khoảng giữa thế kỷ 20, các nhà y học phương Tây chuyển hướng đề cao một phương pháp điều trị mới là 'điều trị bằng Tâm lý – Tâm lý liệu pháp'. Phương pháp này nhằm bổ sung cho những phương pháp điều trị đang thịnh hành ở phương Tây. Phương pháp này có đặc điểm là không dùng thuốc nhưng dựa vào tâm lý, đặc tính, phong thái... của người bệnh, từ đó có thể đưa ra những lời khuyên, những hướng dẫn... giúp người bệnh thoát khỏi được những bệnh chứng mà có khi dùng thuốc không giải quyết được.

Trong kho tàng điều trị của Đông y, từ những thế kỷ 14, 15 đã có những ghi chép về những phương pháp điều trị rất độc đáo, trong đó, các thầy thuốc xưa đã biết vận dụng những kiến thức, sự hiểu biết tâm lý của người bệnh để từ đó đề ra nhiều cách chữa rất tuyệt vời...

Chúng tôi chọn lọc một số bệnh án để giới thiệu với bạn đọc để góp phần vào việc 'Tâm lý liệu pháp' đang được phổ biến hiện nay.

284- VUI QUÁ HOÁ BỆNH

(Trích trong ‘Nho môn sự thân’ của Trương Tử Hoà).

Trương tiên sinh chữa cho một người vì quá vui mà thành bệnh. Thầy thuốc bắt mạch cho người bệnh rồi mặt biến sắc mà nói rằng: “Tôi đi lấy thuốc” rồi không quay lại nữa. Người bệnh rất đau khổ nói với người thân rằng: “Tôi chẳng sống được mấy nữa rồi!”. Ít hôm sau, nghe chừng bệnh đã thuyên giảm, thầy Trương lại tới và nói rõ lý do. Người bệnh nghe xong, bệnh cũng hết luôn.

285- VUI THÁI QUÁ GÂY BỆNH

(Trích trong ‘Hồi Khê y án’ của Từ Hồi Khê, Trung quốc)

Có một người đỗ Trạng nguyên, vui quá hoá bệnh. Thầy thuốc nói với anh ta rằng: Bệnh này không thể chữa được, 7 ngày sau sẽ chết. Nếu tranh thủ thời gian thì may ra còn kịp về đến nhà gặp người nhà lần cuối. Vị Trạng nguyên nghe xong đang vui bỗng nhiên biến thành buồn và hoảng hốt lập tức lên đường ngay. Sang ngày thứ tám vẫn chẳng thấy gì, bệnh cũ cũng tốt lên nhiều. Trạng nguyên thấy lạ, người giúp việc của ông ta nói: Hôm ấy thầy thuốc có đưa cho tôi một bức thư, dặn đợi hôm nay sẽ đưa cho Trạng nguyên. Ông ta mở ra, thư viết rằng: “Từ sau khi ngài đỗ Trạng nguyên do vui quá mà tổn thương tới tâm, không thuốc nào chữa nổi. Do vậy tôi doạ ngài, đó là cách chữa bệnh của tôi, xin ngài bỏ quá cho”. Trạng nguyên xem xong rất khâm phục và hết bệnh.

286- VUI MỪNG QUÁ HOÁ ĐIÊN

(Trích trong ‘Lãnh lô y thoại’ của Đào Định Phủ, Trung quốc)

Một nhà nọ đã nhiều đời làm nghề nông, khi đứa con trai của họ đỗ cử nhân, người cha quá vui sướng cười rất vui vẻ. Ít lâu sau người con lại đỗ tiến sĩ, ông bố cười càng to hơn. Vài năm sau, con ông làm quan, người bố sướng phát điên lên và mắc bệnh cố tật không khỏi được. Con ông đã mời một Thái y đến chữa bệnh cho cha. Thái y bàn với người con rồi đi tới một quyết định là gửi cho người cha một bức thư báo tin con ông ta đã chết. Sau khi người cha nhận được bức thư, ông đau khổ tuyệt vọng. Mười ngày sau, ông lại nhận được bức thư khác nói rằng, rất may con ông gặp được một danh y nên đã sống lại. Người cha không còn đau khổ nữa và bệnh đã khỏi hẳn.

Ba bệnh án trên, các thầy thuốc đã áp dụng phương pháp ‘Lấy sự sâu đau, hoảng hốt để thắng sự vui vẻ thái quá’.

287- VUI SƯỚNG QUÁ HOÁ ĐIÊN

(Trích trong ‘Tục danh y loại án’ của Lục Dĩ Diêm, Trung quốc)

Có một cô gái, sau khi vui sướng phát điên lên đã cười mãi không dừng được bao nhiêu thầy thuốc đều bó tay. Danh y Khâu Nhữ Thành quyết định dùng liệu pháp kích

thích cho tức giận: Cho cô gái mặc bộ quần áo đẹp mà cô thích nhất rồi cùng ngồi ăn uống với cô ta. Khi ăn cơm, đã cố tình để thức ăn dây vào quần áo của cô ta, quả nhiên cô ta nổi cơn thịnh nộ chửi mắng mãi không thôi, và sau đó đã hết bệnh.

Bệnh án này, thầy thuốc đã ‘Lấy sự tức giận để chế ngự sự vui sướng quá độ’.

288- LO LẮNG QUÁ SINH BỆNH

(Trích trong ‘Tục danh y loại án’ của Lục Dĩ Điềm, Trung quốc)

Chu Đan Khê từng chữa bệnh cho một người, người này *do lo lắng quá lâu mà sinh bệnh*, đã dùng rất nhiều thuốc mà không khỏi, Chu Đan Khê cho rằng *chỉ có niềm vui mới chữa được mà thôi*. Ông đã tìm một nơi rất vui vẻ và cho người bệnh ở đó. Người bệnh rất vui, bệnh dần thuyên giảm. Chu Đan Khê cho rằng, chữa bệnh phải chữa từ gốc, nếu không biết rõ gốc gác của bệnh thì chẳng thuốc nào chữa nổi.

Bệnh án này dùng niềm vui để trị sự lo lắng.

289- LO LẮNG SUY NGHĨ QUÁ SINH BỆNH

(Trích trong ‘Lãnh lô y thoại’ của Đào Định Phủ, Trung quốc)

Có một ông giám quân, vì một việc nào đó mà lo lắng, suy nghĩ mãi sinh ra bệnh không thuốc nào chữa khỏi. Sau đó gặp một danh y, ông ta đã dùng liệu pháp hoảng sợ để trị. Một vị quan to ở địa phương rất nghiêm khắc với cấp dưới, vị giám quân nọ rất sợ ông ta. Vị thầy thuốc nọ hẹn vị quan lớn kia cho mời người giám quan tới hỏi về những sai lầm của ông ta. Sau việc này, vị giám quân rất lo sợ không yên, mồ hôi toát ra đầy người. Vài ngày sau, bệnh cũ đã khỏi dần.

Trong bệnh án này, thầy thuốc đã ‘Lấy sự sợ hãi để chế ngự sự lo âu’.

290- ĐIÊN CUÔNG

(Trích trong ‘Tục danh y loại án’ của Lục Dĩ Diêm, Trung quốc)

Một phụ nữ, dù đói vẫn không muốn ăn, thường hay giận dữ và chửi bới, làm như muốn giết tất cả những ai ở hai bên mình, miệng không hề ngớt buông lời độc ác và tuy đã được nhiều thầy thuốc chữa trị, bệnh vẫn không thay đổi. Đến khi Trương Tử Hoà xem xong, nói: “Bệnh này khó mà dùng thuốc để chữa được”. Rồi ông liền cho gọi hai con hát, bảo phải dùng phấn đỏ bôi mặt mà làm trò cười. Quả nhiên người bệnh cười to. Hôm sau ông bảo hai con hát làm trò ‘Giốc đẽ’ (cúi đầu mà húc nhau), tức thì người bệnh cũng cười to lên. Nhưng nếu một mặt ông bảo hai con hát làm trò cười thì một mặt khác ông lại mướn hai

người đàn bà có sức ăn uống khoẻ mạnh, cho ngồi cạnh đó, rồi vừa ăn vừa khen thức ăn mình là ngon, làm cho người bệnh phát thèm phải đòi ăn, rồi ăn thực sự. Chẳng mấy hôm sau, chứng trạng bớt dần rồi ăn uống được, không cần đến thuốc mà bệnh cũng khỏi. Cách đó ít lâu lại sinh hạ thêm được một con trai nữa.

Ôi làm thuốc chỉ quý hồ có tài, vì nếu không thì lấy gì mà ứng biến một cách vô cùng không thể liệu trước như thế được?

Sách ‘Y Kinh’ dạy rằng: Trùng dương (mạch cả ba dương đều mạnh) thì cuồng, trùng âm (mạch cả ba âm đều mạnh) thì điên”, căn cứ vào những lời người bệnh nói ra, đều là việc của nhà họ. Tôi nghĩ là trải qua mười năm, những nỗi u uất dồn chứa trong lòng, do xúc động làm cho giận dữ, đờm hoả thừa thế dồn cả lên trên, bít cả thanh khiếu làm cho người bệnh không phân biệt được lạ và quen nữa.

291- ĐAU BUỒN SINH BỆNH

(Trích trong ‘Nho môn sự thân’ của Trương Tử Hoà, Trung quốc)

Một người đàn ông nghe tin cha mình bị kẻ cướp giết chết đã vô cùng đau khổ, khóc lóc đến mức cảm thấy đau tim. Lâu dần, bệnh càng nặng, càng đau hơn. Nhiều thầy thuốc đến chữa trị nhưng đều vô hiệu. Cuối cùng, Trương Tử Hoà được mời đến chữa, ông ngồi cạnh người bệnh, giả làm một thầy cúng nói lung tung, điệu bộ rất xấu xí. Người bệnh nhìn thấy thế bỗng cười lớn, cười mãi không dứt. Một vài ngày sau, bệnh đã khỏi hẳn. Về sau, Trương tiên sinh nói rằng: "Đau buồn làm nhân khí kết lại, vui mừng làm cho kinh lạc thông suốt, tạo thoải mái. Bệnh này nếu dùng thuốc hoặc châm cứu chỉ làm cho nặng thêm mà thôi".

292- PHẢN UẤT QUÁ SINH BỆNH

(Trích trong ‘Tục danh y loại án’ của Lục Dĩ Diêm, Trung quốc)

Một huyện lệnh sai nha dịch áp giải phạm nhân, trên đường đi, phạm nhân không chịu được khổ sở đã lao đầu xuống sông tự tử. Người nhà phạm nhân kiện sai nha, vụ cho sai nha giữa đường áp giải đã cướp tiền của phạm nhân rồi giết chết họ. Người sai nha vì chuyện này mà khuynh gia bại sản mới thoát tội. Nhưng cũng vì quá phản uất mà sinh bệnh, dở ngậy dở dại, nói năng lảm nhảm suốt ngày. Danh y Uông Thạch Sơn cho rằng nếu làm cho anh ta

vui lên mới chữa khỏi được bệnh. Ông cho người làm ra những thoi bạc hàng mã giống y như thật, đưa cho người bệnh, anh ta nắm chặt thoi bạc, luôn mang theo bên người và bệnh dần khỏi.

Bốn bệnh án trên, các thầy thuốc đã áp dụng phương pháp ‘Lấy sự vui mừng để chế ngự sự đau thương, sầu khổ’.

293- TƯƠNG TƯ, SUY NGHĨ SINH BỆNH

(Trích trong ‘Đan Khê ông truyện’ của Chu Đan Khê, Trung quốc)

Có một cô gái bệnh đến nỗi không muốn ăn uống, suốt ngày chỉ nằm úp mặt vào tường không dậy. Nhiều thầy thuốc phải bó tay. Chu Đan Khê cho rằng, bệnh là do tương tư (tơ tưởng tới người con trai) mà ra, làm cho khí kết tụ ở Tỳ. Hỏi ra là vì chồng cô ta đi ra ngoài 5 năm mà chưa về. Chu tiên sinh dùng liệu pháp kích thích cho giận dữ: Chỉ trích cô ta chỉ có nghĩ vẩn vơ tới người khác và làm những việc có lỗi với chồng. Người bệnh bực tức lên, ra sức biện luận cho mình chỉ nghĩ tới chồng chứ không làm gì xấu xa cả, khi cơn giận nguôi đi, cô ta mới nghĩ đến chuyện ăn uống. Chu tiên sinh cho rằng khí tụ đã được giải, nhưng muốn khỏi hẳn thì người bệnh phải được vui vẻ, liền bàn với người nhà nói dối là vừa nhận được tin chồng cô ta bảo là sắp về. Ba tháng sau, chồng về thật, cô ta cũng hết bệnh.

294- SUY NGHĨ THÁI QUÁ GÂY BỆNH*(Trích trong ‘Nho môn sự thân’ của Trương Tử Hoà)*

Một người phụ nữ nhà giàu, do suy nghĩ quá nhiều mà suốt đêm không ngủ được, bệnh như vậy đã 3 năm, đã mời rất nhiều thầy thuốc về chữa nhưng không được. Trương Tử Hoà cho rằng, đó là do Tỳ hư, nhất thiết *phải dùng liệu pháp làm cho bệnh nhân tức giận*. Ông bàn với người chồng cùng thống nhất một cách: Khi khám bệnh, ông đòi rất nhiều tiền, sau đó ở lại ăn uống thật linh đình trong vài ngày mà không cho một thang thuốc nào cả rồi ra đi. Người bệnh thấy thế tức giận lên, người toát ra đầy mồ hôi, tối đó cô ta ngủ ngon lành. Từ đó, ăn uống bình thường, kinh mạch điều hoà, bệnh tự nhiên khỏi.

Hai bệnh án trên, các thầy thuốc đã áp dụng phương pháp ‘Lấy sự tức giận để chế ngự sự tương tư, suy tưởng’.

295- LẤY TỨC GIẬN TRỊ KHÍ UẤT KHÔNG THÔNG

☞ Quốc vương nước Tề là Tề Mẫn Vương bị bệnh, cho người đến nước Tống mời danh y Văn Cháp đến chữa bệnh. Vị danh y đến Tề, sau khi khám tử mĩ cho rằng, Tề vương ‘khí không thông’, cần phải dùng cách *kích thích cho ông ta nổi giận*. Quả nhiên chỉ bằng một chút thủ thuật ông đã làm Tề vương nổi giận, miệng nôn ra đờm kèm theo một số chất bẩn. Sau khi nôn ra hết, bệnh giảm hẳn,

chỉ vài hôm sau đã khỏi (*Trích trong ‘Lã Thị xuân thu’, Trung quốc*).

☞ Có một Quận chúa bị bệnh lâu ngày, thuốc thang không khỏi. Hoa Đà cho rằng *phải làm cho cô ta tức giận* mới khỏi bệnh được và ông đã dùng cách khi khám bệnh đòi thật nhiều tiền, chẳng cho thuốc gì cả, chỉ nói vài câu rồi để lại một bức thư toàn lời lẽ thoá mạ rồi lên xe đi. Quận chúa nổi cơn lôi đình, thổ ra huyết đen và bệnh tự khỏi (*Trích trong ‘Hậu Hán thư – Hoa Đà tự truyện’, Trung quốc*).

296- LẤY VUI THÍCH TRỊ CHÁN NẢN

☞ Có một đứa trẻ bỗng nhiên không muốn ăn uống gì cả. Các thầy thuốc cho rằng đứa trẻ bị cam tích nên phải chữa bằng thuốc cam. Còn danh y Tiết Kỷ (thế kỷ 16 – Trung quốc) lại cho rằng đó chỉ là bệnh tinh thần và ông đã mang đến cho đứa trẻ rất nhiều đồ chơi, trẻ thấy đồ chơi thích quá, chơi không biết chán, và rồi nó lại ăn uống bình thường mà chẳng cần viên thuốc nào cả (*Trích trong ‘Tục danh y loại án’ của Lục Dĩ Điền, Trung quốc*).

☞ Có một đứa trẻ bỗng nhiên chẳng thiết ăn uống gì cả, tinh thần suy sụp làm cả nhà lo lắng. Danh y Vạn Toàn sau khi tra hỏi kỹ người giúp việc (đầy tớ) trong nhà đã nói với người nhà phải gọi người giúp việc trước đây về. Quả nhiên, khi đứa trẻ nhìn thấy người này, nó đã cười tít mắt,

chơi đùa vui vẻ, ăn uống trở lại bình thường, bệnh khỏi hẳn (Trích trong ‘Ấu khoa phát huy’ của Vạn Mật Trai).

297- DÙNG HIỆN THỰC TRỊ ẢO TƯỢNG

(Trích trong ‘Tục danh y loại án’ của Lục Dĩ Điềm, Trung quốc)

☞ Có một người uống rượu say ngủ ở ngoài nhà, nửa đêm tỉnh rượu khát nước nhưng tìm không thấy nước uống. Anh ta thấy một cái máng đá có nước liền vục tay vào vớt nước lên uống. Hôm sau, anh ta nhìn lại nước trong cái máng đá đó thấy có rất nhiều con trùng nhỏ màu đỏ nên trong lòng rất lo lắng không yên, nhân khí tích tụ lại, không phát tán được. Hàng ngày anh ta đều tưởng tượng những con côn trùng nhỏ đang sống trong người mình vì vậy lo lắng không thể không ngủ, người gầy yếu, trị mãi không khỏi. Danh y Ngô Cầu biết chuyện đã tìm cách *chữa trị bằng bằng biện pháp loại trừ sự nghi ngờ* của anh ta. Ông đã hết lời giảng giải nhưng không có kết quả, cuối cùng ông nghĩ ra một cách, lấy chỉ đỏ cắt thành những đoạn ngắn như chiều dài con trùng nhỏ, cho vào cốc sữa đậu, lợi dụng lúc trời nhá nhem tối cho anh ta uống. Vì trời tối nên người bệnh không chú ý mà uống hết. Khi người bệnh muốn đi đại tiện, ông cho người bệnh đại tiện vào bô rồi chỉ cho bệnh nhân xem những sợi chỉ đỏ lẫn trong phân. Người bệnh cho rằng những con trùng đỏ nhỏ đó đã ra hết, lòng cảm thấy rất nhẹ nhõm, bệnh tình khỏi hẳn.

☞ Có một viên quan bình thường nói năng rất thận trọng, không hề nói bừa điều gì. Một hôm, ông mở tiệc mời các quan, trong các món ăn hôm đó có loại củ cải rất to làm các quan rất thán phục. Thấy thế, ông ta cao hứng phán rằng: Còn có củ to như đĩa trẻ nhỏ nữa cơ. Các quan đều cười, cho rằng đó là chuyện đùa. Sau bữa tiệc, vị quan nọ cảm thấy bức bối, uất ức sinh bệnh, uống đủ loại thuốc nhưng không có kết quả. Con ông ta là người có học, biết rõ nguyên nhân sinh bệnh của cha mình. Anh cho người tìm về một củ cải to nhất và mời mọi người đến xem, các quan thấy quả là có loại củ cải to như vậy thật đều kinh ngạc. Người cha vui vẻ, hết bệnh.

☞ Có một cô con gái đột nhiên bị bệnh nguy cấp, nguy hiểm đến tính mạng. Cô ta toàn nôn ra nước màu trắng, người cứng đờ, thở yếu, trông thật đáng sợ. Trương Cảnh Nhạc khám thấy khí huyết vẫn bình thường, mạch yếu, không phù hợp với bệnh tình đang có. Sau một hồi suy nghĩ, ông quyết định khám lại vẫn thấy hiện tượng như cũ, ông cho là bệnh giả vờ. Ông nói lớn: “Bệnh này rất nguy hiểm, không dùng hoả công không được. Tôi có mang theo một số thuốc cho cô ta uống sẽ công hiệu ngay, nếu không công hiệu thì phải dùng hoả công (lửa để đốt)”. Cô con gái nghe thấy phải dùng hoả công thì quá sợ, sau khi uống thuốc đã từ từ ngồi dậy, bệnh khỏi dần. Sau đó mới biết do cô ta tranh giành với người khác không được mới giả bệnh để dọa người nhà mà thôi.

298- DỪNG SỰ YÊN TỊNH TRỊ SỰ LO LẮNG

(Trích trong 'Tục danh y loại án' của Lục Dĩ Điền, Trung quốc)

☞ Có một người đàn ông tên là Thẩm Quân Chi, suốt ngày sợ chết, lo lắng khôn nguôi, bao nhiêu thầy thuốc tới chữa đều không được. Một vị danh y đến chữa, ông vừa dùng thuốc vừa dùng lời lẽ phân tích, hôm đó người bệnh thấy có phần sáng khoái hơn. Hôm sau thầy thuốc đến, ông ta nói mình vừa đi xem quẻ, khoảng 10 ngày nữa thì sẽ chết và xin thầy thuốc ở lại cùng mình cho đỡ sợ. Thầy thuốc ở lại, vừa chữa cho ông ta, vừa dẫn ông ta lên núi gặp thiền sư để học thiền pháp. Sau 100 ngày ngồi thiền, bệnh đã khỏi hẳn. Thiền sư nói: Khi ngồi thiền bắt buộc phải quên hết mọi thứ khác, đó là cách chữa tốt nhất, bởi ông ta mắc bệnh sợ chết, khi ngồi thiền mọi ý nghĩ tập trung vào thiền, mà quên hết mọi suy nghĩ khác vì vậy bệnh khỏi được.

☞ Có một viên quan đang ở kinh thành, bị điều ra biên cương nhậm chức, mười năm không được trở lại. Vì vậy ông ta vừa *bực mình* vừa *buồn bã* mà *sinh bệnh thần kinh*, mỗi lần phát bệnh thì như người điên, khi hết thì thần kinh cũng không được bình thường làm. Có người mách ở chùa Chân Không có một lão tăng chữa được bệnh này mà không cần thuốc. Vị quan nay đi gặp lão tăng, lão tăng nói: Bệnh của tướng công là do phiền não gây ra,

cũng tại do quá tính toán mà thôi, nếu không có những ham muốn thái quá thì đâu đến nỗi sinh bệnh. Vị lão tăng để cho vị quan ở trong một buồng riêng, tự tĩnh tâm gạt bỏ mọi chuyện ra khỏi đầu trong một tháng liền, bệnh khỏi hẳn. Ngoài ra, vị quan này nôn nóng chờ được trọng dụng để thi thố tài năng, nếu qua lâu không được trở lại triều đình thì chẳng làm nên chuyện gì được. Đó cũng là nguyên nhân gây ra bệnh. Lời của vị lão tăng và sự tĩnh tâm trong một tháng đã làm cho ông ta gạt bỏ hết được tham vọng, bệnh được khỏi.

299- KÍCH THÍCH LÀM CHO ĐẬU MỘC

(Trích trong ‘Tôn tôn trai y thoại’ của Triệu Ngạn Huy, Trung Quốc).

Diệp Thiên Sĩ một hôm đang ngồi trên kiệu, bỗng thấy một người đàn bà đang hái dâu. Ông sai một trong những người khiêng kiệu đến ôm ghì lấy người đàn bà đó, làm cho chị ta tức giận chửi mắng ôm sòm. Chồng chị ta tưởng anh này làm chuyện bậy bạ, tính bắt người phu kiệu để đánh trả đũa.

Diệp tiên sinh gọi người đó lại giải thích rằng: Vợ anh bị chứng đậu đã ẩn dưới da, chỉ vì khí trệ nên uất mà không ra được, vì thế, tôi cố ý chọc cho tức là để dụ cho đậu có thể đến đêm nay thì phát ra, bằng không thì sẽ phải chết.

Quả nhiên đến đêm đậu mọc đều khắp cơ thể người đàn bà đó.

300- DÙNG BÌNH TĨNH TRỊ HOẢNG SỢ

(Trích trong ‘Nho môn sự thân’ của Trương Tử Hoà, Trung Quốc).

Một phụ nữ có việc định ra ngoài, đêm hôm có, kẻ trộm tưởng không có ai ở nhà đã lẻn vào ăn trộm hết đồ rồi đốt nhà. Người phụ nữ sợ quá chui xuống gầm giường và được cứu thoát. Nhưng từ đó về sau hễ nghe thấy tiếng động lại sợ hãi ngất đi, lâu dần thành bệnh không ai chữa được. Đái Nhon đến gặp nói rằng: “Chứng kinh (lo sợ) là dương từ ngoài vào, chứng khủng (sợ hãi) là âm từ trong

ra, chứng kinh tự mình không biết, chứng khủng tự mình biết. Đổm là sự dạn dĩ, hoảng sợ là Đổm bị tổn thương. Nói thế, ông cho đem người bệnh để ngồi trên ghế dựa, hai người hầu phòng nắm chặt hai tay người phụ nữ đó, trước mặt đặt một chiếc ghế nhỏ cho người bệnh nhìn xuống, rồi cầm khúc cây mà bảo người bệnh rằng: Bà nhìn kỹ đây, tôi đánh vào ghế nhé. Người bệnh chăm chú nhìn, ông cầm gậy gõ gõ mạnh xuống chiếc ghế, người bệnh giật mình, vô cùng hết hoảng, ông nói với bà ta rằng mình chỉ gõ gậy gõ có gì đáng sợ đâu. Rồi ông ta thỉnh thoảng lại gõ, người phụ nữ cũng bớt sợ dần. Sau đó ông sai người dùng gậy gõ vào lúc thì cửa sổ, lúc thì cửa ra vào, lúc đầu người phụ nữ rất sợ, sau giảm dần, vài hôm sau thì khỏi hẳn, thậm chí tiếng sấm cũng chẳng làm bà ta sợ nữa. Ai nấy đều cho là lạ. Đái Nhon giải thích: “Kinh hoảng tất phải làm cho bình tĩnh, mà bình tĩnh thì không gì hay hơn là làm cho quen. Đã quen nghe động, quen thấy lạ thì khi nghe động, thấy lạ thì sẽ không còn bị kinh hoảng nữa. Từ đó, tiếng gõ cửa đêm không làm cho bà ấy hoảng sợ nữa. Kinh hoảng là thần hồn vượt lên, nay bắt phải đem thần hồn xuống, ngó xuống rồi đánh mạnh thì thần hồn thu phục chỗ cũ của nó vậy”.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
Y ÁN VỀ HÀN NHIỆT	
Nhiệt cực hoá hàn	01
Âm hàn cực độ sinh triều nhiệt	05
Âm kiệt hoá dương	06
Dương chứng giống âm	08
Dùng lầm thuốc hàn	09
Chân nhiệt giả hàn	11, 12
Nhiệt bệnh gây vong dương	14
Thượng nhiệt hạ hàn	15
Phong hoả nội phục	16
Âm phục gây quyết lãnh	18
Âm hư hoả vượng	20
Hàn Nhiệt do Âm hư	22
Nhiệt bệnh kèm hàn	24
Phong sinh nhiệt nhiệt sinh phong	25
Âm dương đều vong	27
Y ÁN ÔN BỆNH	
Xuân ôn	28 - 35
Xuân ôn bị chữa sai	35
Xuân ôn phát phiền muộn	37
Ôn bệnh thận hư	40
Ôn bệnh kèm xung khí bốc lên	42
Phong ôn	44
Thu ôn hiệp thấp	45
Đông ôn ra mồ hôi dầm dề	46

Y ÁN VỀ HỆ TIÊU HOÁ	
Tiêu chảy do âm hư	48
Tiêu chảy do khí huyết đều hư	51
Tiêu chảy do nội thương hàn thấp	51
Tiêu chảy do hàn thấp	52
Tiêu chảy do âm dương đều hư	53
Tiêu chảy do Tỳ Vị âm hư	54
Tiêu chảy do Thận hư	55
Tiêu chảy do hư lẫn thực	56
Tiêu chảy lâu ngày	57
Tiêu chảy lâu ngày thành hoạt thoát	58
Tiêu chảy do phục tà	59
Tiêu chảy do Can phong truyền sang Tỳ	60
Tiêu chảy do thấp	61
Tiêu chảy do tử thấp	62
Tiêu chảy do Tỳ hư tử thấp	63
Tiêu chảy do Vị khí cực hư	65
Tiêu chảy do thấp nhiệt	66
Tiêu chảy do Tỳ thổ bị tổn thương	67
Tiêu chảy do Phế nhiệt	69
Tiêu chảy do Thận và Tỳ	72, 73
Tiêu chảy cấp	75, 76
Tiêu ra mủ máu	76
Tả lỵ	77
Kiết lỵ	78
Bụng đau	79
Dạ dày loét	79 - 81
Viêm hang vị	82
Viêm teo dạ dày	83

Sa dạ dày	85
Rối loạn thần kinh dạ dày	86
Loét dạ dày tá tràng	87
Rối loạn chức năng ruột	88
Miệng chua	89
Miệng hôi	90, 91
Hoàng đản	91
Sỏi mật	92, 93
Sỏi túi mật	94
Bụng trướng	95
Viêm gan do virus	99, 100
Viêm gan truyền nhiễm cấp thể vàng da	101
Viêm gan truyền nhiễm không vàng da	102
Viêm gan siêu vi B truyền nhiễm	103
Viêm gan mạn	104
Viêm gan mạn tồn tại	105
Xơ gan	105
Xơ gan sau hoại tử	106
Xơ gan do ứ mật	108
Xơ gan cổ trướng	110 - 113
Xơ gan tăng áp lực tĩnh mạch cửa	114
Y ÁN VỀ TIM MẠCH	
Tim đau, ngực đau	116, 118
Tim đau	119, 120
Tim đập chậm	121
Tim đập nhanh	124, 125
Tim đập không đều	126
Hở van tim	127, 128
Huyết áp cao	129 - 137

Y ÁN HỆ HÔ HẤP	
Đờm suyễn	138
Suyễn	139 - 143
Hen phế quản	145 - 149
Áp xe phổi (Phế ung)	149
Y ÁN VỀ TIẾT NIỆU	
Bí tiểu	151 - 156
Tiểu nhỏ giọt	156
Phù thũng	158 - 162
Y ÁN BỆNH TÂM THẦN, THẦN KINH	
Mất ngủ	162 - 168
Suy nhược thần kinh	168 - 176
Hư lao do Tâm Tỳ gây nên	176
Tâm thần	177
Cuồng do phần uất gây nên	177
Y ÁN VỀ PHỤ KHOA	
Nghịch kinh (Đảo kinh)	179 - 186
Bế kinh	186 - 192
Thống kinh	192 - 193
Rong kinh	193 - 198
Rong huyết	199
Nôn mửa lúc có thai	200
Có thai bị cảm ho	210
Có thai chân tay đau nhức	201
Có thai kinh giật	202
Hư thai	205
Đọa xảy thai	207, 208
Đẻ khó	209 - 213
Trục thai ra	213

Sản hậu phát cuồng	215
Sản hậu bị phù thũng	216
Sản hậu bị ứ huyết	218
Sản hậu bị phục nhiệt	219
Viêm tử cung	220
Y ÁN VỀ NAM KHOA	
Liệt dương	222 - 229
Dương vật cương cứng khác thường	230
Mộng tinh	231
Di tinh	233
Dịch hoàn viêm	234, 235
Mào tinh hoàn viêm	236
Thiên truy (Thoái vị bẹn)	236
Thượng mã phong	237
TRÚNG GIÓ – TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO	
Trúng phong	238 – 242
Bại liệt	242
Phong phế (Liệt nửa người)	243
Y ÁN BỆNH VỀ MẮT	
Mi mắt co giập	246
Mi mắt sụp (Sụp mi mắt)	247
Mắt lẹo (Lẹo mắt)	248
Mắt sưng đỏ đau	249
Mắt sưng đau không nhắm mở được	250
Mắt đau có màng	251
Mắt viêm do điện quang	253
Kết mạc viêm	254
Giác mạc viêm do siêu vi	254
Giác mạc loét	255

Giác mạc lở loét	256
Chảy nước mắt do Can Thận hư	257
Thủy tinh thể xuất huyết	258
Thủy tinh thể có vật chơi vơi	258
Đục thủy tinh thể	259 - 261
Nhãn áp tăng	262
Nhãn áp tăng góc mở	263
Viêm võng mạc trung tâm	264
Thoái hoá điểm vàng	265
Hoàng điểm viêm	265
Mất mờ do âm huyết hư hàn	267
Mất mờ không nhìn thấy	268
Teo thần kinh thị giác	269
Mù màu	271
Mù màu đỏ	271
Mù do viêm não	272
Mất lé (Lé mắt – Lác mắt)	273
Y ÁN TAI MŨI HỌNG RĂNG	
Tai chảy mủ	275
Viêm tai giữa	276 - 278
Tai ù	279
Tắc vòi Eutachi	280
Tai điếc	281
Chảy máu mũi (Chảy máu cam)	283 - 286
Viêm xoang mũi	286 - 289
Họng sưng đau	289 - 291
Hầu tý	291
Nuốt phải đing	292
Hóc vỏ ốc	293

Nha chu viêm	296
Chân răng chảy máu	296
TÂM LÝ TRỊ LIỆU	
Vui quá hoá bệnh	297, 298
Mừng quá hoá điên	298, 299
Lo quá sinh bệnh	299, 300
Điên cuồng	300
Đau buồn sinh bệnh	302
Phẫn uất sinh bệnh	302
Tương tư sinh bệnh	303
Suy nghĩ quá sinh bệnh	303
Lấy tức giận trị uất không thông	304
Lấy vui thích trị chán nản	305
Dùng hiện thực trị ảo tưởng	305
Dùng yên tĩnh trị lo lắng	307
Kích thích làm cho đậu mọc	309
Dùng bình tĩnh trị hoảng sợ	309



Cùng một tác giả :

Cẩm nang từ vựng châm cứu	1986
Y lý y học cổ truyền	1987
Bệnh học thực hành về mắt	1987
Bệnh học thực hành về tai mũi họng	1988
Châm cứu kinh huyết đồ	1988
Day ấn bấm huyết trị bệnh	1988
Tuyển tập y án	1994
Tuyển tập phương thang đông y	1995
Mạch học tổng hợp	1995
Cảm xạ học và y học	1995
Bấm huyết thập chỉ đạo	1996
Bệnh thường gặp thuốc dễ tìm I	1999
Bệnh thường gặp thuốc dễ tìm II	2000
Những bài thuốc bổ thận tráng dương	2001
Bệnh học tai mũi họng	2001
Nhãn khoa học	2001
Sổ tay chẩn trị y học cổ truyền	2001
Từ điển châm cứu	2001
Thuốc Nam bấm huyết trị bệnh khó chữa	2002
Trị liệu bàn chân	2004
Kinh nghiệm Đông y Nhật Bản	2004
Bấm huyết thực hành trị liệu	2004
Châm cứu trị liệu	2005
Châm cứu hiện đại	2005
Đông dược học	2006

Địa chỉ liên hệ : Hoàng Duy Tân

**6/65 Khu 9, phường Hồ Nai I, tp Biên Hòa - Đồng Nai ☎:(61)
881975 – ĐD: 0988973153 Email: hoangduytan665@yahoo.com.vn**

MẠCH HỌC TỔNG HỢP
Biên soạn: Hoàng Duy Tân

Chịu trách nhiệm xuất bản:
ĐẶNG TẤN HƯỚNG
Biên tập: VŨ ĐỨC TÚ
Sửa bản in: ANH VŨ
Bìa: LAM VŨ
Thực hiện liên doanh:
Doanh nghiệp Tư nhân sách Thành Nghĩa

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty Cổ phần in Bến Tre

Số đăng ký KHXB: 326 – 2006/CXB/01 – 42/D₀N.

Cục Xuất bản xác nhận ngày 28 – 4 – 2006.

Quyết định xuất bản số: 287/QĐ – D₀N do NXBTH Đồng Nai cấp ngày 03 – 7 – 2006

In xong và nộp lưu chiểu quý 3 năm 2006.